VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

ĐẶC BIỆT : VĂN NGHIỆP BÌNH NGUYÊN LỘC

SỐ 18 THÁNG 7 NĂM 1987

SỐ ĐẶC BIỆT :
VĂN NGHIỆP BÌNH NGUYÊN LỘC

Văn Học : *Tiểu sử Bình Nguyên Lộc, trang 2.* * **Hồ Trường An :** *Tổng quan về sự nghiệp Bình Nguyên Lộc, trang 3* * **Mai Thảo :** *Bên kia, Vẫn hoa, Đứng lên, Chân dung, thơ trang 14* * **Sơn Nam xử sĩ :** *Bình Nguyên Lộc tìm nguồn gốc dân tộc Việt Nam bằng phương pháp đối chiếu ngôn ngữ, trang 15* * **Phạm Công Thiện :** *Trở về sa mạc vùng Tây vực ...,thơ trang 23* * **Nguyễn Bá Trạc :** *Rừng thiên nga, thơ trang 24* * **Diệu Tần :** *Bóng dáng người đàn bà Tầu và Bình Nguyên Lộc, trang 26* * **Nghiêm Xuân Hồng :** *Chiều tâm lượng, thơ trang 32* * **Phạm Duy :** *Gặp Bình Nguyên Lộc ở "Quán bên đường", trang 33* * **Võ Phiến :** *Cá tính địa phương, trang-40* * **Hoàng Xuân Sơn :** *Mười mấy năm..., thơ trang 52* * **Cao Huy Khanh :** *Bình Nguyên Lộc, nhà văn của đời sống hàng ngày, trang 54* * **Thường Quán :** *Trưa tháng năm, thơ trang 60* * **Nguyễn văn Sâm :** *Xin được lần cuối gọi bằng Anh, trang 63* * **Luân Hoán :** *Lững thững theo đời, thơ trang 71* * **Nguyễn Ban Sơ :** *Vịnh người đồng hương, thơ trang 71* * **Triều Khê:** *Cái méo chuyên môn đáng yêu của Bình Nguyên Lộc, trang 72* * **Tuấn Huy :** *Bình Nguyên Lộc, cuống rún còn dính liền với đất nước, trang 76* * **Nguyễn Xuân Hoàng :** *Phỏng vấn nhà văn Bình Nguyên Lộc, trang 83* * **Trần Hoài Thư :** *Nam Ô, truyện trang 93* * **Huyền Châu :** *Bóng chiều tàn, truyện trang 98* * **Nguyễn thị Hoàng Bắc :** *Hương nồng đá nát, truyện trang 108* * **Lê Tâm :** *Cảnh tượng, truyện trang 118* * **Nguyễn Hưng Quốc :** *Cảm xúc trong thơ (tản mạn về thơ 3), trang 126* * **Văn Học :** *Giới thiệu sách mới nhận được, trang 137* * **Họa sĩ Nguyễn thị Hợp :** *Bìa : Chân dung Bình Nguyên Lộc*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn Văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Chú ý : Thư từ tiền bạc xin gửi về
Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove California, 92 643 USA
Phone : (714) 832. 8445

SỐ ĐẶC BIỆT :

VĂN NGHIỆP BÌNH NGUYÊN LỘC

Với các bài vở đóng góp của :

HỒ TRƯỜNG AN
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC
HUYỀN CHÂU
PHẠM DUY
NGHIÊM XUÂN HỒNG
LUÂN HOÁN
TUẤN HUY
NGUYỄN XUÂN HOÀNG
CAO HUY KHANH
TRIỀU KHÊ
VÕ PHIẾN
NGUYỄN HƯNG QUỐC
THƯỜNG QUÁN
SƠN NAM XỬ SĨ
HOÀNG XUÂN SƠN
NGUYỄN VĂN SÂM
NGUYỄN BAN SƠ
LÊ TÂM
DIỆU TẦN
MAI THẢO
NGUYỄN BÁ TRẠC
PHẠM CÔNG THIỆN
TRẦN HOÀI THƯ

TIỂU SỬ BÌNH NGUYÊN LỘC

Nhà văn Bình Nguyên Lộc tên thật là Tô văn Tuấn sinh ngày 7.3.1914 tại làng Tân Uyên, tỉnh Biên Hoà. Trước chiến tranh, ông làm công chức tại Tổng nha Ngân khố. Kể từ năm 1948, ông thôi làm công chức và chỉ chuyên viết văn viết báo mà thôi. Ông đã viết trên 100 tác phẩm, khoảng 40 cuốn đã được xuất bản, gồm hai loại tiểu thuyết, và khảo cứu dân tộc học, ngôn ngữ học. Những tác phẩm quan trọng của Bình Nguyên Lộc : Đò dọc (1959), Gieo gió gặt bão (1959), Ký thác (1960), Nhện chờ mối ai (1962), Xô ngã bức tường rêu (1963), Ái ân thâu ngắn cho dài tiếc thương (1963), Bóng ai qua ngoài song cửa (1963), Hoa hậu Bồ đào (1963), Mối tình cuối cùng (1963), Nửa đêm trắng sụp (1963), Tâm trạng hồng (1963), Đừng hỏi tại sao (1965), Mưa thu nhớ tầm (1965), Tình đất (1966), Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc (1966), Một nàng hai chàng (1967), Quán tai heo (1967), Thầm lặng (1967), Trăm nhớ ngàn thương (1967), Uống lộn thuốc tiên (1967), Đèn Cần giờ (1968), Diễm Phương (1968), Sau đêm bố ráp (1968), Cuống rún chưa lìa (1969), Khi Từ Thức về trần (1969), Nhìn xuân người khác (1969), Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt Nam (1973), Lột trần Việt ngữ (1973)...Tại hải ngoại, năm 1986 nhà xuất bản Văn Nghệ vừa cho tái bản tập truyện ngắn *Ký Thác* của nhà văn Bình Nguyên Lộc gồm một số những truyện ngắn xuất sắc trong hơn 500 truyện ngắn ông đã viết. Năm 1987, một tập truyện ngắn xuất sắc khác cũng sẽ được nhà Văn Nghệ tái bản, tập *Cuống rún chưa lìa.*

Theo nhiều độc giả cho biết thì ngoài những tác phẩm kể trên, Bình nguyên Lộc có cho in một tập truyện ngắn giá trị khác trước hiệp định Genève, nhan đề *Nhốt Gió.*

Bình Nguyên Lộc qua đời ngày 7.3.1987 tại Rancho Cordova tiểu bang California Hoa Kỳ, và được an táng tại nghĩa trang Sunset Lawn, Sacramento California ngày 14.3.1987.

Hồ Trường An

Tổng quan về sự nghiệp văn chương của Bình Nguyên Lộc.

Nhà văn Bình Nguyên Lộc chết vào ngày 7-3-1987, mãi một tuần sau Nguyễn Hữu Nghĩa ở Gia Nã Đại và chị Vi Khuê cùng anh Chử Bá Anh ở Hoa Thịnh Đốn mới cho tôi hay. Tôi thành thật tiếc thương anh cũng như tôi giận cho cái số phận đen đủi của mình. Tôi muốn hỏi anh về tin tức của các nhà thơ, các nhà văn gốc người Nam đã từng viết văn làm báo với anh, hiện còn kẹt ở quê nhà như các anh Dương Trử La (nhà văn), Trương Đạm Thủy (nhà văn), Hà Liên Tử (nhà thơ), Anh Tuyến (nhà thơ), Anh Việt Thanh (nhà thơ). Những nhà thơ, nhà văn đó thuở thập niên 50, tôi đã từng mến mộ; dù văn tài, thi tài của họ chưa đủ sức đằng vân khỏi sự thờ ơ của độc giả để bay vào văn đàn, thi đàn. Trên Văn Học số 15 (tháng 4/1987), ở truyện ngắn *"Chiêu Hồn Nước"*, Bình Nguyên Lộc có trích vài đoạn thơ của Hà Liên Tử, có lẽ thơ của Hà tiên sinh không hợp thời, hợp sở thích với khách yêu thơ nữa, nhưng đó là tiếng vọng thời mới lớn của tôi, vào năm 1952, 1953 thì phải. Chưa kịp hỏi thì anh Lộc từ trần.

Tôi đọc văn Bình Nguyên Lộc từ năm 1948, khi tôi vào ngưỡng cửa trường trung học ở Vĩnh Long (trường Collège de Vinh Long, dạy chương trình Pháp). Rồi vào năm 1956, tôi đọc một vài truyện ngắn của anh trên tạp san Văn Hoá Ngày Nay do Nhất Linh chủ trương như *"Bàn tay sáu ngón"*, *"Hồn ma cũ"*... Giữa lúc mà tôi mê xem truyện của bà Tùng Long, bà Tú Hoa, Dương Hà, Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Trọng Nguyên, Nguyễn Ngọc Mẫn thì truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc làm tôi có một vài ý niệm mới:: thế nào là một tác phẩm nghệ thuật? Người Nam thuở đó viết được truyện dài, truyện ngắn, nhưng chưa hề biết viết văn. Trước Bình Nguyên Lộc, chỉ có Phi Vân là có thể viết truyện ngắn có tính chất nghệ thuật mà thôi: đó là tập truyện *"Đồng Quê"*. Sau

truyện "Đồng Quê", Phi Vân viết thêm vài truyện dài như *"Cô gái quê", "Tình quê",* lại... hỏng. Đó chỉ là những cuốn tiểu thuyết dùng để giải trí mà thôi.

Cũng thế, Bình Nguyên Lộc rất thành công về truyện ngắn hơn là truyện dài. Chính ở truyện ngắn, anh có thể biểu dương văn tài của anh. Chỉ có truyện ngắn mới tạo cho anh một chỗ đứng vững chắc và sáng sủa trên văn đàn. Chính nhờ âm vang và ảnh hưởng tốt đẹp ở tập truyện *"Nhốt Gió"*, ở vài truyện ngắn đăng trên Văn Hóa Ngày Nay, độc giả mới ưu ái anh, sẵn sàng đón tiếp nồng nhiệt cuốn truyện dài *"Đò Dọc"* ra đời vào năm 1959 và cuốn truyện dài *"Gieo Gió Gặt Bão"* ra đời vào năm 1960.

Tôi đã từng theo dõi hành trình các tác giả gốc người miền Nam trước Bình Nguyên Lộc sát nút. Họ viết truyện ngắn phom phom, trơn láng; nhưng họ chỉ kể truyện chứ không hề viết văn. *Kể truyện là thuật lại sự việc, chứ không dựng được một cảnh sống.* Người kể truyện chỉ nói trực tiếp sự việc, thí dụ: Buổi sáng, cô Lan đi chợ. Người viết văn thì không thể lười biếng như vậy. Ông ta dựng ngay cái khung cảnh buổi sáng từ nhà cô Lan tới chợ. Ông ta còn tả chân dung cô Lan, dáng điệu, cử chỉ cô Lan và ông ta lại còn tả cảm nghĩ cô Lan về buổi sáng, về khung cảnh chợ nữa. Nhà văn là kẻ rị mọ cũng như người thợ kim hoàn trong việc chạm trổ. Ông ta dựng cảnh sống chưa đủ, còn phân tách tâm trạng nhân vật song song với công trình phân tích sự việc. Chính ở *"Đò Dọc"*, độc giả miền Nam đã thấy Bình Nguyên Lộc đã có viết văn. Anh viết văn lưu loát, ngon ơ cũng như bà Tùng Long, Trọng Nguyên, Nguyễn Ngọc Mẫn kể truyện tuồn tuột, trơn như mỡ, láng như dầu. Đã 27 năm qua, trong ký ức tôi còn như in rõ nét cảnh anh chàng Long và cô Hồng trong *"Đò Dọc"* hẹn hò nhau, ngắm sao băng trên nền trời đêm để cùng thề ước nhau. Và tác giả còn tả tỉ mỉ hơn lúc cô gái tên Quá cầm mấy viên thuốc ngủ để quyên sinh. Anh phân tích tâm trạng cô ta chi li, sắc bén... Lúc đó, tôi là một học sinh tỉnh lẻ. *"Đò Dọc"* là cảnh sống cô đơn của bốn chị em Hương, Hồng, Hoa, Quá tại một vùng nửa chợ nửa quê nằm trên quốc lộ từ Saigon xuôi về Biên Hoà. Vậy mà nhờ tai nạn xe cộ ủa một chàng tên Long, trừ cô Hương yên phận gái già ra, ba cô em kia bắt đầu yêu đương liều lĩnh, tuy sự liều lĩnh vẫn nằm trong khuôn nếp gia giáo. Cảnh ghen tương, ẩu đả, thất vọng xảy ra sau lưng ông cha bà mẹ cho tới khi cô Út tên Quá quyên sinh và được cứu sống. Sau hết, ở cuối truyện, tác giả gả trôi ba cô em cho ba thanh niên thuộc giai cấp trung lưu trong đó có chàng Long, nạn nhân xe cộ và đã gây sóng gió trong lòng ba cô em... Tác giả chỉ chừa lại cô chị lớn để cô ở lại săn sóc cha mẹ.

Tiếp theo truyện *"Đò Dọc"* là truyện *"Gieo Gió Gặt Bão"* cũng chỉ là cuốn tiểu thuyết tâm lý ái tình, cảnh chung sống của bộ

ba, một ông hai bà.... Cuốn đó vẫn chưa thắp sáng văn tài Bình Nguyên Lộc được... Phải đợi tới tập truyện *"Ký Thác"* với hai truyện ngắn *"Rừng Mắm"*, *"Ba Con Cáo"* đã làm rúng động văn giới. Hai truyện ngắn nầy rất sâu sắc về tình người, riêng truyện ngắn *"Rừng Mắm"* còn thấm nhuần tình đất nữa.

"Bóng Ai Ngoài Song Cửa" là cuốn tiểu thuyết phỏng theo hai vở kịch *"Fanny"* và *"Marius"* của Marcel Pagnol. *"Xô Ngã Bức Tường Rêu"* là cuốn tiểu thuyết đả phá giai cấp, đề cao tình yêu. *"Uống Lộn Thuốc Tiên"* là cuốn tiểu thuyết mô tả cuộc tình vợ trẻ, chồng luống tuổi, qua bao chứng nghiệm đau thương cả hai yêu nhau chân thành. *"Hoa Hậu Bờ Đào"* mô tả cuộc đời cô gái đẹp, lăn xả vào cuộc đời quá sớm.

Thành công về truyện ngắn (ở phương diện nghệ thuật), Bình Nguyên Lộc lại cho trình làng tập truyện *"Tâm Trạng Hồng"*. Ở đây, nồng độ nghệ thuật hơi loãng; vì đây chỉ là những truyện hài hước kèm với một vài vở hài kịch thơ. Tập truyện chứng tỏ khiếu trào lộng bén nhạy và sâu sắc của tác giả hơn là tạo một dư âm, một suy nghĩ cho độc giả sau khi xếp quyển sách lại.

Những truyện dài của Bình Nguyên Lộc thường được viết trên các nhật báo theo thể thức đăng từng kỳ (feuilleton) trước khi đem in thành sách. Viết feuilleton là phải chú trọng vào tâm lý quần chúng, vào thị hiếu của họ. Giới bình dân miền Nam vốn rất thích đọc tiểu thuyết đăng trên nhật báo. Vì vậy, Bình Nguyên Lộc có hai loại độc giả: nhóm thức giả thì thích truyện ngắn của anh, giới độc giả có kiến thức trung bình và giới bình dân ủng hộ truyện dài của anh hết mình.

Tôi cần nhấn mạnh kẻo quí vị độc giả hiểu lầm. Không phải truyện dài của Bình Nguyên Lộc thuộc loại giải trí, loại mua vui cũng được một vài trống canh đâu. Anh viết truyện dài với tất cả ý thức của một nhà văn song song với việc chiều theo thị hiếu của quần chúng. Đó là điều khó khăn nhất cho người cầm bút. Vì sao? Thị hiếu quần chúng hầu như không đi đôi với nghệ thuật. Viết mà chú trọng về nhân sinh quan, về tâm lý nhân vật quá nhiều sẽ làm quần chúng (nhất là hạng đọc tiểu thuyết để mua vui) mệt mỏi. Còn viết ướt át, phi thực tế để làm thỏa mãn những ước mơ của giới thưởng ngoạn văn nghệ theo kiểu thưởng ngoạn của giới bình dân thì tức nhiên tác giả hạ thấp cái "phẩm" của tác phẩm mình. Vậy mà Bình Nguyên Lộc vẫn nắm vững lối viết đầy nghệ thuật tính, vẫn chiều theo khiếu thưởng ngoạn của độc giả, để tên tuổi mình vẫn vừa sáng vằng vặc ở trên văn đàn, và vừa đi sâu vào quần chúng.

Trong bán thập niên cuối của thập niên 50, và trong suốt thập niên 60, Bình Nguyên Lộc là một nhà văn *populaire* nhất, tức là được mọi giới quần chúng ưa chuộng nhất. Đừng ai đỏng đảnh

cho rằng những nhà văn populaire là nhà văn nếu không thuộc loại viết tiểu thuyết ba xu, thì cũng là thứ nhà văn xoàng xĩnh. Điều nầy hoàn toàn không đúng với Georges Simenon bên nước Pháp, và càng không đúng với Bình Nguyên Lộc. Georges Simenon viết 300 quyển đa số là loại trinh thám (những cuộc điều tra của ông Cò Maigret), nhưng ở bên số lượng phồn thịnh về loại trinh thám hạng siêu cấp đó, ông vẫn viết những tác phẩm văn chương, thí dụ như cuốn tiểu thuyết tâm lý *"Chỉ còn những cây hạnh đào"* (Il n'y avait que les noisetiers) Bình Nguyên Lộc viết truyện ngắn cho những người sành điệu văn chương, nhưng anh đâu chỉ viết truyện dài cho giới độc giả bình dân? Truyện dài của anh đã dựng được những cảnh sống (hoạt cảnh, phong cảnh, cảnh ngộ) lại còn vẽ được những nhân vật sống thực, và hơn nữa tác phẩm anh còn chứa đựng những nhân sinh quan rất sắc sảo. Ngòi bút anh vì chiều theo độc giả bình dân, nên không viết về cảnh thôn quê, về tình yêu đất. Bởi thế, khi viết truyện dài, anh thường nghiêng về giai cấp trung lưu, hoặc giới thượng lưu ở đô thị. Giới độc giả bình dân lam lũ vốn nhàm chán cảnh nghèo của họ. Đọc cuốn sách có bối cảnh dân lao động, hoặc bối cảnh bùn lầy nước đọng là độc giả giới bình dân đâm ra nản. Cũng như khi đi xem hát là họ chọn tuồng có cảnh trí lâu đài tráng lệ, cung điện huy hoàng y quan rực rỡ, với các nhân vật quí tộc như vua chúa, tể quan, mệnh phụ, thái tử, công nương... Độc giả bình dân đâu thích cảnh đời hiện tại của họ hiện trên trang sách phơi mở hay được dựng trên sàn gỗ khi bức màn nhung chẻ đôi vén ra? Bình Nguyên Lộc khi viết truyện dài biết nâng niu nguyện vọng của họ, biết o bế những ước vọng và giấc mơ của họ nên ông trở thành một tác giả ăn khách. Và đáng quý hơn, khi viết truyện dài, ông vẫn thắp sáng tinh thần yêu chuộng nghệ thuật nên truyện dài của ông nếu không xuất sắc thì cũng ở vào bậc trung, dựa trên căn bản nghệ thuật, chứ không bao giờ rớt xuống loại tiểu thuyết ba xu hạ cấp. Cũng đồng thời viết feuilleton với Ngọc Sơn, Thanh Thủy, bà Tùng Long, bà Thanh Trúc, bà Lan Phương, Dương Hà, Trọng Nguyên, Nguyễn Ngọc Mẫn, Ngọc Linh, Sĩ Trung nhưng anh là kẻ độc nhất đi vào văn học sử một cách vẻ vang.

Bên những truyện dài *"Ái Ân Thâu Ngắn Cho Dài Tiếc Thương"*, *"Nhện Chờ Mối Ai"* và *"Trâm Nhớ Ngàn Thương"*, Bình Nguyên Lộc viết một truyện dài thuộc về phân tâm học nhan đề là *"Khi Từ Thức Về Trần"* mà tả hai cảnh đời của một kẻ bị *ly hồn chứng* (l'amnésie). Nhân vật chánh bị mất trí nhớ sau tai nạn xe hơi nên quên mình là một nhà trưởng giả. Ông vui vẻ sống đời kẻ bình dân (một tài xế xe taxi). Nhưng rồi ông lại gặp một tai nạn nữa trên xe taxi (ông bị tên cướp đập vật cứng vào đầu), trí nhớ về đoạn đời dĩ vãng của ông được phục hồi, và ông tìm về cảnh gia

đình thời trước (lúc chưa xảy ra tai nạn xe hơi lần thứ nhứt). Nhưng nhân vật chánh bỡ ngỡ trước cảnh đời cũ: vợ cũ tái hôn, con cái đã trưởng thành nhưng đã xa lạ ông. Ông vui vẻ trở lại sống cuộc đời đạm bạc, có cô vợ bình dân yêu thương ông, có những đứa con ngoan ngoãn trong khung cảnh gia đình được xây dựng bằng tình yêu chân thành... Truyện dài nầy có vẻ đặc sắc hơn mọi truyện dài khác.

Bình Nguyên Lộc trong những năm 1965, 1966, 1967 cộng tác với những tập san văn nghệ đứng đắn như Nghệ Thuật, Văn, Vấb Đề bằng truyện ngắn anh viết cho anh để hoài niệm quê hương, để sống trong tình yêu đất. Và trên tập san Hương Quê, truyện ngắn của anh đưa độc giả trở về từng vùng quê, từng cảnh ngộ dân quê một cách thích thú... Những truyện ngắn đó được anh lần lượt đưa vào ba tập truyện *"Mưa Thu Nhớ Tầm"*, *"Tình Đất"* và *"Cuống Rún Chưa Lìa"*.

Truyện dài của Bình Nguyên Lộc gặt thêm một thành công khác. Vào năm 1972, đạo diễn Lê Dân chọn truyện *"Một Nàng Hai Chàng"* của anh để quay thành phim *"Hồng Yến"* với các tài tử Kiều Chinh, Tâm Phan, Trần Quang. Nhưng điều đó chưa gây tiếng vang inh ỏi bằng cuốn phóng sự của anh nhan đề *"Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc"*. Anh đã đổi thực đơn cho độc giả vào năm 1966, nhưng vẫn tiếp tục viết feuilleton. Mãi đến năm (1973), Bình Nguyên Lộc bắt đầu tung ra hai cuốn nghiên cứu là *"Nguồn Gốc Mã Lai của Dân Tộc Việt Nam"* và *"Lột Trần Việt Ngữ"*. Đó là kết quả công trình do nhiều năm anh cặm cụi sưu tầm tài liệu và nghiên cứu một cách say mê.

*
* *

Ai cũng vậy, hễ cầm bút viết về một nhà tiền bối nào, hoặc về một cây bút trưởng thượng nào, là đương sự thích tế sống hơn là tế chết người được viết. Thiệt tình, trong vài bài đăng ở Văn, ở Làng Văn, tôi đã tế sống anh Bình Nguyên Lộc. Tôi có dè đâu chưa đầy một năm, tôi lại phải viết một bài tưởng niệm anh coi như một nén nhang đốt tiễn đưa anh về bên kia thế giới.

Dù tôi có đổi thay nhiều lượt, nhiều phen về quan niệm văn chương, nhưng sự nghiệp văn chương của Bình Nguyên Lộc, công trình sưu khảo của anh đã đóng góp cho văn hóa dân tộc biết bao món trân bảo ngoạn mục và hữu ích. Và khi đọc lại tập truyện *"Ký Thác"* của anh, tôi như sống lại thời thanh xuân rực rỡ nhất của tôi, cái thuở mà song song niềm say mê của *"Ký Thác"*, tôi theo dõi những truyện dài mà anh đăng trên các nhật báo để rồi thực hiện thành hai cuốn tiểu thuyết *"Đò Dọc"* (mà Bình Nguyên Lộc đoạt giải Văn chương Nghệ thuật toàn quốc năm 1969) và *"Gieo Gió Gặt Bão"*... Đây là lần đầu tiên độc giả miền Nam có thể đọc được

tác phẩm văn chương dưới hình thức tiểu thuyết của một tác giả gốc người miền Nam. Vậy thì tiểu thuyết là gì, nếu không là phản ảnh đời sống của một nhóm nhân vật có những sợi dây liên hệ tình cảm trói buộc nhau? Đời sống đó được tác giả nhìn ngắm tư duy và phơi bày cho độc giả thưởng thức qua cái nhân sinh quan của tác giả, qua cả niềm rung cảm của ông ta. Từ những tác giả như Ngọc Sơn, Thanh Thủy, bà Tùng Long, bà Lan Phương, bà Thanh Trúc, Dương Hà, Trọng Nguyên cho tới những tác giả miền Nam viết feuilleton như Ngọc Linh, Sĩ Trung, An Khê, Nghiêm Lệ Quân, tất cả đều viết truyện tình éo le, gây cấn, với những nhân vật được xây dựng bằng một thứ tâm lý và có tánh hời hợt, chung chung. Độc giả không tìm được ở tác phẩm họ một cảnh sống linh động, một quan niệm sống, một nhân vật độc đáo nào. *"Đò Dọc"* và *"Gieo Gió Gặt Bão"* dù sao cũng vượt thoát những cái ước lệ, xoàng xĩnh nằm ù lì trong tiểu thuyết các nhà văn miền Nam, do đó mà chúng trở thành những tác phẩm văn chương, dựa trên một nền tảng nghệ thuật vững chắc.

Tiểu thuyết của Bình Nguyên Lộc không kén độc giả bao giờ. Văn phong ông dí dỏm, trong sáng, và đặc biệt rất Nam kỳ, nghĩa là xuề xoà, bộc trực, lẫn tượng thanh tượng hình.

Cái xuề xoà bộc trực đó, chúng ta có thể thấy trong truyện ngắn *Ba con cáo* , ở cảnh nhà cửa cất lấn vào đất nghĩa trang ;

Người sống còn biết đau lòng khi phải dẫm lên những gò mả còn mới rành rành (nhiều mộ bia thánh giá đề năm chôn 1951) nhưng ác thay, họ cũng biết lạnh. Cho nên họ cất nhà trên những nấm đất ấy, nhưng người chết thứ lỗi, miễn là có chỗ núp mưa, thế thôi.

Không bao giờ kẻ sống và người chết lại sát cánh nhau đến thế. Ông đã chết rồi, ông choán đất làm chi cho nhiều, trong khi tôi không có một vuông nhỏ mà cắm cây cột gỗ; vậy ông thứ lỗi nhé. Rồi ngày sau tôi hoàn lại đất như ông vậy mà; trần gian này chỉ là cõi tạm thôi, tranh nhau làm gì!

Ở truyện ngắn *"Rung Cây Dừa"*, những hình ảnh đặc sắc được tác giả vẽ từng nét rõ vào ấn tượng độc giả:

Giữa những cù lao trong quần đảo Củ Tron là những vuông biển nhỏ im lặng như mặt hồ. Bơi xuồng trên bao nhiêu là hồ ấy, đi từ đảo nầy qua đảo kia là một thú vui vô song nhắc nhở người xưa chu du năm hồ bốn biển, cảnh Từ Thức chèo thuyền chợt gặp Đào nguyên.

Nhứt là những hòn đảo này là những hòn non bộ thiên nhiên mà trong đất liền, nghe nói, ai cũng thèm nhểu nước miếng.

Đảo đá vôi lỗi lõm những gộp đá hình thù kỳ dị, những hang non hiểm hóc và những động là là mặt nước trong như cửa động Đào; gộp đá vôi thì mỗi gộp mỗi màu, trên ấy mọc lên những lùm

cây mà hình dáng lại cần cỗi như cổ thụ, và tất cả soi bóng in hình một cách trung thành, đầu lộn ngược, trên mặt biển đang nhạt màu trời và phẳng như gương.

Văn phong, bút pháp tượng thanh của Bình Nguyên Lộc có thể được thể hiện ở trang đầu trong truyện ngắn *"Lầu 3 Phòng 7"*.

Ục... ục... .ục... uột...

Quỳnh vội bịt lỗ tai lại. Chàng rất sợ tiếng nước ở bồn rửa mặt của phòng bên cạnh. Nó kêu như ai ăn phải của khó tiêu, bị sôi ruột kêu ồn ột. Đáng ghê nhứt là cái tiếng "uột" sau cùng, kéo dài bất tận.

Ở đây có những tiếng động khiếm nhã khác nữa. Đó là tiếng đế giày nện lên gạch, tiếng nước cầu xí, tiếng đờn vĩ cầm của ai mới học, kéo ọ ẹ suốt ngày.

Đây là nét đặc sắc của bút pháp Bình Nguyên Lộc mà tôi trích ra từ tập truyện *Ký Thác"*... Trong sự nghiệp văn chương phong phú của anh với gần ngót 50 truyệndài, thì văn phong của anh cũng chỉ tung hoành ngoạn mục trong ba đặc tính đó mà thôi. Đa số người cầm bút gốc miền Nam như Hồ Biểu Chánh, Phi Vân, Vân Trang, thì chỉ đạt được cái xuề xòa, bộc trực, duyên dáng, nhưng họ không đạt được cái tượng thanh và tượng hình rất quyến rũ của văn anh. Đi sau anh thì đã có Sơn Nam, cũng tạo được tượng thanh tượng hình trong văn chương. Nhưng cả hai không trùng lẫn vào nhau. Bối cảnh, khí hậu trong đa số tác phẩm của Bình Nguyên Lộc, khác hẳn bối cảnh, khí hậu trong đa số tác phẩm của Sơn Nam. Trừ truyện ngắn *"Rừng Mắm"* và truyện ngắn *"Rung Cây Dừa"* lấy bối cảnh ở miền tận cùng đất nước thì hầu hết các truyện dài lẫn truyện ngắn khác của Bình Nguyên Lộc đều lấy bối cảnh ở miệt Biên Hoà, Bình Dương, Lái Thiêu, Tân Uyên, Đất Bái, tức là miền Đông Bắc của thủ đô Saigon. Còn Sơn Nam thì lấy bối cảnh ở miệt U Minh, Chắc Băng, Cà Mau (cuốn *"Hương Rừng Cà Mau"* và phần đầu cuốn *"Hình Bóng Cũ"*, cuốn *"Vọc Nước Giỡn Trăng"*, cuốn *"Hai Cõi U Minh"*), lấy bối cảnh ở chốn hải giác thiên thai từ mũi Cà Mau trông ra biển (cuốn *"Vạch Một Chân Trời"*, cuốn *"Bà Chúa Hòn"*).

Nhưng còn khí hậu trong văn chương thì sao? Sơn Nam ngoài việc viết về nếp sống miền Hậu Giang vào thuở tiền chiến như *"Hương Rừng Cà Mau"*, *"Hai Cõi U Minh"*, *"Vọc Nước Giỡn Trăng"* còn viết về tâm trạng con người ngơ ngác lạc loài trước những thăm trầm đổi thay của lịch sử như cuốn *"Chim Quyên Xuống Đất"*, hoặc *"Hình Bóng Cũ"*. Nếu độc giả cho rằng cuốn *"Hương Rừng Cà Mau"* là cuốn sách xương sống, cuốn sách cột trụ trong sự nghiệp văn chương của Sơn Nam, thì theo tôi, hai cuốn *"Chim Quyên Xuống Đất"*, *"Hình Bóng Cũ"* mới đưa tên tuổi Sơn Nam lên hàng ngũ thượng thặng trong văn giới ở chỗ đặt

một vấn đề lớn hơn, nhuần thấm một nhân sinh quan đặc sắc hơn, với khí hậu thật se thắt, ngậm ngùi hơn. Trong khi đó, những tập truyện của Bình Nguyên Lộc thì đề cập tới vấn đề tình yêu đất, về cuộc đất quê hương, trong khi đó đa số truyện dài của anh thường là những cuốn sách tâm lý ái tình. Nếu anh không dựng một cảnh sống cùng bối cảnh trong truyện, nếu anh không viết tỉ mỉ về tâm lý, tâm trạng của các nhân vật, nếu anh không đưa đôi chút nhân sinh quan của anh vào truyện, thì những truyện dài của anh rơi vào loại tiểu thuyết nhằm mục đích giải trí như tiểu thuyết của bà Tùng Long, của Ngọc Linh, của Sĩ Trung... Ngoài ra, nhân vật của Sơn Nam bị guồng máy của lịch sử, của thời cuộc đẩy đưa vào những cảnh ngộ thương tâm. Họ trôi giạt, họ lăn lóc, vật vã hơn những nhân vật sống bằng tâm trạng riêng tư của Bình Nguyên Lộc. Trừ hai truyện ngắn *"Rừng Mắm"* và *"Ba Con Cáo"* ra, Bình Nguyên Lộc không đưa độc giả vào những thoáng ngậm ngùi, một dư âm tê điếng, dã dượi khi họ xếp sách lại. Tóm lại, Bình Nguyên Lộc viết văn, dựng truyện và dựng nhân vật hiền lành và đơn giản hơn Sơn Nam, đời sống trong truyện của anh không thăng trầm, lạc lõng như đời sống trong truyện của Sơn Nam. Bởi lẽ đó, quần chúng không hâm mộ Sơn Nam bằng hâm mộ Bình Nguyên Lộc. Nhớ thuở vào những năm 1956, 1957, 1958, độc giả miền Hậu Giang lục tỉnh ái mộ văn chương của Bình Nguyên Lộc qua những cuốn tiểu thuyết đăng trên nhật báo theo thể thức feuilleton cho đến nỗi họ ra tận bến xe đò để đón mua liền những tờ nhật báo đã đăng tiểu thuyết của anh và mua xong là họ đọc sốt dẻo, trước khi đem báo về nhà để đọc tiếp những tiết mục khác. Sơn Nam thì chỉ khua động trong văn giới trong khi đó, Bình Nguyên Lộc vừa sáng vắng vặt trên văn đàn, vừa đi sâu vào khối quần chúng đông đảo chính là nhờ loại truyện dài lẫn tập truyện của anh.

*
* *

Trong cuốn *"Văn Học Miền Nam Tổng Quan"*, Võ Phiến có viết: *"Cá tính văn học miền Nam là điều không thể phủ nhận, và nó rất hấp dẫn. Sự phát huy bản sắc miền Nam là một đóng góp thật quan trọng vào nền văn học Việt Nam. Đâu có phải chuyện gì xấu xa đâu mà vội khỏa lấp.*

Về sắc thái đặc biệt, điều nhận thấy trước nhất là những từ ngữ địa phương, những cách nói riêng của địa phương. Từ ngữ riêng của miền Nam thật nhiều, càng ngày càng lộ ra nhiều. Trước năm 1954, dĩ nhiên nó vẫn phong phú, nhưng nó không hay xuất hiện trên sách báo, thậm chí trong tự điển là nơi lẽ ra phải tập trung đầy đủ tiếng nói của dân tộc, cũng không có được bao nhiêu tiếng địa phương miền Nam. Lúc bấy giờ địa vị của tiếng nói miền Nam hãy còn khiêm tốn, ngay những học giả người miền Nam vẫn còn

ngần ngại chưa muốn đưa những cà tăn, cà ràn, chiếc nóp, lục cụ, ghe ngo, tắc ráng, với những chuyện len trâu, xà nẹo, ăn ong v.v... vào sách. Sau này mỗi lúc các ông Bình Nguyên Lộc, Lê Xuyên mới trình ra, tuôn vô số; chừng ấy mới biết là chúng ta còn có cả một kho vô tận chữ nghĩa mấy trăm năm chưa xài đến! Chuyện đó thì "mắc mớ" gì tới tui? Tui thì "kể số gì? Tui có ăn nhậu gì "trỏng" đâu nà? Ôi nghe lạ mà vui biết bao nhiêu!

Hồi tiền chiến, trong các nhà văn nhà thơ gốc miền Nam đã chối bỏ ngôn ngữ miền Nam như Đông Hồ, Mộng Tuyết thì đã có Nguyễn Chánh Sắt, Hồ Biểu Chánh. Hồ tiên sinh là một tiếng nói lạc lõng, lẻ loi ở ngoài lề văn học sử, tác phẩm của ông chỉ được giới bình dân ở miền Nam đọc mà thôi. Phải đợi đến sự xuất hiện của Bình Nguyên Lộc trên văn đàn thì giọng văn miền Nam, ngôn ngữ miền Nam mới được chiếu cố khá nồng nhiệt. Nồng độ nhiệt thành càng tăng thêm qua các tác phẩm của Sơn Nam, và nhà văn nữ Vân Trang (tác giả tập truyện *"Những Bức Thư Tình"*). Bà Vân Trang vào năm 1957 tới năm 1965 là một cộng tác viên trong ban biên tập tập san Bách Khoa, Mai. Đến khi có sự xuất hiện của Lê Xuyên trên các nhật báo, qua loạt tiểu thuyết đăng từng ngày như *"Vợ Thầy Hương"*, *"Chú Tư Cầu"*, *"Kinh Cầu Muống"*, *"Mặt Trời Đêm"*, *"Xinh"*, *"Nguyệt Đồng Xoài"* v.v... thì ngôn ngữ miền Nam được khai thác một cách lộng lẫy và sung mãn. Trong nhóm nhà văn trẻ ở bán thập niên cuối của thập niên 60, chỉ có Nguyễn thị Thụy Vũ gốc người miền Nam viết văn miền Nam khá tới, trong khi đó Dương Trử La, Trương Đạm Thủy thì viết văn theo kiểu Bắc pha trộn Nam, rau muống trộn lẫn giá sống, mắm tôm trộn lẫn mắm cá trèn. Rốt cuộc những nhà văn gốc Bắc đồng lứa tuổi với Thụy Vũ như Viên Linh, Nguyễn Thụy Long, Phạm Hồ lâu lâu ngứa nghề viết văn giọng điệu miền Nam, tuy là không đúng tới một trăm phần trăm, nhưng cũng hay ho, duyên dáng ra phết.

Vậy thì, Hồ Biểu Chánh là kẻ mở đường cho lối viết văn miền Nam, nhưng phải đợi tới 20, 30 năm sau, chính Bình Nguyên Lộc mới mang cờ quạt, biểu ngữ làm cuộc hành trình có nhiều tiếng vang tốt đẹp vào ngôn ngữ miền Nam, gieo niềm tin cho người cầm bút gốc người miền Nam để viết văn bằng ngôn ngữ, bằng giọng điệu miền Nam. Vậy thì, hễ nói tới văn chương ngôn ngữ miền Nam, là phải nghĩ ngay tới Bình Nguyên Lộc cũng như nói tới sóng thì phải nghĩ ngay tới nước: Bình Nguyên Lộc ở trong cõi văn chương ngôn ngữ miền Nam cũng như nước ở trong sóng vậy.

Bình Nguyên Lộc suốt 20 năm văn học miền Nam (1954-1975) đã lôi kéo (bằng ảnh hưởng của văn chương anh) một số nhà cầm bút miền Nam viết văn Nam như Sơn Nam, Vân Trang, Lê Xuyên, Nguyễn thị Thụy Vũ, anh còn quyến rũ rất nhiều nhà văn gốc người miền Bắc như Nhật Tiến, Thanh Tâm Tuyền, Viên Linh,

Phạm Hổ, Nguyễn Thụy Long và các nhà văn gốc miền Trung như Võ Phiến, Nguyễn văn Xuân, Nguyễn thị Ngọc Minh viết văn bằng ngôn ngữ miền Nam. Thiệt tình Bình Nguyên Lộc không hô hào, không cổ võ ngôn ngữ lẫn văn chương miền Nam gì ráo. Anh cũng chẳng xúi giục, dụ dỗ ai hết. Nhưng văn chương miền Nam dưới ngòi bút của anh thật tượng hình, tượng thanh duyên dáng kỳ lạ nên nó quyến rũ các nhà cầm bút khác thử lăn xả vào công việc khai thác kho tàng ngôn ngữ miền Nam thử vài lần coi hay dở ra sao? Kết quả: Thanh Tâm Tuyền, Võ Phiến, Viên Linh, Phạm Hổ viết văn theo giọng điệu miền Nam thật vững, thật duyên dáng, dễ thương. Nhưng mà, Nguyễn Hoạt, Vũ Bằng, Nhật Tiến, Nguyễn Thụy Long dù có viết giọng điệu miền Nam *"ba trật bốn vuột"* thì văn họ cũng ý nhị ra phết, cũng tếu đậm tếu đà, cũng toát ra cái không khí phơi phới và hào sảng.

Đa số những kẻ viết về Bình Nguyên Lộc chỉ nói tới sự nghiệp văn chương và sự nghiệp biên khảo của anh rất nhiều, nhưng họ nói tới các ảnh hưởng viết giọng điệu văn miền Nam của anh rất ít. Thiệt là một sự thiếu sót!

Lại nữa, trong cuốn *"Văn Học Miền Nam Tổng Quan"*, Võ Phiến viết:

"... Có thể nói tất cả sáng tác của Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh, Sơn Nam, Vũ Bình, Nguyễn Thị thụy Vũ đều chú trọng vào nếp sống, vào xã hội, phong tục miền Nam. Và đó là cả một lãnh vực tân kỳ phong phú. Chúng ta có miền Nam từ ba trăm năm, nhưng người Việt miền Bắc miền Trung mấy ai biết về đời sống trong Nam trước "Rừng Mắm" của Bình Nguyên Lộc, "Hương Rừng Cà Mau" của Sơn Nam? Những sáng tác như thể mở ra trước con mắt của đồng bào khắp nước một thế giới vừa thân yêu, vừa mới lạ biết chừng nào." (trang 32).

Viết về đất miền Nam, bằng ngôn ngữ văn chương miền Nam, Bình Nguyên Lộc lẫn Sơn Nam viết bằng tất cả tâm tư. Động lực nào thúc đẩy họ? Hãy nghe, Võ Phiến cũng trong cuốn *"Văn Học Miền Nam Tổng Quan"* như sau:

"... Nhất là những tác giả như Bình Nguyên Lộc, như Sơn Nam, vốn tha thiết với quê hương mình rất mực. Một vị "chuyên trị" miền Đông, một vị "chuyên trị" miền Tây, một vị chiếm lĩnh Tiền Giang, một vị Hậu Giang, họ đi sâu vào cuộc sống, vào lịch sử địa phương, phát huy cái hay cái lạ làm cho miền Nam càng ngày càng bày ra những cái quyến rũ không ngờ. Những "Đò Dọc", "Rừng Mắm", "Ba Con Cáo", "Hương Rừng Cà Mau", "Thổ Ngơi Đồng Nai", "Tìm Hiểu Đất Hậu Giang" v.v... của họ đã hay, sở dĩ càng hay là vì sự thưởng thức đầy cảm tình và khích lệ của đồng nghiệp Trung và Bắc... (trang 34).

Cuộc nội chiến Quốc Cộng đã giới hạn tầm mắt của thị dân,

đã đưa một số trưởng giả chốn hương thôn ra định cư ở các thành phố, đã đóng khung cõi văn chương đa số người cầm bút. Những nhà văn trang lứa với tôi như Trần Hoài Thư, Y Uyên, Nguyên Vũ chỉ viết về thôn quê qua những bối cảnh tiền đồn, những vùng xôi đậu, những nơi có xảy ra các cuộc hành quân, các cuộc chạm súng. Cái thôn quê thuần túy bị "chiến tranh hoá", bị "thời cuộc hoá" nên mất mát nhiều bản sắc nguyên sơ. Chỉ có những người thuộc lớp thế hệ với Bình Nguyên Lộc mới viết được cuộc đất miền Nam, thôn quê miền Nam thời tiền chiến mà thôi.

Khi ra hải ngoại, viết về cuộc đất miền Nam, thôn quê miền Nam thời tiền chiến nào có mấy ai? Thiệt ra khi định cư ở Hoa Kỳ, Bình Nguyên Lộc viết về thôn quê thời tiền chiến không được mấy, trong 10 truyện ngắn chỉ có 1 truyện là cùng (truyện *"Má Ơi!"* đăng ở Làng Văn số 32, tháng 3 năm 1987). Nhưng mà văn chương ngôn ngữ miền Nam, thì được đa số người cầm bút gốc người miền Nam đeo đuổi: Huỳnh Hữu Cửu trong tạp bút *"Sông Mỹ Sông Việt"*, Nguyễn Đức Lập trong tập chuyện *"Cuộc Chiến Tàn Chưa?"*, Võ Kỳ Điền trong tập truyện *"Kẻ Đưa Đường"*, Hồ Trường An trong 2 cuốn truyện dài *"Lớp Sóng Phế Hưng"* và *"Nửa Chợ Nửa Quê"*. Sau đó, ở một vài truyện ngắn, các tác giả gốc miền Nam cũng đã áp dụng ngôn ngữ miền Nam một cách sung mãn, đó là một vài truyện ngắn trong tập truyện *"Câu Hò Vân Tiên"* của Nguyễn văn Sâm, trong tập truyện *"Mùa Hè, Một Nơi Khác"* của Phan Thị Trọng Tuyến, trong tập truyện *"Đêm Rời Cũng Đi Qua"* của Nguyễn Thị Ngọc Nhung" và một vài chương trong truyện dài chưa in *"Lớp Lớp Phù Sa"* của Kiệt Tấn. Những người thuộc thế hệ 50 tuổi, 40 tuổi thật sự đánh mất một thôn quê nguyên sơ, thuần túy huống hồ gì lớp người cầm bút vào tuổi ba mươi ngoài? Song, các ngôn ngữ miền Nam, cái văn chương theo giọng điệu miền Nam mà Bình Nguyên Lộc khởi công dựng lại trên cái nền tảng của Hồ Biểu Chánh vẫn còn theo chân một số cầm bút di tản gốc người miền Nam, để sống mãi trong cõi thưởng ngoạn của độc giả đồng bào miền Nam, để sống mãi trong cõi thưởng ngoạn của độc giả đồng bào khao khát đọc những mảnh đời đã xảy ra gần một thế kỷ trên dải đất miền Nam.

HỒ TRƯỜNG AN

Mai Thảo

Bên kia

Tả ngạn đời ta một nhánh hoa
Bên kia hữu ngạn vẫn thơm. Và
Hương bay thần chú qua lìa đứt
Mỗi tới bên này mỗi lệ sa.

Vẫn hoa

Bông hoa kia nở dưới chân tường
Có thấy ta về đêm đẫm sương
Áo quỷ phất dài lên phía trước
Cho gót ma theo thấy lại đường.

Đứng lên

Mắt đã từ lâu mù dáng người
Tai đã tự bao lạc tiếng đời
Đứng lên gửi lại lời xin lỗi
Của kẻ thôi rồi cả cái tôi.

Chân dung

Vành mũ đội ngang tầm trí tưởng
Chiếc khăn quấn vòng quanh tưởng tượng
Cặp kính lời hai mặt âm dương
Chân dung ngời một đoá kim cương.

Mai Thảo

Sơn Nam Xử Sỹ

Bình Nguyên Lộc đi tìm nguồn gốc dân tộc Việt bằng phương pháp đối chiếu ngôn ngữ.

Chữ viết tắt :

- NGML (Nguồn Gốc Mã Lai của Dân Tộc VN—1971)
- LTVN (Lột Trần Việt Ngữ—1972)
- VH (Tạp chí Văn Học 1986 và 87)

Công trình nghiên cứu tiểu sử và ngôn ngữ các dân tộc Á Đông để tìm nguồn gốc dân tộc VN của BNL quả là một đóng góp lớn lao và quý giá cho hai bộ môn khoa học nhân văn — sử học và ngữ học.

Mục đích chính của ông là đi tìm nguồn gốc dân tộc. Trong công cuộc truy tầm này, *ngôn ngữ tỷ hiệu* chỉ là một trong bốn phương pháp nghiên cứu thuộc bốn môn học khác nhau được ông sử dụng. Phương pháp đối chiếu ngôn ngữ đã từ lâu bị các nhà tiền sử học gạt bỏ hoặc coi là thứ yếu, lại chính là phương pháp hiệu nghiệm nhất để tìm nguồn gốc dân tộc — bởi vậy chương "Ngôn ngữ Tỷ hiệu" được ông coi là "chương quan trọng nhất" trong cuốn NGML (tr. 457) và chiếm 200 trang trong cuốn sách dầy gần 900 trang. Và cũng vì tầm quan trọng này nên ông viết thêm cuốn LTVN dầy trên 400 trang dành riêng cho nguồn gốc tiếng Việt — đồng thời để chứng minh nguồn gốc dân tộc VN qua ngôn ngữ chung của các sắc dân đồng chủng từ thời tiền sử: đồng chủng vì đồng ngôn ngữ.

Trong cả hai lãnh vực sử học và ngữ học ông đã làm một việc động trời, gây kinh ngạc cho nhiều người nhất là trong giới văn nghệ sĩ vì không ai có thể ngờ nhà văn BNL lại dám làm một việc mà các sử gia và ngữ học gia VN chưa ai làm nổi, hoặc đã làm

nhưng sai lầm từ căn bản. Với những luận cứ vững chắc và những chứng minh chính xác ông đã mãnh liệt phi bác khuynh hướng của sử gia Nguyễn Phương (giáo sư Viện Đại học Huế) khẳng định "dân tộc VN gốc Tàu", và khuynh hướng của học giả Lê Ngọc Trụ (giáo sư Viện ĐH Saigon) gán ghép "gốc Tàu" vào một số lớn từ ngữ thuần Việt. Ông cũng thẳng thắn phê bình triết gia Kim Định (giáo sư Viện ĐH Saigon) về thuyết "Việt Nho" chủ trương rằng văn hóa Việt là mẹ đẻ của văn hóa Tàu. Và mặc dù xác nhận "nguồn gốc Mã-lai của dân tộc VN", ông gạt bỏ nhận xét của giáo sư ngữ học Nguyễn Đình-Hoà cho rằng "trong Việt ngữ có một số danh từ *vay mượn* của Mã-lai" — thực ra, đó chỉ là sự đồng ngôn ngữ vì đồng chủng từ cổ đại xa xưa chứ ta không hề mượn tiếng của Mã-lai: "hai ngôn ngữ giống nhau vì đồng gốc tổ chứ không hề là vay mượn" (NGML. tr. 456-57).

***

Trong NGML, ông đã giải thích rất dài về danh từ *"Mã-lai"* và lý do ông sử dụng nó để mệnh danh nguồn gốc dân tộc VN:

● *"Mã-lai"* đây là *"Cổ Mã-lai"* tức *"Proto-Malais"*, một thuật ngữ của hai môn nhân chủng học và tiền sử học để nói về các chủng tộc có chung những đặc tính cơ thể giống như người Mã-lai hiện thời. Vì là một danh từ khoa học đã được giới chuyên môn thừa nhận nên ông phải sử dụng để có sự chính xác.

● Trong "Mã-lai" có âm tiết *"Lai"* là biến thể của tiếng *"Lạc"* trong "Lạc Việt" — và âm tiết *"Mã"* là do Tàu viết chữ *"Lạc bộ Mã"* 駱 để chỉ các nhóm dân *"Lạc"* ở miền Nam sông Dương Tử thời thượng cổ. (Các nhóm này đã di cư sang VN, Chiêm thành, Mã-lai, Nam dương, Phi luật tân v.v... 1500 năm sau cuộc di cư của các nhóm *"Lạc bộ Trãi"* từ Hoa Bắc tới Cao ly, Nhật bản, VN, Bắc Chiêm thành, đảo Célèbes — và *"Lạc bộ Chuy"* từ Tây Bắc tới Nam Trung Hoa và Miến điện).

Giải thích trên có vẻ hữu lý nhưng nếu xét kỹ sẽ thấy không hợp lý vì :

● Thuật ngữ *"Proto-Malais"* tức *"Cổ Mã-lai"*, tức *"Mã-lai"* (do BNL rút ngắn) là do các "Ông Tây" đặt ra một cách vô trách nhiệm hoặc với hậu ý (cũng như người Pháp gọi ta là *Annamít)*: tại sao cứ nhắm mắt chấp nhận?)

● Chữ *"Lạc bộ Mã"* đâu phải là do Tàu ngày xưa phiên âm danh từ "Mã-lai": ông BNL chỉ phỏng đoán là nhóm *"Lạc"* miền Đông Nam Trung Hoa thời đó xưng mình là *"Mã*-lai" nên người Tàu dùng bộ *"Mã"* 馬 để phiên âm và đặt ra chữ *"Lạc bộ Mã"* 駱 . Trong phương pháp cấu tạo chữ Hán, các chữ bộ thường là để chỉ nghĩa chứ không để ghi âm hay phiên âm. Nếu căn

cứ theo lối suy đoán của ông thì *"Lạc bộ Trãi"* phải là người *"Trãi-lai"*, và *"Lạc bộ Chuy"* là người *"Chuy-lai"* vì người Tàu đã dùng chữ bộ *(Mã, Trãi, Chuy)* theo âm tiết đầu trong danh xưng của ba chi *"Lạc"* để tạo ra ba chữ *"Lạc"* khác nhau! Và nếu quả đúng như vậy thì cũng không thể gán cái *"gốc Mã-lai"* cho dân tộc VN vì VN gồm cả ba chi *"Trãi*-lai" "Chuy-lai" và *"Mã*-lai": cả ba đều là *"Lạc"* thì tại sao không gọi là *"gốc Lạc"* hoặc như từ xưa các cụ vẫn nói dân tộc ta là *"Lạc Việt"- (Và nay ta vẫn có thể chấp nhận Mã-lai, Thái, Miến, Miên, Lào... và các sắc tộc Thượng Việt cũng đều chung "gốc Lạc"* khi đã truy cứu ra nguồn cội chung của các dân tộc lớn nhỏ tại Đông Nam Á). Và nếu chấp nhận là người Tàu thời thượng cổ đã dùng chữ *"Lạc"* để phiên âm danh xưng của dân tộc ta thì họ phải dùng chữ Tàu có âm đọc rất sát với danh xưng này: cả ba chữ *"Lạc"* đọc theo tiếng Tàu thời thượng cổ (Tần Hán) là: *(Lak)*, như ngữ âm học lịch sử của Trung quốc cho biết — tức là thời đó ta tự xưng là *"Lạc"* và tiếng Tàu cũng gọi ta là *"Lạc"* (tuy viết bằng ba chữ khác nhau để phân biệt ba chi Lạc), chứ họ đâu có nói và đọc là *Lấu/Lố* như tiếng Quan thoại hoặc *Lọc/Loọc* như tiếng Quảng đông, và cũng chẳng hề đọc *Lai* như dân Mã-lai ngày nay tự xưng mình.

Từ ngữ *"nguồn gốc Mã-lai"* của ông còn gây ngộ nhận ngay cả trong giới học giả và trí thức VN — điển hình nhất là trường hợp Ô. Nguyễn Ngọc Bích (giảng sư Đại học Georgetown, USA) đã đọc hai cuốn sách biên khảo của BNL mà còn viết sai lệch rằng: "Bình Nguyên Lộc trong "Nguồn Gốc Mã-Lai của Dân Tộc Việt Nam" đưa ra thuyết cho rằng tiếng Việt gốc gác là một tiếng cổ Mã-lai tức là tiếng Việt có *"Nguồn gốc Mã-lai Đa Đảo (Malayo—Polynesian)"* — và cho rằng tiếng Việt đã "thâu nhận tiếng khác vào" tức là đã vay mượn, "tỉ dụ: *Mata* của Mã-lai sang tiếng Việt thành *Mặt* và *Mắt*, *Kayo* sang tiếng Việt là *Cây* và *Gỗ*, *Bonga* sang tiếng Việt là *Bông* và *Hoa*" (Nguyệt san Dân Chúa, tháng 11-85).

Trong bài *Nhân Cách Bình Nguyên Lộc* (trong Chân Dung Mười Lăm Nhà Văn Nhà Thơ Việt Nam, Văn Khoa xuất bản 1985), nhà văn Mai Thảo cũng viết một câu tương tự khi nói về cuốn NGML: "Nguồn gốc dân tộc VN, theo sử quan và chứng minh Bình Nguyên Lộc, không từ miền Bắc xuống mà từ biển ngoài vào". Đọc sách của BNL hoặc nghe ông giải thích trong một vài cuộc gặp gỡ rồi thuật lại như trên về nguồn gốc dân tộc và ngôn ngữ VN, thì quả là đã bóp méo (nếu không nói là xuyên tạc) những gì ông đã viết trong hai tác phẩm biên khảo rất công phu mà đại cương có thể tóm tắt như sau:

Từ nguyên thủy chủng *"Cổ Mã-lai"* (Proto-Malais) chung sống ở chung quanh cao nguyên Tây Tạng và có chung một ngôn

ngữ. Sang thời đại tân thạch khí (neolithic) họ chia thành hai nhóm lớn và di cư: một nhóm đi xuống phía Nam và chiếm cứ bán đảo Ấn độ, tức là dân *Dravidian* cổ thời (nay là các sắc dân Nam Ấn); một nhóm đi sang phía Đông và chiếm cứ toàn thể lãnh thổ Trung Hoa hiện thời (trước khi tổ tiên người Tàu từ Trung Á tràn tới) họ chia thành ba chi lớn là *"Lạc bộ Chuy"* (tức Khuyển Nhung) chiếm cứ miền Tây Bắc Trung Hoa, *"Lạc bộ Trãi"* (tức Cửu Lê) chiếm cứ miền Đông Bắc Trung Hoa, và *"Lạc bộ Mã"* (Nam Man) chiếm cứ miền Đông Nam Trung Hoa. Nhưng rồi chi "Lạc bộ Chuy" bị Tàu đánh đuổi và phải chạy xuống miền Tây Nam Trung Hoa và sau này chia thành hai tiểu chi Khương (tổ tiên của người Miến, Môn và Khơ-me) và Âu (tổ tiên của người Thái và Lào); — "Lạc bộ Trãi" cũng bị đánh đuổi phải chạy ra vùng duyên hải Đông Bắc Trung Hoa (bán đảo Sơn Đông và Triều Tiên) rồi lần lần một số di cư bằng đường biển tới Nhật Bản, Bắc VN, Bắc Chiêm thành và đảo Célèbes; — "Lạc bộ Mã" mãi về sau (cuối thời nhà Thương và suốt thời nhà Chu) mới bị Tàu xâm lăng, một số ở lại bị đồng hoá, một số chạy bằng đường biển tới Đài Loan, VN, Chiêm thành, Phù nam, Mã lai, Nam dương, Phi luật tân rồi về sau tản ra tới các đảo miền Nam Thái bình dương và sang tới Mã đảo (Madagascar) tại Đông Phi châu. Vì cùng chung "gốc tổ" và đồng ngôn ngữ từ thời chưa phân tán mỏng nên tất cả các dân tộc và sắc tộc xuất phát từ ba chi *Lạc* hiện vẫn còn giữ được một số từ căn bản (basic words) tối cổ chung cho cả ba chi — và trong mỗi chi lại có một số từ căn bản (sáng tác về sau) chung của từng chi, nhưng mỗi chi mỗi khác — rồi khi trở thành các dân tộc và sắc tộc thì mỗi thành phần mới lại tạo thêm rất nhiều từ thiết dụng đồng thời với ngữ pháp của riêng mình tức là tạo hình thành ngôn ngữ dân tộc hoặc ngôn ngữ sắc tộc riêng biệt — Việt Nam là dân tộc duy nhất *kết hợp cả ba chi Lạc* (Trãi, Mã, Chuy), do đó tiếng Việt cũng là ngôn ngữ *tổng hợp tiếng nói của cả ba chi.*

Như vậy, Ông BNL đâu có nói như hai ông Nguyễn Ngọc Bích và Mai Thảo thuật lại những gì BNL đã viết và đàm thoại — Đối chiếu ba danh từ Mã-lai mà Ông Nguyễn Ngọc Bích trích dẫn, BNL viết trong NGML như sau :

— Tr. 476, 539 và tr. 579	Việt Nam: Mắt Mã Lai : Mata	chứ không viết Mata biến thành Mắt và Mặt
— Tr. 628	Việt Nam: Cây Mã lai á: Kâyu	chứ không viết Kayu biến thành Cây và Gỗ
Tr. 641	Mã lai á: Bônga Việt Nam: Bông	chứ không viết Bonga biến thành Bông và Hoa

và ông nhấn mạnh: *Hoa* là từ vay mượn của Tàu chứ không phải là từ thuần Việt tức là không có liên hệ gốc gác gì với *Bonga* của Mã-lai.

*
* *

Bình Nguyên Lộc đối chiếu ngôn ngữ để chứng minh nguồn gốc dân tộc đồng thời truy nguyên nguồn gốc tiếng Việt. Ngay từ chương đầu cuốn NGML ông đã nói rõ nơi phát xuất nguyên thủy của đại tộc Việt và ngôn ngữ thái cổ của đại tộc: "Sách xưa nói đến gốc phương Nam của Mã lai chủng là sai... Chủng đó phát xuất từ phía Tây nước Tàu, quanh cao nguyên Tây tạng" (tr. 46) và "tự xưng là Mã lai cách đây 5 ngàn năm tại Hoa Bắc và Ấn độ, được Tàu phiên âm là *Lạc* nhưng với bộ *Mã,* còn Aryen thì phiên âm là *Mlech'a."* (tr. 14). Cũng trong chương này ông đã nêu ra một số từ ngữ VN cùng gốc gác xa xưa với tiếng nói của các dân tộc hoặc sắc dân đồng chủng "Mã lai" (tr. 14): Tua Rua, Tay, Chơn, Thang, Trời, Ná, Nỏ — và một câu 8 từ thuần Việt "Hắn lấy ná (nỏ) bắn chim làm rụng lá" mà ông gọi là gồm toàn từ Mã lai".

Cũng nên nhắc lại rằng vì ông quá câu nệ trong việc sử dụng thuật ngữ "Proto-Malais : Cổ Mã lai", và thiếu thận trọng khi giản lược từ này ra "Mã lai" nên đã gây ngộ nhận cho những ai không chịu đọc kỹ hai cuốn sách biên khảo của ông và làm cho họ lầm tưởng rằng dân tộc và ngôn ngữ VN bắt nguồn từ vùng Mã lai Đa đảo của Thái bình dương — tức là họ đã lật ngược lại những gì ông đã viết và họ không biết rằng các sắc dân và ngôn ngữ Mã lai Đa đảo (từ Mã lai á tới đảo Phục sinh gần Nam Mỹ) đều phát xuất từ miền "quanh Cao nguyên Tây tạng" trong thời tiền sử như vừa thuật lại trên đây.

Nói về nguồn gốc tiếng Việt, BNL cho rằng ngôn ngữ của ta tổng hợp tiếng nói của cả ba chi Lạc (Trãi, Mã, Chuy) tức gồm những từ tối cổ chung của ba chi (như Mắt, Cá, Ni, Này) và một số từ cổ riêng của ngôn ngữ mỗi chi mà các nhà ngữ học Tây phương coi là một tộc ngữ riêng biệt không có liên hệ gốc gác gì với ngôn ngữ của hai chi khác — họ mệnh danh ba tộc ngữ đó là: Tạng Miến, Môn Miên và Mã lai Đa đảo (Tibeto-Burman, Mon-Khmer, Malayo-Polynesian). Trong bài báo nói trên, Ô. Nguyễn Ngọc Bích đã tỏ ra không chấp nhận chủ trương của BNL nên đã viết rằng tiếng Việt có "Nguồn gốc Mã lai Đa đảo" nhưng lại chịu "Ảnh hưởng Môn Miên — Ảnh hưởng Thái — Ảnh hưởng tiếng Hán": ông đã viện dẫn BNL khi nói về nguồn gốc tiếng Việt (coi đoạn trên), và đã căn cứ theo cố học giả Pháp H. Maspéro (mà BNL đã phê phán một cách chính xác) để nhận định sai lầm là tiếng Việt chịu *"ảnh hưởng"* của tiếng Môn Miên, tiếng Thái, và tiếng Hán

tức là (nói theo BNL) ta đã *"vay mượn"* tiếng của Môn Miên, Thái chẳng khác gì ta đã "vay mượn" tiếng của Tàu. BNL không chối cãi là trong tiếng Việt có rất nhiều từ ngữ "vay mượn" của Hoa tộc nhưng lại xác quyết rằng tiếng Việt bao gồm một số từ ngữ của cả ba chi Lạc mà "Lạc bộ Chuy" là chi của các dân tộc Môn, Miên, Thái chứ VN chẳng bao giờ *"vay mượn"* hoặc chịu *"ảnh hưởng"* của họ về tiếng nói cũng như về văn hoá nói chung — nhưng chỉ vì đồng chủng cho nên "Việt, Thái, Cao miên, Chàm, Miến điện, Tây Âu... cũng đều đồng ngôn ngữ với nhau và tất cả đều quy về cái gốc tổ Tây tạng." (NGML tr. 558).

*
* *

Như ta vừa thấy, BNL đã chuyển gốc đại tộc Việt từ *"Mã lai"* sang *"Tây tạng"*. Nói về "nguồn gốc Mã lai" thì ông đã chứng minh khá đầy đủ và chính xác bằng các cứ liệu nhân chủng học, sử học, khảo tiền sử và ngôn ngữ đối chiếu do các nhà bác học và chuyên gia cung cấp. Còn về *"gốc tổ Tây tạng"* thì trái lại ông chẳng tìm ra được cứ liệu khoa học nào do các bộ môn trên phát hiện ngoài cái chỉ số sọ của người Tây tạng bị liệt vào "những chủng đã hợp thành Hoa chủng" (NGML, tr. 450) — do đó ông chỉ ức đoán, căn cứ vào tài liệu của các nhà Ấn độ học cho biết là các sắc dân Nam Ấn ngày nay là dòng dõi chủng da vàng Dravidian cổ xưa, xuất phát từ miền Hi mã lạp sơn (Himalaya) thuộc Tây tạng và chiếm cứ bán đảo Ấn độ trong thời thái cổ rồi sau khi bị chủng da trắng Aryan đánh đuổi khỏi Bắc Ấn và sau hết họ bị đồng hoá với bọn xâm lăng (NGML tr. 46, 65, 86, 102 và 163). Vì không có cứ liệu khoa học chính xác về mối liên hệ chủng tộc giữa Dravidian và Mã lai nên ông chỉ trưng ra được ba danh từ *Mlech'a, Malayalam* và *Himalaya* vì thấy cả ba đều gần giống hoặc giống hệt danh từ *Malay* (tức Mã lai): danh từ thứ nhất rút trong kinh điển tiếng Phạn (Sanscrit) của người Aryan phiên âm danh xưng của dân bản thổ Ấn độ trong thời thái cổ — danh từ thứ hai là tên một sắc dân và ngôn ngữ của họ tại tiểu bang Kerala tại cực Nam Ấn độ — danh từ thứ ba là tên dãy núi cao nhất thế giới mà ai cũng biết. Ta có thể tạm chấp nhận hai danh từ đầu là hợp lý về liên hệ "Mã lai", nhưng ông đã lầm lớn về danh từ *Himalaya* khi giải thích từ nguyên của nó là *Hi:* núi và *Malaya:* Mã lai, tức là "Núi của người Malaya" (NGML tr. 86, 374): từ nguyên đích thực của nó trong tiếng Phạn và tiếng Hindi (Ấn ngữ) là *Hima:* tuyết và *Laya:* đất, xứ, tức là Vùng Đất Tuyết. Như vậy ông chỉ mới giải thích về "nguồn gốc Mã lai" và "gốc tổ Tây tạng" của dân Nam Ấn chứ không chứng minh được *"gốc tổ Tây tạng"* và địa bàn cư ngụ nguyên thủy là *"chơn núi Himalaya"* của ba chi Lạc bằng những cứ

liệu do các bộ môn khoa học nói trên cung cấp, trong đó cứ liệu ngôn ngữ rất dễ tìm kiếm nhất, nếu thực sự có liên hệ tiếng nói giữa hai dân tộc Tây tạng và Việt nam: trong 200 trang Ngôn ngữ Tỷ hiệu của cuốn NGML ông chỉ tìm được một từ độc nhất là ***"Trăng"*** có âm giống như trong Tạng ngữ và Miến ngữ cũng nói là ***"Blăang"*** và thời xưa Việt nam cũng đọc Trăng là Blăang (tr.594 và 95): chứng minh liên hệ ngôn ngữ bằng một từ độc nhất là điều không ai có thể chấp nhận được khi mà ngay giữa những ngôn ngữ không có liên hệ chủng tộc như giữa tiếng Việt và tiếng Anh hoặc Pháp ta có thể tìm ra cả chục từ đồng âm đồng nghĩa hoặc cận âm cận nghĩa như những từ Cắt (Việt nam) và Cut (Anh) hoặc Bé tí (Việt nam) và Petit (Pháp). (Về từ của Miến ngữ có nghĩa là trăng, chúng tôi tra từ điển Miến Anh thấy ghi là *Lả* tức là một từ gần khác hẳn với ***Blăang*** do ông BNL đưa ra để đối chiếu ngôn ngữ)

*
* *

Nhận người Nam Ấn và tổ tiên Dravidian của họ là Mã lai (tức Lạc) chưa đủ, ông còn đi sang tận Trung Mỹ và tìm ra được một nhánh "Lạc bộ Mã", họ hàng gần với người Mã lai — Nam dương: đó là người *Maya* tại vùng Nam Mễ-tây-cơ. (Cổ thời dân tộc này đã tạo được một nền văn minh vô cùng rực rỡ tương đương với văn minh Ai cập: đã xây được Kim tự tháp và rất giỏi thiên văn...). Ông xác quyết "100 phần trăm" là họ đã "di cư từ Trung Thái bình dương" tới đây chứ không phải "từ Tây-bá-lợi-á du cư sang Mỹ qua eo biển Bering" như các nhóm cựu thổ dân khác của Mỹ châu (NGML tr. 370).

Ông xác quyết như vậy nhưng không đưa ra được một chứng cứ chính xác nào về chủng tộc học và khảo tiền sử — còn về ngôn ngữ ông chỉ nêu ra được bằng chứng quá yếu ớt là ba từ *Maya:* Mã lai, *Padi:* Padi của Mã lai nghĩa là Lúa, và *Ni:* Any của người Mạ (VN) nghĩa là Tôi (NGML, tr. 370 - LTVN, tr. 24) tuy vậy ông vẫn xác quyết rằng người Maya "có ngôn ngữ giống hệt ngôn ngữ của Mã lai Nam dương", và "nhờ luật ngôn ngữ" mà ông biết được "sự thật lịch sử" của dân tộc này. Nhưng ba từ trên đây chỉ có *Padi* giống với tiếng Mã lai, còn *Maya* thì có lẽ ông dựa vào âm Ma để nhận họ Mã của "Lạc họ Mã", và *Ni* là một lầm lẫn lớn vì ông đối chiếu với tiếng của người Mạ (tại VN) thuộc "Lạc bộ Trãi) và người Mạ nói *Anh:* Tôi (VN) — ông đã không chịu nghiên cứu các phương pháp ký âm khác biệt nhau giữa các nhà ngữ học: âm *NH* của VN đã được cố đạo Dournes thay bằng *NY* khi ông này ghi âm từ *Anh* của người Mạ là *Any* — tức là *Ni:* Tôi của người Maya hoàn toàn khác với *Anh* (ghi là Any): Tôi của người Mạ. Như vậy chứng cứ ngôn ngữ của ông về người Maya cũng chẳng khác gì

trường hợp người Nam Ấn (về danh xưng của dân tộc), và trường hợp Tây tạng (về ngôn ngữ) vì ông chỉ dẫn chứng được một từ độc nhất *Padi* giống hệt với tiếng Mã lai Nam dương.

⁂

Trước khi nhận định về công trình của BNL nghiên cứu Từ nguyên bằng phương pháp Ngôn ngữ Tỷ hiệu, chúng tôi xin tóm tắt những nhận định tổng quát trên đây:

- Đại tộc *Cổ Mã lai* (mà dân tộc VN là thành phần) nguyên thủy ở Tây tạng: điều này còn là giả thuyết nhưng xét ra hợp lý. Nhưng gọi là đại tộc *Mã lai* thì không ổn vì những ngộ nhận, hiểu lầm, tự ái dân tộc của người VN.
- Một đại chi Cổ Mã lai thời tiền sử tự xưng là *Lê* rồi biến âm thành *Lạc* như cổ sử Tàu ghi chú chứ không có danh xưng hai âm tiết *Ma-Lê, Ma-Lạc, Ma-Lai* trong sử Tàu bởi vậy chỉ nên gọi nhóm Cổ Mã lai này là *Lạc* như tổ tiên chúng ta đã tự xưng mình.
- Dân VN là *Lạc Việt* vì gồm cả dân *Lạc* thái cổ (Hoa Bắc) và dân Bách Việt thượng cổ (Hoa Nam).
- Dân tộc Việt nam kết hợp cả ba chi Lạc, do đó tiếng Việt tổng hợp ngôn ngữ của cả ba chi: chi nào cũng có một số từ ngữ trong Việt ngữ.
- Chia đại chi *Lạc* thành ba nhóm bằng cách dùng ba tự dạng khác nhau của chữ Hán ghi Lạc với ba chữ bộ là Trãi, Mã, Chuy là một lầm lẫn lớn về cả hai bình diện ngữ học và sử học.
- Thời đại và đường hướng di cư của các đại chi, Cổ Mã lai từ Tây tạng sang Đông và xuống Nam Á châu cũng như của các chi trong đại chi Lạc tới Nhật bản, Việt nam, Đông Nam A3, Mã lai và các hải đảo Thái bình dương vẫn chưa nhà khoa học nào xác định được — tất cả đều là ức đoán hoặc giả thuyết.

Tóm lại công trình sử học của ông Bình Nguyên Lộc là một công trình lớn nhưng có nhiều khuyết điểm và những sai lầm, vì tuy ông là một nhà văn lớn nhưng lại không phải là sử gia và ngữ học gia: ông đã phải nhảy vào sử học và ngữ học vì bất bình trước những sai lầm hoặc sai lệch quá lớn của một số sử gia và ngữ học gia Việt nam và ngoại quốc.

Sơn Nam Xử Sỹ

Kỳ sau : *Ngôn ngữ Tỷ hiệu / Từ nguyên tiếng Việt.*

Phạm Công Thiện

Trở về sa mạc vùng Tây vực miền Tân cương Turkestan trung cổ

(1)

Tôi chờ buổi chiều
Chiều đã đến

Tôi chờ buổi sáng
Sáng đã đến

Buổi sáng chờ trưa
Trưa đã đến

Chiều chờ ban đêm
Đêm đã đến

Tôi chờ người xưa
Không ai đến

(2)

Bước hoài chiều đến hường thê lương
Tân cương nín thở tuyệt lộ trường
Trôi con lầu mộng về Cam Túc
Người đi bông cỏ trắng đầu đường

Sơn hạ tha hương lạc mất nường
Vu Điền vàng mộng hường biên cương
Trôi bông cỏ trắng về Tây Hạ
Bước hoài đêm đến hường thê lương

Bước đi bông cỏ trắng đầu đường
Trôi con tàu mộng về trăm phương
Qui Tư chở gió về Cam Túc
Sơ Lạc Vu Điền ngựa rớt cương

Phạm Công Thiện
18. VI. 87

Nguyễn Bá Trạc

Rừng thiên nga

(1)

Em cúi xuống nhìn mặt hồ nước lạnh
Tóc em bay những sợi tơ chiều
Bao nhiêu nắng long lanh vai áo
Khi ra về còn nhớ bây nhiêu

Bên giòng suối ngừng chân đứng lại
Nghe trên rừng rộn rã chim kêu
Sau đỉnh núi, một mặt trời mới mọc
Trong thời gian lẫn lộn sáng, trưa, chiều

Anh ngồi nghỉ giữa hòn núi thẳm
Em gối đầu lên đá xanh rêu
Anh cười nói như mấy nghìn năm trước
Tiếng vui đùa, những tiếng thân yêu

Đôi con mắt em ngời hạnh phúc
Còn thời gian tựa tiếng chim kêu
Anh chăm chú nhìn mặt trời mới mọc
Trong rừng cây, giữa một buổi chiều

(2)

Anh sẽ yêu, chưa bao giờ yêu vậy
Anh sẽ buồn thành lệ chẩy mênh mông
Anh sẽ đứng giữa đất trời bát ngát
Gọi tên em cho đến vô cùng

Em sẽ thấy tự đời máu lệ
Những thiên thần gẫy cánh trên không
Em sẽ thấu cho những chàng xa lạ
Trên phố phường run rẩy mùa đông

Em sẽ hiểu tình yêu, cõi chết
Áng mây trời mầu sắc mông lung
Có khoảnh khắc trong bầu trời bất diệt
Anh đã yêu em, yêu đến vô cùng

Ta sẽ bỏ ta đi như ta đến
Ta sẽ về trên những nẻo hương thơm
Em, giấc ngủ có muôn vàn mật lệnh
Cõng em về qua đám khói sương

Rồi có những mùa đông lên tiếng
Và bầu trời cũng hát vẩn vơ
Em, nếu hiểu tự tận cùng sâu thẳm
Anh bây giờ vẫn đẹp tựa anh xưa.

Nguyễn Bá Trạc

Diệu Tần

Bóng dáng người đàn bà Tầu và Bình Nguyên Lộc

Khối lượng tác phẩm của Bình Nguyên Lộc quá lớn, vì ông đã viết bền nhất và nhiều - có lẽ nhiều nhất - ở miền Nam Việt nam. Khả năng sáng tác và phóng tác của ông vô cùng phong phú. Chúng ta có thể nhớ lại số lượng tiểu thuyết của Lê văn Trương. Tôi có nghe nói Lê văn Trương, hồi cực thịnh, đã phải viết theo lối xưởng, nghĩa là có những tay bút học trò, tay bút phụ viết theo cốt truyện của ông, sau đó đưa nhà văn họ Lê duyệt lại sửa chữa lại, thế là xong một tiểu thuyết để kịp cung ứng thị trường. Viết theo "xưởng" (miễn là không phải"xưởng đẻ" của người anh em ta đặt cho các bảo sanh viện) không tệ, vì bên hội họa người ta cũng đã làm thế, miễn sao đừng công thức, tránh nhàm chán. Tôi không nghĩ là Bình Nguyên Lộc phải viết theo cách đó. "Người hùng" của Lê văn Trương, qua tác phẩm nào của ông, độc giả đều thấy rõ, nhưng ở Bình Nguyên Lộc, chúng ta thấy ông viết rất cân, rất đều, rất cần cù. Không những ông là cây viết về đồng ruộng thôn xóm miền Nam Việt, không những ông là nhà phân tách tâm lý nhân vật như N.H.N đã nhận xét,tôi nghĩ ông còn là nhà văn của Sài gòn và các tỉnh lỵ miền Nam nữa. Không gian thay đổi và suốt chiều dài ba mươi chín năm, trừ mười năm "diện bích", thời gian trong tác phẩm cũng đổi thay,suốt hai mươi chín năm viết văn, ông viết không dở, không thừa.

Nếu tính sơ 30 tác phẩm đã in và 500 truyện ngắn, ước lượng Bình Nguyên Lộc phải viết hàng ngày, suốt 365 ngày, trong năm không được bỏ ngày nào, ông phải viết 6 trang giấy học trò. Nếu nghỉ nửa năm, để nghỉ ngơi, chữa bệnh, giải trí, trong một năm, thì ông phải viết cho đủ 12 trang một ngày. Sáu trang một ngày hay 12 trang một ngày tưởng là "dễ ăn" nhưng viết được như thế, nặn óc

ra để độc giả yêu được văn mình, không phải là dễ.

Tôi đã nói Bình Nguyên Lộc phóng tác, sự thật tôi muốn nói ông đã dựa cốt truyện nước ngoài để biến thành truyện của Việt nam. Như cuốn *Đò dọc*, đó là cốt truyện "Les quatre filles du docteur March" nhưng Bình Nguyên Lộc đã tiêu hóa hết để viết ra một truyện dài hoàn toàn Việt nam với những Hương, Hồng, Hoa, Quá. Cô Hồng đây có phải là một Elizabeth Taylor thời trẻ nhất, đóng vai cô gái thứ nhì tranh người yêu của cô em thứ ba? Hồi đó ở Sài gòn, ở Hà nội, Hải phòng, sinh viên học sinh đổ xô chen lấn vào các rạp chiếu bóng để được nhìn ngắm khuôn mặt xinh đẹp của Liz với những ngón tay búp măng, với kiểu ăn vặt rất khéo và để thưởng thức cảnh tuyết rơi bên ngoài, bên trong căn nhà ấm cúng, bốn cô con gái lần lượt xoa cửa kính để nhìn người lạ đang lặn lội trên đường tuyết phủ trắng xóa...

Truyện ngắn "Cho tay này, lấy tay kia" tác giả có ghi chú là mượn ý của một bài trong tạp chí Pháp thì người đọc mới biết. Truyện "Ba sao giữa giời"cũng vậy. Bình Nguyên Lộc khác với Hoàng Hải Thủy. Nhà văn sau, tuy có đặt tên nhân vật, khoác cho không gian vẻ Việt nam, nhưng tác phong, hành động, nếp nghĩ là của người Mỹ, người Pháp. Đọc Hoàng Hải Thủy, độc giả biết là đang đọc một truyện dịch có thêm bớt, thay đổi chút ít và vẫn bị lôi cuốn. Đọc phóng tác (theo nghĩa của tôi) của Bình Nguyên Lộc không dễ nhận ra nguyên tác, nếu không phải người trong nhà tiết lộ hay chính ông ghi chú ra. Đó là cái tài, cái duyên của Bình Nguyên Lộc vậy.

Trước khi vào đề chính bài này là "người đàn bà Tầu trong văn chương" của ông, tôi xin được đồng ý với H.T.A là sở trường của ông là truyện ngắn chứ không phải truyện dài. Truyện ngắn đặc sắc của ông, lại phải đồng ý với N.N.D ở Tây Đức và N.X.H rằng "Rừng Mắm" là số một, rất Việt nam, rất miền nam, có ý nghĩa nhất. N.N.D đã phải "cảm động lạnh buốt, bắt phải rùng mình" khi đọc "Rừng Mắm". Tôi không nghĩ vì đã quá mê Bình Nguyên Lộc mà N.N.D cường điệu như vậy (tuy có thể nếu vẫn ở quê nhà, khi đọc, niềm xúc động sẽ khác đi). Tôi đọc những truyện nói đến Bình dương, Biên hòa, tôi cũng có những xúc động gần gần như N.N.D.

Tôi đã ở Phú cường, tỉnh lỵ Bình dương (hay Thủ dầu một) sáu năm. Truyện của ông khiến tôi nhớ đến nơi làm việc, nơi đã trải qua biến cố Mậu thân đầy nước mắt, hay Biên hòa, nơi tôi đã thực tập, đi công tác ở trên sông Đồng nai, ở suối Xuân trường."Trên bộc trong sầu riêng" của ông đã làm cho tôi nhớ đến trái cây ngon ngọt, đến bì bún của Búng, đến bà Lụa, đến những cỗ xe ngựa khác hẳn xe ngựa ở Vũng Tầu, những cỗ xe bò nặng nề

kềnh càng, lộc cộc, kẽo kẹt ở một con đường đất đỏ từ rừng thưa xuất hiện. Tôi không nhớ là chi tiết ngộ nghĩnh này ông Bình Nguyên Lộc có dí dỏm kể ra không, nhưng chính người miền Đông Nam việt đã công nhận: Phía sau phụ nữ miền Đông hơi cong lên. Dáng dấp này không phải do tập thể dục đi Spa nhiều mà có, cũng không phải do thiên phú, chỉ do các cô các bà phải kéo nước giếng từ dưới sâu quá, phải cong lưng mãi. Giếng sâu hàng chục mét đá đỏ laterite đã khiến các nàng cong như thế, chính tôi đã được chỉ cho thấy ở các làng quanh tỉnh lỵ về phía bắc Bình dương.

*

* *

Một số truyện của ông nói đến những người Tầu. Đó là điều rất tự nhiên, rất thực. Bình Nguyên Lộc đã nói là miền Nam mới đích thực là ngã ba văn hoá Hoa-Ấn. Miền Nam ảnh hưởng Trung hoa sâu đậm hơn ngoài Trung ngoài Bắc nhiều. Chợ lớn là một ví dụ rõ rệt, đó là một Chinacity không còn là một Chinatown được nữa. Miền Nam bờ xôi ruộng mật, đất lành chim đậu. Chưa kể dòng họ Mạc định cư tại Hà Tiên từ lâu đời.

Khi nói đến văn hoá thì nói đến con người, nói đến đàn ông, đàn bà. Qua các truyện của Bình Nguyên Lộc, đàn ông Tầu xuất hiện nhiều hơn, nhưng độc giả đã được nhà văn lớn này truyền cho mối ác cảm. Đàn bà Tầu xuất hiện ít hơn, nhưng có được rất nhiều thiện cảm, nếu không nói là rất đáng yêu.

Đàn bà là của quí. Không ưa đàn ông dân tộc đó, nhưng vẫn yêu đàn bà. Đàn ông của một nước hay một phe chiến thắng, ta ghét ta sợ ta thù, nhưng đàn bà ta vẫn thấy họ đẹp, dễ thương. Kiểu như gây lộn với anh chồng hàng xóm, anh chồng thì mình ghét nhưng vợ hắn mình vẫn thấy đẹp như thường. Nói chi đàn bà bên chiến bại, được đàn ông chiến thắng chiếu cố tận tình, như một chiến lợi phẩm.

Trong "Đầu gà đít vịt" có tiểu thơ Xíu Tin. Nếu có thật không hiểu đẹp cách sao, chứ tôi đã được ngắm một "đầu gà đít vịt, cẳng ngỗng cánh ngan" ở miền châu thổ Cửu long. Nơi giao lưu văn hoá Hoa Ấn xuất hiện cụ thể là rất đông người Trung hoa ở miền Nam, pha lẫn với người Hồi, Ấn, người Chàm (bây giờ ở bên nhà người ta nhất định gọi là Chăm, và xứ Cham-pa), người Miên, và lạc lõng thêm chút Pháp-lang-sa nữa. Cô gái có bốn dòng máu Pháp Miên Việt Hoa có một sự pha trộn thật khéo léo. Nét nọ bổ khuyết cho nét kia, cái thô này được cái thanh khác sửa chữa. Dáng đi vừa mạnh lại vừa uyển chuyển. Vóc người tầm thước của Việt của Hoa nhưng có cái nẩy nở hấp dẫn và man dại của Pháp của Miên. Tóc cũng thế, mắt cũng vậy, miệng cũng rứa, có cái kín đáo, cái táo tợn,

có khép nép lại có khêu gợi, có thô sơ và cả có thanh nhã dịu dàng.

Người như thế còn hơn Xíu Tin nữa trách chi trai Việt không mê mệt để than lên một câu rất Việt và rất Tầu :

— *Chời lất ơi ! Chít ngỗ dzời !* (Người tài xế điên).

Hồ Dzếnh là người Minh hương, truyện của họ Hồ mang tâm trạng bứt rứt nửa Việt nửa Trung hoa, và ông kể chuyện của chính đời ông từ thời thơ ấu. Hồ Dzếnh thuật chuyện của chính mình, gia đình mình một cách rất thực, xót xa và chủ quan. Bình Nguyên Lộc kể chuyện những người Tầu ở xứ mình, với cái nhìn của người ngoại cuộc - nhưng tinh tế dí dỏm - vào những mảng sống của khách kiều cư.

Trong "Cậu Hai cứu tinh", ta thấy có Bang Duỳnh. Những tên của các-chú (khách trú) rất quen thuộc. Bang trưởng người Tầu là phải hình dung ra một người bụng phệ luôn luôn cười cầu tài hề hề, rất xuề xoà nhưng cũng rất mưu mô mánh lới trong làm ăn buôn bán. Hoặc bang trưởng đó phải là một người trung niên khắc khổ, trầm tư ít nói với ống thuốc bào dài lê thê bàn chuyện giữa chén trà đậm hay khói thuốc phiện, trong khung cảnh của những tiệm cầm đồ, tiệm chạp phô, tiệm thuốc Bắc,v.v...

Má-chín Dành là nhân vật chính trong "Lữ Bất Vi nguyên tử" là một người đàn ông rất nhiều tham vọng, nhưng lại lỗi thời và khá ngu trong vụ muốn đầu tư làm bố ông vua. Tài phú Nãi trong "Người tài xế điên" cũng bị Bình Nguyên Lộc cho là một tay sai trung thành và mù quáng của Bang Huyến trong cuộc tranh đua đốt pháo rất tốn tiền để giành tiếng hảo với Bang Lến. Trong truyện này cũng có những tên phụ rất Tầu : thím tào kê, á Lìn, á Hón, á Quày.

Đến "Trên bộc trong sầu riêng" thì người đàn ông Tầu là Xưởng Hia, người thanh niên kẻ chợ khôn ngoan đến mức lưu manh định đầu cơ cả đến thanh danh của một cô gái quê đa tình, làm khó luôn cả đến ông già của người yêu. Xưởng Hia học được thói đầu cơ hàng hoá và cho vay lời cắt cổ của cha hắn, chú Duỳnh ở chợ Lái thiêu.

Đến đây thì ta đã thấy người Tầu, cả đàn ông lẫn đàn bà, đã hoà lẫn vào đời sống dân bản quốc, người Tầu ở miền Nam đã len lỏi vào tận hang cùng ngõ hẽm của thành phố, quận lỵ, thị trấn, họ có mặt ở những làng xóm hẻo lánh. Đó là những người bán ve chai, những tiệm chạp phô nhỏ nhưng rất cần thiết cho nông dân ta, những xe hủ tiếu, những tiệm cà phê rất bình dân. Thế nhưng, qua truyện dài "Xô ngã bức tường rêu", những người Tầu đã làm giàu lại vẫn theo tục lệ là chỉ cho phép đàn ông Tầu lấy vợ bản xứ, chứ không chịu nhận đàn ông bản xứ làm rể. Ở đây lại thấy vai người đàn ông Tầu - ông bố thiếu nữ Trung hoa xinh đẹp - câu nệ,

cố chấp, đáng ghét, kỳ đà cản mũi, không chấp nhận rể "Ố nàm dzần".

Nói chung qua tác phẩm Bình Nguyên Lộc, người đàn ông Tầu là những mẫu người xảo quyệt, tham lam, quyền biến, lỗi thời, ngu đần. Nhưng phải để ý, đến khi ông tả bóng dáng phụ nữ Tầu trong truyện, thì kết quả giao lưu ngã ba văn hoá Hoa Ấn lại rất nên thơ mỹ lệ.

Cô thiếu nữ trẻ đẹp xuất hiện qua Á Lìl gốc Triều Châu trong "Ăn cơm chưa" chắc đã được Bình Nguyên Lộc ghi nhận vào những năm cuối thập niên 20 sang đầu thập niên 30, nếu chính tác giả là chàng thanh niên 23 tuổi đồng bệnh thương hàn với Á Lìl. Hãy nghe : "...để rìa tóc phủ lên trán, xem rất ngây thơ và có duyên. Ngó cặp má hồng của Á Lìl trông ngon như hai trái đào ở bảy phủ Triều châu, nghĩ ngay đến những phi tần bên Tầu ngày xưa. Con gái Trung hoa ngàn đời vẫn đẹp và vẫn đã đóng góp cung tần cho các triều vua...Cái giọng mũi Triều châu khi hát lên nghe líu lo rất dễ yêu..."

Vì vậy chàng thanh niên Việt đồng bệnh với "cố hí" là một "ngoá", đã bâng khuâng nhớ lại mối tình đầu và nao nao buồn.

Đọc đến "Pì pế hán" (Tì bà hành) chúng ta lại thấy tác giả "ký thác" một chút tâm sự qua người ca nữ hết thời chuyên đàn hát mua vui ngoài lề ở những nhà hàng lớn như Soái Kình lâm , Đại la thiên ở Chợ lớn. Bình Nguyên Lộc đã chua chát nhẹ nhàng so sánh một chai rượu ngoại quốc đắt tiền của thực khách giàu có đổ đi rất dễ dàng, trong khi văn thi sĩ cần giấy để viết thì giá một ram giấy rất đắt nghèo quá không mua nổi.

Qua "Pì pế hán", ông đã đưa người đọc về với một nước Trung hoa xưa cũ qua người ca nữ hết thời , và lời thơ của Bạch Cư Dị :

Kim niên hoan tiếu phục lai niên
Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn độ
Đệ tải tòng quân a di tử
Mộ khứ triêu lai nhan sắc cố

Câu chuyện đưa ta đến bến sông Bôn, đến bến Tầm dương, "một vạt áo lam, hoen bụi viễn tái, ca nhi già gẩy đàn tì bà trên vàm sông Bôn cho một thi sĩ lưu lạc nghe :

Đêm thu đưa khách bến Tầm dương
Gió thu sàn sạt lá vàng bông lau
.....

Ca nữ Trường An già với chàng Tư mã đất Giang châu áo xanh họ Bạch trung niên, biết đâu đã khiến trung niên họ Tô liên tưởng chuyện mình không còn được ở Tân Uyên đất Biên Hoà, mà đã bị biếm, bị đầy về Sài gòn xô bồ ồn ào, gặp ca nữ đất Chợ lớn

gốc Triều châu để tự thán "như con trích cất tiếng kêu buồn vô hạn"

Tôi nghĩ, không như ông đã mượn cái vỏ của một cô gái Hời để làm cớ dựng truyện, hình dáng người phụ nữ Trung hoa vẫn lảng vảng ám ảnh ông từ khi còn là một thanh niên (Á Lìl trong Ăn cơm chưa) cho đến khi ông sắp từ bỏ văn chương. Đầu năm 1987 một số anh em nhà văn nhà báo lên thăm Bình Nguyên Lộc ở Rancho Cordova được ông dẫn đến một tiệm tại Sacramento để thưởng thức món ăn Triều châu. Ông đã nói đùa bằng tiếng Tầu với một cô hầu bàn khá xinh khiến cô này đỏ mặt, đại khái ông hỏi cô gái: trong đám khách trẻ ông dẫn đến đây, cô có ưng ai, ông sẽ làm mai cho.

Chúng tôi được biết, sinh thời Bình Nguyên Lộc rất thích đi du lịch Pháp, Trung hoa, Mã lai, những nơi xuất phát văn chương có ảnh hưởng đến văn chương nước nhà, những nơi ông nghiên cứu về ngôn ngữ. Ông vì lý do này lý do khác, trong đó có lý do sức khoẻ chưa đi được và không bao giờ đi được nữa.

Tôi xin nhắc các nhà văn thơ của ta ở hải ngoại, cỡ đã cao niên nên đi thăm Hàng châu, Tô châu nơi nổi tiếng có phụ nữ đẹp nhất nước Tầu để tìm hiểu văn thơ Á đông tận gốc. Để biết đến nơi đến chốn những Xíu Tin, những Á Lìl, để thưởng thức khúc Tì Pế hán với tiếng đàn tì bà ngay tại bến Tầm dương, được nghe giọng mũi Triều châu hát lên líu lo rất đáng yêu.

Nếu ngại có người nói ra nói vào thì ta cứ đến Đài loan, cứ ở Đài Bắc, Cao Hùng của ông Tưởng Kinh Quốc để được ngắm những cái lưng lõm, những xiêm y tha thướt, cũng tạm gặp thứ văn hoá Trung hoa thứ thiệt. Xin đừng đến Hoóng Koỏng, đừng đến khu Wanchai để dự "Dắt dề chẩu Woòng tai", vì qua ông N.X.Q, thứ văn hoá đã bị nhìn qua ống kính khoa học và tấm lòng nhớ thương quê hương đau khổ, làm cho cụt hứng nhiều lắm. Ông Bình Nguyên Lộc chỉ muốn hoài niệm một mái tóc rũ rèm trên trán, hai má hồng như trái đào Triều châu, ngây thơ duyên dáng, không phải mong được nhìn thấy "tóc dưới tết thành đuôi sam như con rít, có thắt nơ bướm màu đỏ, kẹp hình con gấu mèo Panda đung đưa, đung đưa".

Diệu Tần

Nghiêm Xuân Hồng

Chiều tâm lượng

Chiều tàn nở nụ tâm hoa
Nắng tàn chợt giấc phai nhoà tình thu
Nửa khuya vượt cửa Thần phù
Khéo tu chẳng nổi vụng tu chẳng chìm
Đường tâm mờ ảo cánh chim
In hư không nọ sao tìm dấu đây ?
Ngàn xưa chót lỡ cuồng ngây
Đã bao nhiêu thuở lệ đầy biển vơi !
Giờ đây quẳng giấc mộng đời
Mơ chùm sao rụng nghiêng trời biển Đông,
Mơ miền hương-thủy thong dong
Lời kinh hư thực rải lòng huyền-không
Chừ đây thiêm thiếp trăng hồng
Mở tâm vô lượng soi vòng trần ai
Thấy thân bước tới Kim đài
Hoá hình cát bụi hiện ngoài thinh không
Gặp người thiên-nữ thần thông
Tung hoa diệu-ý toại lòng xót thương...

Tỉnh ra thấy bóng cành dương
Lắt lay song cửa vô thường mênh mang
Bãi sông cồn ngọc cát vàng
Lung linh Tâm nở giữa tràng khổ-hoa.
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng

Phạm Duy

Gặp Bình Nguyên Lộc ở "Quán Bên Đường"

... *L*úc đó vào những năm đầu của thập niên 60. Dân chúng Saigon đang trong cơn sốt âm nhạc nhờ ở những sản phẩm quỷ thuật về âm thanh như giàn amphi và loa tối tân cùng với máy tape recorder vừa được phát minh và bán ra thị trường, mang những nhãn hiệu Pionner, Akai, Sony vân vân... Tôi còn nhớ là vào đầu thập niên 50, tôi đã mua được một cái máy ghi lại âm thanh trên một sợi dây thép, so với máy tape recorder sau này thì rất là sơ sài nhưng đối với tôi là người mới ở chiến khu về thì đó là phép lạ! Vào khoảng mấy năm đầu của thập niên 60, những máy chạy băng lớn **reel-to-reel** nhập cảng vào Việt Nam một cách rất ồ ạt đã đóng góp rất nhiều vào việc truyền bá Tân Nhạc vào lúc bấy giờ. Các nhà sản xuất băng nhạc như Shotguns, Thúy Nga đã đang từ từ đánh lui các nhà sản xuất dĩa hát như Việt Nam, Asia vào bóng tối. Nếu như trước đây, ta rất khó lòng *sang lại* (duplicate) được những bản nhạc nằm trong những dĩa hát mà mình thích thì bây giờ ta có thể dễ dàng sang lại những bài hát nằm trong các băng nhạc. Một nghề mới đã nẩy sinh ra tại Việt Nam là **nghề sang băng**. Cơn sốt âm nhạc này còn lên tới cực độ khi máy cassette ra đời sau đó. Máy cassette nhỏ nhắn, tiện lợi hơn máy reel-to-reel to lớn, nặng nề!

*
* *

*T*ới năm 1963 thì Tân Nhạc Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ lắm rồi! Nó đang vươn tới **giai đoạn loạn phát**, nghĩa là nó mang nhiều tính chất **thương phẩm** hơn là tính chất nghệ thuật. Các Đài Phát Thanh là nơi tốt nhất để lăng xê những bản nhạc thương phẩm cho nên mấy ông chủ sự trong các Phòng Chương Trình được mọi sự o bế của giới sản xuất bài ca...

Một hôm, anh Bình Nguyên Lộc gọi điện thoại cho tôi để mua lại một cái máy tape recorder nhỏ và đã hơi cũ hiệu AKAI mà tôi rao bán để mua một cái lớn hơn và tốt hơn là máy PIONNIER. Tôi bưng cái máy xuống nhà anh ở đầu đường Cô Giang thì phải và sau khi làm xong cái vụ mua bán thì anh ấy đưa cho tôi một bài thơ mà anh nói là của Vô Danh để cho tôi phổ nhạc.

Bài thơ mang đầu đề CỦ KHOAI NGOAN và mang tính chất xã hội này làm cho tôi nhớ lại những bài hát khác mà tôi đã soạn ra, cũng mang tính chất tả thực như TIẾNG BƯỚC TRÊN ĐƯỜNG KHUYA, PHỐ BUỒN, TÌNH NGHÈO vân vân... Tôi thích bài thơ CỦ KHOAI NGON và phổ nhạc thành bài QUÁN BÊN ĐƯỜNG. Bấy giờ là cuối thời Ông Diệm và cảnh xã hội mà anh Bình Nguyên Lộc, dưới bút hiệu Vô Danh, đã soạn thành thơ là một cảnh thực. Mở đầu là sự nhắc lại một dĩ vãng nơi thôn quê miền Nam:

Ngày xưa ngày xửa ngày xưa
Chiều mơ, chiều nắng đẹp khoe mầu tơ...
Hai đứa mình còn trẻ thơ
Rủ nhau ngồi ngưỡng cửa chơi thẩn thơ...

Nhớ em còn mái tóc bánh bèo
Má chưa hồng da mét vì em nghèo
Đầu anh còn húi trọc
Khét nắng, hôi trâu, thèm đi học.
Em cầm một củ khoai
Ghé răng cạp vỏ rơi
Xong rồi mình chia đôi
Khoai sùng này lượm mót
Sao ngọt lại ngọt ghê ?

Đó là một đôi trẻ thơ được mô tả với ngôn ngữ đặc xệt miền Nam: em thì mái tóc bánh bèo, da mét không hồng... anh thì đầu húi trọc, người lúc nào cũng khét nắng hôi trâu và chỉ thèm đi học... Tuy nghèo khổ nhưng đôi trẻ thơ này đã tìm được chút hạnh phúc trong sự chia nhau ăn một củ khoai sùng mới lượm mót được.

*
* *

Thế rồi thời gian trôi đi... Đôi trẻ thơ đã lớn. Đã xa nhau rồi đã gặp nhau một chiều mưa lạnh nơi đô thành:

Giờ đây kỷ niệm ngày xưa
Giờ đây cảnh chìm xa mù khơi
Gặp nhau một chiều lạnh mưa
Nhìn nhau quần áo bảnh bao, mừng sao !

Em bây giờ thì quần áo đã bảnh bao, em vẫn còn xinh còn tươi như thuở xưa... Đời em chắc hẳn là vui lắm! Có phải nơi đây là nhà của em? Không phải! Đây, than ôi, chỉ là một cái quán nước hay quán rượu, và em thì vừa phải bán rượu vừa phải bẹo hình hài đem bán:

Nhìn em còn xinh còn tươi
Đời em tưởng đâu là vui
Nhà em phải chăng là đây ?
Dè đâu chẳng may là quán
Em bẹo hình hài đem bán...

Em thì như vậy ! Thế còn anh ? Anh làm gì ?

Rồi em hỏi anh làm chi ?
Cầm bút, để viết ngày đêm. Viết gì ?
Đời thối phải nói là thơm
Ngòi bút là chiếc cần câu miếng cơm.
Em hỏi Nghệ Thuật là chi ?
Là đui, là điếc, là câm... mà đi !

Anh là nhà văn, nhà thơ hay nhà báo, nhưng trong lúc này... đời thối phải viết là thơm, ngòi bút đối với anh chỉ là chiếc cần câu miếng cơm! Nghệ Thuật là đui, là điếc, là câm... cúi mặt mà đi! Nhìn nhau nhau... rồi mời nhau ăn miếng bánh:

Nhìn nhau lặng lẽ nhìn nhau
Nào có ai đánh mà sao lòng đau ?

Bánh ngọt cùng mời ăn
Nhớ chăng củ khoai ngon
Bánh tươm vàng như nắng
Bánh này mình chưa cắn
Sao mà miệng mình cay đắng.

Thế rồi đôi bạn chia tay... Xin với nhau một nụ cười hay một giọt lệ:

Rồi xin một nụ cười thôi.
Cười ư ? Anh đã vùi quên nụ cười
Thì xin một giọt lệ thôi
Lệ em cạn đã từ lâu người ơi !

Thi sĩ kết luận :

Trước khi từ giã hỏi nhau buồn hay là vui ?
Thì cứ hỏi ngay cuộc đời.

*
* *

Cuộc đời Việt Nam trong năm 1962 này, thực ra có cái cảnh bi ai như thế này không? Theo tôi thì vào thời nào và ở đâu cũng có thể có cái cảnh chua chát này. Điều muốn nói ở đây chỉ là trong Tân Nhạc Việt Nam vào lúc đó, đã có một bài hát xã hội nhan đề là QUÁN BÊN ĐƯỜNG này, rút ra từ một bài thơ của Bình Nguyên Lộc. Bài này được in ra trong tập HÁT VÀO ĐỜI do nhà xuất bản AN TIÊN ấn hành và đã được hát trên các Đài Phát Thanh cũng như được thu vào băng nhạc với giọng hát Thái Thanh, Duy Quang...

Dường như anh Bình Nguyên Lộc cũng thích bài này lắm cho nên khi anh tới Hoa Kỳ là anh gửi thư xin tôi gửi cho anh ấy băng nhạc có thu thanh bài QUÁN BÊN ĐƯỜNG.

*
* *

Tôi gặp anh Bình Nguyên Lộc hai lần tại Rancho Cordova trước khi anh qua đời. Chúng tôi có nhắc lại nhiều chuyện xa gần, chuyện đã được sống tại miền Nam dưới thời Pháp thuộc, khi cả hai mới mon men bước vào lãnh vực văn nghệ với những buổi đi xem kịch của Claude Bourrin (đạo diễn kịch trường người Pháp mà anh ấy có nhắc tới trong một tác phẩm).... Nhắc tới những chính sách văn nghệ và thân phận của người làm công việc văn học nghệ thuật... và rốt cục, cả hai chúng tôi đều đồng ý luyến tiếc củ khoai ngon hơn là miếng bánh ngọt nơi quán bên đường.

PHẠM DUY

ĐÓN ĐỌC CÁC SỐ VĂN HỌC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT VỀ

VĂN NGHIỆP VŨ KHẮC KHOAN

ra đầu tháng 9.1987

SỰ NGHIỆP VĂN NGHỆ CỦA PHẠM DUY

ra đầu tháng 10.1987

Văn Học mong đón nhận bài vở đóng góp của quí bạn đọc và văn hữu để hai số tạp chí đặc biệt nói trên thêm phong phú.

Quán Bên Đường

Phạm Duy phổ nhạc

thơ Bình Nguyên Lộc

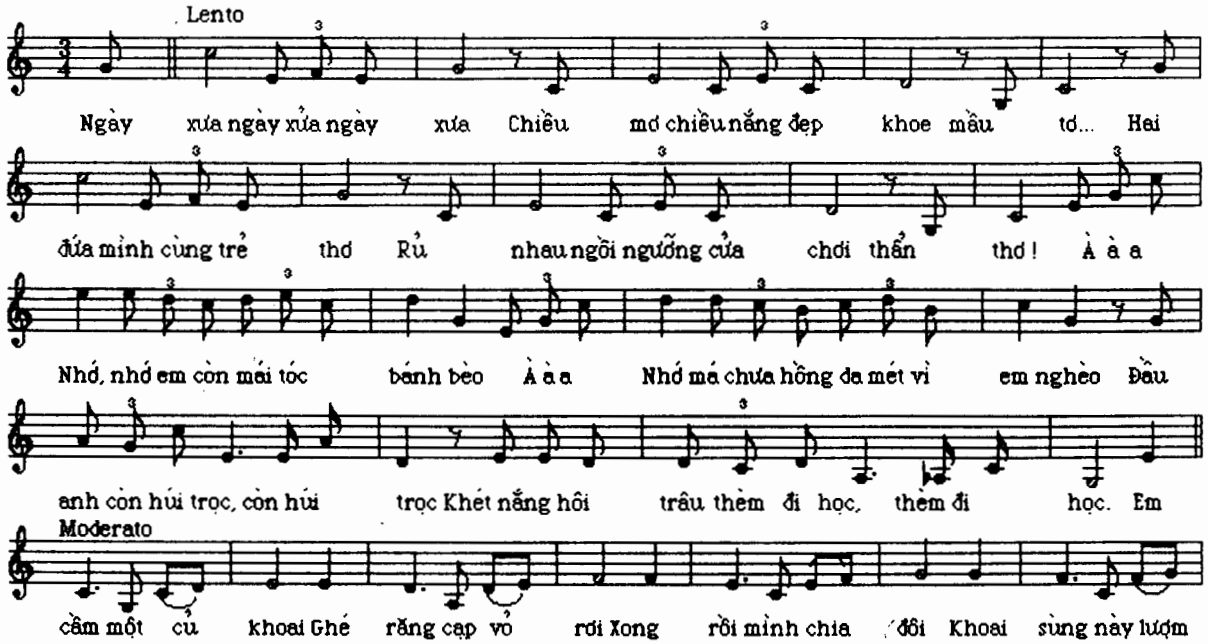

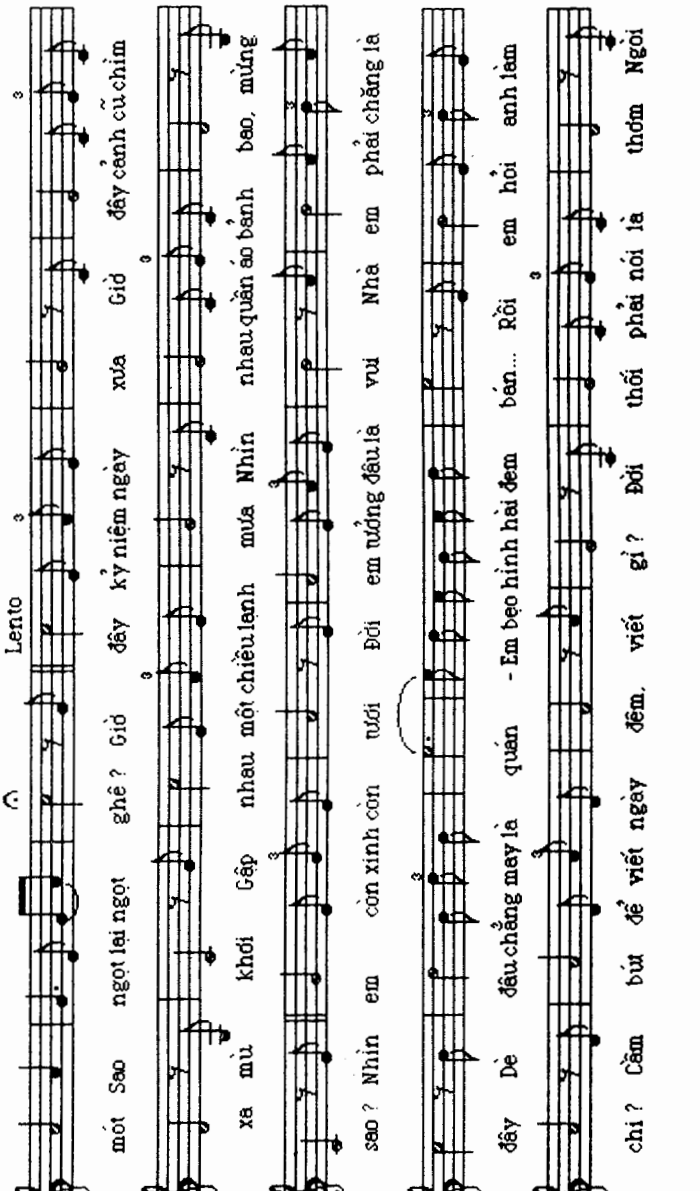
Lento
mót Sao ngọt lại ngọt ghê ? Giờ đây kỷ niệm ngày xưa Giờ đây cảnh cũ chim
xa mù khơi Gặp nhau một chiều lạnh mưa Nhìn nhau quần áo bảnh bao, mừng
sao ? Nhìn em còn xinh còn tươi Đời em tưởng đâu là vui Nhà em phải chăng là
đây Dè đâu chẳng may là quán - Em bẹo hình hài đem bán.... Rồi em hỏi anh làm
chi ? Cầm bút để viết ngày đêm, viết gì ? Đời thối phải nói là thơm Ngòi

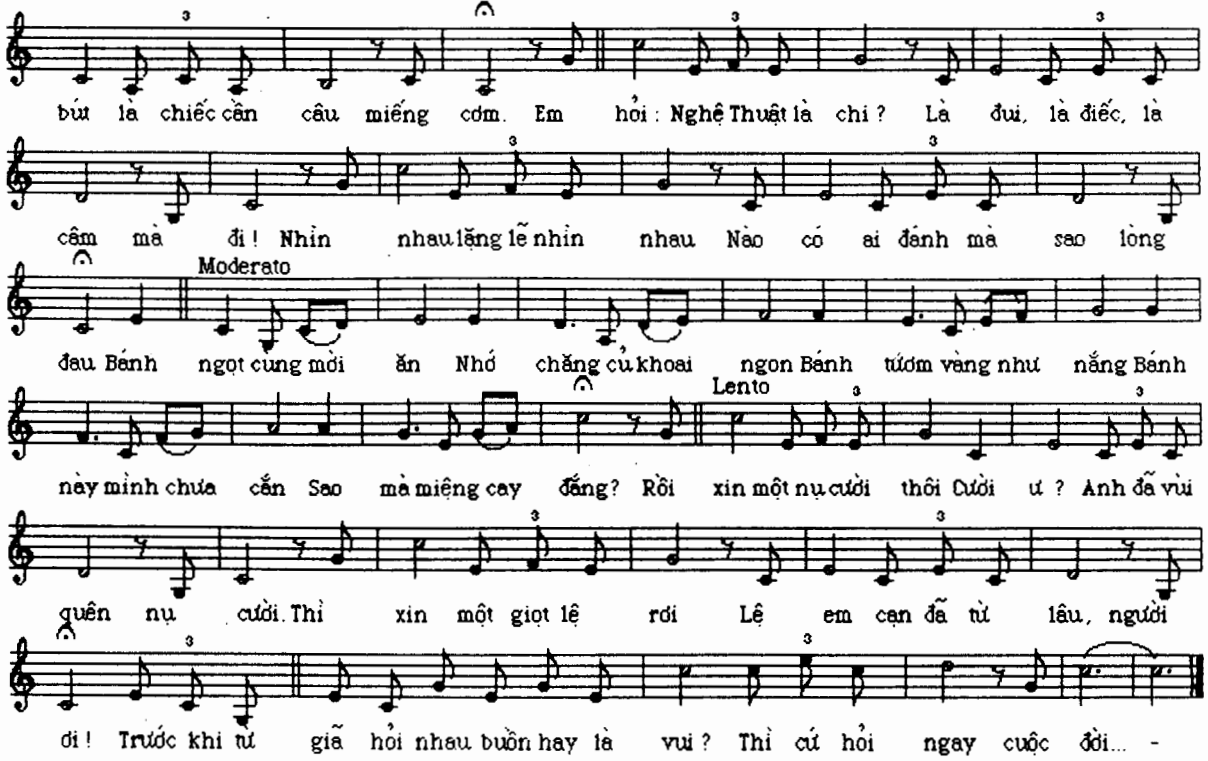
bứt là chiếc cần câu miếng cơm. Em hỏi: Nghệ Thuật là chi? Là đui, là điếc, là
câm mà đi! Nhìn nhau lặng lẽ nhìn nhau Nào có ai đánh mà sao lòng
Moderato
đau Bánh ngọt cung mời ăn Nhớ chăng củ khoai ngon Bánh tươm vàng như nắng Bánh
Lento
này mình chưa cắn Sao mà miệng cay đắng? Rồi xin một nụ cười thôi Cười ư? Anh đã vùi
quên nụ cười. Thì xin một giọt lệ rơi Lệ em cạn đã từ lâu, người
đi! Trước khi từ giã hỏi nhau buồn hay là vui? Thì cứ hỏi ngay cuộc đời... -

Võ Phiến

Cá tính địa phương

Đối với cuộc sống, mỗi nhà triết học có một quan niệm khác nhau; để thể hiện nó, mỗi nghệ sĩ có một nghệ thuật khác nhau. Cùng đối với một cuộc sống ấy, tại sao có nhiều thái độ suy tưởng và cảm xúc khác nhau vậy?

Trong các lý do qui định thái độ của một người, có kẻ cho rằng quan trọng hơn hết là lý do thuộc về kinh tế. Trong thời kỳ sinh sống bằng nông nghiệp, người ta quan niệm về cuộc đời khác thời kỳ mà kỹ nghệ phát triển. Và cùng trong một thời kỳ thì có hạng nắm giữ các phương tiện sản xuất, có hạng không được nắm giữ, hạng nầy đối với cuộc đời có cái nhìn khác hạng kia.

Platon duy tâm hả? Ông ta tưởng tượng ra cái thế giới của những ý niệm thuần túy? Có gì đâu, ở Hy lạp hồi đó đã có những thành thị mà công nghiệp và thương mãi phát đạt cực thịnh; đối với hạng thị dân trưởng giả như Platon thì mỗi sản vật, trong sự mua bán, chỉ có ý nghĩa là một giá tiền, mỗi vật thể đã bị lột hết đặc tính tự nhiên của nó, nó đã được coi như một ý niệm trừu tượng rồi mà. Quen với sự nhận định về các vật thể như vậy, làm sao Platon không có một triết thuyết duy tâm?—Zénon hô hào khắc kỷ hả? Đó là thái độ hợp lý nhất của giai cấp đại trưởng giả Hy lạp lúc bấy giờ: họ phải khép mình công nhận uy quyền độc đoán đang bành trướng của vua Alexandre thì mới gìn giữ được các quyền lợi kinh tế của họ. — Epicure lại rủ rê hưởng lạc? Đó là vì ông này thuộc tầng lớp tiểu trưởng giả đang trụy lạc. — Khổng tử hả? Ông này là thuộc hạng phong kiến nhỏ, mong dùng lễ nghĩa tôn ti trật tự mà chế ngự các lực lượng công nghiệp và thương mãi đang phát đạt ở xã hội Trung hoa đương thời. — Còn Lão tử? Đây là hạng nông dân sống gần với trời đất cỏ cây, với thiên nhiên, cho nên muốn cá nhân đồng hóa với tự nhiên...

"Ông hãy nói cho tôi biết ông thuộc giai tầng nào trong xã hội, tôi sẽ cho ông hay ông cảm nghĩ ra sao". Quan niệm ấy từ lâu đã có

một uy tín.

Nhưng thái độ của các triết gia, nghệ sĩ, cũng được giải thích bằng những lý do khác. Chẳng hạn về chuyện Khổng tử và Lão tử ta thường gặp ý kiến này. "So sánh Khổng tử với Lão tử? Chuyện ấy nằm trong vấn đề đối chiếu hai cá tính miền bắc và miền nam của nước Tàu." Rất nhiều nhà nghiên cứu về văn nghệ và học thuật Trung hoa nghĩ như vậy. Ở xứ ta, từ trước đến nay chỉ có một cuốn sách khảo về văn học Trung quốc của ông Nguyễn Hiến Lê, thì ông Nguyễn cũng tán đồng quan điểm ấy.

Trung quốc có hai con sông lớn: sông Dương tử ở phía nam, sông Hoàng hà ở phía bắc. Trên lưu vực mỗi con sông ấy, địa thế mỗi khác, khí hậu mỗi khác, và dân cư sống ở vùng lưu vực này có một cách thế suy nghĩ cảm xúc khác với dân cư sống ở vùng lưu vực kia. Phương bắc giá rét thê lương, cây cỏ thưa thớt, phong cảnh tiêu điều, sản vật ít oi, mưa hiếm đất khô; con người ở đây sinh nhai vất vả, tính tình nghiêm khắc, có đầu óc thực tiễn, thiên về lý trí. Còn phương nam thì đất đai phì nhiêu, khí hậu ôn hòa, cây cỏ tươi tốt, phong phú, phong cảnh lại đẹp đẽ, có núi cao hùng vĩ, có sông rạch uốn khúc; con người sống thanh nhàn, thiên về những tình cảm lãng mạn, ủy mị, huyền hoặc, vẩn vơ, xa thực tế.

Sự phân biệt ấy, trong sách *Trung dung* đã thấy nói tới. Và trong quá trình phát triển lâu dài của hơn hai nghìn năm văn học, hình như ở thời nào người ta cũng tìm thấy được chứng cớ dị biệt giữa hai miền. Từ thuở xa xưa, *Kinh Thi* miền bắc đã khác với *Sở từ* miền nam. Rồi về triết học: Khổng tử, Mạnh tử của miền bắc thiết thực; Lão tử, Trang tử của miền nam cao siêu bay bướm. Về hội họa, về điêu khắc: Nam tông thì có nét bút diễm lệ, mềm mại như của Vương Duy; Bắc tông thì nghiêm cẩn như Lý Tư. Cho đến tuồng chữ viết của hai miền cũng có đặc tính riêng: bút pháp của Vương Hy Chi miền nam không rắn rỏi như bút pháp của miền Bắc. Về âm nhạc, Nam khúc Bắc khúc không hợp nhau. Mãi tận đến đời Minh về sau này, các nét dị biệt vẫn chưa hoàn toàn dung hòa: tuồng ở phương bắc thì thịnh về loại tạp kịch, tuồng ở phương nam thì thịnh về loại truyền kỳ.

Ảnh hưởng của hoàn cảnh địa lý, của khí hậu đối với tính tình con người, cái đó ở một quốc gia rộng lớn như Trung hoa thì thấy rõ, còn ở những nước nhỏ hẹp chắc chắn nó không rõ rệt bằng, tuy vậy ta vẫn nghe nói đến đây đó có những miền mà cá tính địa phương rất độc đáo: tính bủn xỉn của người Ái-nhĩ-lan, nét huyênh hoang nơi quê hương Tartarin, truyền thống cách mạng của dân Nghệ Tĩnh Nam Ngãi, tâm lý đa tình của con gái Bắc ninh, gái Huế v.v...

Những nét cá tính ấy càng là về xưa có lẽ nó càng sâu đậm, cho nên mới có cái trường hợp tác giả *Đại nam nhất thống chí* nêu đích danh những thôn xã nhỏ mà vạch tâm lý dân làng bằng cái giọng chắc nịch của một vị quan ở Quốc sử quán vâng mệnh vua chép sách: "Chí như Bồng sơn tắc Tân quan chi nữ hiếu dâm, Phù mỹ tắc Ô phi chi dân hiếu tụng" (đến như tại Bồng sơn thì con gái Tân quan (!) thích dâm dục, tại Phù mỹ thì dân Ô phi thích kiện tụng). Chết! Tam quan với Ô phi bất quá là hai làng tí teo, dân cư xưa kia được mấy lăm người, ảnh hưởng của núi sông nào tụ về đây, người ở đây họ đã làm gì quá quắt mà tiếng dữ đồn xa đến nỗi ấy? Dầu sao, đó là chuyện ngày trước, chứ còn bây giờ từng địa phương nhỏ hẹp không thể còn giữ bản sắc đậm đà ấy nữa. Bây giờ, nhờ phương tiện giao thông phát triển, người tứ xứ gặp nhau hằng ngày, phong tục các địa phương dung hòa với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, sắc thái riêng của từng miền, từng vùng, lần lần bị xóa nhòa đi. Một ngày kia, người cả nước sẽ như trong một nhà, sẽ không còn miền nào buồn chú ý đến điểm cá biệt của miền nào nữa.

Và bởi vì các nét đặc tính địa phương đang có xu hướng mất lần đi, cho nên nếu có dịp tưởng nên tìm hiểu về nó trước khi nó phai nhòa mất, tìm hiểu nó để giúp thêm vào sự tìm hiểu về các tác phẩm văn nghệ, về thái độ của các nhân vật lịch sử, về cách phản ứng riêng của quần chúng mỗi địa phương qua các giai đoạn lịch sử.

Đi từ vĩ tuyến 17 vào mũi Cà mau, người ta để ý thấy từ tỉnh nầy sang tỉnh khác ở ngoài trung giọng nói của dân chúng khác nhau nhiều hơn là ở trong nam. Trong này, người sinh trưởng ở Biên hòa và người Long xuyên, Rạch giá chẳng hạn, cùng nói chuyện, giọng nói nghe không có chỗ khác nhau rõ rệt. Trái lại, ngoài kia, người Huế phát âm khác hẳn người Phú yên, người Phú yên khác hẳn người Quảng trị v.v...

Và theo chỗ nhận xét riêng, tôi thấy rằng giữa giọng nói, giọng hát, với tâm lý của người ta vẫn có những mối tương quan. Tiếng nói của người ta phát ra, cũng như bao nhiêu hình thức biểu hiện khác: cử chỉ, tuồng chữ viết, nét mặt, vóc người v.v... điều tiết lộ ít nhiều về tâm hồn người ta. Bởi vậy, chỉ riêng sự khác biệt dễ nhận thấy nhất là sự khác biệt về giọng nói, nó cũng cho ta ức đoán về một vài nét tâm lý riêng của địa phương.

Ai có dịp sống bên cạnh một gia đình người Huế, đêm đêm nghe giọng hát của người đàn bà ru con, nghe những tiếng ngân kéo dài, dài mãi dài thăm thẳm, kéo dài và nhỏ dần như mất hút, rồi đến tận cùng sự chờ đợi của người nghe bỗng dưng bất ngờ xuất hiện lại, ai có dịp thưởng thức giọng hát ấy rồi nghĩ đến các

điệu hò điệu hát ở Quảng ngãi tất sững sờ vì sự cách biệt. Nguyên cái giọng của người Huế đã trầm bổng dịu dàng hơn hết ở mọi vùng miền trung. Thứ giọng nói khiến ta nghĩ đến một thái độ giao tế mềm mỏng, khéo léo, một nếp sống đài các. Thứ giọng nói thích hợp với những buổi tiếp tân trong gia đình, với các câu thù tạc, các chuyện tâm tình trong vòng những cuộc tiếp xúc nhỏ hẹp, thứ giọng nói không thể hùng hồn. Không, giọng Huế không phải là thứ giọng nói của sinh hoạt tập thể, công cộng, đông đảo: giữa một hội trường lớn, giữa một cuộc mít-tinh, bên cạnh những giọng nói rắn rỏi của miền Nam Ngãi, giọng nói dũng mãnh rang rảng của người Bắc, thì tiếng Huế cất lên nghe yếu ớt làm sao!

Các điệu hát ở Huế càng làm nổi bật các sở trường của giọng nói . Hát ru con cũng như hò mái nhị, mái đẩy, đâu đâu cũng một vẻ khoan thai, lững đững, chùng chình. Nghĩ đến giòng sông lờ đờ không chịu chảy ở đây chăng? Nghĩ đến những mùa mưa dài bất tận, làm ê ẩm cả tâm hồn ở đây chăng? Toàn là những hình ảnh sáo cả. Tuy nhiên, giữa người ấy, cảnh ấy, nếp sống ấy, chắc chắn có sự liên hệ. Vốn sinh trưởng ở cách xa Huế trên năm trăm cây số về phía nam, lúc mới đến ở Huế, gặp mùa mưa ở đây, trời ơi, tôi sốt ruột! Cũng như thế, nghe điệu hát Huế lần đầu, tôi bỡ ngỡ lạ lùng; và sau này được nghe đi nghe lại mãi, lắm lúc tôi vẫn không khỏi bàng hoàng trước cái tiếng ngân dài vút thẳm như đi sâu hun hút vào một nỗi buồn cô đơn quạnh quẽ. Trong đêm khuya, người nghe hát không thể không thắc mắc suy nghĩ về những nỗi u ẩn, về cái đời sống tình cảm thâm trầm lạ kỳ của người đàn bà địa phương; bởi lẽ người hát nếu không có tình cảm phong phú thì lấy gì gửi gắm vào những tiếng ngân nga dài dòng đến bậc ấy? Tiếng nói, khi chỉ nhằm mục đích thiết thực là diễn đạt ý tưởng, thì cốt ngắn gọn. Lối phát âm trong trường hợp ngôn ngữ dùng "tải đạo" tất phải giản đơn. Bởi thế những cái không cần thiết, những cái phụ thuộc, thêm vào, mọi đưa đẩy, bổng trầm, uốn éo, ngân nga, mọi phù phiếm ấy, đều không dùng để diễn ý mà là để "tải tình". Làm quen với lối phát âm đa tình này ít lâu, nghĩ đến lối nói của địa phương sinh quán mình tự dưng tôi thấy nó gấp gáp, láu táu, ngay tình, "chân phương" quá lẽ!

Vượt qua khỏi đèo Hải vân, đi quá vào phía nam một chút, người ta nhận thấy cái tình tứ kín đáo ấy biến mất. Tại đây bỗng gặp một giọng nói oang oang oai dũng. Tiếng Quảng và tiếng Huế có nhiều thổ ngữ giống nhau, như răng, chừ, rứa, ri, mô, tê, nớ v.v...; nhưng cách phát âm thì khác hẳn nhau. Riêng giọng Quảng ngãi lại càng là xẳng xớm, mạnh mẽ, như quát tháo. Phải chăng vì vậy mà Quảng nam thường sản xuất ra những ý chí quật cường, và mỗi phong trào cách mạng thường gặp ở Quảng ngãi một biểu lộ quá khích? Dẫu sao, tiếng Quảng không là thứ tiếng thích hợp với

những cuộc đàm đạo tỉ tê, nhỏ nhẹ; nó sở trường trong các cuộc tranh luận, nó diễn tả đắc lực những cơn phẫn nộ sôi nổi.

Lại qua khỏi một ngọn đèo Bình đê, không biết vì sao tự dưng giọng nói của người Việt nam liền mất đi cái vang âm chát chúa dữ dội ấy.

Cứ thế, giọng nói ở ngoài miền trung đổi khác không những từ tỉnh nọ sang tỉnh kia, mà lắm khi còn từ quận này tới quận khác. Kẻ thông thạo không thể nào lẫn lộn được giọng nói của một người ở Tam quan với một người ở Tuy phước chẳng hạn, tuy cả hai nơi cùng thuộc một tỉnh Bình định.

Tôi không biết ở ngoài bắc thì ra sao, chứ ở miền nam này không có cái tình trạng ấy.

Nguyên nhân có lẽ là vì ở miền nam nhờ có nhiều sông ngòi, kênh rạch, sự đi lại sớm được dễ dàng và ít tốn kém, dân cư các vùng thường gặp nhau, cho nên cuộc sống sớm chan hòa với nhau. Đọc tiểu thuyết miền nam, thường gặp những đoạn nói đến ghe thương hồ ngang dọc trên sông, những đoạn tả cảnh buôn bán tấp nập: dưa Hà tiên, măng cụt Lái thiêu, bưởi Biên hòa... mỗi mùa mỗi vùng mỗi sản phẩm, chở đi bán khắp xứ, có những dịp ghe thuyền tụ tập san sát ở một bến, người người chen nhau mua bán, làm quen, bắt tình, lại có những dịp tam bản linh đinh xuôi ngược trên sông, gặp nhau, theo nhau trao đổi những câu hò câu hát suốt các quãng đường dài. Như vậy, trai Biên hòa, Châu đốc, gái Long xuyên, Cần thơ không cảm thấy có gì chia cách.

Ở ngoài trung, trước đây, không hề được như thế. Tỉnh này thường cách tỉnh kia một cái đèo. Và một cái đèo, một cái truông, thuở trước, là cả một trở lực ghê gớm. Trong bài *Sinh tế Trường lưu nhị nữ* của Nguyễn Du ta thấy khi nhắc đến chuyện tình ái hồi thiếu thời, thi sĩ đã có những kỷ niệm ai oán về cái truông. Trong ca dao, người bình dân thường thường cũng than vãn về cái nạn truông đèo. Nổi tiếng nhất có lẽ là câu:

"Thương em anh cũng muốn vô.
Sợ truông nhà Hồ..."

Ở trong nam này có một câu hát ân tình tuyệt đẹp:

"Ai về Giồng Dứa qua truông.
Gió run bông sậy để buồn cho em".

Tôi không được biết cái truông ở chỗ Giồng Dứa ấy nó thế nào, nhưng rõ ràng nó đã làm khổ người con gái rất sâu xa. Những kẻ có dịp buồn vì một chút "gió run bông sậy" ấy sẽ thông cảm dễ dàng với nỗi lòng người dân miền trung ngày xưa. Ba mươi năm trước, ở Bình định chẳng hạn, nếu thỉnh thoảng có người con trai mạo hiểm hoặc người con gái buồn chuyện gia đình mà bỏ làng vượt qua đèo Cù mông "phiêu lưu" vào tỉnh Phú yên (ở cạnh phía

nam), hoặc vượt đèo Mông giang "phiêu lưu" lên Pleiku, Kontum (sát cạnh phía tây) thì đối với bà con người ấy coi như là đã đi "hoang", đã đi vào chỗ mịt mù, đã mất tông mất tích rồi.

Như vậy bảo sao tại đây mỗi vùng không có một bản sắc địa phương sâu đậm?

Nhưng nói đến bản sắc địa phương, tôi thường bị hấp dẫn hơn cả về cái bản sắc của miền Nam — của toàn bộ miền nam, bởi vì địa thế trong này không bị chia cắt thành nhiều vùng nhỏ cô lập. Miền nam mới gia nhập sau cùng vào gia đình Việt nam, chưa kịp phô bày đầy đủ các đặc điểm của mình, sách biên khảo về miền này còn ít, tác giả thể hiện cuộc sống của miền này cũng chưa nhiều, cho nên mỗi khi tìm hiểu được điều gì về miền nam ta có cái thú khám phá. Lời văn trong các sách giáo khoa lớp năm lớp tư ta học hồi nhỏ đều là viết theo cách nói ngoài bắc ; cảnh trí nhân vật được trình bày trong đó phần lớn đều là của ngoài bắc; lớn lên một chút, lên bậc trung học, những tác phẩm văn chương được trích giảng cho nghe, được đưa ra suy cứu, hầu hết cũng là của ngoài bắc; cho nên ta được nghe nói quá nhiều về tâm lý của người, nét đẹp của cảnh, phong tục tập quán, lai lịch anh hùng, di tích lịch sử của miền bắc. Và sau đó là đến miền trung. Nghe nhiều quá rồi cho nên khó có chỗ để cho ta chen thêm lời vào.

Còn về miền nam... Từ thời kháng chiến, có câu thơ nói về Đồng Tháp Mười "muỗi kêu như sáo thổi, địa lội như bánh canh" được nhắc nhở rất nhiều. Giá trị nghệ thuật của câu đó, nếu có, cũng không thể có là bao lăm. Nhưng tôi chắc nó được chú ý là vì nó giới thiệu một khung cảnh hãy còn xa lạ đối với phần đông người trong nước. Như vậy đủ rõ mối tò mò bỡ ngỡ của dân tộc đối với miền nam.

Gần đây, đọc truyện của các nhà văn lớp trẻ sinh trưởng ở các vùng quê miền nam, tôi nhiều lần say mê không những trước những cảnh trí, nếp sống khác lạ tả trong sách mà còn vì cái giọng viết rất đột ngột, và nhất là vì những chỗ đối thoại thật "mê tơi". Những lời lẽ ấy, cái ngôn ngữ ấy, rõ ràng là của chỗ quê hương, mình vừa cảm thấy nó rất gần gũi với cuộc sống Việt nam, mà vừa cảm thấy một nét độc đáo tinh khôi. Nó như mở ra trước mắt mình một khía cạnh mới của tâm hồn Việt nam, từ trước không ngờ đến.

Tâm lý của một nhân vật tiểu thuyết thành công, tâm hồn của một cá nhân, đã là một cái gì phức tạp rồi, huống chi của cả một dân tộc. Và chính bởi nó phức tạp rắc rối như thế cho nên mới có cái thú viết tiểu thuyết, cái thú phân tích con người, có cái thú cố gắng tìm hiểu về tâm hồn mênh mông của dân tộc.

Một hôm, tại một báo quán, nhiều người đang nói chuyện, bỗng có một kẻ đề cập đến thi sĩ Đông Hồ, rồi tới vấn đề ngâm thơ. Một học giả tuổi tác, người miền nam, cười bảo: ngâm thơ thì phải giọng bắc, còn ở trong nam, dù là thi sĩ cũng không ngâm được đâu.

Kiểm điểm lại các giọng ngâm thơ xuất sắc trên làn sóng điện phát thanh thì quả có thế thật. Tại sao lạ vậy? Người nam giọng rất hay, có nhiều nam nữ ca sĩ nổi tiếng. Có cả những kẻ như bà Mộng Trung, như ông Trần văn Trạch, có biệt tài trình bày hầu hết các điệu cả bắc lẫn nam, ca sĩ người bắc mấy ai được như vậy? Có thể nào hát đủ hết mọi điệu được mà lại không ngâm thơ được?

Vị học giả nọ lại cười, và cắt nghĩa. Người trong nam này lai nhiều lắm; đã đành không có chủng tộc nào là thuần túy, ngay tổ tiên chúng ta ở ngoài bắc cũng pha trộn đôi ba giòng máu, nhưng càng tiến về phương nam càng gặp nhiều giống người chiếm lãnh đất đai này từ trước, càng có nhiều sự chung đụng với họ và càng pha trộn nhiều thêm. Bởi trong giòng máu của mình đã có sự hòa hợp rộng rãi ấy, cho nên người nam tiếp nhận dễ dàng tư tưởng của người, sử dụng dễ dàng cái ngôn ngữ của người, bắt chước dễ dàng các điệu hát của người... Người trung người bắc không theo kịp người trong này về các phương diện đó đâu, nhưng còn tự mình phát ra một điệu ngâm riêng, cái đó lại là chuyện khác...

Tại sao ngâm thơ không được? Chỗ đó vẫn chưa được giải thích minh bạch. Nhưng về các điểm khác thì sự nhận xét vừa rồi nghiệm ra hữu lý. Người miền nam chẳng những phát âm các điệu hát, nói các thứ tiếng của người rất giỏi, rất giống, mà còn thâm nhập rất nhanh chóng vào tinh thần các ngôn ngữ khác. Họ như có cái năng khiếu đặc biệt về ngoại ngữ. Nước ta xưa nay không thiếu gì những bậc thông minh học rộng nhớ nhiều, nhưng về trường hợp học ngoại ngữ được nhanh thường nghe nhắc nhở vẫn là trường hợp học giả Trương vĩnh Ký. Mấy năm trước đây, ông Nguyễn Hiến Lê giới thiệu một tác phẩm của Phạm công Thiện cũng khen ngợi sự thông hiểu ngoại ngữ của tác giả này ngay từ hồi tuổi còn rất nhỏ.

Ngày nay, đối với chúng ta, cái bến tàu lớn nhất trong nước là ở Sài gòn, miền nam. Thành phần có khả năng thích ứng tài tình nhất, có khả năng tiếp nhận, thông thái mau mắn nhất, thành phần cởi mở bén nhạy nhất của dân tộc lại được đặt sống ở ngay tại ngưỡng cửa quốc gia, đầu tiên trực tiếp với mọi sản vật, nhân vật, tư tưởng, nghệ thuật v.v... từ các xứ tràn đến; như vậy là xứng hợp. Điểm ngẫu nhiên ấy thành ra may mắn.

Lại hôm khác, nhân đọc tờ *Liên Minh* số 3, thấy trong bức thư

của ông Hồ Hữu Tường gửi cho Hồ Chí Minh có câu: "Cụ chớ ngần ngại gì mà chẳng áp dụng "chủ nghĩa xét lại" để nói chuyện với quần chúng trong nam là một khối quần chúng đượm nồng ảnh hưởng tôn giáo: hoặc Phật giáo, hoặc Hòa hảo, hoặc Cao đài, hoặc Thiên chúa".

Cũng là một nhận xét ngộ nghĩnh về miền nam nữa, cũng lại do một học giả miền nam nữa.

Mà quả thực, tôn giáo đóng vai tuồng hết sức quan trọng trong cuộc sinh hoạt ở miền đất này, điều đó sờ sờ trước mắt. Dân tộc chúng ta đến ở ngoài bắc ngoài trung, cho đến nay suốt cả khoảng lịch sử dài hai ngàn năm dằng dặc có phát sinh ra được một thứ tôn giáo nào riêng đâu... Đa số là thờ phụng tổ tiên, lớp học thức theo nho, theo Lão, rồi đạo Phật được truyền sang ta cũng theo, rồi đạo Thiên chúa được người Tây giới thiệu, ta hưởng ứng. Thế thôi. Tự mình, người Việt nam ngoài trung và bắc chưa xướng lên được một tôn giáo nào. Ở trong nam thì không thế.

Ở trong nam, trái lại, từ hồi chúng ta vào đây lập nghiệp đến nay bất quá đôi ba trăm năm, thế mà đã có mấy thứ tôn giáo ra đời: đạo Hòa hảo, đạo Cao đài. Ấy là không kể rải rác đó đây còn những tu sĩ có hẳn một đường lối riêng, chẳng hạn như ông đạo Dừa, đạo Ớt, đạo Liếm v.v... (trong đó lắm ông có trình độ học thức hẳn hoi). Ngay như ông Hồ Hữu Tường, ông cũng có một năng khiếu tiên tri: chưa từng thấy có một học giả nào ngoài trung và bắc thường có những "thị kiến" như ông. Một hiện tượng như vậy hẳn không phải là một điều tình cờ.

Vả lại sự xuất hiện một tôn giáo mới ở đây không phải chỉ là kết quả suy cứu của một vài khối óc tách rời khỏi quần chúng, một vài cá nhân lẻ tẻ. Tôn giáo như thế nẩy sinh ra là để trả lời một đòi hỏi của khối người đông đảo; bởi vậy sự truyền bá các đạo mới, như Cao đài, Hòa hảo ở trong nam không có vẻ gì là khó khăn. Đạo phát triển rất nhanh, rất mạnh, tuồng như trong quần chúng đã có sẵn một tâm lý đón đợi, trong nếp sinh hoạt đã có cái không khí tôn giáo chờ vị giáo chủ. Sấm văng của Hòa hảo, gom góp lời đức thầy Huỳnh phú Sổ, tất cả bảy tập, mỗi tập dày bảy tám trăm trang; tập nào in ra cũng đến hằng triệu cuốn, trước sau tái bản cũng ba bốn trăm lần như thế: nghe qua thật phải hoảng vía, nhất là khi chúng ta biết rằng loại sách bán chạy nhất ở ta hiện nay in cũng không quá năm ba nghìn cuốn, và ít mong tái bản.

Cũng ở trong nam này, tôn giáo có khả năng kết tập quần chúng vô địch, không có phong trào cách mạng nào, không có đảng phái chính trị nào bằng. Trước đây, khi phải chống Pháp để giành độc lập, đạo Cao đài đã là một lực lượng làm cho thực dân lo

ngại. Trong thời kháng chiến, Hòa hảo đã làm khó khăn cho cộng sản đến nỗi chúng phải thủ tiêu Huỳnh giáo chủ. Các nhà chính trị quốc gia thường nương cậy vào lực lượng tôn giáo để chống thực dân, rồi trong lúc đánh nhau với cộng sản đến lượt Pháp lại phải công nhận hiệu lực chiến đấu của các giáo phái vũ trang. Và mới rồi, biến cố ngày 1-11-1963, biến cố chính trị trọng đại nhất trong khoảng chín mười năm nay, cũng lại do một nguyên nhân tôn giáo. Sau đó, trải qua gần hai năm xao động ở miền nam rốt cuộc người ta đành nhận rằng các đảng phái chính trị quốc gia đều bất lực, rốt cuộc huy động được những khối quần chúng lớn lao vẫn là tôn giáo, ảnh hưởng được các chính phủ vẫn là tôn giáo. Cho đến nỗi ngày nay, tại miền nam mà bảo loại ảnh hưởng tôn giáo ra khỏi chính trị là điều không thực tế nữa. Tôn giáo ở đây không chỉ chi phối có chính trị mà thôi, nó còn chi phối mọi ngành sinh hoạt của xã hội.

Ở Âu châu, từ lâu rồi, tôn giáo đã hết làm động cơ của chiến tranh, của các tranh chấp lớn. Ở miền nam châu Á tình hình nhiều nơi không như thế. Nước Ấn độ mới đây đã có lần khốn đốn vì một sợi râu của đức Mahomed; tại Tây tạng hiện nay công cuộc giải phóng dân tộc khỏi nền đô hộ Trung cộng chỉ còn trông cậy vào các vị giáo chủ. Trong không khí của một miền Nam Á như thế, các phong trào tôn giáo ở miền nam Việt nam ta mấy trăm năm rồi vẫn nổi bật, vẫn được dư luận thế giới chú ý.

Tại sao vậy? Tại sao người Việt nam chúng ta ở vào khoảng miền trong này tự dưng có đặc điểm ấy?

Vì kỹ thuật sản xuất, vì chế độ kinh tế chăng? Tôi không tìm được cách giải đáp nào theo đường lối đó.

Vì hình thế núi sông, vì khí hậu, cảnh vật chăng? — Không lẽ. Không có gì chứng tỏ rằng sống bên con sông Cửu long, uống nước sông Đồng nai, ta bỗng cần đến nhiều tín ngưỡng hơn là thuở sống ven sông Nhị hà, sông Hương. Trường hợp chúng ta có lẽ không giống như trường hợp nước Tàu của hai miền lưu vực sông Hoàng hà và sông Dương tử.

Tôi bỗng nhớ đến chữ "lai" đã đề cập tới trên đây. Có thể là do chỗ đó chăng?

Đối với vấn đề nguồn gốc của người Việt nam, sau khi cân nhắc nhiều tài liệu, nhà sử học Nguyễn Phương mới đây kết luận: (Người Việt nam) "tách tự giòng giống Trung quốc, cho đến khi cá tính của họ nẩy nở dần dần theo đà một quốc gia độc lập và một số những điểm dị biệt đối với Trung quốc phát sinh".(1)

Cái dân tộc "tách tự giòng giống Trung quốc" ấy lan xuống tới Bắc Việt thì pha lẫn với giống Lạc Việt, tới miền trung pha thêm

giống Chàm, và vào đến miền nam thì còn thêm sự chung đụng với giống Chân lạp. Và đây là chỗ quan trọng. Cái "lai" đáng chú ý là cái "lai" này đây, cái "lai" sau chót, đặc biệt của miền nam. Do cái "lai" này, giòng giống Trung quốc gặp gỡ một giòng giống khác biệt, một văn minh khác biệt, và là một giòng giống, một văn minh trọng yếu .Ở đây "Chi-na" đụng đầu "Ấn-độ".

Tại vùng đất miền nam xưa kia từng kế tiếp sinh sống các dân tộc Phù nam, Chân lạp... Phù nam, Chân lạp, Khơ-me đều là những quốc gia ấn hóa (état hindouisé), chịu ảnh hưởng nặng nề của Ấn-độ: xã hội tổ chức theo Ấn-độ. Ngay từ sơ nguyên, vì vua đầu tiên của nước Phù nam đã là một vị bà-la-môn từ Ấn-độ sang (tên là Kaundinya). Cho đến khi người Việt tràn đến thì các dân tộc cũ sống ở miền nam đã trải qua mười bảy mười tám thế kỷ sống với văn hóa Ấn-độ rồi.

Chúng ta tiến vào lập nghiệp trên một miền đất đã có dĩ vãng riêng, tiếp xúc với một dân tộc đã từng có nền văn minh riêng khá cao như vậy, dầu chúng ta lúc ấy bản lĩnh thực đã vững vàng nhưng tránh sao khỏi sự ảnh hưởng. Nhất là trong thuở ban đầu chúng ta hãy còn ít oi lắm; mãi đến đời Gia Long, tỉnh An giang (cũ) dân ta vẫn thưa thớt quá, đến nỗi vua còn ra lệnh đưa dân từ ngoài vào thêm nữa. Chúng ta vào ít, ở bên cạnh thổ dân đông đảo, vả lại những nhóm người Việt đầu tiên mạo hiểm rời bỏ các tỉnh miền trung miền bắc vào đây hẳn là phần lớn gồm binh sĩ và trai tráng khỏe mạnh, rất hiếm đàn bà; do đó ảnh hưởng kia có lẽ không phải chỉ trên phương diện văn hóa mà còn là về mặt nhân chủng nữa.

Vậy thì trên bán đảo Ấn-độ Chi-na ở nước ta, ảnh hưởng của mỗi bên phân định rõ rệt: về không gian thì Chi-na bắc Ấn-độ nam, về thời gian thì Chi-na trước Ấn-độ sau. Có phải chính cái ảnh hưởng sau này ở phía nam ấy đã làm phát triển tôn giáo tại đây?

Có lẽ như thế chăng?

Trước kia vào nam chúng ta chịu ảnh hưởng của Trung hoa. Mà Trung hoa, trên những biểu hiệu về văn học nghệ thuật, vẫn tỏ ra là một dân tộc thực tế, ít có tài tưởng tượng những điều huyền hoặc, ít suy tưởng đến những chuyện xa vời.

Trung hoa thuộc vào những nước văn minh sớm, nhưng kể từ khi biết nghĩ ngợi đến nay người Trung hoa không từng cung ứng cho nhân loại một tôn giáo nào. Trung hoa không phải là quê hương của một đấng cứu thế quyền năng nào cả. Ở Trung hoa chỉ có cao nhất là các ông thánh, tức là những con người đạo đức và sáng suốt. Tiêu biểu cho tư tưởng học thuật Trung hoa là nho giáo: ở đây Khổng tử dặn dò những điều thiết thực về phép giữ mình, ăn ở trong gia đình và phép trị nước. Mạnh tử, Tuân tử, Hàn Phi tử

v.v... sau này càng là tỉ mỉ đối với việc đời hơn nữa. Những phần tử phóng khoáng nhất cũng chỉ biết theo đến các ông Lão tử, Trang tử là cùng, nghĩa là xa lánh việc đời, an dưỡng tinh thần hòa hợp với thiên nhiên, không kinh không kệ, không khắc khổ trầm tư mong tìm một cõi đời nào sau kiếp sống ở trần gian.

Trên cõi trời của người Trung hoa chỉ có ông Trời, và trong trí người Trung hoa ông Trời ấy vô định, không có mặt mũi. Khi đức Phật từ bên Tây vực được rước sang, Ngài không gặp một đối thủ nào cả; trong lịch sử Trung hoa không có tranh chấp tôn giáo.

Tuy nhiên qua Trung hoa, Phật giáo có bị óc thực tiễn của dân tộc này giản lược đi. Sau này Việt nam chúng ta tiếp nhận lại cái Phật giáo đại thừa ấy qua trung gian của Trung hoa. Ở bên kia dãy Trường sơn, các dân tộc Miên, Lào, Thái, Miến v.v... tiếp đón giáo thuyết Phật thẳng từ Ấn-độ.

Người Trung hoa không bận tâm về các vấn đề siêu hình, mà họ cũng không có óc tưởng tượng phong phú. Lương Khải Siêu công nhận rằng người Tàu mà biết viết tiểu thuyết ấy là nhờ người Ấn độ. Thực vậy, trong các bộ môn nghệ thuật, tiểu thuyết xuất hiện rất chậm ở Trung hoa, và phát triển vào khoảng đời Đường tức là thời kỳ đạo Phật truyền qua mạnh mẽ nhất (với nhà sư danh tiếng Huyền Trang). Đọc kinh điển nhà Phật, người Tàu bắt chước viết những chuyện thần quái. Cho đến những cuốn truyện danh tiếng sau này như *Sưu thần ký*, như *Thủy hử, Hồng lâu mộng*... cũng được xem là sáng tác dưới ảnh hưởng của các kinh Đại trang nghiêm, Hoa nghiêm v.v...

Ấy, Trung hoa vốn dĩ là một dân tộc như vậy, người Việt miền bắc "tách tự giòng giống" ấy, lại sống trong vòng ảnh hưởng văn hóa của giòng giống ấy suốt từ thế kỷ nọ sang thế kỷ kia, bảo sao tâm lý không biểu lộ những nét duy lý, thực tiễn.

Trái lại, Ấn-độ là nguồn gốc của các đạo Bà-la-môn, đạo Phật. Từ nghìn xưa cho đến bây giờ, lúc nào sinh hoạt xứ Ấn cơ hồ cũng bao trùm trong bầu không khí tôn giáo: các từng lớp dân chúng say mê tín ngưỡng, chính phủ lắm phen khốn khó vì các mối chia rẽ tín ngưỡng, văn thơ Tagore cao xa siêu thoát mà cái cách làm chính trị của Gandhi cũng thoát phàm.

Các dân tộc Phù nam, Chân lạp, Khơ-me v.v... về mặt nhân chủng không biết là "tách tự giòng giống" nào, nhưng về mặt văn hóa thì có liên hệ chặt chẽ với Ấn-độ. André Migot (1) cho rằng văn minh Khơ-me thiết yếu có tính cách tôn giáo.

Ta có thể chắc chắn các tổ tiên của người Khơ-me — giống người Chân lạp — cũng không thiếu cái tính các h thiết yếu ấy. Và chung đụng với họ, những người Việt vào ở miền nam đã thâm nhiễm ít nhiều đặc điểm của họ.

Trong cuộc nam tiến, rốt cuộc không những ta được thêm đất

đai mà còn lãi được một sắc thái nữa thêm vào những khả năng tinh thần của dân tộc. Trên cái bán đảo mang tên Ấn-độ Chi-na này, thực sự chỉ có Việt nam ta là tổng hợp được cả hai nguồn văn hóa lớn của Á châu, hai nguồn văn hóa đã bị dãy Hy-mã-lạp-sơn và dãy núi Trường sơn chia cách.

Trước đây có lần (2) tôi để ý nhận thấy trong các tác phẩm văn nghệ của miền nam không có những thắc mắc siêu hình. Sự kiện ấy tưởng có thể giải thích được do chính lòng say mê tín ngưỡng của người Việt miền nam. Ngày nào mà chúng ta còn có được đức tin ở một quyền lực thiêng liêng thì chúng ta hãy còn vững dạ; chỉ khi đức tin ấy bị lung lay, con người mới đâm ra hoang mang, bị các mối băn khoăn siêu hình dày vò. Lệ thường trong lịch sử tư tưởng ở các nơi đều như thế. Vậy trước khi đưa tín đồ lên cõi cực lạc, ít ra tôn giáo đã đem lại một niềm an lạc thảnh thơi cho tâm hồn người dân miền nam này, niềm an lạc phản ảnh trong các tác phẩm văn nghệ.

(Trích trong cuốn TẠP BÚT, do Văn Nghệ vừa xuất bản tháng Bảy năm 1987 tại Hoa Kỳ, tập IV trong VÕ PHIẾN TOÀN TẬP)

(1) Bây giờ gọi là Tam quan.
(1) Bách khoa *số 200 ra ngày 1-5-65.*
(1) Les Khmers *(Le livre contemporain),*
(2) Trong bài "Cá tính văn học miền nam" — Tạp bút *(Thời mới)*

VŨ THẾ NGỌC

TRÀ KINH

NGHỆ THUẬT THƯỞNG TRÀ
TRONG LỊCH SỬ & VĂN HÓA ĐÔNG PHƯƠNG

- *Chúng ta đã uống trà cả ngàn năm nay, nhưng đây là quyển sách đầu tiên viết về trà một cách đầy đủ hơn cả. Sách trình bày từ nguồn gốc, lịch sử cho đến các kỹ thuật, văn thơ và mọi giai thoại, truyện kỳ về trà trong bối cảnh lịch sử văn hóa đông phương.*
- *Một tác phẩm viết cho tuổi 60 nhưng 16 tuổi đọc vẫn thích thú.*

Giới thiệu của bác thầy tuổi tác từ quê nhà
"... tôi muốn giới thiệu Vũ Thế Ngọc, một học giả trẻ, như một sử gia văn hóa của Việt Nam ..."
Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục
Cựu Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa Hà Nội & Sài Gòn 1971.

Nhận xét của một thanh niên trẻ hải ngoại :
"Để lòng thanh tịnh, uống một chén trà, thân cảm thể "cảm" được cái ngon của trà. Nhưng đọc TRÀ KINH rồi, tâm mới "ngộ" được cái chân, thiện, mỹ của mỗi giọt trà, trong đó chứa đựng cả một kho tàng bát ngát của nền văn hiến Á Đông"
Tâm Nguyên, Nhiệp ảnh viên, nhạc sĩ tây ban cầm, San Jose 1987

Giá 9 Mỹ kim, Anh Mai Tống Phát Hạnh
2148 Carobwood Ln., San Jose CA 95132

Hoàng Xuân Sơn

Mười mấy năm...

(Tặng Toại, Hùng, Tuyên và Việt Chiến)

Đã mười mấy năm rồi đấy nhỉ !
giật mình câu chuyện mới đầu hôm
ra đi trong túi hành trang chỉ
một mảnh quê hương, một mảnh buồn

Chiếc bóng tách lìa khôn níu lại
thân neo hồn gửi chốn quê nghèo
rồi mai trên tuyến đường rưng lệ
thăm thẳm sông hồ trăng ngược theo

Đâu bến ly hương phố lạc đàn ?
chim bầy khóc những cánh mây tan
cuồng lưu thác mộng về đông hải
mơ nắng bình dương bãi cát vàng

Đêm có khi nào thức biển dậy
nghe đời khách trú tận chiều sâu
trường giang nhược thủy hồn biên tái
sóng vỗ hư linh bạc mái đầu

Sinh thú đâu tìm trong rượu quên
còn nguyên một nỗi nhớ rất bền
giang hồ gặp gỡ vài ba đứa
uống mãi canh thâu gục ánh đèn

Đất cát mơ hồ trăm ngã tới
gần trong gang tấc cũng đôi bờ
hỏi thăm tâm sự còn thao thức ?
tay gầy chia mấy nhánh xương trơ

Mười mấy năm qua một giọng đàn
điệu buồn thơ thẩm nối theo sang
giấc mơ khép vội niềm thơ ấu
chợt khói sương đêm rụng xuống hàng

Bao giờ chép lại dòng linh sử
mơ ánh sao xanh dẫn lối về
từ bao viễn phố hờn luân lạc
sông núi đắp bồi giấc ngủ quê

Này nhé khi cầm tay trở lại
mừng em vui hội mới tương phùng
đã qua giông tố trầm đau ải
hãy lắng mình vào cuộc vui chung.
Hoàng Xuân Sơn
(trích Viễn Phố)

Cao Huy Khanh

Bình Nguyên Lộc Nhà Văn Của Đời Sống Hàng Ngày.

*T*ừ những truyện ngắn đầu tay (*Nhốt Gió, Ký Thác 1959*) qua đến loại truyện dài mà cực điểm thành công là *Đò Dọc* bên những *Gieo Gió Gặt Bão 1959, Quán Tai Heo 1960, Nhện Chờ Mối Ai 1962, Hoa Hậu Bồ Đào 1963*... ý hướng sáng tác của Bình Nguyên Lộc vẫn là một ý hướng thuần nhất: phân tích tâm lý. Nhưng đây là một thứ tâm lý bình dân thực tế vì đó là tâm lý thường tình của đám dân dã thuộc giới trung lưu khi phải đối đầu với thực tế. Thật vậy, những vấn đề phức tạp mà cái thực tế của nếp sống văn minh vật chất của xã hội mới (xuất hiện tại miền Nam từ sau Đệ nhị thế chiến) đặt ra cho những cá nhân/ nhân vật, buộc họ phải giải quyết, đó là đề tài tâm lý căn bản của Bình Nguyên Lộc: Sự cám dỗ của đời sống vật chất thành thị khiến con người dễ hư hỏng hay biến tính từ trong phạm vi sinh hoạt gia đình (Gieo gió gặp bão), Ai ân thâu ngắn cho dài tiếc thương), ra đến ngoài xã hội (Nhện chờ mối ai, Nửa đêm trăng sụp, Hoa hậu Bồ đào).

Đặc biệt nhất là đề tài đó lại được hướng về một đối tượng chọn lọc : giới dân quê mùa vừa từ quê lên tỉnh bắt đầu gia nhập nếp sống thành thị mới(tập trung tại đô thành hay ở các thành thị miền Đông Nam phần (1). Từ đó tiểu thuyết Bình Nguyên Lộc mang một sắc thái tâm lý khá kỳ quặc bởi sự pha trộn giữa cá tính tâm lý thành thị và thôn quê khiến nhân vật của ông vừa hồn nhiên vừa thực tế, vừa bình dân vừa gian ngoa. Như cái tình trạng bất thích ứng của người thành thị sống ở thôn quê (Đò dọc), hay ngược lại là cái tình trạng tâm lý bất thích ứng của người dân quê sống ở thành thị (Nhện chờ mối ai, Hoa hậu Bồ đào...). Cho nên điều rất dễ thấy là hầu hết các nhân vật tiểu thuyết của Bình Nguyên Lộc đều có chung một phong thái một cá tính: nửa quê nửa tỉnh.

Sinh thú đâu tìm trong rượu quên
còn nguyên một nỗi nhớ rất bền
giang hồ gặp gỡ vài ba đứa
uống mãi canh thâu gục ánh đèn

Đất cát mơ hồ trăm ngã tới
gần trong gang tấc cũng đôi bờ
hỏi thăm tâm sự còn thao thức ?
tay gầy chia mấy nhánh xương trơ

Mười mấy năm qua một giọng đàn
điệu buồn thơ thẩm nối theo sang
giấc mơ khép vội niềm thơ ấu
chợt khói sương đêm rụng xuống hàng

Bao giờ chép lại dòng linh sử
mơ ánh sao xanh dẫn lối về
từ bao viễn phố hồn luân lạc
sông núi đắp bồi giấc ngủ quê

Này nhé khi cầm tay trở lại
mừng em vui hội mới tương phùng
đã qua giông tố trầm đau ải
hãy lắng mình vào cuộc vui chung.
Hoàng Xuân Sơn
(trích Viễn Phố)

Cao Huy Khanh

Bình Nguyên Lộc Nhà Văn Của Đời Sống Hàng Ngày.

Từ những truyện ngắn đầu tay (*Nhốt Gió, Ký Thác 1959)* qua đến loại truyện dài mà cực điểm thành công là *Đò Dọc* bên những *Gieo Gió Gặt Bão 1959, Quán Tai Heo 1960, Nhện Chờ Mối Ai 1962, Hoa Hậu Bờ Đào 1963*... ý hướng sáng tác của Bình Nguyên Lộc vẫn là một ý hướng thuần nhất: phân tích tâm lý. Nhưng đây là một thứ tâm lý bình dân thực tế vì đó là tâm lý thường tình của đám dân dã thuộc giới trung lưu khi phải đối đầu với thực tế. Thật vậy, những vấn đề phức tạp mà cái thực tế của nếp sống văn minh vật chất của xã hội mới (xuất hiện tại miền Nam từ sau Đệ nhị thế chiến) đặt ra cho những cá nhân/ nhân vật, buộc họ phải giải quyết, đó là đề tài tâm lý căn bản của Bình Nguyên Lộc: Sự cám dỗ của đời sống vật chất thành thị khiến con người dễ hư hỏng hay biến tính từ trong phạm vi sinh hoạt gia đình (Gieo gió gặp bão), Ai ân thâu ngắn cho dài tiếc thương), ra đến ngoài xã hội (Nhện chờ mối ai, Nửa đêm trăng sụp, Hoa hậu Bồ đào).

Đặc biệt nhất là đề tài đó lại được hướng về một đối tượng chọn lọc : giới dân quê mùa vừa từ quê lên tỉnh bắt đầu gia nhập nếp sống thành thị mới(tập trung tại đô thành hay ở các thành thị miền Đông Nam phần (1). Từ đó tiểu thuyết Bình Nguyên Lộc mang một sắc thái tâm lý khá kỳ quặc bởi sự pha trộn giữa cá tính tâm lý thành thị và thôn quê khiến nhân vật của ông vừa hồn nhiên vừa thực tế, vừa bình dân vừa gian ngoa. Như cái tình trạng bất thích ứng của người thành thị sống ở thôn quê (Đò dọc), hay ngược lại là cái tình trạng tâm lý bất thích ứng của người dân quê sống ở thành thị (Nhện chờ mối ai, Hoa hậu Bồ đào...). Cho nên điều rất dễ thấy là hầu hết các nhân vật tiểu thuyết của Bình Nguyên Lộc đều có chung một phong thái một cá tính: nửa quê nửa tỉnh.

Những đề tài tâm lý bình dân và thực tế kể trên được Bình Nguyên Lộc khai thác bằng một kỹ thuật phân tích tỉ mỉ. Kỹ thuật này chú trọng đào sâu các chi tiết biến chuyển về tâm lý thật nhỏ nhặt trong nếp cảm nghĩ của mỗi người: chẳng hạn: *"Long muốn nói là sợ Quá biết chàng nói thật. Nhưng chàng chợt thấy là lời ấy sẽ làm khổ Quá không biết đến đâu, cho nên chàng không dám nói ra./ Sự im lặng của chàng lại khiến Quá nghĩ rằng chàng sợ lòi sự giả dối ra./ Ngộ nhận ấy giúp Quá yên lòng, và cứ đi sâu mãi trên nẻo hiểu lầm của cô./ Long không có can đảm làm mích lòng cô gái, mặc dầu cái mích lòng ấy chỉ nhỏ thôi. Như vậy, ngày kia chàng sẽ phạm phải mích lòng to./ Chàng biết thế mà vẫn không dám chấm dứt tình trạng không phân minh ấy, mà mỗi lần có chuyện úp mở là chàng hối hận đến hai ba hôm."(ĐD, tb 1973, 195— "Liên nghe qua thì biết Sang nãy giờ vẫn còn ngồi đó đợi Ngọc về mới cởi giày. Ngọc tưởng hắn cũng chỉ mới về trước đây một phút thôi. Không lý gì mà Ngọc nói đến giày vớ khi Sang đang làm công việc khác./ Liên hời hợt quá. Chỉ phải phát ra có một cử chỉ nhỏ là ném gói kẹo vào cũi đồ ăn, vào giỏ đi chợ thế là phi tang. Vậy mà nàng làm không được, như là gói kẹo nặng quá, chân của nàng cũng nặng như bị trồng dưới đất, khó bước đi vô cùng./ Rốt cuộc nàng cũng xóa được dấu vết của tội lỗi (?) nhưng vẫn không hết hời hợt." (NhChMA, cuốn 2, 18).* Mặc dầu áp dụng sự phân tích tâm lý ở đây nhưng không vì thế mà nghệ thuật tâm lý của Bình Nguyên Lộc trở thành sâu sắc bởi vì thực sự cái chủ trương phân tích tâm lý đó không được đặt trên một căn bản lý thuyết nào vững chắc và mới lạ. Đó chỉ là một căn bản tâm lý thông thường. Ấy chính là cái nề nếp (sinh hoạt) tâm lý hàng ngày của con người trong đời sống: quanh quẩn những chuyện vụn vặt không đâu, nghĩ lui nghĩ tới những điều lẩn quẩn (những vụ giựt chồng, mất vợ, ngoại tình, lường gạt, kiếm cơm, vay nợ, sinh con đẻ cái...) Thành ra cuối cùng trở thành một thứ tâm lý tạp nhạp tủn mủn, đôi khi còn nhuộm cái vẻ lý luận không đi tới đâu mà cũng chẳng có ý nghĩa nào đặc sắc: *"Thật là cổ lỉ, nhưng yêu thì không thể lịch sự được. Kẻ yêu luôn luôn điên gàn và nhất là không biết điều. Tránh được những cái tệ đó là yêu ít, yêu có chừng mực rồi vậy."* Cho nên không phải là một điều tình cờ khi đa số các nhân vật chính trong tiểu thuyết Bình Nguyên Lộc đều thuộc phái nữ và điển hình nhất là cái cảnh âm thịnh dương suy trong *Đò dọc* ,và ngay các nhân vật nam cũng nhiễm luôn cái tâm lý đàn-bà-tính đó không kém.

Tâm lý bình dân và thực tế, đó mới chính là cái bản sắc văn chương của Bình Nguyên Lộc tìm thấy trong hầu hết các tác phẩm của ông, ngay cả đối với một vài truyện ngắn mang ý hướng và sắc thái khác hẳn. Những truyện ngắn này dễ khiến người ta ngộ nhận

về khuynh hướng sáng tác cốt yếu của ông đặc biệt là truyện *Rừng Mắm*/ trong Ký Thác. Thật ra truyện *Rừng Mắm* chỉ là một trường hợp hiếm hoi trong toàn thể sự nghiệp sáng tác của Bình Nguyên Lộc trong đó màu sắc phong tục đồng quê miền Nam nổi bật một cách đặc biệt. Nhưng đồng thời một vài truyện ngắn nói đó vẫn nằm trong dòng văn tâm lý bình dân bởi chủ đích phân tích tâm lý thường nhật cũng như bởi ý nghĩa luân lý lành mạnh lạc quan vẫn còn được Bình Nguyên Lộc giữ lại nơi đây: đó là trường hợp những truyện *Không Trốn Nữa*/ trong Nhốt Gió, *Rừng Mắm — Ba Con Cáo — Ba Sao Giữa Trời*/ trong Ký Thác. Nhất là cái ý nghĩa luân lý lành mạnh lạc quan thái quá đến đổi trở thành vui tươi khỏe khoắn vốn luôn luôn hiện rõ trong các truyện dài tâm lý của ông, theo đúng truyền thống (văn chương Nam kỳ): truyện Bình Nguyên Lộc luôn luôn đưa đến những kết cuộc "có hậu" (hiếm thấy có những biến cố bi thảm xảy ra trong truyện, ngay như những biến cố có vẻ bi thảm nhất của *Đò Dọc*, một vụ tự tử và một vụ suýt bị mất chồng, cuối cùng đều bất thành cả.) Cho nên dù là trước truyện dài hay truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc, người đọc cần phải đặt những tác phẩm đó vào trong khuynh hướng tâm lý mới mong hiểu được thật xác đáng cái sắc thái văn chương đặc biệt của ông (2).

Bình dân và thực tế, đó là sắc thái văn chương đặc biệt của Bình Nguyên Lộc nói về mặt nội dung. Nói về mặt hình thức, phải thêm đặc điểm này nữa là dễ dãi, quá dễ dãi. Bởi vì hầu như ông không bận tâm và cẩn trọng đúng mức để săn sóc đến phần hình thức nói chung của tác phẩm mình. Trước hết kỹ thuật thuật sự cổ điển ở đây (truyện ngắn cũng cùng một cách như truyện dài) được sử dụng một cách quá dễ dàng, thường khi hỗn độn (thói quen ưa ngâm vịnh trong truyện, thói quen xen vào trong truyện để thay thế nhân vật mà lý luận). Ví dụ: *Ở thôn quê miền Đông, nhứt là ven các con lộ, không hiểu tại sao trong vòng mười lăm năm nay cỏ bù xít mọc nhiều quá.*/ *Các bạn biết thứ cỏ ấy chăng? Đó là thứ cỏ...*"/ ĐD, 214 hay : "*Chàng trai mong đợi bắt các cô chờ mãi không biết từ bao năm rồi. Nay hắn vừa đến, xem chừng đã yêu một người trong mấy chị em, chưa biết rõ người nào, thì chàng trai khác lại đến nữa. Khi bắt cập, lúc thái quá như vậy, không rối lòng ta sao được*",/ 185. Đến cách kết cấu thì lộn xộn, bởi sự ôm đồm các tình tiết phức tạp mà thừa thãi, muốn tạo sự dồn dập gay cấn cho diễn tiến của cốt truyện nhưng lại thiếu sự chọn lọc cẩn thận và khéo léo các tình tiết nòng cốt nên rốt cuộc câu chuyện thành ra dài dòng. Bút pháp Bình Nguyên Lộc được cái giản dị, quá giản dị. Ông xuống dòng bất cứ lúc nào trong khi văn đối thoại bị lạm dụng tối đa — hơn cả Sơn Nam — và càng về sau càng có tính cách thiên về lý luận, dĩ nhiên là khô khan tuy không nặng nề.

Có một đặc điểm về giá trị hình thức trong tiểu thuyết Bình Nguyên Lộc, giúp tác phẩm đạt được quyến rũ vui tươi và thoải mái, ấy là cái phong thái kể chuyện đượm đầy hài tính, cái giọng điệu hài hước một cách thong dong và khỏe khoắn của ông: *"Tác giả thiên truyện võ hiệp "Sơn đông kiếm hận" lục lạo khắp cả các ngăn của chiếc bóp phơi của chàng mà chỉ tìm được có mười bốn đồng, nằm ở ba nơi khác nhau. Chàng mừng rỡ biết bao mà chợt nhận ra rằng còn một ngăn nữa, ngăn bí mật rất khó thấyvì nó lẫn với bao ngoài của cái bóp. Chàng thọc tay vào đó và tim chàng bỗng đập thình lình vì đầu ngón tay chàng đụng phải thứ giấy mềm quen thuộc./ Dương Châu kẹp tờ giấy ấy bằng hai đầu ngón tay rút ra thì ô hô, đó là tờ giấy hai đồng"* (Quán Tai Heo, 76). Giọng văn đó đem lại sự thú vị thoải mái nhờ pha lẫn với giọng điệu kể chuyện gọn gàng và thảnh thơi theo kiểu chuyện Tàu: *"Một hàng hàng như bầy cừu nằm nghỉ, gặm cỏ héo hon và vô vị, hút đắng cay trên miếng đất mỏ côi (3)./ Đây là chốn mà mộng đời bị cắt đứt nửa chừng, kẻ chết yên nghỉ thiên thu, mà người sống cũng khó mong trở về với xã hội loài người./ Anh Sáu nhảy bay qua nhà hờ ly, như một tay kiếm khách phi dạ hành, rồi hai kẻ ở ngoài vòng pháp luật ấy mới cùng nhau tâm sự."* (KTh, 56). Thế nhưng nhiều khi giọng văn hài hước đó lại bị tác giả lạm dụng quá thành ra giỡn hớt bông lơn không đúng chỗ không đúng lúc nhất là ngay đối với những biến cố đặc biệt của câu truyện. Những biến cố có vẻ sôi động, bi thảm vốn dĩ đã hiếm hoi trong truyện của ông, thỉnh thoảng nếu có chăng nữa thì cũng bị khôi hài hóa hết khiến rốt cuộc câu truyện bị mất thăng bằng bởi thiếu mất trọng điểm cực điểm hấp dẫn của nó (4): *"Chàng cũng đang bị bỏ tù trong một hòn đảo như thế, đảo ái tình, và làm sao mà chàng ra đó, và ra bằng cách nào? Quên mất rồi. Giờ thì nghe bực bội, nhưng quanh cù lao yêu đương đã có những dòng nước vô hình — nước mắt của ai chăng? ngăn chàng lội trở vào bờ / "Quán Tai heo, anh hùng lâm đại nạn." Đại nạn là đây, là mối tình cạn xợt này, tuy cạn nhưng vẫn chết đuối trong đó được như thường (QTH, 75-76).*

Mọi sự đều trở thành dễ dãi qua tay Bình Nguyên Lộc (viết văn như một việc giỡn hớt, đùa cợt cho vui, dễ như bỡn: để ý ngay cách đặt nhan đề tác phẩm thật dễ dàng của ông). Điều này có thể được giải thích bởi nhiều lý do chung và riêng: lý do chung là ảnh hưởng của truyền thống kể chuyện đời bình dị và rất mực tự nhiên của người dân miền Nam; cùng ảnh hưởng của nghề làm (nhật) báo chuyên nghiệp (5—5 bis); lý do riêng là ảnh hưởng của cá tính ưa thích sự phân tích lý luận bác tạp rộng về bề mặt nhưng thiếu chiều sâu của riêng ông (6) cũng như cái ảnh hưởng quá sâu đậm của xu hướng sáng tác và cái văn phong cực cổ điển mà ông từng tiếp nhận và thừa hưởng trước kia (7).

Bởi thế xét về toàn thể thì đến nay một thành công của *Đò Dọc* (có kết cấu linh động, kỹ thuật thuật sự song suốt, xây dựng tâm lý ý nhị, hành văn trôi chảy, đối thoại duyên dáng hơn cả) vẫn không đủ sức để cứu vãn giá trị cho sự nghiệp văn chương thiên về lượng hơn là về phẩm đó. Nhìn theo quan điểm văn học sử thì sự phê phán giá trị một nhà văn phải được đặt căn bản trên một sự thẩm định tổng quát và toàn diện hướng về toàn bộ (nếu không thì cũng là đa số) sự nghiệp của nhà văn đó chứ không thể chỉ căn cứ trên một vài tác phẩm riêng rẽ không thôi (8). Hơn nữa, sự thành công duy nhất và quá hiếm hoi của *Đò Dọc* (9) so với sự nghiệp sáng tác đồ sộ của tác giả vẫn không phải là một điều gì có vẻ khó hiểu bởi đó là hậu quả tất nhiên của sự loại trừ một ý thức (văn chương) đúng đắn và nghiêm chỉnh nơi ông : Vốn dĩ ông đã tỏ ra khá xem nhẹ cái công phu viết văn rồi (không một mảy may bận tâm đến việc gạn lọc, trau chuốt hay cải tiến hình thức và kỹ thuật của tác phẩm) mà càng về sau việc sáng tác còn bị xu hướng biên khảo lấn áp nữa.

Cho nên cuối cùng có thể nói cảm tình mà người ta dành cho Bình Nguyên Lộc có vẻ nay đã không còn giữ được nguyên vẹn nữa cho giá trị văn chương đích thực xứng đáng của ông; nhưng phải nói đó là mối cảm tình — điều gì còn lại — dành cho tâm hồn bình dị và cởi mở cho thái độ sống thong dong dễ dãi thật đáng mến của người dân miền Nam mà Bình Nguyên Lộc đã thể hiện được toàn vẹn qua phong cách làm văn đặc biệt của riêng ông.

CAO HUY KHANH

(1) Khác với Sơn Nam vốn có bối cảnh và nhân vật hoàn toàn thuộc về vùng nông thôn miền Tây Nam Phần.

(2) Nếu không, giả dụ coi truyện Rừng Mắm thuộc khuynh hướng phong tục chẳng hạn thì ngay cái truyện ngắn thuộc vào loại thành công nhất này của Bình Nguyên Lộc (vốn thường được ca tụng) vẫn tỏ ra xa lạ với những truyện ngắn về phong tục của Sơn Nam.

(3) Ý tưởng này tác giả có ghi chú là mượn của người khác.

(4) Bình Nguyên Lộc có phân ra một loại gọi là "Truyện Vui" trong các tác phẩm của ông mà điển hình là tập truyện Tâm Trạng Hồng (Xem Nguyễn Ngu Ý: Sống và Viết, 231). Nhưng thiết tưởng cái tính cách "truyện vui" đó, ngoài ý nghĩa riêng biệt dành riêng cho một thể loại tác phẩm như trên, vẫn còn bao hàm một ý nghĩa chung nằm trong cái ý hướng sáng tác nồng cốt của ông vốn vẫn được thể hiện một cách đều đặn trong tất cả các tác phẩm khác (tuy không được tác giả xếp vào loại "Truyện Vui").

(5) Tác giả, đồng thời là một nhà báo kỳ cựu tại miền Nam, tự biện hộ: "Đời sống hiện nay ở Âu Mỹ đã vội vàng hối hả lắm rồi, ở nước ta nhịp sống cũng bắt đầu quay nhanh, cái thì giờ dành cho việc gọt giũa tác phẩm mình, "sửa đi sửa lại đến... hai mươi lần" như lời khuyên của một nhà phê bình

gia Pháp ở thế kỷ XVII, là điều rất ít ai làm được" (?)— Xem Nguyễn Ngu Ý: Sống và Viết 231 — Đáng tiếc đây là một lời biện hộ cũng tỏ ra dễ dãi quá đáng nữa !

***(5 bis)** Cả hai lý do chung này cũng áp dụng đúng cho trường hợp Ngọc Linh nữa.*

***(6)** Nhắc lại: công trình biên khảo Sử học xứng danh đầu tiên của Bình Nguyên Lộc là tác phẩm vĩ đại Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam chính thức xuất hiện từ đầu thập niên 70 đã từng gây chấn động (rất bất ngờ) một thời trên văn đàm miền Nam. Ngoài ra cũng nên nhớ là về sáng tác, ngoài loại tiểu thuyết, ông còn viết đủ các loại văn và các văn khác: cũng như về biên khảo, ngoài địa hạt Sử học, ông còn nghiên cứu nhiều loại đề tài thuộc những địa hạt khác nữa. Tổng kết lại Bình Nguyên Lộc có cả một sự nghiệp (nói chung) thật khổng lồ. (Xem Nguyễn Ngu Ý — sđd — 241— 245).*

***(7)** Đây là một nhà văn thuộc vào hàng kỳ cựu nhất trong giới nhà văn người Nam vì ông đã bắt đầu hoạt động về báo chí và văn học từ đầu thập niên 40.*

***(8)** Tác giả tự phân bày "Khi mà ai cũng vội vàng cả thì người ta sẽ đánh giá trên cái gì còn lại của mỗi nhà văn trong không khí hấp tấp chung đó" (Nguyễn Ngu Ý: sđd, 232).*

***(9)** Về sự thành công của Đò Dọc, có một điểm cần lưu ý: cốt truyện của tác phẩm này đã được gợi ý từ một vở kịch ngoại quốc như lời công nhận của tác giả (Ghi chú đầu sách — Xem thêm: Phỏng vấn Bình Nguyên Lộc trong Giai phẩm Thời Tập số 5, 4/74, tr. 80). Dĩ nhiên sự ghi nhận này không có nghĩa là để phủ nhận hay xét lại giá trị của công trình sáng tác rất xứng đáng này của Bình Nguyên Lộc vì nếu có mượn ý chăng nữa thì đây vẫn là một tác phẩm thuộc vào loại siêu-phóng-tác.*

(Trích tạp chí Thời Tập, Sài gòn, do nhà thơ Viên Linh chủ trương)

Tìm mua 4 tác phẩm giá trị do nhà xuất bản Văn Nghệ xuất bản trong đợt 2 của năm 1987:

* ***Thơ Cao Tần** : tập thơ tiêu biểu của tâm trạng lưu vong, dày 64 trang, giá 6 MK*
* ***Cuống rún chưa lìa** : tập truyện đặc sắc của Bình Nguyên Lộc, dày 190 trang, giá 8 MK.*
* ***Tạp luận** : của Võ Phiến, cuốn thứ tư trong Võ Phiến toàn tập, dày 350 trang, giá 14 MK.*
* ***Con đường thiên lý** : cuốn tiểu thuyết duy nhất chưa hề in của Nguyễn Hiến Lê, dày 225 trang, giá 9 MK.*

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí.

Thường Quán

Trưa tháng năm

Tặng Hoàng Ngọc Tuấn, Úc.

Chiều choàng mở trưa xanh về lối ngõ
Vàng au thức dậy cửa chìa cành
Tiếng cười vọng tôi ngờ em trở lại
Để bao nhiêu hình bóng trở về thăm
Nhưng không phải chỉ là mùa trở giấc
Lá chuông reo trên những mái đời
Nằm phẳng lặng trong tiêu hao ngày gió
Căn phòng toang trống ghé qua chơi
Gió vỗ vai tôi tiếng chào thoáng lạnh
Mang mang hơi núi mới mang về
Run thân lau sậy ngoài cồn trắng
Tiếng thở dài của trưa hụt hơi
Tôi tháo tung chăn, tay ôm lấy đầu, tay đưa mời đón
Ngồi xuống đây hương lâu quá xa nhà
Chắc là lạnh, nhà tôi không bếp lửa
Chén trà khuya qua nguội quá đi rồi
Kể cho tôi nghe những xóm làng bến dưới
Có gì vui thay đổi ra sao ?
Tiếng chim về xa bao nhiêu đồng rạ
Vọng tiếng hát hò chắc của mẹ, em tôi ?
Ngồi xuống, ngồi xuống, tôi sẽ đi trải chiếu
Mới ốm dậy xong nên tay tôi có run
Thêm xúc động gặp hương màu nắng mới
Ngoài giậu vàng khói trộn lẫn màu tươi
Nhưng tôi sẽ bình tĩnh sẽ đi đốt lửa
Ngọn đèn dầu của mùa Đông xưa

Người anh tôi đi tù hôm trước
Để lại bảo tôi giữ lấy mà dùng
"Chỗ nào thì cũng cần ánh sáng"
Miệng anh tôi cười trầm tĩnh, bao dung
Hãy kể tôi nghe bên núi ấy anh ra sao ?
Trời, lâu quá từ trưa nào vậy nhỉ
Tôi chia tay và lạc mất cả mình
Em cũng bỏ đi tóc dài gói lại
Những rừng những núi lặng im.

Nhưng mặc tôi vồn vã mời chào gió chạy quanh lạnh lùng không nói
Rời gió đi ra - qua những cửa đã mở sẵn vào trời
Giàn lá tím môi mở tròn thảng thốt

Rời tôi bỗng nghe tôi lạnh cóng trong lời
Của một tiếng khẩn cầu chưa bao giờ đã nói :

"Bao nhiêu ngày rồi đấy gió ơi"
Nơi đây là tuyệt cùng im lặng
Tôi một anh câm
Đứng giữ cửa một nhà ga ký ức
Chứa rất nhiều bóng thầm mà không còn hành khách
Lòng tôi vẫn sợ một mở lời
Sẽ làm cả căn nhà cổ ấy của muôn đời sụp đổ
Những đường tàu dài nơi tôi đã áp tai nằm nghe
Những mùa Xuân ấu thời mang nhiên bước tới
Với nắng mới và mưa phùn hoa cỏ
Sẽ bị đạp nhào xuống trói ngoặc tay kéo đi
Nên chi bao ngày đêm mà không một tiếng nói
Những trưa tiếng còi tàu về nghe dưới xa
Tôi vội vàng đóng cửa

Bao nhiêu năm tháng một tấm phông trắng
Chập choạng sắc màu
Bóng tối đổ chồm nuốt lấy ánh sáng
Tên câm ngồi ngó mông lung
Chỉ là những trưa xa đóng bít ngõ về
Những bóng hình chờn chợ thoáng qua không hương gởi lại
Nhưng gió ơi trưa nay ngươi đã tới
Đem về hương trên những ngõ hoa khô
Đem về nắng thôn làng và đồi núi
Những tiếng cười rộn rã ngây thơ...
Ngươi phải ngồi xuống phải nói
Có phải tất cả những gì ngươi vừa mang tới
Vẫn thực còn kia ở một chốn đợi chờ ?

Chiều rưng tối, tôi nói tôi kêu tôi uất phẫn tôi vui mừng tôi giận dữ
Chỉ có tôi nghe giữa căn phòng im
Trên tường vách bao nhiêu hình bóng
Cũng đã đi ra theo những cửa mở sẵn vào trời
Nơi em từng đứng đầu một ngõ xanh nhào đổ
Trưa, những lá chuông kêu.
Thường Quán

Nguyễn văn Sâm

Xin được lần cuối gọi bằng Anh.

Tin tức từ bên nhà loan truyền trong văn giới ở đây nào là nhà văn A qua đời, thi sĩ B tạ thế, ai nghe cũng nao nao tiếc. Giá những vị đó thoát được sang đây, trễ còn hơn không, góp phần vào công cuộc tạo dựng thêm vững mạnh cho nền văn chương hải ngoại. Cuộc sống của họ ở ngoài khung cũi lớn, dầu viết ít nhiều, hay chỉ tham dự vào các sinh hoạt cũng tăng thêm lòng tin cho hàng ngũ viết lách. Lớp mới vững dạ hơn về con đường lựa chọn khi nhìn lại thành phần kinh nghiệm càng ngày càng đông đảo, đó là chưa kể họ học hỏi được nhiều điều qua mạn đàm, thảo luận...

Tâm lý người viết còn ở lại Việt Nam- nhất là những người cầm bút 1, 2 chục năm- sự nghiệp đã có, mục đích đã vạch, viết đọc đã thành nếp sinh hoạt không thể thiếu của cuộc sống- hết sức phức tạp. Tuy hiện diện trên đời nhưng phải xa lìa giấy mực, không làm chủ được đời mình, lại hằng ngày chứng kiến những điều được viết ra có hại cho các thế hệ đi sau, bêu riếu dân tộc, sự hiện diện đó, họ đã coi như thừa mứa, cầm bằng đã chết. Họ không khởi từ suy nghiệm tôn giáo, cũng đã trở thành thiền giả, đạt đạo đến dửng dưng với cái chết. Thư một người bạn thơ còn kẹt lại: *bây giờ sống chết cũng vậy thôi. Chết mau hay chết chậm* (sống) *cũng là chết. Hai đối cực của đời người không lúc nào hòa hợp nhau như lúc này."* Có thể người ta đi đến cùng một quan niệm khởi từ những quan điểm đối nghịch, nhưng nhà văn đi đến hành vi coi thường cuộc đời từ sự kiện bị bắt buộc bỏ bút. Rồi tôi tự an ủi, tự đưa ra lý do để dối lòng bi thương trên giá-trị-ngang-nhau-của-sự-sống-chết trong quan điểm những người nằm xuống. Trong những người còn kẹt lại đó có nhà văn Bình Nguyên Lộc, người tôi đã được đọc tác phẩm ngay từ lúc còn ngây thơ giọc nước mỗi khi trời mưa!

Rồi có tin nhà văn Bình Nguyên Lộc được sang Mỹ. Tin nầy

đem đến trong tôi cảm giác nôn nao thân thiết, như tìm thấy quá khứ, như tình cờ lục lại đống giấy tờ cũ, bắt gặp quyển vở của mình từ ngày còn học những lớp thật nhỏ ở Tiểu học. Một cảm giác thân thương, vui mừng gặp lại chính nội tâm của mình khi đọc những tác phẩm của ông từ lâu lâu lắm.

Ông Bình Nguyên Lộc tới Mỹ với tâm trạng của người lớn tuổi, không thích hợp với cuộc sống ở đây, ông cảm thấy cô đơn, ông cảm thấy cần chia sẻ với người viết mới những suy nghĩ và kinh nghiệm của mình, nên ông liên lạc thường xuyên với nhiều người. Thư từ đến, ông hăng hái trả lời. Điện thoại đến, ông vui vẻ nhận và tìm cách gọi lại. Chúng ta ở nước Mỹ đường xá xa xôi, chỉ có thư từ và điện thoại, nhưng tôi biết thêm nhiều người xây đắp thêm cảm tình với ông ngoài cảm tình có sẵn vì ông đã là nhà văn của họ trong quá khứ bằng những liên lạc giao tình thân thiết đó.

Tôi giao thiệp với Ông trong khung cảnh như vậy. Ông là một thí dụ tốt về cách đối đãi, về lý tưởng và về mục đích ở đời, về bài học chăm chỉ làm việc vì sự gắn bó tình cảm với con đường đã vạch. Bất cứ một buổi chuyện trò nào, tôi cũng học được ở ông về điều nầy điều khác, tiếp chuyện với ông luôn luôn với tâm trạng sợ rằng sau nầy sẽ không có dịp...

Rồi ông đột ngột từ trần. Một cảm giác bùng vỡ như giữa một bản nhạc êm dịu, người chơi cao hứng gẩy ngoài nhịp cố hữu vài âm điệu chói tai, có một sợi dây nào đó chợt đứt, xoắn lại rung rung phát ra những âm thanh lạnh người kéo dài, đâm thủng không gian. Những tiếng o-o, vù-vù náo loạn trong đầu tôi khi nhà thơ Ngu Yên đánh thức dậy nửa đêm hớt hơ hớt hãi báo tin *Rừng Mắm* đã vĩnh viễn nằm xuống.

Câu nói của ông với tôi hôm nào, lúc nhà văn Vũ Khắc Khoan mất: *"ảnh còn nhỏ hơn tôi"* hiện ra tức thời. Tôi nhớ đến cả giọng nói của ông, một giọng nói thật bình thường, bình tĩnh, chân phương, không một chút cao điệu - biểu lộ trong tiềm thức sự mừng rỡ nào đó rằng chưa tới phiên ta, cũng không trầm giọng, cảm thức bất lực trước hình bóng lảng vảng của Thần Chết. Giọng ông có tiếc thương đó nhưng ta không tìm được điều gì về ông ẩn sau câu nói.

Một người hơn 70 tuổi, nghe tin bạn mất, buồn cho bạn, nhưng không liên hệ gì hết giữa cái chết của bạn và cái chết của mình chắc chắn xảy ra trong một tương lai không xa lắm khiến tôi kính phục thái độ tri mệnh. Một hình ảnh Nguyễn Du trước khi chết với mấy tiếng *tốt lắm, tốt lắm,* một hình ảnh thiền sư đời Lý lúc đọc mấy câu kệ cuối đời!

Tôi còn nhớ mình đã lộng ngôn nói rằng ông còn sống hơn mười năm nữa. Lời an ủi đó có vẻ trẻ con và dư thừa. Ông nghe mà chỉ cười nhẹ. Ông không cần một ảo tưởng, ông không coi chuyện

sống chết là quan trọng, ít nhất là cho riêng ông. Khi người ta đã biết lẽ sống chết, khi người ta đã làm tròn bổn phận với cuộc sống, với chính mình thì đâu có gì quan trọng nữa kể cả sự có mặt thêm một khoảng thời gian trên đời.

Lời an ủi đã trở thành vô duyên mấy tháng sau, vô duyên như lời hứa của tôi đến thăm ông để thực hiện một cuộc phỏng vấn chi tiết về cuộc đời và văn nghiệp mùa hè trước. Ông đã viết thư chỉ đường rành rọt, nhưng tôi lại không thực hiện được. Trên một đại lục to rộng như nước Mỹ với cuộc sống trói buộc, bán từng giờ đời mình, hứa hẹn văn chương ít ai có thể làm tròn!

Tôi gởi đến ông tập truyện ngay khi được địa chỉ của ông, và ngày sau tôi gọi điện thoại xin hầu chuyện. Ông cám ơn liền về quyển sách được tặng. Ông phát biểu về giá trị, về lối viết của tôi, *nhiều truyện có vẻ tùy bút vì không có câu chuyện.* Tôi dạ dạ! Bất đồng ý kiến giữa nhà văn với nhau đã có huống hồ giữa hai người viết cách nhau quá xa! Điều đáng nói là ông đã phát biểu thành thật và đã đọc kỹ người đi sau.

Ông kịch liệt bác bỏ cách xưng hô *bác-cháu* viện dẫn trong gia đình văn nghệ tất cả là anh em, gọi nhau là *anh tôi* cho đúng truyền thống văn nghệ. Bác Cháu với người ngoài đời thôi! Tôi bối rối thiệt tình, tôi chưa đủ chuẩn bị để đón nhận một tầm tay mở rộng như vậy, tôi từ chối với lý do năm nào đó xa xưa lắm tôi và chị M.H., cô gái út của ông cùng học một lớp ở Năm Dự Bị Văn Khoa.

— Ừ! Sau đó nó đi Mỹ - Ông nói về người bạn đồng song của tôi một lúc rồi cũng trở về vấn đề - Nhưng đó cũng không là lý do để kêu bằng bác. Mình kêu nhau bằng anh em cho nó thân mật *nhen.*

Tôi thích tiếng *nhen* từ đó. Ông luôn luôn chấm dứt một câu dặn dò bằng tiếng *nhen.* "Mình phải viết cho hay nó nhen. Văn Nam kỳ hay lắm nếu mình nắm vững, mình phải khai thác sở trường của mình nhen. Nói không phải chia rẽ Bắc Nam nhưng người miền Nam ít viết văn, và có quan niệm là người mình viết không hay, vậy phải cố gắng viết sao cho hay, cho lột trần được bản sắc nơi mình sinh trưởng. Anh em miền Bắc không hiểu nhiều về thái độ sống về con người của mình... Nhiệm vụ mình là trình bày ra cho họ thấy, cho họ biết. Phải khơi dậy cái bản sắc Miền Nam nhen. Phải viết cho bảnh, viết cho chiến nghe! Quanh đi ngảnh lại mình có bao nhiêu người đâu. Phải cố gắng nó *nhen!*"

Tôi không để ý hết những điều ông nói. Tôi nắm cái đại ý phải cố gắng viết, trình bày cái đặc biệt đối với tôi là sở trường: tâm hồn - con người - ngôn ngữ Miền Nam. Tôi thường nghĩ về sở trường của mình và phát triển nó. Viết là điều tiên khởi, nhưng viết như thế nào, ngôn ngữ gì, nói lên điều gì là những điều tôi thường tự vấn mỗi khi muốn xây dựng truyện. Tôi lựa văn phong theo nhân

vật, cần đi vào sự khúc mắc dằn vặt, suy tư, tôi dùng các từ chuẩn đang lưu hành, cần không khí bất cần, mộc mạc tôi dùng những từ đã quen tai nghe, sống lúc nhỏ. Bạn bè khuyên tôi đi vào đường thứ hai, viết giọng Nam sau khi thích một vài truyện viết theo đường lối đó, nhưng thâm tâm tôi không thích: người viết dễ viết, người đọc dễ đọc. Tôi muốn có một sự đào xới nội tâm nhân vật, tôi muốn người đọc thấy sự u uẩn của tâm hồn bằng phân tích hơn là trực giác. Điều nầy có thể đúng/sai, nhưng đó là con đường tôi thích và tự chọn. Cho nên ông Bình Nguyên Lộc chỉ làm tôi tìm tòi cốt truyện hợp với văn Nam, nhưng không bỏ hẳn con đường đã vạch. Dù sao cái nhãn đã dán, bạn bè vẫn nhìn mình như người chỉ viết văn Nam. Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng khi viết mấy dòng tiểu sử tác giả *"Ngày tháng bồng bềnh"* ở bìa sau tập truyện đã thể hiện cái nhìn đó.

⁂

*T*ôi có ý định viết một vài bài phỏng vấn Bình Nguyên Lộc từ lâu, về những điều nảy ra bất chợt trong trí khi nói chuyện với ông qua điện thoại hay trong thư trao đổi, nên thỉnh thoảng tôi ghi xuống giấy nội dung ý của ông, và nếu được, một vài từ đặc biệt Bình Nguyên Lộc trong câu chuyện.

Một lần tôi gợi ý với ông rằng viết nhiều như ông trong hiện tại không tốt về mặt nội dung và cả hình thức. Với một nhà văn đã thành danh như ông vấn đề lượng không quan trọng nữa. Ông Bình Nguyên Lộc không tỏ ý giận lại giải thích thiệt tử tốn, như phân trần, thân mật như nói với bạn vong niên:

— Anh em mình nói với nhau nghe nhen, đâu có muốn viết nhiều, viết chậm, truyện mới hay, nhưng anh em năn nỉ xin bài quá. Khó từ chối. Già rồi qua đây đâu giúp ích gì được cho con cháu. Viết nhiều vì hoàn cảnh bắt buộc thôi. Viết nhiều mà lâu thiệt lâu không thấy truyện nào thiệt *bảnh* cũng đâu có vui.

Tôi hối hận không phải ở cách đặt vấn đề của mình mà vì giọng nói sao đó của mình như có vẻ trách móc khiến ông phải biện giải. Tôi chỉ đứng ở quan điểm của người quý nhà văn, tôi bần tiện như một ông nhà giàu cứ muốn có thêm có thêm những số tiền lớn mà quên đi yếu tố thực tế. Chạm thực tế ai cũng bất lực. Nhà văn là Thượng Đế đối với nhân vật nhưng chỉ là hòn đất sét trong tay người đời. Ông mới qua, lớn tuổi, không được khỏe vì bệnh áp huyết. Bà ốm đau. Mặc cảm làm tội tình con cháu. Tôi lảng sang chuyện khác, về Kiều, về ngữ học, về một vài từ rặc ròng Nam, về những nhà văn hải ngoại. Ông góp ý trao đổi, nói cảm tưởng thiệt nhiều nhưng dè dặt khi phê bình tiêu cực những cây viết hiện tại.

Gần cuối lần nói chuyện hôm đó, ông Bình Nguyên Lộc trở về vấn đề tôi đặt ra lúc đầu:

— Tôi viết mỗi tuần 1, 2 truyện, tôi viết mau lâu rồi, viết như Sâm 3, 4 tháng một truyện làm sao sống. Viết mau nhưng mà phải viết tốt, không viết bậy, không viết tục tĩu, cũng có dạy đời đó, cũng có ẩn dụ triết lý hay tâm lý vậy nhưng không có thì giờ nghĩ cho sâu, trau chuốt câu văn cho sáng sủa. Bởi vậy viết 2, 3 chục bài mới mong thấy được một bài khá. Nói nhỏ Sâm nghe nhen, qua đây tới giờ chỉ mới có 4 bài vừa ý.

Tôi nhắc đến một bài trong *Văn,* một bài trong *Văn học,* ông đều phủ nhận, kể cả bài đài BBC tuyển đọc năm ngoái *"Với cái giá phải chết".*

— Hai bài đó *được* thôi, nghĩa là khá hơn bao nhiêu bài còn lại chút chút chứ chưa thiệt bảnh. Bốn bài tôi cho là thiệt bảnh ác hại lại được đăng ở các tờ báo ít tay để ý văn học được đọc.

Ông nhắc đến tên truyện đó và các tờ báo, tôi chỉ ghi được xuống giấy một truyện *"Người hỏa tinh"* và một truyện đăng ở một tập san nào đó ở Âu châu, vì định bụng rằng trước sau gì mình cũng sẽ đọc và sẽ được thưởng thức khi ông cho xuất bản tập truyện viết ở Mỹ. Chắc chắn. Nếu ông không yêu cầu thì cũng có nhà xuất bản đề nghị. Lo gì. Anh Bình Nguyên Lộc, tiếc là tôi không ghi chú xuống giấy cẩn thận điều anh nói hôm đó. Tiếc quá. Bây giờ cố moi trí cũng không ra.

*
* *

Nói chuyện với Bình Nguyên Lộc, tôi thường hỏi để hiểu rõ hơn về ông. Một lần tôi ngỏ ý rằng mình rất thích các truyện ngắn đầy hương vị đồng quê của ông đăng mỗi kỳ 1 truyện trong tạp chí Hương Quê (hay Sáng dội Miền Nam?), Bình Nguyên Lộc cho biết ông ký khế ước với tờ báo nầy 2 năm, đó là tờ báo được tài trợ nhưng họ bảo viết:

1— Không chống Cộng

2— Viết về miền quê, không viết chuyện thị thành

và ông đã dùng những điều đã thấy đã nghe trước đây để cấu tạo truyện. Các truyện nầy theo ông đã thành công đối với người dân quê. Họ rất thích. Bằng cớ là ba người viết ở mục nầy trước sau, Bình Nguyên Lộc đã viết lâu nhất (2 năm) trong khi đó Sơn Nam chỉ viết được 1 năm rưỡi. Triệu công Minh chỉ được ký có 6 tháng.

— Tuy là viết theo khế ước, nhưng mình được viết tự do. Nói thiệt nhen, nếu mà họ bắt buộc mình viết theo ý họ để mình mất hết tự do thì tôi đâu có cộng tác lâu. Nhà văn, họ đưa ra con đường đại cương mình theo đã là mất tự do rồi.

Tuy vậy được hỏi họ có sửa chữa và từ chối truyện nào không, ông Bình Nguyên Lộc đã nói đại ý là viết về miền quê ông cảm thấy mình viết *thiệt tình* (ý ông muốn nói không có làm văn chương?)

— Không cảm thấy gượng ép và họ cũng không có ý gì chống, trừ một truyện ngắn viết về *phân hóa học*, họ có bôi bỏ vài hàng vì nghĩ rằng bất lợi cho việc canh nông lúc đó vốn dùng nhiều phân hóa học. "Nghĩ cũng phải!".

Tôi thương mấy tiếng đó của ông, thái độ dung dị, khoan hòa biết điều gì thuộc về mình và điều gì thuộc về người. Một thái độ đạt nhân và hiền hòa lắm mới như vậy đối với văn của mình, bị gạt bỏ không vì lý do văn chương!

Được hỏi về các tác giả hải ngoại, Bình Nguyên Lộc tránh né:

— Nói thì tui nói, mình nghe với nhau thôi nhen, viết ra nói ông Bình Nguyên Lộc chê người này người kia thì... không tốt.

Tôi không muốn ghi lại đoạn đó. Riêng về đoạn ông *khen*, ông nhắc đến hai nhà văn một nam, một nữ:

— *Kiệt Tấn* viết hay lắm. Truyện *"Đêm Cỏ Tuyết"* rất xúc động và rất thiệt. Kiệt Tấn chịu khó một chút xíu nữa thì truyện sẽ tuyệt vời, bỏ đi đoạn thằng anh vô làm bậy với cô Tuyết. Truyện phải làm cho độc giả thương nhân vật từ đầu đến cuối, cho nhân vật có cái *to, lớn*, chuyện Tuyết không phản đối thằng anh làm cho độc giả hơi mất cảm tình với cô ta, không nổi bật được sự to lớn của Tuyết trong tình yêu.

— *Trần Diệu Hằng:* Cô này thì tài quá. Truyện nào của cô ta cũng hay, truyện *"tầm bậy"* của cô ta cũng hay. Chữ tầm bậy tôi hiểu Bình Nguyên Lộc muốn nói đến cốt truyện không có gì đặc sắc, ý tưởng không có gì mới lạ.

Xa hơn, Bình Nguyên Lộc nói thêm Lệ Hằng trước đây, truyện thì tầm bậy nhưng văn *quá hay*, vì vậy văn cũng là yếu tố quan trọng như nội dung.

— *Marcel Proust:* tư tưởng của ông ta không đáng kể nhưng văn thiệt là hay, ông ta là một vĩ nhân, một nhà văn lớn nhất thế giới, nhờ ở văn của ông một phần chánh.

— Truyện Kiều của chúng ta phần *nghệ thuật* mới quan trọng chớ tư tưởng tài mệnh tương đố là tư tưởng ai cũng đã biết, đâu có gì lạ.

— *Alphonse Daudet:* tư tưởng thủ cựu nhưng văn hay, trái lại Guy de Maupassant thì câu chuyện lại hay.

Văn chương nó có cái lạ lắm. Mình đọc của người khác thấy cách dùng chữ bất ngờ của họ hay quá làm mình giựt mình. Chẳng hạn như Nguyễn Du "Nửa năm hương lửa... *động lòng bốn phương.*" Các chữ "động lòng bốn phương" là mình phải ngạc nhiên và thán phục. Ngày xưa người viết có thì giờ gò từng chữ từng câu. Đời nay muốn gò cũng không có thì giờ gò. Bây giờ mọi việc đều phải vội vàng...

*
* *

Tập truyện *Nhốt Gió* (1951) của Bình Nguyên Lộc tạo thắc mắc trong tôi một thời, (khoảng 1959) khi tôi bắt đầu để ý giai đoạn văn chương tranh đấu ở Nam Bộ khoảng 1945-1950. *Nhốt Gió* dẫn người đọc đến kết luận có những việc biết khó, không làm được, có vẻ lấp trời vá biển (làm sao nhốt gió lại được) vậy mà người ta vẫn làm. Thái độ không chịu thua hoàn cảnh đó liên quan gì đến chuyện *lên đường chống Pháp?* Truyện *"Lò chén chòm sao"* đưa độc giả đến nỗi xao xuyến bâng khuâng về một vùng quê hương trong tâm tưởng, cái quê hương lưu thông trong huyết quản ta, có thể ta chưa gặp đó (quê ngoại/quê cha?) nhưng thân thiết vô cùng. Người thợ Minh hương vẽ trang trí trên chén trong một lò hầm chén, một hôm nhớ quê mẹ ở tận phương trời xa nên trút hết lòng nhớ quê trên nét vẽ một chòm sao. Truyện tiên đoán (?) tâm trạng con cháu chúng ta sau nầy bỗng một hôm nào đó ngồi trong xưởng nhớ về đất tổ quê cha chỉ nghe nói nhưng chưa bao giờ đặt chân đến.

Những tình tự nầy cổ võ lòng yêu nước chăng? Muốn nhắn nhủ chăng người đọc về một sự dứt bỏ hết những ràng buộc áo cơm ra đi bảo vệ quê hương, chống nhau với thực dân Pháp lúc đó?

Đặt vấn đề như vậy vì sau 1950 giai đoạn văn chương chống Pháp ở trong Nam đã chấm dứt. Trong giai đoạn nền văn chương nầy cực thịnh (1945-1950) nhà văn viết thẳng, viết rõ, ngụ ý nếu có cũng không xa đến như vậy. Điều Bình Nguyên Lộc viết ra là một *nỗi lòng,* một tình cảm nội tại khác với lòng yêu nước là một tình cảm có được do những chứng kiến chuyện xảy ra bên ngoài cá nhân. Có thể *Nhốt Gió* là hình thức văn chương chống Pháp *biến dạng,* tình tự dân tộc được nhắc đến nhưng xa lần những điều được trình bày mấy năm trước đó bởi các nhà văn thời nầy: Vũ Anh Khanh — Lý văn Sâm... Một tư trào văn nghệ đã qua, lác đác một vài tác phẩm cuối mùa không nằm trong con đường chánh cũng là điều dễ hiểu. Xét con đường dài viết lách trong toàn bộ sự nghiệp của Bình Nguyên Lộc, tổng quan ta thấy tác giả khai triển một thái độ tâm lý, một cảm giác, một tình cảm. Man mác trong đó đoạn đầu (1950) và cuối (1986) các tình cảm nầy liên hệ xa gần đến dân tộc quê hương nhưng không phải là lời buộc tội bọn đã làm ta mất nước.

Ông không kêu gọi lên đường làm một cái gì, ông không vẽ ra điều xấu của địch. Ông nói về tâm trạng của ta, của dân. Do đó tác phẩm của Bình Nguyên Lộc năm 1950 và năm 1986 đều *thuần túy văn chương.* So sánh với văn chương hải ngoại, Bình Nguyên Lộc về ý tưởng nằm gần Mai Thảo, ông không ở lớp chống Cộng như Nhật Tiến, Nguyễn Ngọc Ngạn, Võ Kỳ Điền, Nguyễn văn Sâm, Đặng Phùng Quân..., ông không ở cực đối nghịch kiểu Mặc Đỗ,

Hồ Trường An, Huyền Châu, thời thế chiếm phần quá ít trong tác phẩm. Ta gặp kiểu *"Lò chén chùm sao"* của Bình Nguyên Lộc ở Mỹ qua *"Cái giá phải chết"*, thế thôi, một tâm trạng người xa xứ không buộc tội ai, không chế diễu ai, không vạch trần lỗi ai...

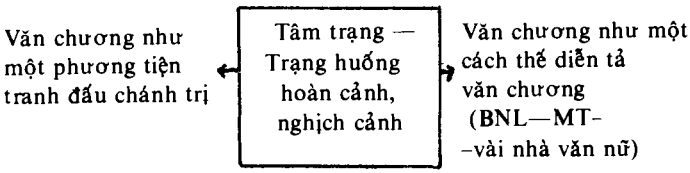

Mỗi nhà văn một cách viết, một cách chọn đề tài, không có vấn đề đúng sai — về mặt văn chương — của sự lựa chọn nầy.

Từ 1951 đến 1975 Bình Nguyên Lộc vẫn đi theo lộ trình ông vạch sẵn: mô tả tâm lý người đời, phản ứng con người trước hoàn cảnh. Những truyện hay của ông nằm trong dạng đó: *Mối tình đầu, Rừng mắm, Ba con cáo, Pì-Bế Hán, Đò dọc...*

Bình Nguyên Lộc viết thật nhiều, nhưng không thành công ở truyện dài. Truyện dài của ông đầy rẫy đối thoại, vết tích còn lại của những truyện đăng báo từng kỳ. Ông lại mắc phải điều hay giải thích nầy nọ để hướng dẫn độc giả (Xem *Tì vết tâm linh),* trong truyện dài ông giải thích quá nhiều lần nên người đọc dễ chán, người ta đọc tưởng mình đọc *sách học* hơn là đang thưởng thức một sáng tác phẩm. Truyện ngắn của ông thành công hơn, nhưng tỷ số truyện thành công và truyện trung bình quá nhỏ có lẽ vì ông viết mau và chủ trương viết nhiều. Tập *"Tâm trạng hồng"* có nhiều truyện ý hay không kém *"Ba con cáo"; "Rừng mắm"* nhưng đã bị đi vào lãng quên vì văn bình thường và nhiều dẫn giải lê-thê.

Một đời người viết văn để lại vài ba truyện trở thành *cổ điển,* tôi cho rằng như vậy là được rồi, lâu đài văn học không phải một vài người mà xây được. Mỗi người góp phần mình vài ba hòn đá, vài ba viên gạch. Điều quan yếu là cái tình của người viết với văn chương, coi chuyện viết, chuyện đọc là lẽ sống là con đường mình chịu và nhất quyết theo đuổi. Bình Nguyên Lộc để lại cho chúng ta độ 10 truyện ngắn tới, nhưng thái độ sống của ông đã là tấm gương sáng cho tôi.

Trả lời một thắc mắc của tôi về đời sống thực tế và chuyện viết văn, ông đã nói, thật chân thành: — Tui nói anh nghe nhen. Biết rằng không ai có thể trở lại cuộc đời mình lần nữa, nhưng mà nếu làm được chuyện đó, tôi vẫn chọn viết văn.. Tôi biết anh còn trẻ nên băn khoăn về tương lai. Làm gì làm nhen, cũng không nên bỏ chuyện viết văn.

Vâng, thưa anh Bình Nguyên Lộc, biết rằng Anh đã là người của văn học, của lịch sử Việt Nam, nhưng xin được một lần chót gọi bằng Anh, tôi xin thưa: "Làm gì thì làm tôi cũng không bỏ chuyện viết văn. Khi nào buồn chán tôi sẽ nhìn lại Anh như là một gương sáng, viết cho đến ngày chót đời mình".

Nguyễn văn Sâm

Luân Hoán

Lững thững theo đời

lâu nay lững thững theo đời
buồn buồn tính thử lỗ lời ra sao
yêu em lỗ mất giấc mơ
yêu quê nhà lãi giấc thao thức buồn
thương ta lận đận đóng tuồng
chung qui cũng chỉ để lường gạt ta
trông mong hoài hoá quáng gà
còn hơi thở cứ tà tà ta đi
hơn người chắc chẳng hơn chi
mà thua chưa chắc dễ gì thua ai
một mình một bóng lai rai
tới đâu thì tới thiệt thòi chi đâu.

Nguyễn Ban Sơ

Vịnh người đồng hương

Rất tình cờ thấy tên anh trên báo
Biết rằng anh cũng phiêu bạc như ta
Cũng lao đao những tháng ngày giông bão
Cũng ngậm ngùi những kỷ niệm gần xa

Ta với anh chưa một lần gặp gỡ
Cứ ngỡ rằng quen biết tự bao giờ
Xưa anh sống trong vàng son rực rỡ
Thiên đường này anh chỉ biết nằm mơ

Tâm tình nọ hoạ trời xanh mới rõ
Cõi trăm năm đành chọn kiếp cỏ khâu
Ta sẽ thay anh sống đời khỉ gió
Làm kẻ lưu vong ngày tháng dãi dầu.

Triều Khê

Cái méo chuyên môn đáng yêu của Bình Nguyên Lộc.

*T*ôi đã một lần xin được nghiêng mình để nhắc đến bậc lão thành trên phương diện ngôn ngữ trong truyện Kiều mà mấy số Văn học vừa qua được hưởng ứng sôi nổi, do viên đá dí dỏm của ông ném ra.

Tôi chỉ xin đưa ra những nét đáng yêu của ông qua mặt ngôn ngữ vì ông vừa là nhà văn vừa là nhà nghiên cứu về ngôn ngữ và sử học, nhiều người đã tôn vinh như vậy.

Trong một bài nói về truyện Kiều, ý chính của ông muốn đưa ra hai từ LƠ LÁ và GHỀNH, theo ông là những từ cổ, hấp hối sắp chết, và chúng ta đã quên nghĩa của một số từ cổ, trong đó có "Ghềnh" và "Lơ là", rồi cho biết đó là từ mượn của In-đô-nê-xia và có nghĩa khác hẳn với nghĩa chúng ta hiểu. Ông đứng trên vị trí, lăng kính của một nhà ngữ học để thảo luận về LƠ LÁ và GHỀNH. Nói khác hơn, ông bắt gặp hai viên đá này trong Kiều khi ông nghiên cứu ngôn ngữ Ma-lai-xi-a để đi đến lập luận cho rằng nguồn gốc Việt nam xuất phát từ một giống dân nào đó ở đảo vùng đông nam á. Đứng trên vị trí đó, vì vậy ông Võ Đình và tôi có hiểu hàng thần là surrender thì ông chưa muốn bàn đến vội. Theo ông, giải quyết xong LƠ LÁ thì hàng thần cũng dễ thôi. Chi tiết này khiến tôi đã than với ông Nguyễn Mộng Giác là khó "deal" được với ông Bình nguyên Lộc, tuy ông không phải là người không ưa thảo luận. Ông nói, vui vẻ:

"Nếu không ai buồn thảo luận hết, thì hoàn cảnh giống như la làng mà làng không tới, la mãi, mỏi mồm, tiu nghỉu một hồi rồi ngủ khò." Chúng ta, trong đó có cụ Kim Y Phạm Lệ Oanh, ông Võ Đình, ông Nguyễn Quỳnh, cử sĩ Sơn Nam và Triều Khê, có thể còn nhiều người khác nữa, chưa kịp thảo luận với ông, ông đã ngủ một giấc vĩnh viễn, tiếc thay.

Ông tiết lộ có hàng trăm từ cần bàn lại trong Kiều, cũng theo lăng kính ngữ học, tôi đoán thế. Xin nhắc lại, ông đã đưa việc nghiên cứu ngữ học vào văn thơ. Xin đưa một vài ví dụ khác.

Trong bài "Về nguồn" viết thường xuyên cho tờ "Thằng Mõ" dành cho thiếu nhi, ông cũng không quên đưa cả vào một bản đối chiếu về các thứ ngôn ngữ Mã lai, Nam dương, Phù nam, Nam kỳ cổ v.v... Khi ông bàn đến cái VÁY thì ông giảng cho các cháu nhỏ (và cả người lớn nữa) váy, chăn, mền, skirt, củn khác nhau ra sao. Theo ông dùng từ VÁY là không chính xác, phải dùng CHĂN mới đúng. Vì CHĂN là CỦN biến âm, biến dạng của SARONG mà ra. Sà rông thì ta thấy Việt nam không có, đó là thứ mặc để che hình nhi hạ của con người của các giống dân Thái, Lào, Khmer, Mã, Nam dương. Rồi đến CHĂN người miền Bắc ta đã dùng sai, phải gọi là cái mền, vì người Bắc đã lầm "chăn" do từ "sa rông" để chỉ cái blanket của Anh Mỹ. Phải gọi là cái MỀN mới đúng. Đến đây thì tôi thắc mắc. Ngày xưa đi thi hương để lấy tú tài, đậu được, thì gọi là cậu Tú, thi nữa, thi hội để lấy cử nhân, không đậu được gọi là ông Tú Kép, có ý là đậu tú tài hai lần. Thi lần nữa vẫn không được gọi là ông Cử thì được gọi là cụ Tú Mền. Theo cách gọi này, áo kép là áo lồng đôi, còn áo mền là áo lồng vào nhau ba cái. Cụ Tú Mền, còn gọi là Tú Đụp nữa. Vậy MỀN này khác với MỀN blanket của miền nam chăng?

Khi giảng về mầu sắc, ông dịch blue là mầu BIẾC, tôi khá ngạc nhiên. Blue từ xưa tới nay thường dịch là xanh dương, xanh lục, xanh biển, xanh da trời. Trời thu xanh *biếc* một mầu. *Biếc* đây là trạng từ không phải tên một mầu hay hình dung từ hay tĩnh từ cũng thế.

Trong truyện "kẻ biết quá nhiều," VĂN, số Tết vừa qua, ông cũng cho ngôn ngữ học vào truyện ngắn.

"Người mới là Bà. Có vẻ Việt nam, vì có chữ VĂN trong đó. Nhưng mà... phụ nữ ta đâu có mang tên với "Văn" bao giờ. Họa chăng VANMY là tên chồng. Nhưng nếu chồng thì đã là MR, chớ sao lại MRS. Vậy không phải là Việt nam rồi, mà là Mỹ gốc Hoà Lan hay Đan Mạch gì đó, họ cũng có tên với chữ VAN, gần giống với Văn của ta."

Ông cũng cho một chút nhân chủng học vào truyện ngắn "Nam Sương Ký" "Ông Linh không có học tiếng Tây ban nha, nhưng ông hiểu được rằng cái ngôn ngữ lạ đó là Tây ban ngữ, nó chẳng khác Pháp ngữ bao nhiêu. Vậy, đây là một đôi vợ chồng Mễ tây cơ, cả chồng lẫn vợ đều lai căng, da trắng lai với thổ dân da vàng. Có người bảo rằng họ đen. Nhưng không, thổ dân Mexico không thuộc chủng da đen như Mỹ đâu. Xưa kia họ da vàng, và có một thời rất là văn minh, văn minh gần bằng dân cổ Ai cập."

Trong văn chương của ông Bình nguyên Lộc có những déformation professionelle ngôn ngữ học, sử học, nhân chủng học như thế, cũng vui. Cũng như ông đã đứng trên quan điểm ngữ học để tìm những từ gốc Mã lai trong Kiều. Đó là một nét đặc trưng của văn chương Bình nguyên Lộc. Đó là nét đáng yêu trong cái méo chuyên môn của ông, cây vạn niên thanh của rừng nghệ thuật hải ngoại và hải nội.

Trở lại chuyện ông Bình nguyên Lộc thích đối thoại, thích thảo luận — không phải bút chiến — tôi nhắc lại lời ông do ông Mai Thảo ghi lại. Công trình nghiên cứu "Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt nam" của ông cho đến bây giờ, chúng ta cũng chưa có thể nói chúng ta chấp nhận hay không chấp nhận dứt khoát. Tôi nghĩ đó là một công trình to lớn. Nó bao trùm không những về ngữ học và sử học, mà còn cần nhiều ngành khảo cứu khác: khảo cổ, nhân chủng, địa chất, mỹ thuật, âm nhạc, điêu khắc y học... vượt khỏi tầm mức cá nhân, hay quốc gia nữa. Một người, một nhóm người chưa thể đủ. Ngân khoản nghiên cứu cũng vượt khỏi khả năng quốc gia. Nó như công trình đưa lên trên cao những di tích lịch sử Ai cập tránh nước lụt do công trình xây dựng đập Assou an gây nên. Như chuyện phải bảo tồn Đế Thiên Đế Thích, như chuyện phải trùng tu thành nội Huế, dù chế độ hiện nay không được nhân loại chấp nhận, nhưng vẫn phải lo, là việc phải làm của thế giới.

Trong khi đó dường như chỉ một mình ông Bình nguyên Lộc lẻ loi nghiên cứu. Một lần nữa, chúng ta lại thấy ông can đảm, lạc quan yêu đời biết chừng nào? Tờ "Thằng Mõ" và "Chuông Việt" còn cho biết ông sẽ tiếp tục công cuộc nghiên cứu về nguồn gốc Việt nam, dù tập bản thảo ông phải bỏ lại ở Sàigòn. Ông còn dự tính hoàn tất một trường thiên tiểu thuyết về mười mấy năm dưới chế độ Thành-cát-tư-hãn tân thời, còn định nhờ Hải Bằng ghi âm tiếng Khmer để đối chiếu, còn muốn viết nhiều cho thiếu nhi...

Nỗi buồn phiền và thất vọng lần đầu và cũng là lần cuối của ông mà ông Mai Thảo bắt gặp ở cô-Giang,là đám người máy ở Hà nội cao ngạo không biết thảo luận bàn cãi với ông về nguồn gốc dân tộc. Đúng hay không đúng, khoan hãy có định kiến, phải ngồi lại nói chuyện đã. Trong tư thế kẻ chiến thắng ngoài mặt trận — đúng hơn nhờ thế cờ quốc tế — tưởng đã chiến thắng trên khắp các mặt trận khác, đã chỉ đọc sơ qua rồi "cám ơn" trả lại.

Đúng là :

Phẩm tiên rơi đến tay hèn
Hoài công nắng giải, mưa gìn cho ai.

Phẩm tiên đó dù cho chưa được — ngay cả quyển J. đã xuất bản — một tổ chức, một cơ quan văn hóa nào cấp quốc gia hay quốc tế đón nhận, nhưng đám "Hạc gỗ" đã quá sợ hãi, không dám

bàn đến những gì đảng của họ đã dạy. Một khi đảng đã phán là không thể nào sai. Những Mã giám sinh đó, sức mấy mà dám đọc một giả thuyết về nguồn gốc dân tộc khác với đảng đã dạy nói chi dám ngồi để đối thoại nghiêm chỉnh?

Không có khoa bảng, chưa có mũ áo trên đại học, dù chưa được đi du hành ngoại quốc (tuy rất thèm đi Trung quốc, đi Pháp, đi Mã lai...) dù làm việc một mình, dù tuổi già, dù bệnh tật, ông Bình nguyên Lộc đã là một nhà văn lớn — có những méo chuyên môn đáng yêu — mãi mãi là nhà văn lớn đồng thời là nhà ngôn ngữ học, nhà sử học không cần bằng cấp, rất đáng khâm phục.

TRIỀU KHÊ

Kể từ hôm nay xin mời thân hữu và đồng bào gửi bài về đóng góp cho Tân Văn số ra mắt ngày 15.8.1987, phát hành trên toàn thế giới.

TẠP CHÍ RA NGÀY 15 MỖI THÁNG

tân văn

* Nơi hội tụ tâm tư và hoài bão của những người có chung quyết tâm chống cộng.
* Nơi gặp gỡ của những người cầm bút còn giống nhau ở điểm " quê hương đồng bào là món nợ vô phương trốn chạy".
* Diễn đàn chung của những người yêu văn học nghệ thuật.
* Gồm đủ các tiết mục : Văn, Thơ, Biên khảo, Dịch thuật, Ký, và Phê bình văn học.

Trách nhiệm bởi :
Hà Thúc Sinh, Lê Tâm,
Nguyễn Kim Bảng và Quỳng Thi

Thư từ bài vở : Tân Văn PO Box 5776 San Diego CA. 92105
Mọi liên lạc về quản trị : Tân Văn ;
345 E. Santa Clara St # 102 San Jose CA. 95113. USA
Điện thoại : 408. 292.3422.

Tuấn Huy

Bình Nguyên Lộc : Cuống rún còn dính liền với đất nước.

Tôi không nhớ rõ, khoảng cuối năm 1956 hay đầu năm 1957 gì đó, một người bạn thân của tôi, nhà thơ kiêm nhà giáo Hoàng Khanh, đã hơn một lần đưa tôi tới thăm tòa soạn tuần báo "Nhân Loại". Thời gian đó, tôi mới vừa dợm chân mon men bước vào thế giới văn chương chữ nghĩa, nên nhìn đâu cũng thấy những biển trời mênh mông thăm thẳm, và nhìn đâu cũng là những vì sao lấp lánh sáng ngời. Ở "Nhân Loại", tôi được gặp mấy nhà văn gốc miền Nam đang chủ trương hoặc cộng tác với tờ báo đó. Nhiều lần là Ngọc Linh. Và một lần là Bình Nguyên Lộc. Đó, thấy đều là những người cởi mở, vui tính, xuề xòa. Riêng nhà văn Bình Nguyên Lộc, chỉ thoáng nhìn cái cốt cách của ông, tôi đã thấy nẩy sinh ngay trong lòng một sự kính trọng và yêu mến. Ánh nhìn của ông rất dịu dàng. Nụ cười của ông rất khoan dung. Mái tóc cắt ngắn mà đường ngôi rẽ ngay chính giữa. Những câu nói nhỏ nhẹ ôn tồn. Những cử chỉ bình dị thân thiết. Chỉ vài lời thăm hỏi chuyện trò, nhà văn Bình Nguyên Lộc để lại nơi tôi một dấu ấn đằm thắm êm mát, của một cái gì rất đơn giản nhưng cũng rất đặc thù. Về một miền đất phì nhiêu màu mỡ mà tôi vừa đặt chân đến. Về một vòm trời chiều mưa sáng nắng đầy những lượng không khí tinh-khiết mà tôi đang hít thở ở giữa đời...

Mãi đến khi một người bạn thân khác, người văn-thơ-và-thổi-sáo Tô Kiều Ngân, cho tôi cơ hội được gặp gỡ tiếp xúc với nhà văn Bình Nguyên Lộc suốt trọn nửa ngày, tôi mới biết rõ hơn, một phần nào, về một nhà-văn-gốc-miền-Nam mà tôi yêu kính ấy.

Đó là một buổi chiều rất đẹp. Chiếc "Simca" màu xám của Tô Kiều Ngân đến đón tôi ở đường Võ Tánh. Ngân nói, bữa nay tụi mình đi Thủ Đức chơi. Tôi nhìn những phiến nắng vàng óng ở bên kia dãy phố, rất đồng tình. Nhưng Tô Kiều Ngân thay vì lái xe lên

vùng Đa Kao, thì lại cho xe chạy xuôi xuống vùng chợ Thái Bình. Tôi định hỏi, nhưng thấy Tô Kiều Ngân đang vui. Anh hát nho nhỏ một khúc tình ca đang thịnh hành. Tôi ngồi yên. Lòng đường Võ Tánh chan hòa bóng mát. Những bờ tường thấp. Những chấn song sắt. Cái vòm đá sâu thẳm và nóc chuông cao vút của nhà thờ Huyện Sĩ. Phố xá nhộn nhịp một chiều vui cuối tuần...

Đến một ngõ hẻm, Tô Kiều Ngân cho xe vòng lại. Anh nhìn đồng hồ, rồi tắt tưởi mở xe. "Đợi moi, moi vào rước ông Lộc". Đường ngõ sáng láng và sạch sẽ. Những tàng cây bông giấy đầy hoa đỏ. Những tấm phên đan bằng gỗ sơn xanh. Vài con chim bồ câu. Một vài em nhỏ. Những chiếc vespa dựng gọn ghẽ khép nép ở trước mỗi căn nhà. Một ngõ hẻm thanh bình, giữa một thành phố thanh bình và trên một đất nước thanh bình yên ấm... Chặp sau, Tô Kiều Ngân đi cùng một người đàn ông mặc quần áo trắng đi ra. Người đàn ông cỡ tuổi 40. Đôi kính trắng. Dáng dấp trí thức nho nhã. Mái tóc đen ngắn và đường ngôi rẽ thẳng tắp ở chính giữa. Tôi đã nhớ ra. Tôi mở cửa xe bước xuống, lễ phép chào: "Anh Bình Nguyên Lộc". Nhà văn Bình Nguyên Lộc bắt tay tôi, trong khi Tô Kiều Ngân giới thiệu. Cái bắt tay dịu nhẹ mà thân ái. Vừa đủ ấm áp. Không quá chặt mà cũng không lỏng lẻo lơ là. Ông nói ngay: "Có gặp nhau rồi mà". Rồi nụ cười và ánh nhìn bát ngát. Nụ cười và ánh nhìn chiếu dọi cho tôi một niềm hãnh diện và một nỗi thương yêu...

Theo phép thường, tôi mời nhà văn Bình Nguyên Lộc ngồi cùng hàng ghế với Tô Kiều Ngân. Nhưng ông không chịu. Bàn tay gầy nhỏ của ông nhất định ấn vai tôi xuống: "Cứ ngồi đó đi. Anh em cả mà..." Câu nói ngắn gọn xuề xòa theo âm điệu của người Nam, qua miệng một nhà văn đang lẫy lừng danh tiếng, đã đẩy mở cánh cửa ngăn cách. Suốt chặng đường từ đó lên Thủ Đức, cả ba chúng tôi đã chuyện trò như ba người bạn, hoặc đối với riêng tôi, như người anh lớn tuổi (Bình Nguyên Lộc) chuyện trò thân thiết với hai thằng em (Tô Kiều Ngân và tôi).

Buổi chiều tuyệt vời. Ngày đó, xa lộ chưa có. Từ Sài Gòn đi Thủ Đức, Biên Hòa vẫn là con đường trải nhựa vòng vèo. Cảnh đồng quê. Những khóm dừa. Những mảnh vườn. Những dòng kênh. Những chiếc cầu. Đối với tôi đã là rất quen, nhưng mỗi lần bỏ Sài Gòn lên đây, vẫn thật là tinh khôi lạ lắm. Ba chúng tôi, nếu nói theo tuổi tác thì là hai thế hệ. Mà nói theo gốc gác địa phương, thì một người sinh trưởng ở miền Nam, một người sinh trưởng ở miền Trung, và một người mới chỉ là gã thư sinh vừa xa rời Hà Nội. Vậy mà suốt buổi chiều và buổi tối đó, tôi cảm thấy chẳng có một sự xa cách.

Chúng tôi vào một cái quán, giữa một cảnh thiên nhiên thật mơ mộng và êm đềm. Ăn uống và chuyện trò. Đôi khi nói-cười và

trửng-giỡn. Tô Kiều Ngân có một vẻ sắc sảo tinh quái. Anh gọi những món ăn, và phẩm bình những món ăn đó. Giọng hiểu biết sành sõi. Bình Nguyên Lộc chỉ điểm đạm gật đầu. Thỉnh thoảng, mới nói một câu. Một câu chắc nịch của một người có những nhận xét thật tinh tế... Trong câu chuyện, nhà văn Bình Nguyên Lộc có hỏi tôi một vài ngôn ngữ mà "người Hà Nội" thường dùng, về những món ăn, về những trái cây, và cả về ít nhiều tập quán phong tục. Tuy hỏi là hỏi vậy thôi, nhưng nhà văn Bình Nguyên Lộc đã tỏ ra rất thấu hiểu tinh tường về những ngôn ngữ ấy. Nhân một lúc vui, Tô Kiều Ngân có nhắc đến những nhân vật trong cuốn "Đò Dọc". Nhà văn Bình Nguyên Lộc trả lời những thắc mắc của Tô Kiều Ngân. Đôi mắt ông vẫn dịu dàng nhưng đã lấp lánh những tia lửa sáng. Tôi hơi bị lạc lõng, vì chưa được đọc tiểu thuyết ấy. Nhưng cũng rất thích thú khi nghe hai người bàn luận với nhau về những "ông Nam Thành", "họa sĩ Long", bốn cô gái mang tên "Hương, Hồng, Hoa, Quả" v. v...

"Những nhân vật đó có thật ở ngoài đời hay không. Điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là một nhà văn phải biết dựng nên những nhân vật ấy cho thật trung thực, đúng đắn. Làm sao cho người đọc tiểu thuyết của mình, thấy hiện ra trước mắt họ những con người bằng xương bằng thịt, những con người có hồn, trong đời sống, chớ không phải chỉ là những con người được vẽ vời ra trong trí tưởng tượng... Độc giả thấy rõ được cái tưởng tượng của người viết là hỏng, mà họ thấy rõ được cái thật trong tiểu thuyết mình viết mới là điều phải kể tới..." Đại khái nhà văn Bình Nguyên Lộc đã nói với chúng tôi như vậy. Đã là trên dưới 30 năm. Tôi không nhớ được rành rọt, nhưng cái ý chính của ông là như thế.

Cũng trong lần gặp gỡ ở buổi đi chơi đó, tôi còn được nghe nhà văn Bình Nguyên Lộc nói ít điều tâm huyết của ông. Về văn chương. Về viết lách. Về sự sống. Về việc xuất bản. Về những mối liên hệ. Về tình giao hảo. Và đặc biệt về quê hương, đất nước. Về cuộc đời... Tôi không hiểu bởi nguyên nhân nào, bữa đó nhà văn Bình Nguyên Lộc đã tâm sự cởi mở và thiết tha như vậy. Có thể, ông không nói với tôi, mà chỉ nói riêng với Tô Kiều Ngân. Cũng có thể ông muốn nói với cả hai, vì thấy cả hai chúng tôi lúc ấy đều còn rất trẻ. Nhưng những lời nhà văn Bình Nguyên Lộc nhỏ nhẹ nói với chúng tôi buổi đó, chính là những luồng ánh sáng cần thiết lắm, chiếu dọi vào tâm thức tôi, khi tôi vừa dợm chân bước tới những nẻo đường dọc ngang rối rắm của văn chương nghệ thuật .

Ở người thanh niên vừa bước vào cái tuổi 20 đầy náo nức và nhiều mộng tưởng là tôi thuở đó, mới còn là những cái nhìn thiển cận, và vẫn còn là những ý tưởng ngông cuồng. Tưởng là có thể đội đá, vá trời. Tưởng là có thể lấp sông, san núi. Tưởng là có thể mang mớ hoài bão cỏn-con ra làm những chuyện ghê gớm cho văn

chương. Tưởng là có thể đeo cái thiên chức ngô nghê ra lập những thành quả vĩ đại cho nghệ thuật... Thường là nhìn đời bằng nửa con mắt. Thường là ngó trời ở một góc mây. Cũng thường là coi thiên hạ chẳng có một ai. Cũng thường là nghĩ mình chính thiên tài lớn... Cái ngông cuồng của thời tuổi trẻ. Cái điên rồ của lúc mới vào đời. Cái huênh hoang của kẻ chưa bước đi đã tưởng tới đích. Cái kiêu ngạo của con chim chưa đủ lông cánh đã tưởng ngàn dặm bay xa... Tất cả, cũng là thường tình. Tất cả, cũng đều đáng được tha thứ. Nhưng nếu có may mắn được gặp những vị trưởng thượng, nếu có cơ duyên được tiếp xúc với những bậc đàn anh, nhất là, được nghe những vị đó giải bày, được chia sớt với các bậc đó ít nhiều tâm sự, thì cái ngông cuồng, cái điên rồ, cái huênh hoang, cái kiêu ngạo của ta trong một phút giây chứng ngộ, ta đã tự hóa giải được đi nhiều lắm... Tôi đã tự hóa giải cho tôi những ngông cuồng, những điên rồ, những huênh hoang, những kiêu ngạo ấy, ngay ở những lần được gặp gỡ những tài năng lớn của những văn chương thơ phú. Một Nguyễn Đức Quỳnh. Một Vũ Hoàng Chương. Một Đinh Hùng. Một Vũ Khắc Khoan. Một Bình Nguyên Lộc. Một Doãn Quốc Sỹ v. v... Và sau nầy, ở những tài năng sáng chói khác, cũng là như vậy. Ở mỗi người, tôi đều lĩnh hội được ít nhiều bổ ích. Ở mỗi người, tôi đều học hỏi được một đức tính cao quý riêng tư. Riêng nhà văn Bình Nguyên Lộc, ông đã chỉ dạy cho tôi sự chân thật, sự xuề xòa và sự khiêm nhường.

Suốt bao nhiêu năm, theo dõi Bình Nguyên Lộc qua những tác phẩm lớn, tôi thấy ông là một nhà văn luôn luôn tha thiết với quê hương và dân tộc. Ông đã tha thiết lắm với đất nước và con người. Lối viết của ông, giọng văn của ông — phản ảnh một đầu óc minh triết mà phóng khoáng, một tấm lòng độ lượng mà khoan dung; một lối nhìn chi-li nhưng thân mật; một cách giãi tỏ tự nhiên, không cầu kỳ; một phương thức lập luận vững chắc và uyên bác...

Bằng những đề tài gần gụi với con người — đặc biệt là những con người chân chất ở miền Nam — ông nặng lòng với chuyện khai-mở đất đai, chuyện đồng quê, chuyện những cánh rừng, chuyện những dòng sông, chuyện những con nhện, chuyện những con tằm... Trên 30 tác phẩm đã xuất bản, tâm hồn Bình Nguyên Lộc dàn trải ra, tấm lòng Bình Nguyên Lộc dàn trải ra — như dòng sông Đồng Nai đầy nước phù sa cuồn cuộn chẩy...

Cùng với việc sáng tác, là một công trình nghiên cứu tỉ mỉ về nguồn gốc dân tộc, và nguồn gốc của ngôn ngữ dân tộc. Tôi nhớ những ngày vừa đặt chân lên một hoang đảo ở vịnh biển Mã Lai, bọn chúng tôi đã nhắc đến cuốn "Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam" của Bình Nguyên Lộc. Phải nhìn thấy những trại đảo Pulau Besar và Pulau Bidong đầy ngập những người tị nạn Việt,

trôi giạt đến đó, và được dân tộc Mã Lai mở rộng vòng tay cưu mang giúp đỡ, chúng ta mới như trực hiểu được sự cưu mang nầy không phải ngẫu nhiên mà có, nhưng chính nó đã nẩy sinh từ cái tình ruột thịt máu mủ giữa những người cùng gốc gác tổ tiên. Lập thuyết của nhà văn Bình Nguyên Lộc ám ảnh chúng tôi và khiến đám người tị nạn chúng tôi được may mắn đến nương nhờ tá túc tại Mã Lai, suy nghĩ lao lung. Gần hai năm trước đây, khi nghe tin nhà văn Bình Nguyên Lộc di cư tới Hoa Kỳ, tôi khát khao được gặp lại ông, để hỏi ông ít điều thắc mắc — nhưng không may cho tôi, là tôi chưa có cơ hội. Tôi vẫn mong chờ, một dịp nào đó, ông ghé về vùng nầy. Tôi sẽ đến chào ông, để được cùng ông hàn huyên tâm sự.

Trở lại. Đã là ba mươi năm, kể từ buổi chiều tôi cùng Tô Kiều Ngân đến đón nhà văn Bình Nguyên Lộc đi "hóng gió" ở Thủ Đức 30 năm. Đất nước đã có bao nhiêu đổi thay, và cuộc đời đã có bao nhiêu biến chuyển... 30 năm. Những tác phẩm của Bình Nguyên Lộc liên tiếp ra đời. Những tác phẩm mang những chứng tích sáng lòa của một tấm lòng thủy chung bất biến. Riêng đối với tôi, những tác phẩm đó chính là phần khai triển những điều mà nhà văn Bình Nguyên Lộc đã tâm sự với chúng tôi. Vẫn là "Trăm nhớ ngàn thương". Vẫn là "Tình Đất". Vẫn là "Thầm Lặng". Vẫn là những "Cuống rún chưa lìa". Vẫn là "Ký thác"... Ôi tâm sự của Bình Nguyên Lộc, và nỗi lòng của Bình Nguyên Lộc, vẫn rạt rào tha thiết như những ngả sông... Cũng riêng phần tôi, tôi vẫn có ý ngóng đợi "cái mộng lớn" của Người. Đó là bộ truyện một đời, bộ trường thiên tiểu thuyết của chính ông, mang tên "Phù Sa" như Tô Kiều Ngân đã kể lại, "Phù Sa" đã thực hiện được chưa? Tôi không biết. Tôi ít còn có cơ hội nào để liên lạc với ông, hay đúng hơn, để được gặp gỡ lại ông — sau cái buổi chiều tôi may mắn được ông chiếu dọi vào tâm thức tôi những tia lửa sáng. Mới đây thôi, đọc lại tập "Ký Thác" mà nhà xuất bản Văn Nghệ vừa mới in lại, tôi thấy có một cái gì như vẫn còn ẩn ức ở trong lòng. Tôi thầm nghĩ, phải chi sang đây, nhà văn Bình Nguyên Lộc viết một cuốn "Ký Thác" khác. Hay rõ ràng hơn, viết cuốn "Ký Thác 2 ", để cho chúng ta cùng được biết cái tâm trạng của ông, sau những tháng ngày ông phải sống nơi "tầng đầu địa ngục". Suốt 10 năm bị kẹt lại, kể từ biến cố thảm thương, không biết nhà văn Bình Nguyên Lộc đã cảm thấy gì, và có những suy nghĩ gì? Thực tâm, tôi chỉ muốn *xô ngã* một bức *tường rêu,* để tìm hiểu cái tâm trạng của một nhà văn, của một kẻ sĩ ở miền Nam, trước một cuộc đổi đời đầy máu và tràn ngập nước mắt... Tôi lại nghĩ cũng chẳng có gì vội vàng, vì từ trước đến nay, nhà văn Bình Nguyên Lộc vẫn là một người rất cẩn trọng. Trong văn ông, cũng như ở bên ngoài đời sống, ông như có một cái gì dè dặt, e ngại, không muốn đề cập đến chuyện chính trị... Tôi tự

bảo mình, hãy thư thả và kiên nhẫn chờ đợi. Thế nào trước sau, nhà văn Bình Nguyên Lộc cũng cho những người hằng kính phục và yêu mến ông, nhìn thấy ở ông, một thái độ ngời-tỏ dứt-khoát, về hiện tình đất nước, về chế độ cộng sản, về anh em bằng hữu còn bị tù đày, về những thế hệ trẻ đang bị đầu độc và bị nhuộm đỏ...

Mùa Xuân vừa rồi, tôi được đọc bài "Mùi Hương Quê Mẹ" của Bình Nguyên Lộc trên tạp chí "Quê Mẹ" xuất bản ở Pháp. tôi rất yên tâm và sung sướng, vì những lợn cợn thắc mắc của tôi đã được giải tỏa một phần nào. Đó là một đoản văn nhẹ nhàng, cảm động. Ở đó, Bình Nguyên Lộc đã hé mở cho chúng ta thấy rõ cái tâm trạng cay đắng của một kẻ sĩ khi nước mất nhà tan. Tôi muốn được cảm tạ trời đất, và cảm tạ nhà văn Bình Nguyên Lộc. Hơn 30 năm, những luồng ánh sáng mà ông chiếu dọi vào tâm thức tôi, vẫn là nguyên vẹn những luồng ánh sáng cần thiết lắm...

Bài viết này thoạt tiên mang một tựa đề biểu tượng: "Bình Nguyên Lộc: Chuyến Đò Dọc trên dòng sông tâm thức", đã hoàn tất cách đây khoảng hai tuần lễ. Định là để trình bày về ông như trình bày về một tên tuổi sáng chói đang được kính trọng trên "khuôn mặt thương yêu". Bất ngờ số báo chưa làm, thì được tin ông đã qua đời...

Đó là một buổi tối tuy đang đau, nhưng tôi có hẹn với D.S. tại nhà anh, để mấy anh em cùng bàn về số tạp chí đặc biệt "Tị Nạn". Bữa cơm chưa ăn, ly rượu còn đầy. Nhưng chợt nghe tin nhà văn Bình Nguyên Lộc vừa mất, không hiểu sao, tôi như người bị đau nặng hơn. Tôi đứng vụt dậy, cáo từ D.S. và mọi người. Dĩ nhiên D.S. và mọi người ngơ ngác. Tôi vụng về không biết cắt nghĩa thế nào cho ổn, đành chỉ nói "moi bị đau, moi bị đau nặng". Mà tôi đau thật. Cái đau của một người vẫn thiết tha mong được gặp lại một người, mà không được gặp. Cái đau của một kẻ có những thắc mắc về nguồn gốc dân tộc khi phải sống những ngày dài ở hải đảo, mà bây giờ không biết hỏi ai. Cái đau của một tấm lòng chờ đợi một tấm lòng tỏ hiện sau những tháng năm thăng trầm biến đổi, nhưng nay đã là ngàn năm thầm lặng. Tôi rất đau, khi nhà văn Bình Nguyên Lộc đã đột ngột bỏ đi. Cuộc ra đi lặng lẽ và nhanh chóng quá. Đáng lẽ ông phải nấn ná ở lại với chúng tôi. Mới hơn một năm đến đây. Cuộc hội ngộ chưa là trọn vẹn. Cuộc tương phùng chưa là mãn thoả. Chưa được nhìn thấy mặt ông và chưa được nghe tiếng nói của ông nữa. Ngoài những trang văn, ngoài những bài viết được đọc rải rác trên nhiều tờ báo... Nhà văn Bình Nguyên Lộc đến đây. Âm thầm . Lặng lẽ. Chưa có một buổi gặp gỡ. Chưa có một phen chào mừng. Anh em nói với nhau là ông không được khoẻ. Bạn bè kể với nhau là ông ít tiếp xúc với ai. Dường như chỉ mới có một ít bạn thân của ông được gặp ông lại. Nhưng nhiều bài viết đã từ một địa chỉ ẩn kín gửi đi tới tấp. Những bài viết về nhạc

(đã gây khá nhiều tranh luận). Những bài viết về vài chữ trong truyện Kiều (cũng đang gây nhiều cuộc tranh luận sôi nổi khác). Những truyện ngắn. Những đoản văn. Những tâm bút... Hết thảy, vẫn là một tấm lòng chân chất và đôn hậu. Hết thảy, vẫn là một tâm hồn cao cả và lớn lao. Hết thảy — vẫn là những suy tư của một kẻ sĩ, những thao thức của một nhà văn, và vẫn là những yêu thương nồng cháy của một nòi-tình...

Bình Nguyên Lộc... Cuối cùng, người đã phải đòi đoạn bỏ đất nước ra đi. Nhưng tôi nghĩ rằng, dù ở bất cứ chân trời nào, dù còn sống hay đã mất, cái *cuống rún tình nghĩa* của ông vẫn mãi mãi dính liền với Đất Nước, Quê Hương...

TUẤN HUY

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Nguyễn Nam Anh

Phỏng vấn Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

Lời Toà soạn: *Văn Học xin đăng lại bài phỏng vấn quan trọng sau đây, do Nguyễn Nam Anh thực hiện cho tạp chí Văn tại Sài gòn trước 1975. Nguyễn Nam Anh là bút hiệu khác của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, tác giả bài tùy bút "Bình Nguyên Lộc ở rừng U Minh" đăng trên Văn Học số 15 tháng 4.1987. Bài phỏng vấn sau đây, cộng với bài nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng vừa viết trên VH 15, có thể hợp thành tổng quan của NXH khi nhìn cả mọi giai đoạn đời của Bình Nguyên Lộc.*

N.N.A. *Hương gió Đồng Nai là tác phẩm đầu tay của ông. Còn tác phẩm mới nhất của ông ?*

B.N.L. Tác phẩm mới nhất của tôi, chính tôi cũng không biết. Sau vài năm đầu vào làng văn thì tôi không còn viết tiểu thuyết, hoặc một tập truyện ngắn nữa, mà tôi chắc nhà văn nào ở xứ ta cũng vậy. Họ và tôi viết song song nhiều tiểu thuyết cho nhiều tờ báo mà tác phẩm chót có thể là 3, 4, 5, 11 cái, nhưng trong số đó lại không nhớ cái nào được bắt đầu trước tiên, và sẽ chấm dứt sau cùng.

N.N.A. *Trong một bài viết về ông, và đã in thành sách, ông Nguyễn Ngu Ý có nói tác phẩm lớn nhất của ông là Phù Sa. Tác phẩm này đã hoàn thành chưa? Ông quan niệm như thế nào là một tác phẩm lớn .*

B.N.L. Tác phẩm đó, tôi đã bắt đầu từ năm 1943, đến năm nào không nhớ nữa, được đăng ở một tờ tạp chí một thời gian, rồi tờ tạp chí ấy dẹp tiệm, tôi không có thì giờ viết tiếp để đăng ở đâu cả, thành thử tới nay cũng chưa xong, và đem in những phần đã đăng báo thì chỉ hơn một trăm trang là cùng, tức lối một phần ba, một phần tư của tác phẩm.

Một tác phẩm lớn, theo tôi, không bắt buộc phải đề cập tới một vấn đề lớn, mà là một tác phẩm nói được nhiều về một chuyện

nhỏ. Theo tôi, *Pour qui sonne le glas* là một tác phẩm lớn, mặc dầu kể chuyện ra, người nghe sẽ thấy lẳng xẹt: một tay kháng chiến ngoại quốc trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha, được lịnh mang chất nổ đến phá sập một chiếc cầu bắt ngang một sơn khê sâu thẳm. Đến nơi, anh ta bị kháng chiến địa phương ngăn trở, vì họ sợ bị lộ tông tích, bởi đó là nơi an toàn của họ. Anh đặc công vừa thuyết phục, vừa vận động, và anh được họ cho hoạt động. Anh thành công, nhưng bị tử thương.

Câu chuyện chẳng có gì hết, mà ý chuyện thì cũng chỉ là một ý vặt: phá một chiếc cầu là một chuyện quá nhỏ trong một cuộc nội chiến lớn, nhưng tác giả đã cho ta thấy được cả toàn thể cuộc nội chiến ấy với những bi đát, những ẩn tình trong đó.

N.N.A. *Ông còn là một nhà biên khảo.* Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt *là quyển thứ mấy trong những biên khảo của ông ?*

B.N.L. Đó là quyển thứ nhì trong các công trình biên khảo của tôi. Quyển thứ nhất là một bộ biên khảo về riêng miền Nam, đã viết xong, nhưng lại bị phân tán nát hết.

N.N.A. *Còn quyển biên khảo dài hơi* Thổ Ngơi Đồng Nai *của ông? Có phải đây là công trình sưu khảo mở đầu cho những biên khảo sau này của ông không ?*

B.N.L. Vâng, đó là bộ sách biên khảo thứ nhất.

N.N.A. *Trong tạp chí BK số 357 ra ngày 15-11-71 ông có viết một bài thương thảo với giáo sư Trần Ngọc Ninh về hai loại từ Cái và Con. Vấn đề này có thể hiểu một cách đơn giản như thế nào?*

B.N.L. Câu hỏi của quí báo hơi khó hiểu, khiến tôi sợ đã có ai ngộ nhận gì chăng nên tôi đáp trước. Thương thảo là thảo luận hiền lành chớ không phải tranh luận. Còn thảo luận là vì chính G.s. Trần Ngọc Ninh đã viết một loạt bài về đời sống thái cổ của dân ta và cho rằng Cái và Con có tánh cách thái cổ. Tôi hiểu thái cổ: Haute antiquité, mà Haute antiquité của dân ta thì đã tám ngàn năm rồi. Nhưng Cái và Con chỉ mới có sau Mã Viện. Thế nên tôi thương thảo thử xem giáo sư có gì dạy bảo cho tôi biết rõ hơn về hai tiếng *thái cổ* nó có nghĩa nào khác hơn chăng.

Chỉ có thế thôi, không thể nào giản dị hơn, hoặc rắc rối hơn được. Nhưng sở dĩ bài của tôi hơi dài vì tôi phải chứng minh rằng *Cái* với *Con* mới có đây thôi.

Nếu có theo dõi bài của G.s.T.N.N. thì hiểu ngay tôi muốn nói gì. Hình như là quí báo không có đọc giáo sư T.N.N. Đó chỉ là một cuộc thương thảo về văn hóa mà thôi, không liên hệ đến cái gì, ngoài văn hóa tổng quát hết.

N.N.N. *Do những động cơ nào thúc đẩy ông di chuyển từ vai trò một nhà văn sang một nhà biên khảo ?*

B.N.L. Không có động cơ nào đâu, và không phải là tôi chỉ mới biên khảo đây thôi. Trước kia, tôi viết loại Compilation rất

nhiều, để đăng báo, không có ký bút hiệu thường dùng. Nhưng tôi cho rằng compilation không đáng in thành sách nên tôi không cất để dành đó thôi, còn một người sáng tác mà cũng biên khảo thì quá dĩ nhiên, bởi một nông dân làm ruộng, thỉnh thoảng cũng trồng ngô, trồng mía, chớ đâu có ai cả đời chỉ trồng lúa ăn hoài.

N.N.A. Mối tương quan nào đặt ra giữa hai lãnh vực đó, cho riêng ông ?

B.N.L. Tôi không thấy đó là hai lãnh vực khác nhau; sáng tác và biên khảo đều đồng tánh cách, nếu ta hiểu biên khảo theo như các nước khác: ở các nước khác, Compilation không hề được xem là biên khảo đáng kể, còn biên khảo thật sự thì được xem là sáng tạo, y như sáng tác văn nghệ. Ta nên dùng sáng tạo hơn là sáng tác. Tôi thí dụ: đọc hết các sách về triết Tây phương rồi gom lại, tóm lượt trong một quyển sách. Đó là công trình mà các nước khác gọi là Compilation chớ không là biên khảo. Nhưng nhìn vào triết Tây phương để tìm nơi đó một đặc điểm chung để biết tâm hồn Tây phương, là sáng tạo. Sáng tạo đúng hay sai, đều là sáng tạo, nó khác hẳn Compilation. Compilation luôn luôn là đúng, nhưng không phải là của mình, của ta.

N.N.A. Hình như ngoài nhà văn, nhà biên khảo, ông còn là một nhà báo nữa. Ông có thể nói về những hoạt động báo chí mà ông trải qua ?

B.N.L. Tôi làm báo rất ít. Viết báo từ năm 1947, tức viết như nhân viên thường, đến năm 1952 tôi mới "làm báo", tức là chủ trương biên tập. Bắt đầu bằng báo hằng tuần, dĩ nhiên là phải như vậy, vì người tập sự không đủ khả năng làm báo hằng ngày về mặt kỹ thuật.

Rồi sau đó mới nhảy sang hằng ngày. Nhưng tôi chỉ làm báo chơi để nghỉ ngơi vì khi chủ trương một tờ báo, thường thì khỏi phải viết gì cả, lương cũng đủ sống. Thế nên đôi khi, báo đương lên, tôi cũng xin thôi, chứ không phải vì báo chết nên thất nghiệp. Thôi làm báo, tức đã nghỉ ngơi đủ rồi, và trở lại sáng tác.

Nhưng trong vòng trên một năm nay thì cả hai thứ hoạt động đều gần như ngưng hẳn, vì tôi mắc chứng áp huyết cao, thầy thuốc bảo phải nghỉ ngơi. Lần nầy thì nghỉ thật sự, nghỉ không lương như công chức nghỉ giả hạn. Nhưng quả nghỉ ngơi rất có hiệu quả. Hiện áp huyết của tôi, cao nhứt chỉ có 14, tức là áp huyết của một người từ 30 đến 40 tuổi, có thể làm việc trở lại được, nhưng tôi vẫn chưa dám.

Thế nên trên các báo, thiên hạ thấy tên tôi ít đi, như với tạp chí Văn mà mỗi năm, tôi cũng chỉ đưa có năm bảy truyện ngắn.

N.N.A. Ông có phải là nhà văn có tiểu thuyết đăng nhiều ở các nhật báo không ?

B.N.L. Tùy lúc. Vào năm 1957 thì tôi viết mỗi ngày 11

feuilletons. Nhưng sau đó, chính Lê Xuyên và An Khê dẫn đầu. An Khê có năm viết tới 12 feuilletons mỗi ngày, nhưng tôi chưa hề thấy ai vượt qua con số 12 nổi. Sự viết nhiều viết ít, không do ta, cũng không do chủ báo. Đó là may mắn (hay rủi ro) ngẫu nhiên. Commande tới nhiều hay ít đều do tình cờ cả. Nhiều nhà văn bỗng dưng không có commande nữa, nhưng không hề tại họ hết biết viết, hoặc tại họ viết dở hơn. Nhưng điều nầy cũng có thể là một nguyên nhơn: nước chảy chỗ trũng. Khi ta leo lên tới con số 5 thì các ông chủ báo bỗng dưng có cảm giác rằng ta viết nhiều quá, chắc là ăn khách lắm. Thế là họ mời ta, và chừng đó thì ta phải hãi hùng mà thấy commandes tới tấp nhào vô.

Vài ông chủ báo lại suy luận khác: "Hừ, thằng nầy đã viết nhiều quá, bắt nó thêm một cái, hẳn nó phải viết kém đi." Thế là con số 5 đó vài tháng sau lại bị sụt xuống. Con số 5 rất là nguy hiểm.

Ai chỉ viết 4 feuilletons mỗi ngày thì không lo bị các ông chủ báo suy luận hai chiều, bỏ rơi, hoặc làm khổ bằng cách commande vì thấy thiên hạ có tên đó thì mình phải có tên đó.

N.N.A. *Cách đây không lâu lắm, chúng tôi có đọc được đâu đó trong tạp chí BK (lại cũng trong tạp chí BK), cuộc phỏng vấn truyện ngắn nào hay nhất của ông (người được phỏng vấn) đã đọc, một nhà văn trả lời rằng đó là một truyện ngắn của B.N.L.: truyện Ba Con Cáo.*

Ông nghĩ sao về nhận định trên ?

B.N.L. Tôi không đồng ý với người đã chọn truyện của tôi, vì theo tôi thì truyện hay nhứt của tôi không phải là truyện đó. Nhưng phải qua một thời gian năm bảy chục năm mới biết người đó nói đúng hay tôi nghĩ đúng.

N.N.A. *Trong truyện ngắn đó ông đã viết với một bút pháp nào ?*

B.N.L. Bút pháp của tôi thì tôi không biết, chỉ có người khác là biết thôi.

N.N.A. *Động cơ nào thúc đẩy ông làm cái công việc nhà văn nhà báo hiện nay ?*

B.N.L. Đây là câu hỏi đã làm cho tôi bị thiên hạ chửi nhiều nhất nên tôi cũng sợ hãi, vội trả lời ngay.

Chẳng như thế nầy. Không thể nào có một động cơ độc nhứt nó thúc đẩy ta làm cái gì. Nhưng trí nhớ của tôi lại có hạn. Các ông nhà báo tới chơi, hỏi thình lình, tôi nhớ cái gì nói cái nấy ra.

Thế rồi tháng sau, ông nhà báo khác cũng tới chơi và hỏi y hệt như vậy. Nhưng tôi lại nhớ đến động cơ khác nên đáp khác đi.

Mãi rồi thiên hạ thấy tôi sao vừa nói trắng lại nói đen, các bồ ấy ngỡ tôi phỉnh càn, các bồ nổi giận, gặp tôi thì xổ nho om xòm.

Vậy xin các bồ thông cảm vì không thể nào mà chỉ có một động cơ độc nhứt được, mà trí nhớ của tôi thì có hạn, vào một

ngày, một lúc nào đó. Rồi tôi lại sẽ nói xanh, nói vàng, sau khi đã nói trắng, nói đen,và chắc phải đợi tôi chết rồi, cộng tất cả những câu trả lời của tôi, may ra sẽ biết sự thật chăng, và từ đây tới đó, ai biết được là còn bao lâu, và liệu sẽ đủ thì giờ kể đủ vuông, tròn, tam giác, hình thuẫn, hình bánh khảo, bánh đúc chăng.

Tôi đã nói dài quá rồi mà chưa trả lời. Nhưng tôi lại đâm sợ sẽ nói ra cái mình đã nói rồi. Vậy xin quí báo đăng rằng là tôi thích viết lách tại tôi không phải là cầu tướng quốc tế, hoặc nhạc sĩ hữu danh, hay nhà buôn to. Bất kỳ ai cũng phải làm cái gì đó. Nhưng tôi không làm cái gì khác được thì tôi viết lách, chớ nếu tôi bận rộn về buôn bán thì còn đâu thì giờ nghĩ đến sách vở văn chương

Trước 1945 tôi chỉ viết ít thôi, nhưng sau 1945 vì bất hợp tác với Pháp, tôi không trở lại đời công chức nữa thì tôi viết, chớ còn biết làm gì bây giờ !

N.N.A. *Người ta nói ông là một nhà văn viết không đều tay. Ông có đồng ý với nhận xét này không ?*

B.N.L. Đều tay là thế nào? Là cứ hay, dở như nhau, hay cứ nhiều ít như nhau? Nếu là chuyện hay dở thì tôi không nên xét đoán tôi, bằng như chuyện nhiều ít thì không. Tôi viết rất đều, chỉ trừ hơn một năm nay thôi, nhưng đó là sự hạn chế cố ý, chớ không phải là bí.

N.N.A. *Hình như ông có một tác phẩm được giới điện ảnh mua để làm phim? Ông có thể nói thêm một chút gì về nghệ thuật thứ bảy ?*

B.N.L. Tôi có nhiều tác phẩm được mua để làm phim. Truyện đầu là truyện Đò Dọc, được mua trước tiên ở V.N.C.H., nhưng nhà sản xuất lại thực hiện không được.

Gần đây, một truyện đã được thực hiện (gần xong) và còn vài truyện nữa.

Tôi rất lo sợ khi bán một tiểu thuyết để làm phim. Nhà làm phim có thể thành công mà cũng có thể không, mà mình nào có trách nhiệm gì trong vụ đó. Nhưng mình lại bị ảnh hưởng,ảnh hưởng lợi hay hại là do sự thành công hay thất bại của họ. Nhưng mình làm thế nào bắt họ phải thành công được. Kẻ ra tiền năm bảy triệu vẫn đành chịu vậy, còn mình chỉ là bánh xe thứ 36 trong bộ máy.

Tôi rất ưa xinê, nhất là loại đen trắng. Nhưng từ vài năm nay thì phim hay ít đi, vì Sài Gòn chiếu quá nhiều phim kiếm hiệp Tàu, không như trước đây mà tuần nào cũng có 1 phim đen trắng Âu Châu loại Le pont, Le passage du Rhin, Le voyage để cho mình thưởng thức nữa.

Loại màu Âu Châu cũng khoái mắt hơn phim Tàu như Mousson , chẳng hạn. Nhưng tất cả những thứ đó bây giờ hiếm lắm.

N.N.A. Có bao nhiêu tác phẩm của ông đã được in thành sách ?

B.N.L. Lối 50 quyển. Còn quá nhiều, mà tôi cũng chẳng biết bao nhiêu, nhưng hơn số sách đã được in. Lý do? Cái điều này thì chết tôi. Có những nhà xuất bản lấy tác phẩm của tôi rồi biến mất, tìm không ra, hoặc còn đó mà đòi không trả, cũng không in. Như một ông bạn X. Ông bạn đó, đang xuất bản đều, và lấy một tiểu thuyết hay của tôi, rồi ngưng hoạt động. Tôi đòi lại, ông ta đành cù cưa rồi biến mất. Nay hỏi ra thì ông bạn đang nằm trong quân lao. Mà có đến 5, 7 tác phẩm như vậy, khiến nay, có nhà xuất bản nào lấy tác phẩm, tôi thờ ơ lắm, vì không được in vẫn hơn là mất tác phẩm.

N.N.A. Giả sử phải bỏ hết cả những gì ông đã viết và chỉ được giữ lại một quyển thôi, ông sẽ giữ tác phẩm nào? tại sao ?

B.N.L. Nếu phải bỏ hết chỉ giữ lại 3, thì tôi giữ *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc* (Tạp bút) *Cuống rún chưa lìa* (Truyện ngắn), *Tỳ vết tâm linh (Truyện dài)* nằm trong tay anh bạn ở quân lao. Tại sao? Tại chủ quan của tôi thấy nó hay. Nhưng người khác chưa chắc đã thấy như tôi.

N.N.A. Ông có nghĩ rằng không có những nhân vật khác nhau trong những quyển sách khác nhau, mà thật ra đó chỉ là những mảnh vụn của một nhân vật, đó chính là tác giả, và của một quyển sách, đó là quyển thứ nhứt, đã được viết do chính tác giả đó ?

B.N.L. Thường thì tác giả cũng có xuất hiện trong tác phẩm để thủ vai "Chàng", nhưng luôn luôn không phải như vậy ,ít lắm là nơi tác phẩm của tôi. Tôi có tả các nhân vật không phải là tôi, cả ở bên ngoài, lẫn bên trong tâm hồn. Có những truyện không có Chàng mà chỉ có Nàng thì làm thế nào để nhân vật là tôi được.

Quyển thứ nhứt của tôi là quyển Phù Sa, viết từ 1945 đến nay mà chưa xong, nhân vật chánh trong đó là một đám nông dân Bắc Bố Chính di cư vào Nam năm 1623, thì cũng không làm sao mà là tôi được.

N.N.A. Xin ông kể cho độc giả chúng tôi một ít kinh nghiệm về đời văn của ông ?

B.N.L. Tôi có kinh nghiệm nầy là đợi hứng hứng không bao giờ tới cả. Phải đi tìm nó, ở xó nào đó rồi lôi xển nó về, sau đó, nỗ lực làm việc. Một buổi chiều đi ăn cơm ở ngoại ô xa về là có thể có một tiểu thuyết, và chắc chắn có một truyện ngắn. Chui vào một động tiên để nhìn các ông tiên bà tiên đi mây về gió, nghe họ nói chuyện lối nửa tiếng đồng hồ, hoặc chỉ nhìn ngọn đèn dầu lạc màu bịnh hoạn của họ một hồi là có thể viết được cái gì.

N.N.A. Những giai thoại nào trong đời văn ông mà ông cho là lý thú nhất ?

B.N.L. Tôi ít làm báo, như đã nói. Nhưng làm báo có giai thoại nhiều, còn làm văn thì rất ít. Tôi cố nhớ để kể ra đây, nhưng không nhớ được thì chắc là những thoại ấy không được "giai" lắm, chớ nếu nó quả thật "giai" thì tôi hẳn phải nhớ ngay.

Có lẽ là truyện ngắn đầu được nhận đăng báo chăng? Nhưng nếu thế thì giai thoại đó chỉ "giai" đối với tôi mà thôi, và tất giống những cái "giai" của người khác.

Nhưng tôi cũng cứ kể ra, vì không lẽ đáp một câu hỏi mà chỉ bằng một câu ngắn là: "Không có" thì ông chủ báo sẽ rủa thầm thằng nầy là tổ lười.

Truyện ngắn đầu tiên của tôi được nhận đăng thì tôi sung sướng lắm. Điều đó khỏi phải nói dài dòng, chắc ai cũng thế. Nhưng đặc biệt truyện của tôi được một ban biên tập mà trong đó có nhà thơ khét tiếng Xuân Diệu. Trước chiến tranh Xuân Diệu và Huy Cận ở Sài gòn, Xuân Diệu làm Tây đoan, tức làm ông quan thuế, còn Huy Cận thì học kỹ sư canh nông. Cả hai ông đó đều nổi danh và đều ở trong bộ biên tập của tờ báo nhận đăng truyện của tôi.

Tôi có một người bạn ở trong bộ biên tập ấy, hắn là bạn của hai ông đó, nhưng hắn không biết đó là truyện của tôi, vì bút hiệu B.N.L chỉ mới xuất hiện lần đầu vào dịp đó, tức tôi không có nhờ người bạn ấy vận động với hai ông tổ kia đâu.

Sau đó, thằng ấy mới biết B.N.L chính là tôi, và nó ngạc nhiên lắm, vì nó cứ đinh ninh rằng tôi rất xoàng, qua những bài viết chơi của tôi.

Chính tôi cũng không dè bài tôi được nhận. Sự bất ngờ đó làm cho tôi sung sướng nhiều, và có thể xem là giai thoại tuy nó chỉ "giai" đối với riêng tôi mà thôi, vì tôi xem hai ông thi sĩ đó là thi sĩ lớn, còn người khác có thể không đồng ý và không thấy đó là "giai".

Nhưng người thời hậu chiến khác, chớ thời 1943 thì hai ông thi sĩ đó rất được hâm mộ, nhứt là những bài lục bát của Huy Cận thì được chúng tôi xem ngang với Nguyễn Du chớ chẳng vừa. Tới nay, riêng tôi còn thấy là lục bát của Huy Cận hay và khó lòng vượt qua được.

N.N.A. *Ông nghĩ sao khi có người phân biệt hai danh từ nhà văn (l'écrivain) và kẻ dụng văn (l'écrivant).*

B.N.L. Quả thật ở Âu Mỹ đã phân biệt như vậy, và ta cũng bắt chước y theo Âu Mỹ.

Và quả thật có hai hạng người đó.

Nhưng có cái bậy nầy là Âu Mỹ và ta đều khinh miệt hạng sau.

Tại sao lại khinh miệt họ? Nếu họ không viết được những tác phẩm giá trị thì ít ra họ cũng phục vụ chị bếp, con sen, và cả các cô ký nữa. Tôi thử hỏi một cô ký mê tiểu thuyết ba xu không hơn cô

ký mê tổ tôm hay sao chớ.

Trên đời nầy kẻ có tài không được phép coi rẻ kẻ kém tài. Một ông kỹ sư là người cần thiết, nhưng một ông cán sự lại không cần thiết hay sao ?

Vả lại giá trị nghệ thuật chưa chắc đã hữu dụng bằng sách nhảm. Tôi xin trình ra một thí dụ điển hình. Có ai tìm được giá trị nghệ thuật nào trong tác phẩm của Jules Verne hay không? Thế mà tác phẩm ấy là các ngòi thuốc súng mà Jules Verne châm rồi thì là bao nhiêu trí óc con người đều nỗ lực để thực hiện những gì mà ông ta phịa ra, nào là tàu ngầm, nào là tàu bay, nào là lên cung trăng.

Ấy thế mà thuở đó Jules Verne bị xem là Ecrivant đấy.

Nhạc sĩ Lê Thương giỏi. Đành thế. Nhưng con sen nhà tôi sức mấy mà thưởng thức nổi bản "Biển sau giông tố" của họ Lê. Nó chỉ cần nghe anh thợ cạo ở bên cạnh chơi ghi ta những bản bậy bạ nào đó là đời nó đỡ ám rồi.

Sự kiện có thật, nhưng quan niệm đối với sự kiện thì rõ ràng là kỳ thị giai cấp.

Nhưng có một bí mật nầy mà ít ai biết là nhiều nhà văn lớn vẫn viết truyện nhảm. Tác phẩm có giá trị bán không chạy mà họ không biết làm nghề gì khác để lấy tiền ăn cơm, thành thử họ phải dùng biệt hiệu lạ để viết truyện ba xu. Và chính con người ba xu ấy lại nuôi sống văn hào thì có phải chăng là Ecrivant cũng đáng kể lắm ?

Một bức tranh sơn mài của Nguyễn Gia Trí giá là năm trăm ngàn bạc, nhưng em gái tôi sức mấy mà hưởng được tranh đó. Nhưng có những đội guốc gỗ sơn mài vẽ con cá vàng lượn quanh cây thủy thảo để cho nó thưởng thức. Thế là ông thợ sơn mài đã phục vụ mấy triệu cô gái, còn họa sĩ trứ danh Nguyễn Gia Trí thì chỉ phục vụ có một người, mà chưa chắc người đó là người Việt Nam.

Tôi mến phục các nhà văn lớn, nhưng tôi cũng mến phục các anh Ecrivant nếu họ không có làm gì bậy bạ mà chỉ viết truyện ba xu, bán lấy tiền nuôi con. Giữa tài với đức, đức phải hơn. Tôi không là một nhà đạo đức chút xíu nào hết, nhưng tôi vẫn trọng đức của người khác, đánh giá họ bằng đức chứ không bằng tài, mặc dầu tôi cũng quí trọng tài của họ lắm.

Tôi đau ốm, tôi nằm nhà thương, nhờ bác sĩ cứu sống tôi, nhưng thật ra nhờ các cô y tá nhiều hơn, vì bác sĩ đến 5 phút rồi đi mất, an ủi tôi săn sóc tôi là các cô y tá.

Y tá là écrivant trong địa hạt y khoa đấy, nhưng họ rất cần thiết.

Cứ họa sĩ khinh thợ vẽ, kỹ sư khinh cán sự, nhà văn lớn khinh nhà văn ba xu mãi thì không đẹp tí nào hết. Vì thế mà tôi chơi cờ

tướng, vì trong trò chơi cờ tướng không có kỳ thị. Ông tỷ phú vẫn phải năn nỉ anh làm vườn của ông ta vào nhà đánh với ông ta vài ván, giúp ông ta đỡ buồn.

Ông thơ ký tòa soạn sẽ làm nên trò trống gì nếu không có các ông phóng viên chạy tin? Tôi loại danh từ Ecrivant ra khỏi cái vốn liếng danh từ mà tôi thường dùng, bởi vì ông tướng không có hạ sĩ thì ông tướng ấy cũng đành nằm co. Nhưng Tây lại còn danh từ Ecrivassier, Ecrivailleur nữa, chớ không phải chỉ có danh từ Ecrivant không mà thôi. Và họ sẽ đẻ ra nhiều thêm danh từ cho đến khi nào số giai cấp lên đến bốn ngàn, bằng y như con số trong nước Ấn Độ họ mới nghe cho.

Ông Tản Đà làm thơ thì hay, viết văn cũng hay. Ông là Ecrivain. Nhưng anh nông phu lại không có tài hay sao khi anh ta làm thơ như thế nầy :

Ông Nình ông Ninh
Ông ra đầu đình
Ông gặp ông Nảng ông Nang
Ông Nảng ông Nang
Ông ra đầu làng
Ông gặp ông Nình ông Ninh.

Anh nông phu ấy đã bị gọi là Ecrivant đấy. Nhưng đố ông Tản Đà làm nổi một bài thơ như vậy.

Chính tôi đã làm Ecrivant vì bao tử tôi đòi hỏi. Với biệt hiệu Phong Ngạn tôi sáng tác truyện kiếm hiệp như là *Quang Trung du Bắc*, truyện phiêu lưu mạo hiểm như là *Thuyền trưởng sông Lô*, mà tôi không xấu hổ, lại dám tiết lộ bí mật đó ra nữa, thì đã sao, đã làm hại ai bao giờ ?

Nhưng đời xưa, tiếng Pháp Ecrivain chỉ có nghĩa là thơ ký, là kẻ écrire, tức kẻ viết, viết thư mua gỗ, viết thư gạ bán máy may cho chủ hãng, thì không nên hãnh diện lắm với danh từ Ecrivain. Danh từ sang trọng nhứt của Pháp là Homme de Lettres.

N.N.A. Ông có tin là tiếng nói của nhà văn được người ta nghe không ?

B.N.L. Có, vì chính tôi đã được thư của bạn đọc tán thành hoặc chửi bới, thư ấy không nhiều lắm, nhưng có những thằng lười viết thư thì số người nghe ta phải đông, hoặc không nghe ta cũng phải đông. Số người thờ ơ cũng có, nhưng bọ nghe hoặc không nghe không phải ít đâu. Tôi rất thích những bức thư đó, cho dẫu là thư chửi bới. Cái anh chửi mình, ít ra anh ta cũng xem mình xứng đáng được anh ta chửi cho một tiếng. Buồn lắm là những anh chị tán thành hoặc chửi bới ký tên không xem được, thành thử mình không thể tìm họ để nghe chửi thêm, hoặc tâm sự cái gì.

N.N.A. Văn chương chẳng giúp gì được cho đời sống, chỉ là những tiếng thì thầm của một người nói với chính mình ? Rất cảm ơn ông

Bình Nguyên Lộc. Đó là câu hỏi chót của chúng tôi.

B.N.L. Văn chương có giúp cho đời sống, cho dẫu rằng tác phẩm chỉ là tiếng thì thầm của một người nói với chính mình. Người ta sẽ "điều chỉnh" tâm hồn của người ta, tình cảm của người ta khi tán thành hoặc đả kích mình. Như vậy cũng đã là giúp ích rồi.

Nhà báo nói cảm ơn, sau khi hỏi xong quá nhiều câu. Tôi xin đáp lễ bằng lối nói của vua Hùng vương *Tôwaycô*. Nhà báo có tin rằng vua Hùng Vương nói cám ơn bằng tiếng Tôwaykô hay không? Đó là tiếng Việt cổ thời. Cám ơn chỉ là tiếng Tàu: Cảm và Ân.

NGUYỄN NAM ANH

TÌM MUA NGAY

NƯỚC MẮT SÀI GÒN

Tuyển tập truyện ngắn xuất sắc của 10 tác giả cùng viết về Sài Gòn đau thương, u ám, quằn quại dưới chế độ cộng sản, với những bút pháp và lối nhìn khác nhau của Hà Thúc Sinh, Phan Tấn Hải, Nguyễn Nam Chi, Trần Hoài Thư, Tưởng Năng Tiến, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Ngọc Ngạn, Lê Hoàng Phú, Phan thị Trọng Tuyến, Lê Đại Lãng.

Sách dày 190 trang, do nhà xuất bản NHÂN VĂN in ấn hết sức công phu và trang nhã. Giá chỉ 7 Mỹ kim.

Bạn đọc và các nhà sách nếu muốn mua *Nước Mắt Sài Gòn* xin liên lạc :

Nhân Văn

P O Box 21638 San Jose CA. 95151

tướng, vì trong trò chơi cờ tướng không có kỳ thị. Ông tỷ phú vẫn phải năn nỉ anh làm vườn của ông ta vào nhà đánh với ông ta vài ván, giúp ông ta đỡ buồn.

Ông thơ ký tòa soạn sẽ làm nên trò trống gì nếu không có các ông phóng viên chạy tin? Tôi loại danh từ Ecrivant ra khỏi cái vốn liếng danh từ mà tôi thường dùng, bởi vì ông tướng không có hạ sĩ thì ông tướng ấy cũng đành nằm co. Nhưng Tây lại còn danh từ Ecrivassier, Ecrivailleur nữa, chớ không phải chỉ có danh từ Ecrivant không mà thôi. Và họ sẽ đẻ ra nhiều thêm danh từ cho đến khi nào số giai cấp lên đến bốn ngàn, bằng y như con số trong nước Ấn Độ họ mới nghe cho.

Ông Tản Đà làm thơ thì hay, viết văn cũng hay. Ông là Ecrivain. Nhưng anh nông phu lại không có tài hay sao khi anh ta làm thơ như thế nầy :

Ông Nĩnh ông Ninh
Ông ra đầu đình
Ông gặp ông Nảng ông Nang
Ông Nảng ông Nang
Ông ra đầu làng
Ông gặp ông Nĩnh ông Ninh.

Anh nông phu ấy đã bị gọi là Ecrivant đấy. Nhưng đố ông Tản Đà làm nổi một bài thơ như vậy.

Chính tôi đã làm Ecrivant vì bao tử tôi đòi hỏi. Với biệt hiệu Phong Ngạn tôi sáng tác truyện kiếm hiệp như là *Quang Trung du Bắc,* truyện phiêu lưu mạo hiểm như là *Thuyền trưởng sông Lô,* mà tôi không xấu hổ, lại dám tiết lộ bí mật đó ra nữa, thì đã sao, đã làm hại ai bao giờ ?

Nhưng đời xưa, tiếng Pháp Ecrivain chỉ có nghĩa là thơ ký, là kẻ écrire, tức kẻ viết, viết thư mua gỗ, viết thư gạ bán máy may cho chủ hãng, thì không nên hãnh diện lắm với danh từ Ecrivain. Danh từ sang trọng nhứt của Pháp là Homme de Lettres.

N.N.A. Ông có tin là tiếng nói của nhà văn được người ta nghe không ?

B.N.L. Có, vì chính tôi đã được thư của bạn đọc tán thành hoặc chửi bới, thư ấy không nhiều lắm, nhưng có những thằng lười viết thư thì số người nghe ta phải đông, hoặc không nghe ta cũng phải đông. Số người thờ ơ cũng có, nhưng bọ nghe hoặc không nghe không phải ít đâu. Tôi rất thích những bức thư đó, cho dẫu là thư chửi bới. Cái anh chửi mình, ít ra anh ta cũng xem mình xứng đáng được anh ta chửi cho một tiếng. Buồn lắm là những anh chị tán thành hoặc chửi bới ký tên không xem được, thành thử mình không thể tìm họ để nghe chửi thêm, hoặc tâm sự cái gì.

N.N.A. Văn chương chẳng giúp gì được cho đời sống, chỉ là những tiếng thì thầm của một người nói với chính mình ? Rất cảm ơn ông

Bình Nguyên Lộc. Đó là câu hỏi chót của chúng tôi.
B.N.L. Văn chương có giúp cho đời sống, cho dẫu rằng tác phẩm chỉ là tiếng thì thầm của một người nói với chính mình. Người ta sẽ "điều chỉnh" tâm hồn của người ta, tình cảm của người ta khi tán thành hoặc đả kích mình. Như vậy cũng đã là giúp ích rồi.

Nhà báo nói cảm ơn, sau khi hỏi xong quá nhiều câu. Tôi xin đáp lễ bằng lối nói của vua Hùng vương *Tôwaycô*. Nhà báo có tin rằng vua Hùng Vương nói cám ơn bằng tiếng Tôwaykô hay không? Đó là tiếng Việt cổ thời. Cám ơn chỉ là tiếng Tàu: Cảm và Ân.

NGUYỄN NAM ANH

TÌM MUA NGAY

NƯỚC MẮT SÀI GÒN

Tuyển tập truyện ngắn xuất sắc của 10 tác giả cùng viết về Sài Gòn đau thương, u ám, quằn quại dưới chế độ cộng sản, với những bút pháp và lối nhìn khác nhau của Hà Thúc Sinh, Phan Tấn Hải, Nguyễn Nam Chi, Trần Hoài Thư, Tưởng Năng Tiến, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Ngọc Ngạn, Lê Hoàng Phú, Phan thị Trọng Tuyến, Lê Đại Lãng.

Sách dày 190 trang, do nhà xuất bản NHÂN VĂN in ấn hết sức công phu và trang nhã. Giá chỉ 7 Mỹ kim.

Bạn đọc và các nhà sách nếu muốn mua *Nước Mắt Sài Gòn* xin liên lạc :

Nhân Văn

P O Box 21638 San Jose CA. 95151

Trần Hoài Thư

Nam Ô

Tặng Thường Quán.

Đà Nẵng quê em, anh ở xa, bên kia đèo Phú Cũ, sâu trong rừng An Lão, bên kia trùng trùng điệp điệp rừng dừa. Anh ở trên đồi Mười, vì yêu em nên bọc bên mình hai trái lựu đạn để ra thăm em. Và mỗi lần em thấy anh, em lại khóc. Chiến tranh đã làm ngày tháng quá dài, nhưng cũng rất là mong manh. Và cũng vì rất mong manh nên anh ôm em cuồng bạo. Em run rẩy đôi vai: Em sợ. Nhưng anh vẫn giả vờ; coi như kẻ rong chơi. Dù cũng muốn nói với em về đồi Mười, về Trịnh Kim Đồng trong toán Trinh Sát vừa chết, về những thằng thám kích băng rừng suốt đêm đến tiếp cứu đồi Mười. Chiến tranh chỉ dành cho bọn đàn ông con trai. Nhưng lần này, anh phải nói với em về những tín hiệu bi thảm. Anh đưa em ra đồi Nam Ô. Anh đưa em ra nhìn Hải Vân trong sương mù và biển xanh mịt mờ dưới thấp. Tiếng trọng pháo vẫn dồn dập câu đi dưới một bầu trời nắng lửa. Chiếc cầu đen bắc qua Nam Ô quằn quại vết xích chiến xa. Những chiếc xe quân đội tiếp tục chuyển quân về hướng Bắc. Đó là những hình ảnh quá chừng quen thuộc với anh, nhưng cớ sao lần này, khi bắt gặp anh cứ tưởng tượng đến một cõi nào. Không dám nghĩ. Nhưng vẫn phải nghĩ. Không dám nhớ, nhưng vẫn phải nhớ. Bởi vì, rõ ràng, anh đã biết rõ hơn ai hết, bọn anh sắp đối đầu với một trận chiến khác. Đó là cái chốt cuối cùng của vùng rừng núi.

Anh đã cố giấu lòng nhưng em cũng đã hiểu thấu. Em van lơn đến tội nghiệp:

— Hay anh ở lại đây, đừng về đơn vị nữa. Ba em kể là tình hình nguy ngập lắm rồi.

Anh nhìn đôi mắt em. Đôi mắt đã từng chan hòa những giọt lệ của một người con gái có người yêu đi trận. Đôi mắt nhiều buồn hơn vui. Đôi mắt kết đọng âu lo hơn là hạnh phúc. Em lại nói:

— Em hiểu là anh có những lý do. Nhưng bây giờ chúng ta đã không có cách gì khác.

*
* *

Em nói đúng. Phải từ lâu rồi, chúng ta đã không có cách gì khác. Chúng ta đã đổi cả tuổi trẻ, tình yêu, đã dám bỏ tất cả để vâng lời tổ quốc. Nhưng tổ quốc chúng ta đang ở trong tay bọn ngu xuẩn, hèn mạt, bọn tham nhũng thối nát. Chúng ta đã rước lấy một căn phần do thế hệ trước để lại, và chấp nhận, sẵn sàng chấp nhận.

Anh lại bắt gặp một đoàn xe nữa bắt đầu lên đèo Hải Vân. Phải, mặt trận không yên tĩnh như mọi người tưởng. Tiếng trọng pháo vẫn tiếp tục nổ. Bên là núi, bên là biển, bên là đèo, bên là lũng, trên là sương mù, dưới thấp là một vùng nước xanh mênh mông... Quê hương đẹp tuyệt vời nhưng cũng đau khổ đến cùng cực. Sao vậy? Tại sao vậy? Anh đã nhiều lần đặt câu hỏi và câu trả lời chỉ là nỗi tang thương cùng khắp.

Nhưng hình như có một tiếng gọi nào đã dấy lên: "Tần, mày hèn nhát. Mày khốn nạn. Mày phản bội anh em." Đó là lúc anh bắt chợt ở dưới đồi, có người lính già đang thả súng trên vai, ngồi bên vĩa đường. Người lính ấy bắt anh nhớ đến Lương văn Tướng, Y Đao, Nay Lat, Y Muôn, Y Cân, Nay Han, Y Suk. Họ đáng lẽ đào ngũ, bỏ cuộc nhưng họ vẫn ở lại. Họ, có người đã có cháu nội, hay cháu ngoại, được quyền làm kẻ đứng bên lề, nhưng họ vẫn còn trong đội ngũ. Nhưng lại có một tiếng nói khác cứ dồn dập: Hãy sống sót. Hãy sống sót. Hãy sống sót. Bởi vì chiến tranh này không phải thuộc về mày. Hãy sống sót...

Và anh đã yếu mềm. Anh đồng ý ở lại Đà Nẵng.

*
* *

*Đ*êm đó, anh không thể chợp mắt được. Em thì rúc trong ngực anh, giấc ngủ ngoan như cổ tích. Chưa bao giờ trong đời anh lại mang một mặc cảm phạm tội như lần này. Trong bóng đêm, anh cứ nhớ đến lần anh được Nay Lat cõng dưới lần đạn xuống Huế. Anh lại thấy thằng Long ngày hành quân ngồi trên đồi xúc những muỗng cơm trắng với miếng đường thẻ... Anh lại thấy cả đứa con khảu khỉnh của hắn khi vợ hắn bồng con lên thăm chồng. Rõ ràng mình là kẻ bất nhân. Không, không thể được. Không thể ăn bám vào một người con gái. Không thể lang thang đầu đường xó chợ như lũ bạn trốn lính như thế được.

Và anh xin lỗi em, em yêu dấu... Anh viết vội vài dòng, rồi mặc áo, mang giày rồi ra cửa. Trời đã sắp sáng. Anh tìm một quán cà phê. Đèn đường làm long lanh màu cà phê đặc quánh. Đêm còn dư hương qua những sợi tóc biếng chải của cô hàng cà phê và màu vải

còn nhăn nếp. Đêm còn đọng cái lạnh của buổi giao mùa và cốc cà phê nóng sưởi cho mối tình của người Đà Nẵng. Em yêu dấu. Đà Nẵng của em, để anh phải biết yêu Đà Nẵng. Yêu như buổi sáng cô độc ở bến xe đò này. Yêu như vội vàng trở lại và vội vàng ra đi này. Biết đâu lần này là lần cuối.

Giữa lúc đó em bỗng hiện ra. Em chạy và đến bên anh: "Sao anh đi không nói em một tiếng." Em nói trong tiếng nấc. Anh xin lỗi: "Anh không muốn em phải lo nhiều vì anh." Em trách anh: "Anh ác lắm." Phải anh ác lắm. Nhưng làm sao em hiểu được lòng anh. Đôi khi anh cũng không thể cắt nghĩa nổi.

*
* *

*L*ại qua đèo Nhông, qua đèy Phú Cũ, về lại rừng dừa trùng điệp. Về như trở lại mái nhà xưa. Dù mái nhà chỉ là những hầm trú ẩn, những bao cát nặng nề. Dù mái nhà chỉ là địa ngục gặp con chó già của đại đội, không biết ai nuôi, lạc về đại đội và hoạn nạn thăng trầm cùng đại đội. Một chân của nó đã bị cưa. Nó vẫy đuôi vui mừng. Vuốt đầu con vật, rồi nhìn rừng núi trùng trùng bủa vây. Trịnh Kim Đồng của khoá 24 Thủ Đức. Mày lại bỏ mà đi thật sao? Sao cứ nhớ đến gương mặt đỏ gay của mày sau cuộc rượu ở Bồng Sơn. Sao cứ nhớ đến mỗi lần lên máy, giọng mày líu lo như kẻ rong chơi ngoài cuộc. Sao cứ nhớ đến bài biên khảo của mày trên nguyệt san Bộ Binh Thủ Đức. Rồi lại nhớ đến Lâm Chương. Vì tao mà mày tình nguyện đi Biệt Động Dù. Thơ mày quay quắt, phẫn nộ, dù lòng mày đứt ruột đứt gan. Với cuộc chiến. Với cái phi nhân. Với cái tàn bạo. Em yêu dấu. Làm sao em hiểu được tâm hồn của người thơ, của người viết văn. Họ ngạo nghễ lắm. Nhưng họ cũng yếu mềm lắm. Bạn bè anh đó. Yếu mềm khi thấy người đàn bà đáng tuổi mẹ phải lạy mình. Bật khóc khi thấy những em bé vô tội nằm phơi ngoài cánh đồng. Như Trịnh Kim Đồng của đồi Mười này. Ngạo nghễ khi tiến công chiếm lấy mục tiêu phía Nam. Ngạo nghễ khi bò từ giao thông hào này qua giao thông hào khác. Và ngạo nghễ khi chết.

*
* *

*L*ại được lệnh ba ngày gạo. Mặc lại chiếc áo giáp của đại úy Charlie. When I die I will go to the Heaven because I am living in the Hell of Viet Nam. Những dòng chữ quá buồn. Có phải Việt Nam là một địa ngục hay không, cớ sao anh lại trở về đại đội lần thứ hai. Cớ sao anh lại bỏ cuộc đời qua hầm hố, qua những đêm đen như địa ngục, những ngày dài như thế kỷ. Không thể cắt nghĩa nổi. Người lính ô-đô hỏi ông thầy biết mình đi đâu hay không. Đi đâu? Ở đâu cũng vậy thôi. Cũng là cuộc chơi đùa cợt với lũ ma

quái. Cũng là tin vui, tin buồn. Cũng là những giọt nước trong bi-đông, và những giọt mồ hôi đẫm tấm áo trận. Em yêu dấu. Tại sao anh không chịu ở lại Đà Nẵng. Chắc em cũng đã hiểu. Như con chó thương binh này. Nó cũng tự hiểu dù phải sống ở một nơi khác - bình an cách mấy - nhưng làm sao nó được thấy những người chủ đã cho nó miếng bánh, miếng cơm, đã dẫn nó xuống đồi săn thỏ, săn chồn, đã dìu nó đi qua bao đường trận mạc. Bởi vì, ít ra, nó vẫn còn tìm được một mái nhà - cho dù là địa ngục - như đại úy Charlie đã tìm ở quê hương Việt Nam.

*
* *

*E*m yêu dấu. Anh viết tiếp đây. Anh viết và thèm viết đến cuồng điên, đến mê đắm. Xấp giấy học trò nhàu nát dúi trong tấm áo trận. Xuống đồi đã biết bao nhiêu lần: vẫn khung cảnh cũ. Vẫn bãi cỏ của đồi Mười đầy ba lô súng đạn cho giờ N. Vẫn không khí sửa soạn âm thầm cho cuộc chiến. Nhưng cớ sao lần này tự dưng anh lại phải nôn nao ghê gớm. Hay là vì những tín hiệu vừa được đánh lên từ vùng hai? Hay là vì những tin tức bi quan của thằng bạn ở phòng Nhì đã tiết lộ. Hay là vì câu nói đầy van lơn của em. Nhưng anh phải viết gì đây? Một chữ cũng được. Một dòng cũng xong. Mai này, có người nào đọc được, cũng đủ an ủi lòng anh lắm rồi.

*
* *

*R*õ ràng em đã nói đúng. Cuộc chơi đã đến hồi kết thúc. Những dòng chữ cho em cũng đã kết thúc. Chiến tranh cũng đã kết thúc. Kết thúc như một đêm một ngày một giờ một phút, rừng núi, con đường liên tỉnh, thành thị, buông bản rừng cao su, đồn điền chứng kiến cái buổi tận thế của Việt Nam. Kết thúc khi thằng bé mười ba tuổi mang AK dài hơn cả thân hình còm cõi của nó đứng gát bọn tù binh. Thằng bé vuốt ve nòng súng rồi một lát lim dim mắt. Thằng bé đã làm anh phá vỡ cả nước mắt vào một ngày nào trong đêm giao thừa khi toán tiền sát bắn được một tên liên lạc viên con nít. Rõ ràng nó chính là kẻ thù. Rõ ràng nó đang ở trong đội quân cuồng sát. Rõ ràng nó đang ở trong một tập thể khát máu người. Tại sao không nhào lên vật ngã nó xuống. Giựt súng và cho nó một dao nhọn rồi thoát thân. Em yêu dấu. Phải chi có một thằng khác, đồng tuổi như anh, thì chắc chắn là anh phải tìm cách giết nó rồi. Nhưng rõ ràng nó đã quá vô tội. Mặt mũi nó quá đỗi thơ ngây để tin rằng nó có thể hiểu được việc cầm súng. Còn nữa, không phải là lỗi của nó. Tội ác này do bọn đầu não trong rừng kia, ngoài Hà nội kia... Vì như vậy anh đã không làm. Vì như vậy, anh đã bỏ cuộc. Để xem cuộc chơi. Để xem lịch sử. Để nhìn đất nước. Để làm chứng nhân. Để phán xét.

Từ ngày ấy, anh bỏ Đà Nẵng. Anh bỏ Hải Vân. Bỏ Huế. Bỏ Thừa Thiên. Bỏ quán cà phê ở bến xe có cô hàng còn nếp nhăn trên tấm áo lụa. Nhưng chắc gì anh có thể quên được Đà Nẵng, Nam Ô. Chắc gì anh có thể quên được bờ vai run rẩy của em và những giọt nước mắt van lơn của em. Chắc gì anh có thể quên được mặt biển xanh ngát và những ngọn sóng dội vào ghềnh đá trắng xóa. Anh đã mở mắt. Anh đã hiểu thế nào là sự nô lệ. Anh đã hiểu thế nào là những giọt nước mắt của người mất quê hương đất nước. Ôi niềm mơ ước cuồng điên về một ngày con tàu hỏa thở khói than hầm băng qua lũng qua đèo, qua rừng qua núi. Và hết thù hận. Hết đào mồ. Hết quật mả. Hết đạn bom mìn bẫy... Giờ mới thấy là rồ dại ngu ngơ. Ngu ngơ để mà tin một ngày hai người Nam Bắc gặp nhau kể lại chuyện chiến trường ngày mai để coi chiến tranh như một định mệnh. Hơn bao giờ, anh biết, chiến tranh không phải là định mệnh, nhưng là từ một tham vọng. Bởi đối với bọn quỉ sa tăng, làm gì có định mệnh. Chúng tạo ra định mệnh. Cái định mệnh mà đồng bào Việt Nam đang mang nặng như Chúa đã mang nặng trên Núi Sọ.

*
* *

Nhà thơ Thường Quán đã làm cho anh nhớ thê thiết về Nam Ô qua bài thơ *Buổi trưa ở Nam Ô*. Em yêu dấu, mười mấy năm không biết gì về em, về người con gái Đà Nẵng, nhưng bãi cát dưới đồi cứ ám ảnh anh không bao giờ ngưng. Anh thấy em chân trần chạy trên cát nóng bỏng, tóc xỏa, mắt mở lệ. Anh thấy đoàn người đang mang thi thể của người đàn ông về chôn ở dưới đồi. Anh thấy em quị xuống bên người chết, có bên tấm bìa vàng đục: Tên Nguyễn văn X... vừa đền tội ngày... tháng... Địa điểm: Đồi Nam Ô.

TRẦN HOÀI THƯ

NHẮN TIN

Gửi các nhà thơ và các bạn yêu thơ !

Chúng tôi muốn sưu tầm các bài thơ đã và sẽ ấn hành ở hải ngoại từ 1975 đến nay, và trong những năm tới. Nếu bạn có một bài thơ, hay đã đọc một bài thơ đắc ý, xin làm ơn gửi cho để chia sẻ niềm vui. Mong sẽ dùng vào việc hữu ích. Địa chỉ :

Đỗ Quí Toàn, 2690 Avenue Glencoe,
Montréal, Quebec, Canada H3R 2B7

Huyền Châu

Bóng chiều tàn.

Đò vừa cặp bến "Gò Bồi", thì trận mưa to kéo về tầm tã, giông gió, sấm chớp gầm thét từng hồi. Ba chị em tôi ghé lại nhà anh Sáu Dược, là anh của chị em tôi. Tại chợ "Gò Bồi" chỉ có một Lò Rèn tên "Sáu Dược" là ai ai cũng biết, anh tôi vui tánh hiền hòa, cả vợ lẫn chồng, mỗi khi chòm xóm có chuyện gì, hoặc là đau ốm... anh thường giúp đỡ chị Sáu tôi bảo:

— Chị có dành sẵn hai chai nước mắm nhỉ, đem lên cho ngoại và dì Hai, luôn tiện ngày vía Thanh Minh thắp nhan cho mộ dì Ba luôn.

Bạch Trang buồn buồn khi nghe nhắc đến dì Ba. Nhỏ ta méu máo cái miệng mốm xộm:

— Dì Tư cũng đã mua mè xững với bánh in đem cho ngoại cúng.

Linh Quy phụ họa :

— Trên nhà ngoại năm nào Thanh Minh cũng gói bánh ích, bánh ú, bánh tét, cả mấy thúng lận, lớp cúng lớp biếu cho lối xóm, còn cho cả đám tá điền, còn riêng phần của tụi mình cả xách mang về nặng thấy mồ.

— Tụi bay tài nói, xách nặng hai đứa bay bắt tao xách chứ bay có xách đâu nà! Kỳ nầy tao tuyên bố, cho bay hay là tao đi tay không.

Trời bên ngoài đã tạnh mưa chị em chúng tôi bốn người đi thẳng đường lên làng Lương Tài. Đường mưa vừa dứt nước đọng trên đường đất nhiều vũng như ổ gà, thêm đất sét trơn trợt khó đi, chị em tôi xách guốc lội bộ cho tiện.

Lên đến trước cửa nhà, nhìn vào trong sân thì nhà đã lên đèn, ngoại tôi hãy còn ngồi trên bộ ván gỗ trước hàng ba nhai trầu. Ngoại vừa thấy bốn chị em tôi bước vô cửa, ngoại reo:

— Mồ tổ bay, ngoại lo sợ quá chừng, nói lên sớm ăn cơm trưa

mà tao chờ mãi, không biết trên đường đi có rủi ro gì không?

Chị Sáu miệng nói hai tay đấm lưng ngoại:

— Trời mưa lớn ngoại ơi! Mấy đứa nó vừa bước lên trên bến là mưa như thác đổ.

Tôi nhìn ngoại tôi hỏi lâu :

— Ngoại có bịnh không, con thấy ngoại hơi ốm đó?

Ngoại tôi cười hiền :

— Ối ngoại già rồi, tuổi ngoài chín mươi, nhờ Ơn Trên cho ngoại mạnh sống gần con cháu ngày nào hay ngày đó, chứ chừng này tuổi cũng thọ lắm rồi, như ngọn đèn treo trước gió, chưa biết tắt lúc nào, theo ông theo bà...

Linh Quy khều tôi nói nhỏ :

— Chị Hai xuống bếp tiếp với chị Mỹ Hạnh dọn cơm chiều, chị có làm bánh xèo theo kiểu miền Nam, một rổ rau sống đủ thứ, nào là tần ô xà lách cải bẹ xanh, rau thơm rau húng tía tô... một tô nước mắm tỏi ớt chanh đường to tướng...

Tôi sắp ra một tràng riêng cho tôi 3 bánh xèo, bột gạo chị pha thêm bột khoai, dòn, đệm thêm tôm, thịt, trứng vịt, nấm, giá, chiên dòn màu vàng thơm mùi gạo mới. Tôi ăn như voi ăn một chút là hết liền 3 bánh, trong khi đó Bạch Trang vừa hết một, ăn xong tôi xách chỉ cái tràng và chén nước mắm đi lẹ xuống bếp dẹp rửa.

Bạch Trang hắn nói lén cho chị Mỹ Hạnh nghe:

— Chị coi con Châu nó làm biếng ghê không, nó ăn lẹ lẹ cho mau hết một lúc ba bánh xèo bự, trong khi chị em mình chưa hết một bánh, nó mau mau xuống bếp, để tránh dọn mâm.

Linh Quy phụ họa :

— Ở nhà chỉ cũng làm biếng tận mạng.

Tôi giả bộ không nghe, bước ra giữa sân lại trước bàn Thiên chấp tay xá xá. Tôi thấy cả nhà ăn dọn xong tôi chạy lại. Bạch Trang trợn mắt gắt giọng:

— Mày ưa làm bộ tỉnh, đợi người ta dọn rồi mới chạy lại.

Tôi cười hề hề :

— Chưa "làm làng" mà "làm bộ" gì cha? Tao mắc đi thắp nhan, cúng vái ngoài bàn "Thiên" mi không thấy hả?

Chị Mỹ Hạnh chúm chím cười :

— Cái tụi nầy, như dùi với mỏ, cãi hoài, hai cái khẩu khắc, coi vậy chứ đi xa thì thương, thì nhớ.

Chị Sáu làm hòa :

— Thôi mấy chị em đi ngủ sớm, mai sáng còn phải phụ gói bánh, ngày mai sáng là ngày mùng Tám tháng Ba, là ngày Thanh Minh đi ra nghĩa trang cúng.

Ngoại bảo :

— Nhớ mai bà Năm qua phụ gói bánh, bà gói bánh ú thật

khéo, Mỹ Hạnh nhắc cậu Phước đem cho bà bao gạo đỏ lúa mới cho bà nấu. Tội nghiệp đã hơn bảy chục tuổi mà vô phước, có con cũng như không, sợ lúc đau yếu không ai ở gần.

Tôi tò mò hỏi ngoại :

— Bà Năm nào vậy ngoại? Bà nhà ở đâu?

— Ngoại cho bà Năm cất chòi lá ở sau vườn mình gần năm mấy rồi, bên cạnh đám mía mật, nhờ cậu Phước mỗi đêm lại đó dạy bà học Kinh Phật...

Khi vào phòng tôi lết lại gần chị Mỹ Hạnh hỏi nhỏ:

— Chị kể cho em nghe hoàn cảnh bà Năm, sống có một mình, em vừa nghe là xúc động.

— Bà Năm hiền lắm em ơi! Hồi đó bà sanh được ba trai một gái, đặt tên con cả bộ là: Long, Lân, Quy, Phụng. Hai người trai lớn chết từ lâu, còn lại một trai một gái út, cậu trai có vợ ở làng Cảnh Vân 30 chục tuổi, cô vợ con ông Hương Cả trong làng, chàng trai sợ gia đình vợ, cả năm về thăm mẹ một chút rồi đi, không nhờ vả gì, cô út có chồng con ông điền chủ giòng giống ông "bá hộ", ở cách xa làng Cảnh Vân chừng 3 cây số, có chồng đã 6 năm, về thăm mẹ được 6 lần mà mỗi lần về là phải trốn, có khi gặp bà ở phiên chợ, hay đầu làng, thì giả bộ không thấy.

Tôi sùng quá rủa :

— Đồ thứ con trời đánh, làm mẹ đẻ ra bốn con, nuôi bốn con, mà không có một con nuôi mẹ...

Bạch Trang cảm động hỏi thêm :

— Tại sao mà cô con gái đó lại xử tệ với mẹ, mẹ đã sanh ra nên người, vì chồng mà bỏ mẹ?...

— Tại mấy em chưa hiểu, gia đình chồng của chị ta giàu có, mẹ chị nghèo nàn, giòng giống cháu chít của ông "bá hộ" mấy đời tiếp nối, nên khinh người nghèo, cũng tại chị theo không anh kia, lỡ có con đành phải chấp nhận ý muốn chia rẽ của họ, họ đâu có thèm làm sui gia với bà goá nghèo nát mồng tơi đâu nà.

Tôi nổi nóng, tôi ré lên nói như tát nước:

— Ối. Bá Hộ mấy mươi đời, xưa lắm rồi, chỉ còn tiếng, mà cũng chia giai cấp, máu đỏ da vàng cũng như nhau, tiền bạc có nghĩa lý gì. Tại chị đó yếu quá, không suy nghĩ, cha mẹ mất khó kiếm, chồng kiếm thiếu gì nơi, lấy chồng không được thằng nầy, thì lấy thằng khác, thằng khác nữa cũng chẳng sao? Còn mẹ mất rồi, làm sao kiếm có mẹ nữa? Tình mẫu tử thiêng liêng chỉ có bao nhiêu đó.

Chị Sáu nằm trên võng đưa nghe kẽo kẹt, chị cười hắc hắc :

— Coi vậy mà con Châu nó nói đúng lý. Ở đời phải vậy. Ai mà dám nói con Châu khùng, ưa nói ẩu, ưa bựa? Nhưng không biết về sau chị ta nói thì nghe hay lắm, mà làm có được không? hay là có

câu ca dao: "Vai mang khăn gói theo chồng". "Mẹ kêu mặc mẹ con có chồng phải theo."...

Linh Quy cảm động khóc thút thít hỏi :

— Lâu nay bà ở đâu? Làng nào? Sao lại bỏ làng mà về đây?

— Mỹ Hạnh hôm đó ngoại đi đám cúng đình, ngoại thấy bà hiền, làm quen hỏi thăm gia cảnh. Bà cho biết hoàn cảnh bi đát của bà bơ vơ không con cái họ hàng, hằng ngày ra đồng mót lúa, hái rau, hoặc giúp việc cho lối xóm kiếm ăn qua ngày. Bà muốn đi nơi khác ở, ở làng nầy tủi thân, con cái bà ở gần mà dều xa lánh bà... Ngoại về nói cho ba má chị hay, ba chị tội nghiệp đến làng đó rước bà về, làm giấy tờ bảo đảm cho ở đất mình vì ba chị làm xã trưởng ở tại làng nầy trách nhiệm, sống nuôi chết chôn. Ngoại cho cậu Phước với ông Thành cất cho bà mái nhà nho nhỏ, để cho bà ở tự do, ngày nào bà khỏe thì lại đây tiếp chút đỉnh, chừng mệt thì ở nhà nghỉ, cậu Phước mỗi đêm qua dạy bà đọc Kinh, bà cũng đỡ buồn rầu, mai nay gói bánh xong mấy em rủ nhau lại nhà bả coi, sạch sẽ lắm, có chút nị, mà cậu Phước đóng cho bà một chiếc giường tre, một cái bàn thờ ông chồng bà mé dưới, trên cao đóng một cái kệ nhỏ thờ Phật, thêm hai cái ghế đẩu để có khách ngồi, khi nào cậu Phước ngủ lại đó thì lấy tấm cửa bắc hai chiếc ghế hai đầu kê làm bộ ván, có căn bếp nhỏ, có kệ để chén hai ông lò.... trước nhà trồng cây chùm ruộc, cây khế ngọt, lại có khóm hoa lài, bông trắng hương thơm khắp vườn, mỗi khi bà qua đây chỉ bước ra sau nhà vạch hàng rào là bước mấy bước vô tới nhà mình, má chị dặn chừng nào nửa đêm hôm có đau ốm gì kêu to là ông Thành hay trước, vì buồng ông Thành gần đó...

Đêm nay tôi trằn trọc thao thức, hình dung của bà tôi tưởng tượng vóc dáng bà gầy gầy, gương mặt phúc hậu hiền hòa, buồn buồn, đôi mắt lúc nào cũng rớm lệ, đôi tay nhăn nheo đầu tóc bạc trắng răng rụng, miệng mốm da nhăn...

Chắc tiền kiếp bà không tu, nên kiếp nầy bà bị luân hồi, nghiệp chướng, chứ họ ví là "Con gái nhờ đức cha, con trai nhờ đức mẹ", mà sao con trai gái đều bỏ bà xa lánh bà? Bà phải sống cô đơn vất vả cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Tôi mong ước đời tôi sau nầy lớn khôn nhứt định đi ngược lại, với bất cứ giá nào, tôi cũng phải lo nuôi cha mẹ tôi trước đã, nếu bất tài thiếu học đi làm thuê làm mướn hay đi ở đợ, cũng được miễn sao có tiền phụng dưỡng gia đình là tôi hy sinh hết mình, còn lấy chồng dù chồng nghèo giàu cũng được, nhưng phải biết kính nể cha mẹ tôi, biết quí mến họ hàng tôi là được. Rủi cùng đường vô phước đi lấy chồng chung của thiên hạ, tại số phần tôi như vậy tôi cam chịu, mà chồng tôi phải lo cho cha mẹ tôi, thì có cực khổ nhọc nhằn tôi cũng không ngán, nếu gặp thằng chồng vũ phu bảo bỏ cha mẹ đi theo nó, bảo

sao nghe vậy, chồng chúa vợ tôi, đi đâu phải xin phép, lại xin từ đồng từ cắc, tiền đong gạo phát, chắc là tôi bỏ thằng chả lẹ, tôi về nhà cạp đất mà ăn, rồi đi kiếm thằng khác, mấy lần thay đổi cũng bất cần, miễn đủ nuôi cha mẹ, khi họ còn sống không nuôi, đến khi chết làm chay dọn lên mâm cao cỗ đầy chỉ che miệng thế gian, chỉ bưng lên đem xuống, chứ có ai ăn đâu nà, rủi lấy chồng người, họ ghen họ xởn tóc, hay rạch mặt cũng chẳng ngán, đâu có dễ dàng mà để họ dùng thủ đoạn ác ôn đó... thương tích chỉ bị bên ngoài rồi thời gian sẽ lành, còn làm trái với lương tâm, sẽ bị ray rứt, mà vết thương lòng khi biết đến thì khó mà lành được.

Tôi suy nghĩ lung tung, bên ngoài cơn gió mạnh, trận mưa đêm lại ào ào rồi nặng hột trên mái ngói, trên tàu chuối sau nhà nghe lốp bốp, gió càng thổi mạnh đưa bụi tre nghe kẽo kẹt réo rắt từ hồi, thêm tiếng ếch nhái kêu vang trong đêm khuya nghe não nuột. Tiếng mõ đầu làng sang canh đó là tình hiếu thảo con đối với cha mẹ công sanh thành dưỡng dục, còn tình mẫu tử cha mẹ nuôi con. Như ngoại tôi góa bụa gồng gánh từ ở Bà Rịa đưa ba cô con gái về quê hương của chồng làng Lương Tài tỉnh Bình Định sống đào-tại với ngôi nhà hương quả ruộng vườn cây trái bốn mùa vì ông ngoại tôi bị tai nạn tại rừng Khánh Hòa Phan Thiết, bị cọp vồ mất xác, khi đêm tối cùng bè bạn vô rừng kiếm trái mù u về ép dầu...

Nuôi các con khôn lớn, nước mắt bao giờ cũng chảy xuôi, mong cho con sớm trưởng thành gia thất, may là mẹ mừng rủi là mẹ buồn mẹ lo, tha thiết tình mẹ thương con, với tuổi già lưng khòm, chơn yếu, ngoại tôi bảo rằng: còn sức khoẻ thì ráng phụ giúp cho con cho cháu...

Trên tường đồng hồ gõ 12 tiếng, bên ngoài vẫn còn mưa, tiếng ngáy của chị Sáu khò khò lúc lên lúc xuống, nhìn ai nấy ngủ ngon giấc, tôi sợ ăn trộm kéo mền trùm khỏi đầu nằm cong lại như con tôm, ngủ lúc nào không hay...

Giựt mình thấy chơn đau nhói, ngồi dậy :

— Ủa cái gì vậy cà ?

Linh Quy :

— Chị Hai mặt trời mọc ba sào rồi, ai nấy ở ngoài hàng ba lo gói bánh, chị không chịu thức, ăn uống rồi còn phụ làm chớ, còn nằm nướng đó sao?

— Chèn ơi! thì chị ngủ quên kêu giùm không được sao? mà em ngắt véo chị đau quá chừng hề...

Tôi ra lu nước ngoài hiên rửa mặt, súc miệng, thẳng xuống bếp thấy trên bàn còn để một dĩa xôi, ngồi ăn cho no, rồi mới làm gì thì sẽ làm.

Bạch Trang thấy tôi bước đến ngồi xề bên thúng nếp, hấn

cười mỉa mai kiêu ngạo:

— Chu choa! Cô Hai đến bây giờ mới ra khách mà sao mặt mũi cô Hai lọ nghẹ dính đầy vậy cô Hai? Ai nấy đều nhìn tôi cười...

Tôi cũng cười theo. Tôi liếc nhìn bà Năm đang gói bánh ú, đúng là hình ảnh bà mà đêm qua tôi đã tưởng tượng. Không sai một chút nào. Tôi gợi chuyện hỏi bà:

— Thưa bà Năm, ông Năm đi làm xa hả bà Năm.

Bà cười hiền, nói hơi ngọng :

— Đâu có cháu ơi! Ổng mất từ lúc con gái út tui năm 15 tuổi, chớ phải chi ổng còn thì tui đâu có khổ,.

Chị Mỹ Hạnh láy mắt bảo tôi đừng hỏi, nhắc lại chuyện buồn của bà.

Tôi gói bánh ú ba góc sao thét còn có hai góc bị Bạch Trang đuổi đi chỗ khác, nhỏ ta có hoa tay gói rất khéo, tôi xề lại gói bánh ích bị Linh Quy chê:

— Chị Hai gói bánh ích kiểu gì kỳ cục, dẹp lép không thấy đầu nhọn đâu hết, chị Hai lại cột bánh tét phụ với chị Sáu dễ hơn.

Tôi lại cột bánh tét, cột thét đầu lớn đầu nhỏ, chị Sáu cười bảo:

— Thôi em đừng cột ngồi sắp lá được rồi, cột kiểu mới nên hai đầu không giống bánh tét mà giống như..

Chị Mỹ Hạnh cười, an ủi tôi :

— Tội quá, con Châu làm thứ nào cũng bị chê. Thôi em ra ngoài ngồi kể chuyện gì vui cho bà con nghe, đặng làm việc, cũng như em làm vậy.

Bạch Trang :

— Ừa cái gì nó làm không được, chớ còn kêu kể chuyện nói xạo, thì là nó một cây.

Tôi bực mình ngồi đâu cũng bị chê cho ra rìa, lại bị con nha đầu nầy từ nãy giờ nói toàn là móc họng, tôi nổi xung thiên định nạt mắng nó cho đỡ tức, vừa định hả miệng kêu con quỷ cái kia, thì nhìn thấy ngoại tôi vừa bước tới, tôi ngậm miệng.

Ngoại tôi kêu tôi và an ủi :

— Tụi nó chê, vậy mà sau nầy nó sướng, vì không biết làm, còn cực nhứt là biết làm, khéo léo lại cực, giỏi chừng nào là cực chừng nấy. Thôi con kể chuyện cổ tích cho ngoại và mấy chị nghe.

Tôi hết giận vì lời dịu hiền dung hòa của ngoại. Tôi nói :

— Để con kể cho ngoại và mấy chị nghe, còn con Trang khỏi cho nó nghe. Chuyện con kể không phải là cổ tích mà là chuyện đời nay, có sách vở đàng hoàng có tác giả, con không dám thêm bớt, sẽ bị tác giả mắng cho. Chuyện "Xâu Chuỗi Ngọc"!

Linh Quy reo :

— À chuyện mới đó, hay đó chị Hai...

Tôi tằng hắng cho dịu giọng, bắt đầu kể :

"Trên giòng biển xanh một đêm kia bị giông bão chiếc ghe thương hồ bị chìm. Trong ghe có nhà tỷ phú chuyên đi buôn ngọc, may mắn nhà tỷ phú thoát nạn. Ngọc quí đã chìm mất, chỉ còn nhiều ngọc khác là còn. Về quận, người treo giải bảo ai lượm được xâu ngọc đem lại sẽ được chia hai và thưởng thêm vàng bạc.

Ở làng Chánh Thành xóm biển, có một gia đình nghèo sống một chòi tranh vách lá có hai mẹ con, mẹ già, chàng trai khỏe mạnh hằng ngày lưới cá bán về nuôi mẹ, cũng một đêm giông bão ở ngoài khơi xa bị ghe lưới cá chìm, khi lặn được trồi lên mặt nước, lượm được xâu chuỗi. Lên bờ định liệng, nhưng sao thấy có ánh sáng chiếu đủ màu, đem về nhà để trên bàn, bà mẹ thấy con thoát nạn vui mừng, khi nhìn trên bàn thấy hào quang muôn màu chiếu sáng, thì ra xâu ngọc. Bà cầm lên ngắm bảo con:

— May mắn quá, đây là ngọc quí mà nhà tỷ phú đánh rơi, họ đã treo bản trên quận, nếu ai được đem đến chia hai, còn thưởng thêm vàng bạc. Bây giờ con lượm được mình lấy, tội gì phải đem lại trả mất công, có ai biết đâu nà, mình sẽ chờ dịp bán lấy mà làm của lo sự nghiệp.

Chàng trai thật thà trung thực :

— Đừng làm như vậy, nếu đúng là ngọc mà nhà tỷ phú mất, mẹ để cho con giữ đúng lời, con đem lên quận trả lại cũng được phần thưởng vậy.

Bà mẹ thấy con hiền lành, quả quyết, bà đồng ý lo sửa soạn khăn gói, lương thực cho con lên đường đến quận.

Đường lên quận chỉ có 5 hôm, mà chàng trai quê mùa mộc mạc kia đi mãi cả tháng chưa tới, đói mở mo cau lấy cơm khô, muối mè ra ăn, khát tìm suối nước uống. Một đêm trăng mờ, bị mây che, lại tiếp theo cơn giông gió, lại mưa đá tứ cục nhỏ chàng lạc vào rừng sâu trong đêm tối, không biết đường ra, chỉ nghe tiếng chim kêu, vượn hú, chó rừng tru từ chập, gà rừng đập cánh gáy vang. May thay xa xa có ánh đèn lúc sáng lúc tối chàng lần đến gần, thì ra căn chòi của tiều phu che tranh lá rừng trên tảng đá, chàng đẩy tấm phên làm cửa, bước vào trong.

Thấy một ông cụ già nằm trên đống lá rừng khô rên siết, thân hình mặc mũi đầy những mụt nứt nẻ, hôi tanh, chàng đến gần lễ phép:

— Thưa ông cho cháu nghỉ tạm một đêm vì lỡ đường, sáng mai cháu đi sớm, chẳng hay ông bị bịnh gì mà đau đớn như thế nầy? Không có thuốc gì điều trị hay sao? Con cháu ông ở đâu?

Ông cụ trở mình nghe đau đớn, đống lá khô làm tấm phản nằm nghe sột soạt, ông cụ râu bạc. Tóc trắng, thân hình gầy héo nhìn chàng bảo rằng:

— Lão ở đây đã mấy chục năm, sống nghề đốn củi đem chợ bán nuôi thân, sống cảnh rừng núi bao la mà vui, không đua tranh,

không phiền lụy... rủi từ mấy tháng nay mang bịnh cùi... một hôm có một nhà sư đi ngang qua đây bảo rằng bịnh nầy chỉ có ngọc quí của nhà tỷ phú là trị lành nhưng lão đành cịu chết, chứ biết tìm đâu ra ngọc đó.

Trong phút giây yên lặng, chàng nghĩ rằng: đúng là xâu ngọc nầy, hay là đưa cho ông phân nửa phần của mình được chia, để cứu một mạng người, nếu về nhà bị mẹ mắng, thì mình giải thích khuyên mẹ, từ hồi nào đến giờ không có chia của, mẹ con cũng sống cháo rau qua ngày, hôm nay món của hoạnh tài mà cứu sống được mạng người, nên làm phước đức hơn bạc vàng. Chàng lấy trong bọc ra xâu chuỗi cầm trên tay:

— Thưa ông, cháu có xâu chuỗi nầy, đúng là ngọc quí, đem lên quận trả lại cho chủ, được chia phân nửa, vậy ông lấy bớt phân nửa phần của cháu mà trị bịnh, còn phân nửa cháu mang trả cho họ.

Ông cụ cả mừng mở đôi mắt lớn giựt xâu ngọc nuốt hết vào bụng, liền đứng dậy bước nhanh ra cửa, chỉ để lại tiếng cười vang dội giữa đêm khuya trong vừng vắng..

Chàng hoảng sợ mất xâu chuỗi ngọc kêu thét... khóc than thảm thiết, rồi mê mang thiếp đi trong mái chòi âm u tịch mịch...

Nghe tiếng ồn ào bên tai kêu lớn :

— Ê chú mày ở đâu tới đây? Sao lại vào vườn hoa của quận đường mà ngủ hả? Ngồi dậy đi theo ta cho mau, đặng vào trình với quan huyện.

Chàng giựt mình tỉnh giấc hãi hùng, mở đôi mắt nhìn tứ phía thấy mấy người lính đang đứng trước mặt chàng thịnh nộ, chàng lấy làm lạ, ủa sao chiếc bọc nặng, xem lại thì xâu ngọc vẫn còn nguyên. Chàng quỳ trước công đường, quan huyện hỏi:

— Chú nhà quê nầy ở tỉnh nào, từ đâu tới, mà sao lại vô vườn hoa của ta mà ngủ? Mang vật gì trong bọc đó? Có cần thưa gởi gì nói đi, ta xét giùm cho.

— Bẩm quan lớn, con là kẻ quê mùa, ở tại làng xa, sống với nghề chài lưới, nuôi mẹ già. Một hôm con bị chìm ghe trong cơn giông bão, khi con thoát nạn con lại được xâu chuỗi nầy, mẹ con bảo là xâu ngọc của nhà tỷ phú bị đánh chìm, con đem lên đây trả lại y theo lời rao trên yết thị từ lâu...

Quan huyện cầm xâu ngọc ngắm kỹ :

— Chú em đứng dậy, ngồi ghế kia chờ ta cho mời chủ của xâu ngọc nầy lại xem có đúng không?

Nhà tỷ phúc cầm trên tay xâu ngọc vui mừng, nghiêm nghị chậm rãi nói rằng:

— Đúng là xâu ngọc nầy của tui, chẳng sai tý nào nhưng rất tiếc là người nhà quê kia đã lấy trước hết hơn phân nửa! Làm sao mà chia.

Chàng trai kêu oan ức rằng :

— Xâu ngọc chỉ có bao nhiêu đó thôi...

Quan huyện cười, cả hai đàng quả quyết như vậy, việc nầy đình lại hôm sau. Sai lính hầu dọn cho chàng trai một chỗ đàng hoàng cho ăn và ở tạm đó.

Hôm sau lại mời nhà tỷ phú lại, cũng bảo như trước.

Chàng trai cũng quả quyết kêu oan. Quan huyện định thêm một hôm nữa, đến hôm sau cho đòi lại hai người cũng giữ lời khai như hai hôm trước.

Quan huyện từ hồi nào ngài ở vùng nầy có tiếng là thanh liêm công bằng chánh trực, không thiên vị ai, cũng không chịu ai lòn cúi, thường thương kẻ nghèo bị ai hiếp đáp.

Ngài lấy xâu chuỗi đưa cho chàng nhà quê :

— Chú em hãy cất giữ lấy xâu chuỗi nầy lại, chờ chừng nào có chủ đến nhận, còn nhà tỷ phú ráng chờ đợi, chừng nào có kẻ nào tìm được xâu chuỗi khác có đủ hột mới đúng là của nhà tỷ phú, chừng đó sẽ chia hai..."

Tôi kể vừa dứt, cả nhà vỗ tay khen hay lắm, quan huyện thật là có sáng kiến ý thức hay, chỉ dùng mưu mà kết thúc dễ dàng.

Bạch Trang rít lên :

— Đáng đời thằng cha tỷ phú, đã giầu mà còn tham, con người ta nghèo lượm được đem lại trả lại để lãnh thưởng, lại còn muốn phỉnh ơn bảo là lấy bớt để khỏi chia, "tham là thâm". "dầm là đen". "Ham một tấc, mất một thước." "Thiên bất dung gian" là vậy đó.

Tôi nhìn bản mặt của con chị bạn dì của tôi nó nổi xùng mà buồn cười:

— Chu choa bữa nay mi không chê tao kể ẩu lại đúng tâm lý, tình tứ éo le, mi nổi cơn thịnh nộ. Chắc là ngày mai tại nghĩa trang "Rừng Chồi", trời nắng đẹp lắm....

Sáng nay mặt trời vừa mọc ở phương Đông, ánh vàng sáng chói, từ từ lên cao ở đầu làng xa, khuất sau rặng tre, trên nền trời xanh trong vắt không có gợn mây, tỏ cho một ngày nắng đẹp. Cả nhà ngoại tôi là 10 người gánh bánh trái nhan đèn... đem vào nghĩa trang, nghĩa trang "Rừng Chồi" cách xa nhà ngoại chừng hai cây số, phải đi quanh 5, 6 cánh đồng, mới lên đến nơi, cạnh chơn núi, chung quanh toàn là cây dứa, bụi dúi, đám bông lau... .chẳng chịt, chính giữa từ cửa bước vào là nhiều ngôi mộ xưa cũ kỹ xây bằng đá Ong màu nâu sậm có lỗ bự. Những ngôi mộ đắp bằng đất sét quét vôi, và nhìn mộ đắp đất đầy cỏ mọc, chị em tôi chia nhau đi thắp nhan từ mộ chưa ai đến, có nhà chùa lại tụng kinh cầu cho các linh hồn.

Tôi nhìn thấy ngôi mộ vừa mới đắp có trồng một cây chuối.

Tôi hỏi chị Sáu: "Sao lại trồng ở đây?" Chị bảo rằng:

— Cây chuối đó là cây chuối "hột". Chừng nào thấy cây chuối đó trổ buồng, là người trong mộ đã sanh con, vì khi người chết nằm trong mộ đó đang mang thai gần sanh. Cho nên cây chuối hột họ bảo là có ma, có lúc chuối hột trổ buồng họ rình nghe nửa đêm kêu réo rắc, như người đàn bà đau bụng sắp sanh.

Vừa lúc đó có một người đàn ông dắt một đứa bé trai chừng 5 tuổi đến trước ngôi mộ đó, đặt trước mộ một dĩa bánh ú, và thắp ba nén nhan, hai cha con quỳ xuống, hai vành tang trắng, người đàn ông kia vừa khóc vừa kể:

— Hôm nay đúng 3 ngày mở cửa cho mẹ thằng Tý, mà không có tiền mua con gà... Chỉ có cái bánh ú nầy cúng cho mẹ thằng Tý, về hưởng lấy vui, phù hộ cho cha con tui mạnh giỏi, đặng tui làm nuôi thằng Tý khôn lớn, khổ quá mấy hôm nay mẹ thằng Tý bỏ cha con tui ra đi theo ông theo bà, tui như gà trống nuôi con, sáng ra đồng dắt con theo, chiều dìa đưa con dìa, đêm tối nó nhớ mẹ khóc kêu mẹ ơi! Tôi phải đứng trước bóng đèn dầu cho in bóng tôi vào vách, bảo cho con biết rằng, bóng mẹ con đó, ngủ đi mẹ sẽ lại bồng ru ngủ...

Mấy chị em tôi bước đi, không ai nói ai, mà đôi mắt đứa nào cũng đỏ hoe.... tình phu thê, tình mẫu tử làm cho tôi quá xúc động. Tôi kêu cậu Phước, và anh Mỹ tôi chỉ cho thấy người đàn ông đang khóc vợ... Cậu Phước tôi thản nhiên bảo:

— Thằng Mỹ thì cũng phải có một ngày nào đó... Còn cậu thì khỏi, lòng cậu nguội lạnh từ lâu, cậu chỉ chờ ngày vào chốn thiền môn, là tâm hồn được lắng dịu vô tư, yên ổn cả hồn lẫn xác...

Trên đường về băng qua mấy cánh đồng, giữa buổi trưa cuối Xuân mát dịu, gió bốn phương thổi về thơm mùa lúa mới, đồng lúa xanh tươi, những đàn cò trắng bay cao đập đôi cánh trên nền trời véo von, tiếng sáo diều của các cậu bé mục đồng...

HUYỀN CHÂU

Nguyễn thị Hoàng Bắc

Hương nồng đá nát.

"Tưởng rằng đá nát vàng phai
Ai ngờ đá nát nung vôi lại nồng"
(Ca dao)

Thằng con trai nhỏ theo Trâm lên "Trường tị-nạn" chơi (trường dạy Anh văn cho những người tị nạn mới tới chưa rành tiếng Mỹ), khi ra về, nó phát biểu:

— Trường của mẹ *đã* ghê !

Trâm bận suy nghĩ vẩn-vơ nên lơ đãng hỏi :

— *Đã* cái gì ?

— *Đã* nói tiếng Việt !

Khiến Trâm phải giật mình bật cười! Phải đó, trường của mấy đứa nhỏ Việt Nam mới qua đi học, đứa nào về cũng rên:

— Con nghe Mỹ nói tiếng Mỹ cả ngày bắt nhức đầu! Cả trường leo-teo có chừng hai, ba đứa Việt Nam, mà nó đâu có biết nói rành tiếng Việt...

Vậy thì cái "trường già" của Trâm học coi vậy mà *đã* thiệt! Sờ sờ giữa đất Mỹ, bỗng mọc lên một cái chỗ, chung quanh người ta xôn-xao xì-xào mọi thứ chuyện bằng tiếng Việt. Chỉ trừ các ông bà giáo thuộc thành phần thiểu số, còn nếu thi đua với các tập thể tị nạn khác như Pakistan, Afga, Lào, Kampuchia thì Việt Nam ta cũng vẫn.... hùng mạnh đông đảo nhất. Thằng bé mới 8 tuổi đầu mà đã có óc nhận xét sắc bén ghê!

Trâm kể chuyện đó cho Thái nghe thì chàng có vẻ suy nghĩ:

— Mà sao Trâm đi đâu cũng dắt nó kè-kè theo chi vậy?

Trâm ngạc nhiên :

— Bữa đó nó nghỉ học, mà có sao đâu... có hai mẹ con, đi đâu không dắt nó thì... dắt ai?

Thái như bừng tỉnh, bỏ bộ mặt hơi cau có, vui vẻ trở lại:

— Xin lỗi Trâm... mà chưa biết chừng nó dắt Trâm hay Trâm

dắt nó? Có điều Trâm cũng nên cho con tự lập nhiều nhiều một chút cũng tốt.

Thái chợt nghĩ tới đứa con duy nhất của mình và có thoáng một chút trầm ngâm hối hận. Kể ra thì cũng sòng phẳng vì cô ấy là người tiêm nhiễm văn minh âu-tây, khi cả đôi bên cảm thấy sự sống chung không còn hướng về một điều chung nữa thì cùng dứt khoát tìm ra giải pháp. Vợ chàng ly dị ở riêng với con bé, Thái từ đó sống đời tự do nhưng vẫn đầy đủ bổn phận: hai tuần một lần tới thăm và chở con đi chơi, nói chuyện về sức khoẻ học hành của con với vợ cũ như hai người bạn.

Vô tình, Thái giật mình nhớ lại hình như có lần với vợ, chàng đã nói cái câu ban nãy vừa nói với Trâm.

Trâm thì vô tình cho là Thái có lối nói chuyện "hòa cả làng" đôi khi mập-mờ bí-hiểm khiến Trâm phân vân khó mà đoán được ý tình.

— Chiều nay tôi đến rủ Trâm đi bộ. Mình đi bus lên khu chợ Việt Nam rồi ta đi loanh quanh.

— Trời ấm, sao không đi vòng vòng ở công viên, không hơn sao?

Trâm đi, lá khô chạy lăng quăng theo gió, quấn quít chân nàng chân Thái. Bốn bàn chân bước song song như những kẻ nhàn du thư thái nhất trên đời. Trâm cứ nghĩ tạm được những giây phút như thế này để hồi tưởng lại những ngày đã thật xưa ở một chốn quê hương rất xa, Thái và nàng đang tuổi vừa lớn với những buổi đi tung tăng sau giờ học...

Cuộc đời nổi trôi đã rẽ chia đôi ngã, không lỗi tại ai và bây giờ gặp lại cũng chưa biết vì để làm gì. Ngó bề ngoài thì dường như một bài toán dễ đưa tới đáp số: Trâm vừa mới thoát sang với con trai, chồng kẹt ở Việt Nam, Thái thì đã ly dị vợ, ở đây đã lâu, công việc làm ăn tạm có "chân đứng" vững vàng. Lại có "tình cũ nghĩa xưa", *nhân tình cũ không rủ cũng tới* có gì mà khó, như hai dòng nước rẽ tạm quanh co vô tình cong quẹo đâu đó, đột ngột kết hòa thành một dòng lại đổ xuôi ra biển. Hay là bấy lâu nay, Trâm vẫn:

Lòng em như nước Trường giang ấy,
Sớm tối theo chàng đến Phúc châu

Có như thế chăng ?

Tiếng gió xào xạc reo qua cây lá nghe như con đường có bóng dáng cây cao và lá me đang rơi đầy trên tóc. Dạo đó hai người bạn chưa kịp nói gì thì Thái đã đi xa, Trâm ở lại, thương tiếc cũng nhiều nhưng *chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi* trong khi Thái lẳng lặng ra đi chẳng kịp nói lời nào...

Câu chuyện lan man mỗi chiều thứ bảy, Thái đến đón Trâm đi chơi, đi ăn, lo lắng giúp đỡ chỉ dẫn cho Trâm một đôi điều cần thiết

cho một người mới định cư tị nạn trên vùng đất mới, chở hộ Trâm đi chỗ này chỗ nọ trong khi Trâm chưa dám lái xe và chưa có xe, săn sóc nhưng không chìu chuộng quá đáng, chỉ dẫn tận tình như một người bạn, một người anh đang "mở lòng từ bi đại bác." Rồi thôi, cả tuần cả hai ai có cuộc sống riêng của người ấy, không ai nói gì với ai, kể cả gọi điện thoại để nói nhảm. Không thấy Thái gọi bao giờ nên Trâm cũng "tội gì mà gọi".

Đặc biệt chuyện vợ chồng của đôi bên, chẳng ai đá động đến bao giờ. Vậy mà Trâm lại cảm thấy nhẹ nhàng thoải mái. Chàng chỉ vắn tắt cho biết mình đã có vợ con và đã ly dị vợ. Vì sao vợ chàng với chàng lại ly dị? Con chàng thì đang ở với ai? Và bà ấy là *Việt, Mên, Lèo ba nước anh em* hay *Pháp Mỹ đề huề?* Trâm chưa bao giờ gặng hỏi mà Thái cũng không hề mở miệng nói thêm. Còn chuyện chồng con mình? Không lẽ đem ra kể lể nói xấu một người vắng mặt, một đệ-tam-nhân hiện không có mặt ở đây để tự bào chữa thì thật là bất công độc ác, luật ở tòa có xử cũng phải có trạng sư đôi bên cãi cọ, tòa án lương tâm thì lại còn cần phải ngàn lần thận trọng hơn! Cả hai không trốn tránh, nhưng câu chuyện tự nhiên chẳng bao giờ dẫn đến những chuyện riêng tư ấy. Trâm có đôi khi cảm thấy Thái vẫn cư xử với mình y hệt như hồi nào Trâm là cô Trâm *lúc nàng chưa chồng khi anh chưa vợ.*

Trâm nghĩ thế cũng không hẳn là sai !

Lắm khi trò chuyện với Trâm, Thái âm thầm tự nghĩ: sao cô ta đã có chồng con rồi mà vẫn có vẻ thơ ngây khờ khạo quá? Và mình có đang làm điều gì để lừa dối cô ta chăng?

Mối cảm tình này đã đẩy Thái đến với Trâm? Có lẽ một chút tình yêu xưa cũ, có lẽ một chút hối hận thương tâm. Dạo ấy Thái biết Trâm có lẽ cũng yêu mình nhưng lúc ấy chàng còn là một thanh niên trẻ trung bồng bột. Chân trời du học mở ra trước mắt chàng bao nhiêu điều ước mơ náo nức, chàng chưa muốn tự cột đời mình vào bất cứ mối hẹn hò bền chặt với ai. Trâm dạo ấy có hiểu được điều ấy không mà sao trông nàng vẫn hồn nhiên vô tư quá?

Gió hất rẽ mái tóc của Thái lưa thưa đã có nhiều sợi bạc, nhưng Trâm trông mặt chàng vẫn bình thản tự tín. Trâm tưởng tượng sự suy tư của chàng phảng phất trên nét mặt dường như dồn về một điều gì khác xa hơn, vĩnh viễn hơn là nỗi ám ảnh về sự tàn phai của nhan sắc bên ngoài. Dường như thời gian cũng đứng lại giữa hai người sau bao năm xa cách. Có lẽ Thái chẳng thấy Trâm khác gì bao nhiêu mà Trâm thì thấy Thái vẫn "như thường".

Bước đi của Thái gần hơn nên giày của chàng chạm khẽ vào chân Trâm khiến nàng giật mình. Thái vội nhích ra vừa phải rồi chậm rãi nói:

— Hết khóa học Anh văn này là Trâm có thể thi vô học nghề được rồi đó.

Hệt như mười lăm năm trước, lúc Trâm chán học ở Luật, Thái chạy nộp dùm cái đơn cho Trâm thi vào Quốc gia Hành chánh.

Trâm lo lắng :

— Nhưng mà em dốt toán lắm, quên hết rồi, biết thi vô có lọt được không?

Một lát sau trong lúc đang ăn trong quán Hạnh, Thái nghe Trâm lại bàn vô chính-trị thời-sự nên nói:

— Trâm cứ để từ-từ khoan tham-gia cái hội hè đó, tôi ở đây đã lâu, tôi biết rõ những người tị nạn mới sang hăng hái thường là miếng mồi ngon cho những tổ chức loại này.

Trâm nuốt vội cọng rau rồi cố cãi :

— Nhưng Trâm đã làm quen với họ khi còn ở trại, đã có sinh hoạt ở trại rồi, còn lạ lẫm điều tra gì...

Thái nói trầm trầm :

— Nhưng ở trại khác, ở đây rất khác! Có dịp tôi sẽ nói sau...

Rồi sợ Trâm buồn, Thái phá ngang :

— Chiều nay cho Trâm thi đua "thua đi"! Ai ăn nhiều người đó khỏi trả tiền.

Trâm lại bật cười dễ dàng như trẻ trung như vô tư.

Tối về, khi vào giường sắp ngủ, Trâm trầm ngâm suy nghĩ: tại sao Thái hết sức quan tâm tới việc bảo mình phải học nghề? Trâm biết mơ hồ rằng Thái đang làm việc ở cơ quan NASA, giữ một chức vụ khá quan trọng, tất nhiên tiền lương không phải nhỏ. Nếu Thái có để ý mình anh ấy dư sức "giúp đỡ", sao Thái chưa bao giờ tỏ ra ý ấy? (Còn nếu Trâm có chịu nhận sự giúp đỡ ấy không, đó lại là một chuyện khác). Trâm lan-man nghĩ ngợi nhớ tới câu chuyện thời mới lớn của một cô bạn cùng học lớp 12, bỏ ngang đi lấy chồng bác sĩ. Tưởng làm bà bác-sĩ khoẻ re, ăn rồi đi dạo phố sắm đồ, ai ngờ anh bác-sĩ kỹ quá bắt vợ thức khuya dậy sớm và chính anh chồng cũng tham gia việc tự tay đánh thức vợ dậy mỗi khuya để gạo bài: thi xong lớp 12, anh chồng ghi tên cho cô vợ qua học Dược và nhất định giữ không cho vợ sinh đẻ gì cho tới ngày ra trường. Bạn bè chung quanh bàn tán vang lừng không hiểu con nhỏ đó có phước hay vô phước, anh bác-sĩ kia là một thằng cha tối mắt vì tham vọng hay một bậc đàn anh văn minh tân tiến lo lắng vì tương lai sự nghiệp của vợ? Vả chăng thời buổi đó, một mình anh bác-sĩ dư sức nuôi cả giòng họ, nói chi một bà vợ, Trâm vẫn mỉm cười thầm... Băn khoăn nghĩ tới thân phận mình hiện tại, Trâm ngập ngừng và dường như thấy có lẽ mình không nên thở dài mới đúng!

Mối giao thiệp giữa hai người vẫn bình thường tốt đẹp trong

ý nghĩ của Trâm vào mỗi chiều thứ bảy. Dường như Thái dồn mọi chuyện lại để "chỉ đạo, xây dựng, nói năng" một lần vào chiều thứ bảy mà Trâm cũng chỉ có một dịp cuối tuần để "thắc mắc, chất vấn" cho hết, nên câu chuyện của hai người bao giờ cũng nặng phần nội dung hơn hình thức. Tuy vậy, mỗi lần gặp nhau, khi gặp Trâm, mặt Thái vẫn thoáng một vẻ xúc động rất kín đáo. Trâm cũng không hiểu tại do thói quen từ hồi nhỏ đến giờ còn lưu lại, nàng vẫn thích chọn ăn mặc những áo quần màu nhạt hoặc sẫm chẳng bao giờ là các loại màu tươi. Dường như Thái cũng rất hài lòng về thói quen ấy nhưng khen thì chẳng bao giờ chịu khen.

Nhiều lắm Thái chỉ nói :

— Đàn bà con gái Việt Nam gầy nhỏ, mặc màu sậm hoặc nhạt trông rất nên thơ. Mặc màu đỏ choé, tôi thấy... ghê!

Trâm ghẹo lại :

— À ! Có khi nào anh chợt thấy muốn làm thơ? Vì một màu áo nên thơ?

Thái cười bí mật và bỏ lơ qua chuyện khác.

*
* *

Chính Thái là người đầu tiên nhận ra sự bùng dậy kỳ lạ của một mối tình thoáng qua mà lại xa cách đã gần hai mươi năm. Chàng đã lầm đường một lần, cái lần bỏ Trâm dịu dàng mà đi để chạy theo sự nghiệp, chàng lại lạc đường một lần thứ hai khi cưới một người vợ không cùng tiếng nói, ôi, trở lại với Trâm có thể nào lại là một chuyến lạc đường lần cuối? Thái phân vân và bản tính không hay mơ mộng lẩm cẩm và không muốn mất thì giờ vì những chuyện vớ vẩn, nên lại càng vùi đầu vào công việc.

Nhưng như Tristan và Yseult khi đã uống nhầm ly rượu độc, Thái thấy Trâm cũng không còn giống như xưa. Trí tưởng tượng làm việc quá đáng khiến nhiều lúc Trâm cũng cảm thấy tự kinh ngạc cho chính mình. Coi một tờ báo thấy tỉ số người chết vì tai nạn xe cộ ở nước này cao quá, Trâm liền chợt nghĩ: nếu mà mình bị xe đâm chết thì Thái sẽ ra sao? Như Tristan điên cuồng rũ rượi, như Tristan thân bại danh liệt sống cuộc đời trốn chui trốn nhủi lang thang nay chỗ này mai chỗ nọ để mãi mãi tưởng niệm tới *hương hồn* nàng? Đám tang của Trâm *(mai sau dù có bao giờ)* chắc Thái sẽ tới nhưng mà sẽ không có những giọt nước mắt. Nhưng có lẽ niềm im lặng ấy còn đáng ghê sợ hơn, có lẽ sẽ đánh thức cả Trâm phải ngồi bật dậy từ trong đáy quan tài. Nhưng mà ghê quá, mặt mày thi thể Trâm chẳng còn gì để Thái có thể nhận ra Trâm... Cơn ác mộng hãi hùng ghê khiếp quá, tự Trâm tưởng tượng ra rồi tự mình dày-vò vật-vã với chính mình, một câu nói bất ngờ nghe được qua một phim video của cô tài tử Tàu có chiếc răng khểnh:

"Không có một trở lực nào trên đời này có thể chia cắt được hai chúng tôi" cũng làm nàng động lòng choáng váng. Những chuyện ấy Trâm đã cả gan gọi điện thoại kể lể quấy rầy chàng!

Như chiếc thuyền dương buồm đang lướt sóng những tháng ngày dài triền-miên bất tận, Tristan và Yseult đang trao đổi cho nhau những chén rượu tình. Ngoài những buổi Thái vẫn đến đón Trâm ở chiều thứ bảy, Thái thường gọi điện thoại vào những buổi tối. Mấy lúc sau này, Thái lại bắt Trâm phải dắt "kè kè" thằng cu Thắng, Thái ít nói chuyện hơn,mặt thường có nét trầm ngâm im lặng và Trâm thì chỉ hay nói chuyện với... thằng con. Lúc chia tay để Thái về, thằng bé chạy vô nhà trước, Trâm thường đứng nán lại nói dăm câu với Thái, chàng chỉ vuốt tóc Trâm và nói khẽ :

— Trâm vào ngủ đi !

Tuy vậy vẫn có điều không ai có thể ngờ, kể cả Thái!

Song song với những việc Thái vẫn đều đều đến thăm con và nói chuyện với vợ hai tuần một lần, về phía Trâm, Trâm vẫn thường dành dụm những món tiền nhỏ do nàng dè-sẻn ăn tiêu và làm việc part-time những buổi chiều để gởi về cho chồng. Nàng dứt khoát không coi việc mình yêu Thái là một hành động ngoại tình. Chồng Trâm và Trâm đã cắt đứt với nhau trên mặt tình cảm, Trâm đã nói hết mọi điều với chồng như một lời giã biệt trước khi đi. Dĩ nhiên chồng Trâm không hề biết được chuyến đi không tính trước của Trâm, nếu có, chắc gì ông ta đã để yên cho thằng bé Thắng. Trâm biết rõ hơn ai hết, chồng mình chỉ lịch sự đàng hoàng ở bộ mặt bên ngoài nhưng thâm hiểm sâu độc ở bên trong. Có lần cãi nhau với chồng, Trâm giận dắt con mua giấy xe về nhà mẹ, chồng gọi điện đến ngọt ngào với mẹ hỏi thăm Trâm đã về tới nhà chưa (ông ta chỉ hỏi dò đường vì Trâm đi mà không có nói là đi đâu). Bà mẹ không biết, nên trả lời bình thường, ông ta liền ân cần "gởi Trâm và con ở chơi nhà má, bao giờ chán thì nói Trâm gọi điện con lên đón về", Trâm nghe mẹ kể lại mà nổi gai ốc cùng mình. Và vì không có lý do gì để lưu lại lâu hơn ở nhà mẹ, mẹ đâu có chịu hiểu là Trâm đã chán ngán ngôi nhà của chính vợ chồng nàng. Nhưng ở đó nàng còn công việc làm, về ăn chực của mẹ sao? Trâm ở chán chê hết tuần nghỉ phép rồi lại lếch thếch đem con về. Chồng Trâm lạnh lùng vừa phải đón Trâm. Tối đó lúc vào giường ngủ, ông ta nằm chếch ra phía cạnh giường hai tay khoanh trước ngực, mắt nhìn lên trần nhà miệng thủng thẳng nói:

— Em đi quá tuần này mà không về thì tôi sẽ đăng báo, bảo rằng em đã lấy trộm hết tư trang và vàng bạc trong nhà tôi để trốn theo trai, ai có gặp em ở đâu xin chỉ dùm sẽ hậu tạ...

Trâm nằm kề bên chồng mà nghe như một thùng nước đá lạnh đổ tạt xuống người mình khiến nàng bất giác ôm chặt lấy cái gối. Liếc nhìn thấy mắt ông ta sâu thăm thẳm, nét mũi nhọn hoắt

vẫn ngó hếch lên đỉnh trần.

Vậy mà Trâm vẫn dành dụm để gởi tiền về: khi thì một trăm khi năm chục dồn lại như một thứ bổn phận nhất định. Có điều thư từ thì như một tờ thông báo không hơn không kém *"gởi biếu anh 3 hộp ampicilline, 3 hộp tetracycline, 10 mét vải .. Cu Thắng vẫn mạnh khoẻ và đi học"* Trâm thường cố ý bỏ quên, không hề nhắc tới mình.

Cái gì gọi là lương tâm của một người vợ trong một thứ hệ thống luân lý lâu đời chưa chắc đã hoàn toàn đúng, không cho phép người đàn bà thay chồng đổi vợ dễ dàng như thay áo của đàn bà âu tây? Có một cái gì ngượng-ngùng gượng-gạo và cảm thấy không sòng phẳng nơi Trâm khi tự cho phép mình yêu người khác (dù đã lâu mình đã không yêu chồng) trước khi chồng mình có vợ khác? Phải chi chồng Trâm bỏ bê Trâm và cu Thắng, hành hạ bạc đãi mẹ con nàng, tuy lúc sau này Trâm đã về nhà mẹ ở, nhưng ông ta vẫn một mình tới lui chăm sóc con cái và gởi tiền cho Trâm nuôi thằng bé. Mỗi lần đến ông ta có vẻ buồn trầm lặng, hai mắt sâu thường cau lại tính toán. Gần đây, Trâm lại nghe tin chồng đang gặp rắc rối với "chính quyền đó" vì việc Trâm và con ra đi. Trên giấy tờ chính thức thì Trâm vẫn là vợ của chồng Trâm!

Có người vợ nào trên cõi đời này lại ước ao được chồng mình hành hạ một cách cụ thể (như Trâm)? Những người ngoài, hàng xóm hay ngay cả mẹ nàng cũng không thể biết được những ngón đòn về tinh thần mà chồng Trâm đã thi hành mỗi ngày một ít từ khi ông nghi ngờ rằng Trâm không hoàn toàn yêu quí ông ta như một tên nô lệ thờ phượng chủ nhân của mình, như con chiên ngoan đạo chỉ nhìn về một Chúa. Trâm mơ mộng tự do trong trí thức, bình đẳng trong tình yêu thì chỉ đụng phải bức tường thành kiến độc tôn gay gắt của chồng, cuộc sống chung bề ngoài tưởng như êm đẹp mà bên trong là những chuỗi ngày hờ hững lững lờ nguội lạnh và đôi khi là những chịu đựng nặng nề cho cả đôi bên.

Càng yêu Tristan, Yseult lại càng thường nghĩ về ông vua già! Nàng Yseult tóc vàng đã tinh quái tìm ra một cách thề thốt êm đẹp; *"ngoài người tu sĩ kia đang ôm ấp thiếp, thiếp xin thề chẳng còn có biết tới người đàn ông nào!"*. Trâm thì muốn thề thốt với trời đất: *"ngoài mối tình dang dở với Thái ngày nọ, lòng nàng từ lâu đã khép lại, nàng chẳng hề yêu một người đàn ông nào ngoài chàng."* Nghe tréo ngoe và nếu độc địa một chút thì cũng có thể bảo là một thứ gái đĩ già mồm".

Trong khi ông chồng đang tiến thêm một bước thì Thái lại đang lùi một bước. Trâm định thứ bảy này nói với Thái về chuyện chồng Trâm vừa viết thư nhờ Trâm làm bảo lãnh bằng cái giọng bình thường như không có gì quan trọng:

— Ông ấy định nhờ em bảo lãnh, anh nghĩ sao?

Có lẽ Trâm sẽ lựa lời nói thêm :

— Cứ lãnh ông ấy sang, cũng là một cách cứu thêm một người thoát khỏi địa ngục...

Thoáng trong óc Trâm những câu lộn xộn như: "ly-dị, dứt khoát, vĩnh viễn thuộc về chàng vân vân" nhưng Trâm bỗng ngã người lạnh toát: Thái đã nói gì với Trâm về chuyện xây dựng gia đình với nhau hồi nào đâu? Chàng bảo đã ly dị vợ, nhưng chắc gì, hay cũng đang "kẹt cứng" như mình? Ôi, hôn nhân đâu phải là một trò đùa bừa bãi như chiếc áo cởi ra mặc vào rồi vội quẳng đi thay cái khác! Vả lại ngay chính trong cái ý nghĩa thay qua đổi lại vẫn có cái gì tầm thường hết sức bình thường, khiến Trâm bản tính vốn hơi ngây thơ và lý tưởng lại càng thấy nó dung tục quá.

Hay là Trâm nên viết thư về khuyên ông ta nên xây dựng một gia đình khác, lấy vợ sinh con và sinh sống ở nhà, khiêm nhường một chút, kín đáo một chút thì cũng có thể qua mặt được cái nhà nước đó để mà sống còn. Bồ bịch cũ của ông ta cũng khá, thư từ lăng nhăng của các cô gái mắc mưu vì cái vẻ nghiêm trang đạo đức giả của ông ta cũng còn nhiều.

Chiều thứ bảy vừa qua, Thái đã không đến mà cũng không điện thoại.

Trâm chưa dám nói điều định nói thì đã thấy có triệu chứng Thái lùi thêm một bước nữa. Lại thêm một thứ bảy tuần sau, Thái ở đâu mất biệt...

Tristan dám mạo hiểm vào tận thâm cung để gặp Yseult, mình thì phơi ra như một món hàng ế thật là ê chề trơ-trẽn như cái câu ca dao nào mất nết:

Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?

Ở đó mà xe đụng với xe tung! Trâm chua chát một chút nhưng ráng khôi hài chọc ghẹo: rượu tình điệu này chắc mẹ của Yseult mua nhầm thứ rượu on sale quá hạn!

*
* *

Chiều thứ bảy, Thái nhấn còi xe chờ không thấy Trâm mà chỉ có cu Thắng chạy ra:

— Mẹ bảo mẹ đi vắng rồi !

Thái mở cửa bước hẳn xuống xoa đầu nó :

— Thằng nhỏ không quen nói láo. Thôi để bác vô gọi mẹ.

Ngồi trên xe, Trâm im lặng nghe Thái kể lể. Chiều nay anh chàng dường như có vẻ muốn nói nhiều:

— Con gái anh bị ốm nặng. Mẹ nó phải đưa vào nhà thương cấp cứu, anh phải có mặt... Trâm có giận anh không?

Chàng đã hạ chiến thư đây. Trâm chặn ngang chụp vội lấy cơ hội bằng vàng cũng vừa để trả đũa:

— Trâm có chuyện quan trọng muốn hỏi ý kiến anh.

Thái khẽ liếc qua :

— Ừ, anh đang nghe đây.

Trâm bỗng tức giận không đâu vì cái giọng làm ra vẻ "kẻ cả" của chàng nên cố lấy giọng đĩnh đạc tuy vẫn có chút gì giả tạo run run:

— Chồng em muốn nhờ em bảo lãnh sang đây !

Hình như tay Thái có hơi nắm chặt lấy tay lái một chút, nhưng chỉ một chút thôi, chàng đã tự trấn tĩnh được để buông nhẹ ra thơ thới.

Cô em tức giận rồi đây, cô em đâu c giận rồi đây, cô em đâu có vừa gì, không ngây thơ khờ khạo như mình tưởng đâu! Chàng định nói: "Em hiểu lầm ý của tôi rồi" nhưng lại im lặng chờ xem bên nữ tướng tung quân dàn trận thử thách ra làm sao đã rồi hẳn hay.

Không thấy Thái nói gì, Trâm cảm thấy rã-rời như trời đất sụp, thôi thì nói khô khan một lần cho nó xong cho hết chuyện rồi tới đâu thì tới:

— Giấy tờ có khó khăn lắm không hả anh?

Thôi thế là sụp đổ hết bao nhiêu điều tưởng tượng phác họa! Trâm dự tính một đằng lại nói ra một ngã, mà sao lời lẽ ý tứ ngu ngốc của mình lại giống như một sự khẳng định?

Dù vậy Trâm vẫn thấy hả hê một cách hèn mọn như đã trả thù được Thái khi thấy, không giống như cái lần Thái đi nộp đơn thi cho Trâm ở Quốc gia Hành chánh mươi lăm năm trước, không giống như cái lần gần đây nhất khi làm thủ tục các thứ giấy tờ cho Trâm xin Grant học nghề, Thái khó khăn như đang cố nuốt từng cục sạn bảo:

— Để anh điện thoại hỏi, rồi trả lời em.

Thái định nói vớt-vát với Yseult tóc đen của mình một câu bằng Anh-ngữ cho đỡ ngượng miệng chẳng hạn như: I know where you're coming from mà cũng không được. Chẳng lẽ *cuộc tình tàn cuộc tình vắng bóng em* một cách vô duyên bẽ bàng như thế nầy sao?

*
* *

Vậy mà rốt cuộc lại giống như chữ của thằng bé dùng, Trâm nghĩ: nói chuyện với Thái *đã* thật và Thái nghĩ yêu chìu Trâm cũng *đã* thật. Vì chuyện gì hầu như Trâm-Thái có nói quanh quẹo một lát rồi cũng thành nói thật, chẳng phải chỉ vì một lý do được nói bằng tiếng Việt *đã miệng* mà còn vô số nhiều lý do mê ly khác nữa; Thái cố hiểu cho được gần hết mọi chuyện đúng tầm mức của nó mà Trâm không cần phải giải thích lòng vòng dây mơ rễ má, Trâm

thì cứ nhất định là Thái không hề lừa dối mình. Thái lại tự đặt cho mình cái nguyên tắc cấm nói lung tung mà chàng chỉ làm và tin là cả hai đều đang làm đúng.

Tristan và Yseult, hỡi ơi, tuy của thời đại computer mà lại cứ nhất định đui mù, chuyến này tính chơi trội định mệnh để làm lại một vòng right turn!

Ai mà biết được họ sẽ ra sao ?

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF OBSTETRICS & GYNECOLOGY
F . A . C . O . G

* *Fellow of American College of Obstetrics and Gynecology*
* *Văn bằng chuyên môn sản phụ khoa Hoa Kỳ*
* *Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu đại học sản phụ khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và USC Women Hospital, Los Angeles.*
* *Bác sĩ chuyên môn sản phụ khoa hành nghề tư đầu tiên tại California.*
* *Giảng huấn viên tại UCI Medical Center, Khu sản phụ khoa.*

Với sự cộng tác đặc biệt của nữ bác sĩ :
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG
Diplomate American Board of Family Practice
Tốt nghiệp chuyên môn Y khoa Gia đình tại UCI

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

Thăm thai và đỡ đẻ. Bệnh đàn bà. Huyết trắng. Kế hoạch hoá gia đình : Cột hoặc đốt ống dẫn trứng. Kinh nguyệt bất thường. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn. Giải phẫu bệnh phụ nữ. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Truy tầm và chữa trị ung thư cổ tử cung...

Phòng mạch tại :
14536 Brookhurst Street, Phòng 101
(Góc Brookhurst và Hazard)
Westminster, CA 92683

ĐIỆN THOẠI : (714) 531 5505

Giờ khám bệnh : Thứ hai đến thứ sáu : 10.00 đến 6.00
Thứ bảy : 9.30 đến 2.00 PM
Nghỉ thứ tư và Chủ nhật . Xin vui lòng lấy hẹn

Lê Tâm

Cảnh tượng.

*N*gười đàn bà gánh hai cái giỏ ny lông từ trong bóng đêm nhô ra, đôi vú trần thổn thện chảy dài trước ngực, chạy lúp xúp về phía phòng bán vé của bến xe. Đến trước cửa phòng bán vé người đàn bà đứng lại đưa mắt liếc ngang dọc, lẩm bẩm nói trong miệng, rồi vừa cất tiếng hát vừa bước vào: "Đi mô rồi cũng nhớ về Hà Tĩnh, nhớ núi Hồng Lĩnh, nhớ giòng sông La, nhớ biển rộng quê ta..." Giọng người đàn bà eo éo căng mỏng, nhưng đến chỗ láy "ờ ờ" bất ngờ chùng lại ồm ồm như bị đờm trong cuống họng. Tiếng hát của người đàn bà làm những người khách nằm ngủ mơ màng dưới nền nhà giật mình thức dậy, người nhận ra cảnh quen cũ rủa thầm trong miệng rồi trở người ngủ tiếp, người chưa từng thấy thì bật người dậy dụi mắt chăm chú theo dõi.

Người đàn bà đứng ở khoảng trống dưới ngọn đèn điện vàng vọt ở giữa phòng, cúi người xuống đưa đòn gánh qua đầu hạ hai cái giỏ xuống đất, giọng hát cũng như chúi theo thân người mất dần "... những cánh đồng muối trắng..., nên đi giữa đồng bằng... âm vang sóng vỗ". Người đàn bà im bặt, quỳ hai chân xuống bên một cái giỏ mở miệng lấy ra một tờ giấy trắng nhàu nát rồi đứng dậy bước đến để tờ giấy xuống trước một ghi sê, xong quay lại đưa mắt nhìn một lượt khắp gian phòng. Cuối cùng người đàn bà ngước lên, đôi mắt dừng lại trên hàng chữ "vì nhân dân phục vụ" kẻ trên tường phóng ra tia nhìn dữ tợn. Rồi thình lình người đàn bà la lớn:

— Đã đến giờ bán vé yêu cầu đồng bào, đồng chí thức dậy xếp hàng.

Nói xong người đàn bà vội vàng quay người như bị những kẻ vô hình nào đấy đang chen lấn, bước đến đứng trước ghi sê trước mặt. Một ông ngồi dưới nền nhà rủa:

— Đồ điên khùng gì đâu !

Một bà cỡ ngoài bốn mươi, ngồi bó gối nhai trầu bóp bép bên cạnh người đàn ông vừa nói, nhè miếng trầu đang nhai ra cầm trên tay gợi chuyện:

— Con mẹ ấy điên chứ còn gì nữa.

Bà nhai trầu vẩu môi đưa tay lên chùi nước trầu dính hai bên mép, tiếp:

— Vợ cán bộ đấy nghe.

Người đàn ông bén chuyện, hỏi:

— Mà sao con mẹ ấy nói giọng Bắc ?

— Thì là người Bắc. Ông ấy tập kết mà..., để coi, thằng cha ấy tên gì nhỉ ?

Bà nhai trầu nhíu mắt, nhăn trán cố nhớ, nhưng rồi bà chặc lưỡi bô bô nói:

— Quên mất. Thằng cha làm trên phòng thuế vụ đó. Sau 75 thằng cha đem vợ vào trong này được mấy tháng thì con vợ tự nhiên nổi điên, bỏ đi lang thang ngủ đường ngủ chợ. Chắc thằng cha tiếc lắm nghe? Thằng cha già rồi, cũng phải năm mấy sáu mươi, có con vợ trẻ như thế tự nhiên nổi điên làm sao khỏi tiếc, phải không? Mà này, sao lạ, mấy cha nội tập kết ra Bắc ai cũng lấy được vợ trẻ mới hay chứ. Làm như thể ở ngoài ấy chỉ toàn ông già!

Người đàn ông nghiêng người qua phía bà nhai trầu, đảo mắt nhìn quanh có vẻ e ngại, nói nhỏ:

— Chứ còn gì nữa! Tụi trẻ bị lùa vào chiến trường miền Nam hết, chỉ còn ông già và đàn bà đi cày ruộng...

Người đàn bà nằm giấu mặt sau lưng bà nhai trầu bỗng hỏi:

— Này chị, con mẹ ấy có con chưa ?

Bà nhai trầu ngập ngừng, đáp :

— À... thấy con cái gì đâu.

Người đàn ông nhếch mép cười, đôi mắt nhấp nháy có vẻ tinh quái:

— Hai cái vú chảy dài như hai trái mướp mà chưa có con sao được?

Bà nhai trầu kêu lên, giọng chế giễu:

— Ôi cha! Coi bộ ngó kỹ.

Người đàn ông hơi ngượng, quay qua nói với người thanh niên nằm bên cạnh:

— Phơi ra đấy ai mà chẳng thấy, phải không mày?

Người thanh niên đang nằm lơ mơ giật mình chưa kịp đáp, thì người đàn ông đã tiếp:

— Điên khùng gì không biết, ngó sau lưng thấy con mẹ còn mướt lắm.

Bà nhai trầu thấy người đàn ông có vẻ muốn lảng câu chuyện sang hướng khác vội kéo câu chuyện trở lại bằng một tiếng thở dài

thườn thượt:

— Ngó vậy mà tội! Chẳng biết con mẹ tối ngủ ở đâu, đêm nào cũng thấy gánh hai cái giỏ ra đây chen lấn xếp hàng đòi mua vé ra xe ngoài Bắc. Điên khùng mà cũng còn biết nhớ quê cha đất mẹ, tội...

Ở trước một ghi sê tiếng người đàn bà điên đối đáp với kẻ vô hình chợt nổi lên, cắt ngang câu chuyện của bà nhai trầu:

— Sao, lại hết vé à ?

— . . .

— Yêu cầu đồng chí cho biết chuyến xe này có bao nhiêu vé ?

— . . .

— Được rồi, 28 vé. Tôi yêu cầu đồng chí giải thích cho biết: hiện tại hàng đồng chí chỉ mới bán có 23 vé, còn 5 vé nữa đâu?

Nói đến đấy người đàn bà điên làm như nổi giận, đập tay xuống miếng ván trước ghi sê, xỉa xói:

— Hết vé! Hết vé! Bao giờ đồng chí cũng nói hết vé, trong khi ấy có kẻ mua được vé ở cửa sau. Đồng chí phục vụ nhân dân như vậy hả...?

Người đàn bà điên đang sôi nổi thì bỗng có tiếng một người than:

— Khổ lắm trời ơi ! Có im đi không ?

Mấy người đàn bà ngồi ở góc phòng cười khúc khích. Người đàn bà điên quay bật người trở lại nói như gào lên với đám người đang nằm ngồi ngổn ngang trước mặt:

— Không cho tao thực hiện quyền làm chủ của nhân dân phải không? Chúng mày chỉ là một lũ ỷ mạnh...

Người đàn bà điên đột ngột ngừng nói, lừ mắt hăm he nhìn một người ngồi ở gần đấy. Lợi dụng lúc người đàn bà điên im lặng, bà nhai trầu dịu giọng nói:

— Này nhìn xem, ở đây chỉ toàn là đồng bào chứ có phải là cán bộ cán... gì đâu. Thôi, mặc áo vào đi, đàn bà để trần như thế xấu hổ lắm.

Người đàn bà điên bỗng cười toe toét, bước đến ngồi xuống trước mặt bà nhai trầu, giọng tỉnh khô hỏi:

— Chị phải không ?

Bà nhai trầu xua xua tay phía trước :

— Thôi mặc áo vào đi.

— Chị cho em điếu thuốc.

Bà nhai trầu làm mặt giận, quay mặt chỉ tay lại chỗ hai cái giỏ của người đàn bà điên, bảo:

— Lại lấy áo mặc vào đi rồi tôi cho.

— Thật đấy nghe chị.

— Thật, ai nói dối làm gì. Đứng dậy đi.

Người đàn bà điên đứng dậy đi lại hai cái giỏ của mình. Bà nhai trầu quay qua nói với người đàn ông:

— Điên, nhưng nói còn biết nghe lời.

Người đàn ông mỉm cười khó hiểu. Bà nhai trầu nói tiếp:

— Chưa thấy đấy, khi đói con mẹ mò vào mấy quán cơm xin ăn nói ngọt còn hơn kẻ không điên.

— Điên gì lạ vậy ?

Bà nhai trầu cười :

— Ừ, vậy đấy. Có một dạo thấy bụng con mẹ có vẻ to người ta đồn con mẹ có chửa, nhưng sau thì không phải. Ở trên chợ có một mụ điên bị chửa, chẳng biết thằng cha nào...

Người đàn ông nhăn mặt, đưa mắt nhìn lại chỗ người đàn bà điên đang quỳ gối lục soạn cái giỏ, rồi hỏi bà nhai trầu:

— Bộ chị là người ở đây hay sao mà rành chuyện quá vậy?

Bà nhai trầu đút miếng bã trầu từ nãy đến giờ vẫn cầm trên tay vào miệng, nhưng chưa nhai, đáp:

— Dân đây.

Người đàn ông ngạc nhiên :

— Ủa. ... Ở đây mà sao chị phải đến chờ sớm thế ?

— Chờ mua sắn dây.

Người đàn ông "à" tưởng như đã hiểu nhưng rồi lại hỏi:

— Mua sắn dây mà cũng phải đi sớm thế kia à ?

— Vậy đấy, mà cũng có khi còn về không.

— Bạn hàng giành giựt lắm hả ?

— Bạn hàng thì không có, nhưng mấy cơ quan họ mua ào ào mình mua không kịp.

Người đàn ông có vẻ mệt mỏi há miệng ngáp, rồi vén cổ tay áo xem đồng hồ. Bà nhai trầu hỏi:

— Mấy giờ rồi ?

Người đàn ông ngáp một cái nữa rồi mới đáp :

— Mới 3 giờ kém 10.

Bà nhai trầu ngoảnh mặt nhìn ra ngoài đêm tối than nhỏ:

— Sao hôm nay trễ vậy kìa !

Người đàn ông quay lại sửa chỗ nằm của mình, vừa ngáp vừa nói:

— Thôi nằm một chút cho đỡ mỏi lưng đã.

Bà nhai trầu lại nhè miếng bã trầu ra tay, hỏi:

— Đi đâu vậy ?

Người đàn ông nằm xuống miếng ny lông, bên cạnh người thanh niên đang nằm úp mặt vào cái mũ lác thở phì phào có vẻ đã bắt đầu ngủ, đáp:

— Trà Mi.

— Trà Mi dạo này hình như còn có mỗi một chiếc chạy.

Người đàn ông chống khủyu tay nhổm người dậy:

— Có dễ mua vé không chị ?

Bà nhai trầu quay lại phía sau ném cái bã trầu vào một góc nhà, chậm rãi:

— Khó thì không khó, chỉ có cái tội là xe chạy đường đó mà lại chạy bằng than lên mấy cái dốc ớn lắm.

Người đàn ông ngồi hẳn lên há miệng kinh ngạc:

— Sao vậy ?

— Thì xe yếu lên dốc không nổi, có khi tuột dốc... chứ sao.

Người đàn ông bỗng biến mất hẳn vẻ buồn ngủ, nhích đầu gối qua phía bà nhai trầu một chút, giọng lo lắng:

— Chị nói sao ớn vậy ?

Bà nhai trầu bật môi "xì", rồi tiếp :

— Có gì mà ớn. Ngay đường bằng mà xe chạy bằng than cứ vài chục cây số còn phải dừng lại quạt than cho máy nóng mới chạy tiếp được, huống chi leo lên đường dốc đèo.

Bà nhai trầu ngừng lại e hèm trong họng, tiếp :

— Xe đang chạy bằng xăng bỗng dưng đeo đẳng sau cái bình than ì ạch như rùa bò, kỳ thấy bà phải không?

Người đàn ông im lặng không đáp. Bà nhai trầu nhìn người đàn ông như quan sát:

— Bộ lâu nay không đi đâu sao ?

Người đàn ông đáp hờ hững :

— Cũng có đi...

Bà nhai trầu quay mặt nhìn lại người đàn bà điên. Người đàn bà điên đang lôi từ trong cái giỏ ny-lông bỏ ra ngoài mấy thứ lẩn lộn quần áo, giấy báo, bao ny lông..., rồi cầm một cái áo lót đàn ông đưa lên ngang mặt ngắm nghía. Cuối cùng ra vẻ vừa ý, người đàn bà điên luồn tay chui đầu mặc áo. Cái áo lót rộng thình, cổ rách toạc xuống quá ngực, nhưng người đàn bà điên vẫn cầm hai bên vạt áo kéo căng để lộ hẳn đôi vú ra ngoài mới thôi. Bà nhai trầu bật cười phì phì bảo người đàn ông:

— Nhìn đồ điên khùng ăn mặc kìa...

Nhưng bà nhai trầu chợt bỏ ngang nhìn ra ngoài. Từ phía xa xa những đốm lửa đã xuất hiện đang tiến dần về phía bến xe thành một hàng dài. Bà nhai trầu vội quay qua lay vai người đàn bà nằm ngủ giấu mặt sau lưng mình:

— Dậy, dậy, họ lên rồi.

Bà nhai trầu đứng dậy vừa bước đến chỗ để quang gánh, vừa lớn tiếng gọi lại mấy người đàn bà còn nằm ôm nhau ngủ ở một góc phòng:

— Dậy, dậy tụi bay.

Bên ngoài những ngọn đuốc dần dần đã tụ lại một chỗ trong

bãi đậu xe, ánh lửa bập bùng soi rõ những người đàn ông mặc quần đùi, đội nón đứng bên những gánh sắn dây chất cao. Trong phòng, mấy người đàn bà buôn sắn dây chộn rộn chuẩn bị quang gánh làm những người khách vừa ngủ lại thức dậy một lần nữa, những cái miệng lại ngoác ra ngáp dài. Người đàn bà điên bỏ mọi thứ trở vào trong hai cái giỏ, đứng dậy định bước đến chỗ bà nhai trầu nhưng thấy bà nhai trầu không còn ngồi ở đấy đưa mắt nhìn một lượt khắp phòng, hỏi trống không:

— Chị đâu, chị đâu ?

Người đàn ông ngồi bên bà nhai trầu lúc nãy chỉ tay ra ngoài, bảo:

— Này, ra ngoài kia rồi.

Người đàn bà điên quay lại theo hướng chỉ tay của người đàn ông, rồi bỗng cười sặc sụa, chạy vụt ra ngoài. Một ông già ngồi tựa lưng vào tường nhà, tằng hắng mấy tiếng rồi hỏi:

— Ai có đồng hồ cho biết mấy giờ rồi ?

Cả phòng yên lặng như chờ nghe. Nhưng, một lát, vẫn không có tiếng ai trả lời. Ông già nhắc lại:

— Ai có đồng hồ...

Lần này ông già chưa nói hết câu đã có tiếng người đáp:

— Mới 3 giờ 15 chứ mấy mà hỏi.

Một người đàn bà kêu lên :

— Ấy chết! Thôi xếp hàng đi.

Mấy người đàn bà bảo nhau lục đục thu dọn chỗ nằm. Ông già vừa hỏi giờ thấy vậy đứng dậy ngơ ngác hỏi:

— Mấy giờ bán vé mà bây giờ đã phải xếp hàng rồi, bà con?

Một người đàn bà đáp :

— 6 giờ.

— 6 giờ !

Một người kêu lên. Tiếp theo là giọng ôn tồn của một người khác bảo:

— Còn tới hơn hai giờ nữa mới bán vé, việc gì phải xếp hàng sớm vậy.

Một người trong đám đàn bà đi buôn đáp lại, giọng mỉa mai:

— Sớm muộn gì một lát nữa biết ngay.

Người đàn bà đổi giọng, tiếp :

— Mấy người lo gì vé, còn dân buôn bán như tụi tôi thì phải cần vé, đỡ được đồng nào hay đồng ấy...

Người đàn bà vừa nói vừa cột lại mấy cái bao nhưng thình lình người đàn bà quăng vội mấy cái bao vào chân tường, vừa bảo bạn vừa bước nhanh lại đứng trước một ghi sê:

— Xếp hàng bọn bay.

Mấy người đàn bà đi buôn khác ngừng tay thu dọn đồ đạc

nhìn ra. Từ bên ngoài, một người đàn bà đầu tóc bù xù bồng trên tay một đứa bé ngủ nép đầu vào ngực mẹ, xăm xăm bước vào. Sau lưng người đàn bà là ba đứa trẻ, hai gái một trai, tóc tai quần áo rũ rượi nhàu nát như mới trên giường bước xuống, vào theo. Mấy người đàn bà đi buôn quăng vội đồ đạc vào chân tường rồi bước đến xếp hàng sau lưng người đàn bà đã đứng trước. Người đàn bà bồng con lặng lẽ bước đến đứng nối đuôi; xong bà ta quay lại nhìn thấy ba đứa trẻ còn đứng ủ rũ chưa thành hàng sau lưng mình, bà ta la lên the thé:

— Mấy con quỷ trời vật chưa chịu đứng vào hàng còn chờ gì nữa đây? Chỉ có đi ngủ sớm giùm cho mà cũng không xong, gọi đứa nào cũng dạ rồi để đó, theo cha theo mẹ chúng mày đi cho khuya vào rồi dậy không nổi. Để cho bọn bay đói rã họng ra mới biết thân.

Người đàn bà quơ tay chụp vai áo một đứa bé gái đứng gần đấy giật mạnh, hai hàm răng nghiến lại:

— Con ranh này có đứng vào hàng không ?

Người đàn bà buông tay nắm vai áo, chộp đám tóc lòa xòa trước trán cô bé kéo ngược mặt lên, tiếp:

— Con quỷ cái, đêm hồi hôm mày đi đâu ?

Bị cái giật tóc khá đau nhưng cô bé chỉ nhăn mặt đưa tay lên gỡ tay mẹ, rồi cúi mặt xuống lầm lì không nói. Cô bé lớn hơn có lẽ là chị, đứng sau cùng, dường như cảm thấy khoảng cách giữa mình và bà mẹ đang giận dữ an toàn hơn hai đứa em nên thản nhiên há miệng ngáp, rồi đáp lại mẹ:

— Thì cả ba đứa đêm qua đi họp chứ đi đâu.

Người đàn bà nghiêng người nhìn lại con đay nghiến:

— Họp! Họp! Tổ cha mày họp có khỏi ăn không ?

Từ bên ngoài lại thêm mấy người đàn bà đi tay không bước vào. Người đàn bà bồng con hạ giọng bảo cô bé lớn:

— Con Gái bước lên cho người ta đứng.

Một người đàn bà mới vào bước lại đứng sau lưng cô bé, hỏi lên người đàn bà bồng con:

— Chị Ba ra lâu chưa ?

Người đàn bà bồng con giọng vẫn còn hậm hực, đáp:

— Mới ra chứ lâu cái gì. Lũ quỷ này có mà...

— Hôm qua đỡ không chị Ba ?

— Gì mà đỡ. Cán bộ người ta đi nhiều, đến lượt mình thì chỉ còn có một vé.

Người đàn bà đứng sau lưng cô bé thở dài im lặng. Đám khách ngủ đêm ở phòng bán vé thấy trước mấy cái ghi sẽ đã có người đứng xếp hàng cũng vội vàng thu dọn hành lý, rồi tay xách tay ôm đứng vào hàng. Một người vừa đứng vào hàng ngáp xong

mấy cái, than:

— Khổ cái thân quá, mua cái vé mà phải xếp hàng từ nửa đêm.

Bên ngoài những ngọn đuốc bập bùng trong bãi xe đậu đã tàn. Tiếng hát của người đàn bà điên lại vừa cất lên chợt nghe chợt mất. Đêm vẫn còn như cái vực sâu.

Lê Tâm

Tập truyện gây sôi động không khí văn học hải ngoại năm 1987:

Ngày tháng bồng bềnh

cua Nguyễn Văn Sâm

8 truyện ngắn đặc sắc thay đổi từ văn phong đến kết cấu. Hai tùy bút biểu lộ chân tình.
Những mẩu đời bồng bềnh trong cuộc sống, dao động trong tâm tư ở hải ngoại, những kiếp sống bi thảm trong vòng rào lớn quê nhà... được trình bày trong các truyện đọc xong vẫn còn nghe âm hưởng lâu dài.
Tác phẩm thứ ba ở hải ngoại của một cây bút viết vì không thể không nói lên điều mình suy nghĩ.
Bạn sẽ thấy mình trong ***Ngày tháng bồng bềnh.*** *Bạn sẽ thấy lại quá khứ, quê hương trong* ***Ngày tháng bồng bềnh.*** *Bạn sẽ đọc một tác phẩm lạ, có bản sắc.*

Đài BBC năm 1986 đã truyền thanh một truyện trong ***Ngày tháng bồng bềnh*** *về Việt nam. Bạn hãy đọc toàn tập truyện để biết tại sao.*

Ngày tháng bồng bềnh

Sách dầy 200 trang, giá 8$, Gió Việt xuất bản, nhà Văn Nghệ phát hành khắp nơi.
Bạn có thể mua qua đường bưu điện thư từ xin gửi về:

P.O. BOX 2301 WESTMINSTER, CA 92683

Nguyễn Hưng Quốc

Cảm xúc trong thơ.

(Tản mạn về thơ 3)

*M*ột hiện tượng rất phổ biến trong thơ: hoa giả.

Có hằng hà những bài thơ cứ ngồn ngộn chữ, cứ lấp lánh màu sắc và trầm trầm bổng bổng hơi nhạc nhưng lại rỗng tuếch, không nói lên được điều gì cả. Nó ném xuống ào ạt lá vàng nhưng không làm cho người ta thấy được mùa thu. Nó khua động ầm ĩ nhưng không làm thành âm vang của tiếng hát. Nó dựng lên ùn ùn những khói nhưng không tượng hình nổi một làn mây. Nó có dáng dấp của hoa nhưng lại thiếu hẳn một làn hương. Nó có tất cả, chỉ trừ một điều: cảm xúc.

Nhiều người cứ ngạc nhiên và băn khoăn không hiểu tại sao người khác cứ dửng dưng lúc đọc thơ mình. Có gì đâu! Chỉ lay động được trái tim những gì xuất phát từ chính trái tim. Chỉ có máu mới chuyền được cho máu. Ngòi bút của anh chỉ chấm toàn nước lã mà anh đòi thiên hạ đọc xong phải rưng rưng nước mắt ư? Giỡn. Trong lãnh vực chính trị, loài người cứ vấp phải hết cái ngu này đến cái ngu khác, nhưng trong văn chương, họ tinh lắm anh à. Trong xã hội có ê hề những thiên tài... bịp, nhưng trong văn chương, chỉ còn lại những kẻ thực sự thành tâm với đời, với người.

Cái nền của thơ là cảm xúc. Luôn luôn là cảm xúc. Hình tượng, ngôn ngữ, tư tưởng sẽ không có nghĩa gì cả nếu chúng không tan hoà trong cảm xúc.

Hiệu quả của một bài thơ được đo lường ở khả năng truyền gợi cảm xúc. Làm thơ là một cách tỏ tình. Nói lớn hay nhỏ, dài hay ngắn, bổng hay trầm nào có quan trọng gì. Quan trọng là ở chỗ người mình yêu có chớp mắt xúc động hay không. Làm thơ là thổi một luồng gió. Gió đo mình ở ngoài gió: ở mức độ lá reo. *Yếu tố quyết định giá trị một bài thơ cũng là cảm xúc.* Bài thơ hay nào

cũng đi đến chỗ tận cùng của một nỗi buồn một niềm vui một trạng thái bâng khuâng mơ hồ. Bài thơ hay nào cũng xóa nhoà hình ảnh nhà thơ, để trở thành một rung cảm của mọi người. Một buổi chiều nào, nhớ người yêu, bạn hãy đọc lại một bài thơ tình, bất kể của ai, miễn là hay, bạn sẽ thấy ngay đó là tâm sự của mình chứ không phải của bất cứ ai khác.

Tầm vóc một nhà thơ, trước hết, chủ yếu tùy thuộc vào kích thước tâm hồn họ. Từ Nguyễn Trãi đến Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Phan Bội Châu, Tản Đà... Tất cả đều là những tâm hồn lớn có khả năng thu nhận và rung cảm trước những làn sóng vỗ từ xa, từ xa, ngoài bản thân họ. Họ là những mặt hồ nước biếc, ở đó, long lanh soi chiếu cả bầu trời bao la với núi non và mây khói bềnh bồng trên cao: *"Long lanh đáy nước in trời. Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng"* (Nguyễn Du). Họ vui niềm vui của mọi người, đau nỗi đau của mọi người. Họ là thế hệ của họ, thời đại của họ. Họ là những *"cái đĩa âm thanh"* ghi nhận tất cả mọi "nhịp thở xôn xao âm thầm của trời đất" (Cung Trầm Tưởng).

Nhà thơ lớn là những hạt muối. Hạt muối nhỏ nhưng chất chứa dồn nén trong mình tất cả những vị mặn chát của đại dương.

Nhà thơ lớn là những chiếc lá ngô đồng. Chiếc lá nhỏ này hanh hao, bay bay trong gió thoi thóp biết mấy nhưng lại mang trong mình tất cả tín hiệu của một mùa trời đất đang đi.

Không phải tôi không biết có những nhà thơ đòi khai tử cảm xúc và nguyền rủa tình yêu. Thanh Tâm Tuyền, chẳng hạn, ông tuyên bố: *"Trong thơ tôi không có tình yêu..."* *"... Mỗi tiếng mỗi lời viết ra tôi đều thấy nó chứa đựng những hằn thù, khinh bỉ, dày vò, đớn đau, tuyệt vọng... nghĩa là tất cả những thứ mà tình yêu loại trừ."* Nghe mà ghê. Nhưng đừng tin nhà thơ ấy nói. Là nhà thơ, ông ta chỉ sử dụng một biện pháp thông thường trong thơ: ngoa ngữ. Nói quá đi một chút. Hơi hơi cực đoan một chút. Để làm bật nổi cái ý của mình là phân biệt hai mùa lá già và lá non trong tình yêu, là phân biệt những tiếng đàn quen và những tiếng đàn lạ trong cảm xúc. Vả chăng, liệu những *"hằn thù, khinh bỉ, dày vò..."* có phải là *"những thứ mà tình yêu loại trừ"* chăng? Không. Đó chỉ là mặt trái của tình yêu. Nguyễn Đình Chiểu từng viết "bởi chưng hay ghét cũng là hay yêu" đó mà. Đọc lại thơ Thanh Tâm Tuyền mà xem. Cảm xúc, tình yêu vẫn dạt dào lắm chứ. Này đây là nỗi xúc động trước *"hương hoàng lan lẫn mái tóc người yêu."* Này đây là sự xót xa trước *"những người khóc lẻ loi không nguôi một phút."* Này đây là sự đau đớn trước cảnh *"tổ quốc ngàn đời nín thở vì trời thời xanh mà khổ đau nói sao cho hết."* Còn, còn nữa. Ngay cả những sự thương tâm xảy ra ở Hung Gia Lợi, xa xôi biết ngần nào, vẫn dội vào lòng nhà thơ những cơn nhói buốt *"Hãy cho anh khóc bằng mắt em."* Thế đó.

"Thơ ngụ tình", ngày xưa người ta đã biết thế.

Có điều, không phải cảm xúc nào cũng ngân lên được thành thơ. Trước hết, *cảm xúc phải thành thật.* Thơ không kỵ gì cả. Có thể nói năng nhỏ nhẹ ngọt ngào trong thơ. Có thể chửi bới chát chúa phẫn nộ trong thơ. Miễn là thành thật. Có thể reo vui hân hoan như tiếng hát của trẻ thơ. Cũng có thể ngậm ngùi than thở quằn quại như tiếng khóc nghẹn vào trong của một người đã lớn. Có thể. Nhưng phải thành thật. Có thể sử dụng tất cả các phương thức biểu hiện trong ngôn ngữ, từ ẩn dụ đến hoán dụ, từ tả thực chân phương đến cường điệu bốc lên. Không sao cả. Miễn là thành thật.

Thời 30-45, có lắm người giẫy giụa gào thét trong thơ nhưng chỉ có một tiếng gào thét còn lại dư âm: Hàn Mặc Tử. Những người khác, còn chăng, chỉ là những tiếng thở dài. Hàn Mặc Tử tài hoa hơn? Chưa chắc. Chỉ tại ông đau đớn thật.

Thưa, tôi không dám say mê
Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyền
Bây giờ tôi dại tôi điên
Chắp tay tôi lạy cả miền không gian.

Đó không phải là những câu thơ hay. Hơi sáo, trong hình tượng. Hơi cường điệu, trong ý. Nhưng chúng vẫn khiến người đọc, từ mấy chục năm nay xao xuyến mãi. Chủ yếu vì cảm xúc ấy là cảm xúc thật. *"Mỗi lời thơ đều dính não cân ta"* (Hàn Mặc Tử).

Câu thơ thường được truyền tụng của Nguyễn Khuyến:

Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua không phải không tiền không mua.

cũng không phải là câu thơ hay. Nguyễn Khuyến bịa. Nhưng tình lại là tình thực, nhất là khi nó được dẫn trong cả mạch thơ rất mực chân thành:

Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác
Tôi bị đau trước bác mấy ngày
Làm sao bác vội về ngay
Chợt nghe tôi bỗng chân tay rụng rời.
Ai chẳng biết chán đời là phải
Vội vàng chi đã mải lên tiên
Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua không phải không tiền không mua.

Cảm xúc không những cần thành thật mà còn cần tinh tế. Tinh tế để khám phá ra những nét riêng, khác, mới trong bộn bề những cảm xúc thoạt nhìn có hình dạng cứ hao hao giống nhau: hỉ nộ ái ố... Nhà thơ khóc nỗi đau của mình và qua đó, khóc giùm luôn nỗi đau của nhân loại, nhưng tiếng khóc của hắn phải có cái gì riêng để có thể dội mãi vào lòng người và không bị khoả lấp trong muôn ngàn những tiếng khóc ông ổng lồng lộng khác. Nhà thơ

phải thấy được những gì người khác không thấy, nghe được những gì người khác không nghe. Mắt nhìn hở hững chỉ thấy hoa. Hoa gì thì cũng là hoa. Nhà thơ là kẻ nhận biết *"Một hoa là một sắc hương"* (Nguyễn Công Trứ). Tai nghe lơ đễnh chỉ dừng lại ở những tiếng động chói, gắt. Chỉ có nhà thơ là nghe được tiếng lá rơi *"Lá rơi thềm đá lạnh. Ngân nhẹ tiếng vàng khô"* (Quách Tấn). Nghe ra tiếng ngân vàng khô ấy đã giỏi. Song có người còn tinh hơn *"Ngoài thềm rơi chiếc lá đa. Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng"*. Lại có người nghe được tiếng hoa "hát": *"Vừa thoáng nghe em hát. Lời ca em thiên thâu"* (Quách Thoại). Rồi lại có người nghe cả những tiếng nói thầm của vũ trụ:

Em hãy làm thinh chớ nói nhiều
để nghe dưới nước đáy hồ reo
để nghe tơ liễu run trong gió
và để nghe trời cất nghĩa yêu.

(Hàn Mặc Tử)

Không những nghe, thấy; nhà thơ còn gởi gấm lòng mình vào với mọi cảnh vật của thiên nhiên, nội-tâm-hoá ngoại cảnh khiến ánh nắng chiếu vàng vọt kia thành ra tâm sự nhớ nhung của mình *"Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung"* (Huy Cận); thành ra tâm sự bâng khuâng của mình: *"Nắng nhỏ bâng khuâng chiều lỡ thời"* (Xuân Diệu); thành ra niềm vui của mình: *"Nắng đọng lời chim ca"* (Quách Tấn); thành ra rưng rưng nỗi cô đơn quạnh quẽ của mình: *"Nghe nắng tàn run rẩy bóng cây khô"* (Nguyễn Đức Sơn). Rồi còn mưa nữa. Mưa cũng cưu mang biết mấy tâm sự của người. Có thứ mưa đau đớn buông xuống trần gian như những dấu chấm than (!) thảng thốt: *"Trời da thi thể mưa ngùi chấm than. Hiên ga nhỏ giọt cường toan. Xuống tim quần quại hàng hàng ưu tư"* (Tô Thùy Yên). Có thứ mưa tê buốt một nỗi chán chường: *"Gió mưa ẩm đục xô đầy trong tim"* (Cung Trầm Tưởng). Có thứ mưa bồi hồi: *"Giọt mưa thu, dạ khách đầy vơi"* (Tản Đà). Có thứ mưa mang mang gợi nhớ quãng đời cô đơn buồn tênh của mình: *"Nghe trời nồng nặng nghe ta buồn buồn. Nghe đi rời rạc trong hồn. Những chân xa vắng dặm mòn lẻ loi"* (Huy Cận).

Không có mưa, không có nắng? Thời nhà thơ sẽ tạo ra một thứ thời tiết riêng:

Trời không nắng cũng không mưa
Chỉ hiu hiu rét cho vừa nhớ nhung

(Hồ Dzếnh)

Có ai, trong đời, lại không một lần nhớ nhung? Nhưng chỉ dưới ngòi bút những nhà thơ tài hoa, người ta mới thấy nỗi nhớ nhung hiện ra với biết bao sắc thái, cung bậc và âm điệu khác nhau góp phần làm cho tâm hồn nhân loại giàu có thêm lên gấp bội.

Ở Nguyễn Công Trứ, nỗi nhớ thấp thoáng một chút tinh nghịch:

Trăng soi trước mặt ngờ chân bước
Gió thoảng bên tai ngỡ miệng chào.

Ở Tú Xương thì có sự khắc khoải :

Nước biếc non xanh coi vắng vẻ
Kẻ đi người lại dáng bơ vơ.

Ở Tản Đà thì có sự bực dọc, tự mình hờn mình:

Quái lạ! Làm sao cứ nhớ nhau.

Ở Xuân Diệu thì có sự quay quắt xốn xang:

Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.
Anh nhớ em. Anh nhớ lắm, em ơi.

Ở Quang Dũng thì bâng khuâng một cách nhẹ nhàng:

Thương nhớ ơ hờ thương nhớ ai.

Nguyễn Bính đằm thắm hơn song nỗi nhớ cồn cào dai dẳng biết bao nhiêu:

Trời còn có bữa sao quên mọc
Anh chẳng đêm nào không nhớ em.

Không có nỗi nhớ nào tê tái đến não nuột như nỗi nhớ của Phạm Thái lúc xa Quỳnh Như:

Buồn đốt lò vàng hương nhạt khói
Sầu nâng chén ngọc rượu không hơi.

Người ta hay nhắc đến nỗi nhớ đến ngẩn ngơ của Tự Đức (hay Nguyễn Gia Thiều?) lúc Thị Bằng chết:

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xấp tàn y lại để dành hơi.

Câu thơ hơi hơi có chút "khẩu khí" song vẫn đẹp và dễ làm xúc động lòng người. Thủ khoa Nghĩa có câu thơ khóc vợ tha thiết hơn và cũng chân thành hơn:

Có linh chín suối đừng xao lãng
Thỉnh thoảng về thăm lúc nửa đêm.

Nhà thơ là người, đi tìm trong những cảm xúc chung vốn có ở mọi người, một nét riêng của mình. Nguyễn Đức Sơn nói, làm thơ là tìm kiếm *"những gì phức biệt có riêng tôi"*. Nhà thơ phải dựng lên, cùng với thơ, một cá tính. Ngoài đời có thể có những vườn hoa mênh mông chỉ một loài hoa. Trong thơ thời không. Ở đó, *"một hoa"* phải là *"một sắc hương"*.

Tuy nhiên, trong thơ lại có một qui luật khác: *Cảm xúc trong thơ vừa rất đặc thù giữa muôn vàn những bài thơ khác nhưng không thực xa lạ với cảm xúc chung của nhân loại.* Nhà thơ đi sâu hun hút tận cùng bản ngã của mình không phải chỉ để gặp chính mình mà còn để gặp cái chung nhất trong nỗi niềm của con người.

Hãy đọc lại những câu thơ viết về nỗi nhớ nhà trích ở trên. Chúng khác nhau biết là ngần nào. Như hoa hồng và hoa mai. Như

hơi khói và làn mây. Nhưng chúng lại gần gũi với tâm trạng của chúng ta biết là ngần nào. Mỗi người, trong hoàn cảnh nào đó, với mức độ nhớ nhung nào đó, có thể tìm thấy trong đó một tiếng nói sâu lắng của chính mình.

Làm thơ là đi vào cùng tận cõi riêng. Nhưng đọc thơ là để tìm đến một niềm chung. Để được đồng cảm với nhau.

Quách Thoại quả có lý khi nói *"Ô, con người thế kỷ ở trong tôi."* Xuân Diệu, thời tiền chiến, cũng có một quan niệm không khác mấy: *"Nghìn trái tim trong một trái tim"*. Và hình như, trước đó, Victor Hugo cũng từng nói: *"Lầm lẫn thay, nếu anh tưởng tôi không phải là anh."*

Cho nên, có khía cạnh thứ hai của sự tinh tế: *nhà thơ phải phát hiện được tâm sự chung của thế hệ, của thời đại mình.* Thơ của những nhà thơ lớn không chỉ phản ảnh một nỗi niềm riêng mà còn, qua đó, long lanh sáng chân-dung-cảm-xúc của cả một lớp người. Không phải sao? Chỉ một hai câu thơ của thiền sư Không Lộ ngày nào :

Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư
(Có khi đỉnh núi trèo lên thẳng
Một tiếng kêu vang lạnh cả trời.)

đủ nói lên cả hùng khí một thời đại vừa giành được độc lập, đang phơi phới niềm tin.

Ngược lại, hai câu thơ của Đặng Dung lại nói lên tâm sự của cả một giai đoạn lịch sử tuy lửa vẫn rực đỏ giữa lòng người nhưng lịch sử chừng như chưa sáng tỏ một đường đi.

Quốc thù vị báo đầu tiên bạch
Kỷ độ long tuyền đái nguyệt ma
(Thù trả chưa xong đầu đã bạc
Dưới trăng bao độ tuốt gươm mài.)

Cái mới trong cảm xúc của chúng ta ở thế kỷ này là gì? Là sự bâng khuâng. Là cái sầu vô căn cớ. Người xưa có lẽ điềm đạm mực thước và duy lý lắm. Với họ, buồn là buồn; vui là vui. Vui hay buồn đều có lý do cả. Không vì thế sự thời cũng vì sự long đong của bản thân. Tản Đà là người đầu tiên, trong thế kỷ này, sáng tác ra một "người tình nhân không quen biết", một nỗi nhớ không cụ thể một chỗ bám vào; một nỗi buồn không rõ ngọn ngành nơi khêu. Tản Đà là người đầu tiên cứ đứng ngẩn ngơ giữa đường mà nhớ bâng quơ, mà buồn bâng quơ:

Con đường vô hạn, khách đông tây
Ta nhớ ai mà mãi đứng đây.

Sau này, trong cùng chiều hướng Tản Đà vạch, Xuân Diệu còn đi xa hơn:

Hôm nay trời nhẹ lên cao
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn.

Cái buồn "không hiểu vì sao tôi buồn" ấy là đặc trưng nổi bật nhất của dòng thơ tiền chiến thời 30-45. Cũng là đặc trưng cơ bản nhất trong tâm sự những người thời ấy. Lúc đầu nỗi buồn còn man mác nhẹ nhàng với Thế Lữ, Lưu Trọng lư, Xuân Diệu, Huy Cận. Về sau, càng ngày nỗi buồn càng sâu, càng đậm, trở thành chán chường với Vũ Hoàng Chương. Cay đắng với Nguyễn Vỹ; khinh bạc với Thâm Tâm.

Có điều này khá lạ lùng ít ai để ý đến: chưa ai chối cãi Vũ Hoàng Chương nhiều tài hoa hơn Nguyễn Vỹ và Thâm Tâm. Tuy nhiên dòng cảm xúc buồn bã pha lẫn chán chường của Vũ Hoàng Chương rõ ràng là không có người thừa tự. Khiến ông sau này cũng trở thành lẻ loi. Trong khi đó, cái buồn tức tối chua chát quẫn quại trong "Gửi Trương Tửu" của Nguyễn Vỹ và cái buồn được thăng hoa lên thành một sự khinh bạc, ngạo nghễ, bất cần trong "Tống Biệt Hành" của Thâm Tâm lại trở thành mạch cảm xúc chính của mấy thế hệ về sau: Thơ 54-75 ở miền Nam phần lớn chới với giữa hai dạng buồn, hoặc cùng quẫn hoặc khinh bạc. Điều oái oăm là cả Nguyễn Vỹ lẫn Thâm Tâm, mỗi người đều chỉ có một bài thơ hay.

Cảm xúc cần thành thật và tinh tế. Thêm một điều kiện thứ ba nữa: *phải biết cách biểu hiện cảm xúc ấy ra thơ.* Có nhiều nguyên tắc. Ở đây, tôi chỉ dừng lại phân tích hai nguyên tắc tôi cho là quan trọng có nhiều ảnh hưởng đến giá trị của thơ nhất:

Một là, *thơ là một sự giãi bày chứ không phải là một sự tuyên bố.* Không phải tự dưng gào lên "Tôi buồn. Tôi buồn" là có thể thành thơ. Mà phải mô tả nỗi buồn ấy, làm nỗi buồn ấy hiện hình mồn một trong thơ. Đừng nói tôi khóc. Hãy làm cho người đọc thấy những giọt nước mắt lăn dài, ướt đẫm trong từng câu thơ. Đừng nói hoa hồng đẹp. Hãy làm cho người đọc thấy đang nở ngát giữa những dòng thơ anh một đóa hồng khoe sắc và tỏa hương.

Bùi Giáng nức nở khen bài thơ này của Ngân Giang:

Đêm Mưa

Gió mưa ướt áo đủ rồi
Sao còn ngấm lạnh lòng tôi thế này
Ốm đau đã mấy tuần nay
Nét cười đã với tháng ngày trôi xa
Giờ không gạn chút vui thừa
Tựa sông, quạnh vắng nhìn mưa rơi buồn
Nhờ ai chắp hộ mảnh hồn
Đã vì đau giận rũ tan khắp trời
Mưa rơi từng giọt mưa rơi
Lòng ai có lạnh như tôi thế này.

Thật tình, tôi đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần bài thơ này. Vẫn không thấy có gì xuất sắc. Ngân Giang tự hỏi *"Lòng ai có lạnh như tôi thế này?"* Song qua bài thơ, tôi không cảm được cái lạnh lẽo ấy. Ngân Giang cho mưa rơi đang *"ngấm lạnh"* vào lòng bà song tôi ngờ cái lạnh ấy chưa đủ ngấm vào trong thơ. Huy Cận thời khác. Cũng một tựa đề "Đêm Mưa"; cũng một cảm giác: cái lạnh; nhưng Huy Cận lại làm người đọc thấy và cảm nhận được cái lạnh ấy:

Đêm mưa làm nhớ không gian
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la
Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng nghe ta buồn buồn
Nghe đi rời rạc trong hồn
Những chân xa vắng dặm mòn lẻ loi
Rơi rơi... dìu dịu rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nối lời vu vơ...

Rất ít thanh trắc. Rất nhiều thanh bằng. Hơi thơ nhẹ thật nhẹ: mưa rơi âm thầm. Hơi thơ ngân dài thật dài: mưa rơi lê thê suốt đêm.

Người ta có thể gặp một ví dụ tương tự khi so sánh bài "Buổi sớm" của Trụ Vũ:

Buổi sớm dang tay ôm vũ trụ
Tức thời tôi hóa cánh hoa mai
Màn che cửa sổ không còn nữa
Tôi nhập hồn hoa ý mãn khai.

và bài "Thược Dược" của Quách Thoại :

Đứng im bên hàng giậu
Em mỉm nụ nhiệm mầu
Lặng nhìn em kinh ngạc
Vừa thoáng nghe em hát
Lời em ca thiên thâu
Ta sụp lạy cúi đầu.

Trụ Vũ nói *"Tôi nhập hồn hoa", "Tôi hoá cánh hoa mai"* nhưng trong bài thơ, ông là ông và hoa vẫn cứ là hoa. Những câu nói ấy chỉ là những ý nghĩ chứ không được chứng hiệu một cách cụ thể. Chúng trở thành khoa trương. Ở bài "Thược Dược" thời ngược lại. Có hai nhân vật: người và hoa, nhưng suốt 5 câu đầu, chủ từ chỉ người ("ta" hay "tôi") bị giấu đi. Ngỡ chỉ có hoa. Và hoa cũng không thuần túy là hoa. Hoa là "em", nghĩa là một con người. Nhà thơ không nhìn hoa. Nhà thơ nhập hồn vào giữa lòng hoa để nghe hoa "hát"; tiếng hát của thiên nhiên, của trời đất và của muôn đời.

Một bài thơ khác của Trụ Vũ cũng khá tiêu biểu cho một kiểu thất bại trong thơ: bài "Ý nghĩa cao xanh":

Nơi cõi cuối cùng của đời sống
dẫu là hư ảo — thế nhưng anh
vẫn yêu em với tình trường cửu
và đó là ý nghĩa cao xanh.

Có đủ hết các yếu tố bên ngoài của một bài thơ: âm, vần, niêm, nhịp... song đó vẫn chưa phải là một bài thơ. Nó là một thứ văn xuôi trá hình. Khuyết điểm này cũng dễ thấy ở vô số các nhà thơ khác. *Họ làm thơ bằng một ý nghĩ chứ không bằng một cảm xúc.* Họ dừng lại ở nửa vời trong quá trình làm thơ: không đợi ý nghĩ dâng trào lên thành những rung cảm xôn xao trong lòng mình. Có thể ví bài thơ như một thứ trái cây. Có hình dạng. Có "thịt". Có hương vị. Hình dạng trái cây là hình tượng trong bài thơ. "Thịt" trái cây là tư tưởng. Hương vị là cảm xúc. Có người vội vã chỉ hái trái còn xanh, chỉ có "thịt" — một ít tư tưởng sống chát — chứ chưa có hương vị ngọt ngào của cảm xúc. Buồn thay hiện tượng "quả xanh" ấy luôn luôn có quá nhiều trong thơ. Của ta. Của người. Ngày xưa. Bây giờ.

Nguyên tắc thứ hai trong vấn đề biểu hiện cảm xúc: *phải nén cảm xúc lại, thật chặt trong thơ, để nổ bùng ra thành những dư âm day dứt không nguôi trong lòng người đọc.* Cảm xúc không nên là một con nước tràn bờ, lấp lênh, tung toé mà nên là một thứ "chất nổ". Người xưa có khá nhiều kinh nghiệm trong vấn đề này, chỉ nói đến một kinh nghiệm phổ biến mà ngày nay chúng ta hay quên nhất: cách kết thúc một bài thơ. Chính những câu kết quyết định bài thơ tắt ngay hay cứ ngân nga mãi. Có lẽ nên so sánh hai bài thơ cùng tựa "Qua đèo Ngang" của Lê Thánh Tông và của bà huyện Thanh Quan để dễ thấy.

Lê Thánh Tông:

Bãi thẳm ngàn xa cảnh vắng teo
Đèo ngang lội bể nước trong veo
Thà là cúi xuống cây đòi sụt
Xô xát trông lên sóng muốn trèo
Lảnh chảnh đầu mầm chim vững tổ
Lanh chanh cuối vụng cá ngong triều
Cuộc cờ kim cổ chừng bao nả
Non nước trông qua vẫn bấy nhiêu.

Bà huyện Thanh Quan :

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá lá chen hoa
Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông rợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại trời non nước

Một mảnh tình riêng ta với ta.

Lê Thánh Tông quan sát tinh tế hơn bà huyện Thanh Quan. Bốn câu giữa trong bài thơ của Lê Thánh Tông là những câu thơ hay, có hình tượng đẹp, dù ngôn ngữ khá cổ. Tuy nhiên hai câu kết lại quá tệ *"Non nước trông qua vẫn bấy nhiêu"* hoàn toàn không hợp với cái nhìn trìu mến trước thiên nhiên ở mấy câu trên. Nó như một cái thở ra chán nản. Nó làm hỏng cảm xúc được gợi lên trong cả bài. Bà huyện Thanh Quan thời ngược lại. Bốn câu đầu chỉ là cảnh. Lại là cảnh khá mờ nhạt. Câu 6-7 mới le lói lên một chút cảm xúc ngậm ngùi, nhưng còn rất chung và hơi sáo. Cảm xúc nén lại ở hai câu cuối:

Dừng chân đứng lại: trời, non , nước
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Tự dưng chúng ta thương cho cái cô đơn của nhà thơ: tất cả thiên nhiên đều gắn bó hòa hợp với nhau "chen" vào nhau, tạo thành một khung cảnh ấm cúng để đẩy nhà thơ vào cực cùng của sự lẻ loi. "Tình riêng" của bà huyện Thanh Quan là tình gì? Chúng ta không biết. Chỉ có hơi thơ nhè nhẹ như tiếng thở dài của câu cuối cứ âm vang mãi trong hồn ta thành một niềm bâng khuâng không dứt.

Nói chung thơ bà huyện Thanh Quan thường hay ở câu cuối. Bà không phải là người có tài quan sát. Khung cảnh thiên nhiên trong thơ bà thường mờ nhạt. Nhưng bà biết cách gói cảm xúc mình lại, chỉ mở ra một lần, vào lúc kết và mở ra vừa phải, để người đọc cứ tiếp tục băn khoăn và bâng khuâng. Thời tiền chiến, Xuân Diệu rất ý thức trong việc sử dụng lại kinh nghiệm này. Nhiều bài thơ của ông lúc ấy kết thúc bằng những hình ảnh rất gợi âm vang:

... Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì.

(Đây mùa thu tới)

... Êm êm chiều ngẫn ngơ chiều
Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn...

(Chiều)

... Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ
Hoa bưởi thơm rồi: đêm đã khuya.

(Buổn trăng)

Huy Cận lúc ấy cũng vậy. Câu kết vừa hé ra một nỗi niềm liền bị chấm dứt ngay. Nhà thơ hơi hơi bất nhẫn; bắt người đọc cứ thao thức hoài với nỗi niềm lửng lơ kia.

... Gió về, lồng lộng không che
Hơi may hiu hắt bốn bề tâm tư...

(Buổi đêm mưa)

... Chân đang bước bỗng e dè, đứng lại
—ở giữa đường làng, mùi rơm, hoa dại...
(Đi giữa đường thơm)

... Lòng quê dờn dợn vời con nước
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.
(Trường Giang)

... Chiếu chăn không ấm người nằm một
Thương bạn chiều hôm sầu gối tay
(Vạn Lý Tình)

Thơ cũng như tình yêu. Sự sống thực sự của nó được tính trên chiều dài thời gian đọng lại trong hồn người. Nhiều người cạn nghĩ cứ thích đo giá trị thơ ở số câu, ở tầm vóc của vấn đề. Đâu phải. Có khi chỉ là một cái móng tay cũng làm thành sự trường cửu:

Sao em móng phượng để dài
Khiến ta đi khuất còn sai mộng về.
(Thi Vũ)

17-4-87
NGUYỄN HƯNG QUỐC

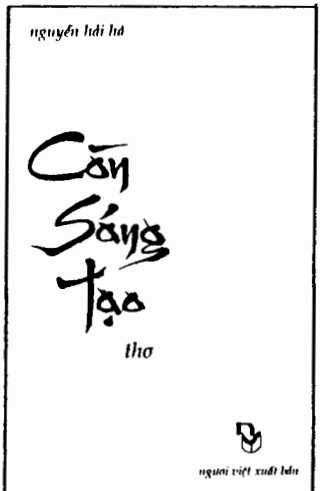

ĐÃ PHÁT HÀNH:

CÒN SÁNG TẠO
Thơ Nguyễn Hải Hà
Người Việt xuất bản

Bạn đọc yêu thơ muốn mua sách có chữ ký của tác giả, xin gửi check hoặc money order về địa chỉ:

Nguyễn Hải Hà
10104 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92643

Sách sẽ được gởi tới tận nhà.
Giá tại Hoa-Kỳ & Canada: $6.00
Các nơi khác thêm cước phí $1.00

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

NẮNG VÀNG

Thi tập của Phạm Miên Tưởng, Văn Nghệ Lưu Vong ,Uc đại lợi xuất bản 1987. Sách dày 66 trang gồm 28 bài thơ in lần đầu tiên ở Úc châu. Bạt của Nguyễn Tư, Giá mỗi tập 6 Uc kim.

CÒN SÁNG TẠO

Thi tập của Nguyễn Hải Hà. Người Việt xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1987. Sách dày 80 trang gồm 68 bài thơ in trên giấy quí. Thi tập thứ ba của Nguyễn Hải Hà được xuất bản. Giá tại Hoa kỳ 6 MK. Các nơi khác thêm 1 MK .Địa chỉ liên lạc : Nguyễn Hải Hà 10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA. 92643.

NƯỚC MẮT SÀI GÒN

Tuyển tập truyện ngắn của các tác giả Hà Thúc Sinh, Phan Tấn Hải, Nguyễn Nam Chi, Trần Hoài Thư, Tưởng Năng Tiến, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Ngọc Ngạn, Lê Hoàng Phú, Phan Thị Trọng Tuyến, Lê Đại Lãng. Sách do Nhân Văn xuất bản tại San Jose CA năm 1987. Sách dày 190 trang. Giá 7 MK. Địa chỉ liên lạc : Nhân Văn . PO Box 21638 San Jose CA. 95151.

VIỆT NAM ĐẤU TRANH 1930-1954

của Hoàng Tường, viết về quá trình cách mạng chống thực dân và cộng sản của các đảng phái quốc gia. Văn Khoa xuất bản tại Cali Hoa Kỳ năm 1987. Sách dày 190 trang. Giá 8.50 MK. Địa chỉ liên lạc :

Nhà xuất bản Văn Khoa
9433 Bolsa Ave, Suite A, Westminster CA. 92683

TRÀ KINH

của Vũ Thế Ngọc. Biên khảo về nghệ thuật thưởng trà trong lịch sử và văn hoá Đông phương. Sách do Eastwest Institute Press Calif. xuất bản năm 1987. Dày 200 trang. Giá 9 MK. Mai Anh tổng phát hành. Địa chỉ :

2148 Carobwood Ln , San Jose CA. 95132

CHUYẾN ĐI CỦA HUỲNH LÔ

Hồi ký vượt biển của Huỳnh Lô
Thất Sơn xuất bản tại San Diego CA năm 1987. Dày 72 trang. In hạn chế chỉ dành biếu thân hữu, không bán.

TẬP HỢP

Quí san của một nhóm những cây bút trẻ đầy nhiệt huyết ở Úc. Số

đầu chủ đề : Cộng sản và Nhân quyền gồm nhiều bài nghiên cứu và sáng tác giá trị nhiều tranh đấu tính. Địa chỉ liên lạc :

PO Box 266 Belmore. N.S.W 2192 Australia.

Giá biểu mua dài hạn : 1 năm : 12 Uc kim. 2 năm : 20 Uc kim. 3 năm : 30 Uc kim.

NHỮNG CƠN MƯA TRỞ VỀ

Tác phẩm đầu tay của Bùi Vĩnh Phúc in lần đầu năm 1981, Nhân Chủ tái bản năm 1987 tại Calif. Sách dày 152 trang, giá 7 MK. Minh hoạ và bìa của hoạ sĩ Nguyễn Đồng & Nguyễn thị Hợp. Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành. Địa chỉ liên lạc :

Văn Nghệ , PO Box 2301 Westminster CA. 92683 USA.

THƠ CAO TẦN

Tập thơ tiêu biểu của tâm trạng lưu vong của nhà thơ Cao Tần - Lê Tất Điều. Nhà Văn Nghệ in lại lần thứ ba năm 1987. bìa và phụ bản của Võ Đình. Dày 64 trang. Giá tại Hoa Kỳ 6 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí.

Địa chỉ liên lạc : Nhà xuất bản Văn Nghệ (xem trên)

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA

Tập truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc. Văn Nghệ tái bản tại Hoa Kỳ năm 1987. Sách dày 190 trang, giá tại Hoa Kỳ 8 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí.

TẠP LUẬN

Cuốn thứ tư trong bộ Võ Phiến Toàn Tập

Do Văn Nghệ xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1987 . Sách dày 350 trang. Giá tại Hoa Kỳ 14 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí.

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ

Tiểu thuyết của Nguyễn Hiến Lê

Cuốn tiểu thuyết duy nhất của nhà văn Nguyễn Hiến Lê lần đầu được xuất bản, do nhà Văn Nghệ in và phát hành năm 1987. Sách dày 225 trang. Giá tại Hoa Kỳ 9 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí.

NGƯỜI ĐI TRÊN MÂY

Truyện dài của Nguyễn Xuân Hoàng

Tập 1 trong bộ truyện ba tập do Người Việt xuất bản năm 1987. Sách dày 250 trang. Giá tại Hoa Kỳ 10 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí.

Địa chỉ liên lạc : Người Việt Inc , 14841 Moran St Westminster, CA. 92683 USA.

MÂY BAY

Thi tập của Tạ Tỵ

Do Bội Điệp trình bày và thực hiện gồm những bài thơ làm trong tù và một số bài tác giả làm từ 1981. Chỉ ấn hành 100 bản dành tặng thân hữu và những người yêu thơ, không bán.

BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Lần em, về đến Cali, Nhắc nhau một thuở ấu thời (thơ NYT), Ngọn nến người mất ngủ, Lờ gửi Sài gòn (thơ NMT), Bản tin Đại Nam News, Bản tin Đông phương, Tô thị (thơ ĐTT), Thư ngỏ của TVHN. Ngày xưa sinh nhật (thơ ĐTQP), Cõi ngoài (truyện ĐPQ), Nói chuyện thơ 4 ,5 (của ĐQT), Những đứa con của Mẹ, Thằng Ngọc (truyện NTNL), Chiều bên cửa, Bên cửa sổ (thơ TS), Đi làm cu li ở đường Iberville...(thơ LH), Trưa tháng 5 (thơ TQ), Tắm khô, Những khi ngôn ngữ nở thành hoa...(thơ NY), Tự thú, Định nghĩa , Tuyệt vọng (thơ NQ), Lạc lối, Bên bờ Connecticut (thơ CP), Người ăn xin trẻ, Thơ khoảng cuối thập niên 80, Bệnh hành, Sớm mai của mọi ngày (thơ NHN), Lòng em đã đỏ, Dạ khúc, Thơ mùa thu cũ (thơ NTMT), Tôi như đàn nguyệt, Sáu đoản thơ là, Tương tư của mùa xuân cũ (thơ NND), Mười mấy năm, Thế giới chúng ta, Nhật (thơ HXS), Từ một di niệm (thơ NĐBN), Mai về trong tù đất (thơ NY), Trăng vẫn xanh như ngọc (thơ HST), Still Confined tài liệu của Asia Watch, Chiều tâm lượng (thơ NXH), Ca dao lưu vong, SEgovia đã mất (bài của TN), Trận địa lún (truyện của LMH), Trong khi chờ mở mắt (thơ NY), Chung quanh cuốn hồi ký VNMLQHT (bài của TT), Yêu em xứ thuyết (truyện KT), Chuyện tình (truyện VHQ), Niềm mơ ước lặng thầm (thơ TTNS).

Trân trọng cảm tạ các văn hữu. Trừ thơ, những bài khảo cứu hoặc truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ xin thông báo quí vị bằng thư riêng hay điện thoại , để quí vị khỏi gửi cho báo khác. Văn Học gắng không đăng trùng bài với báo khác, nên nếu quí vị gửi bài đồng thời cho nhiều báo, xin cho VH biết để tiện sắp xếp.

Cáo lỗi : *Vì có nhiều bài vở thuộc chủ đề Văn Nghiệp Bình Nguyên Lộc cần đăng ngay trong số này, nên Văn Học xin hoãn lại một kỳ các bài sau đây :*

* *"Hồi ký Ánh sáng và Bóng tối" của Hoàng Liên*
* *"Xu hướng nhạc tình" của Phạm Duy*
* *"Thế giới nhân vật của Võ Phiến" của Nguyễn Mộng Giác*
* *Thời sự Văn học Nghệ thuật của Nguyễn Văn*
* *Cùng một số bài điểm sách của Thụy Khuê, Nguyễn Mạnh Trinh, và thơ truyện khác nữa. Trân trọng cáo lỗi cùng các tác giả và bạn đọc.*

BÁC SĨ
HUỲNH HỮU CỬU

Diplomate American Board of Ophthalmology

*** TRỊ BỊNH MẮT**
*** GIẢI PHẪU MẮT**
*** LÀM KIẾNG**
*** SOFT CONTACT LENS**

9559 BOLSA AVE., SUITE B
WESTMINSTER, CA 92683
Góc Bushard trên lầu Bolsa Mini Mall
ĐT: (714) 531-9401

GIỜ LÀM VIỆC:
9:30 sáng đến 5:30 chiều
Nghỉ sáng Thứ Tư và Chủ Nhật

XIN LẤY HẸN TRƯỚC
(Thứ bảy đến 3 giờ chiều)

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG,DDS.

9251 Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
(714) 895-1246
Khu chợ Tân Hưng- Ngọc Diệp

NHA KHOA TỔNG QUÁT - CHỈNH NHA

Hành nghề từ từ năm 1968 tại các bệnh viện Chợ Rẫy, Nguyễn văn Học và Phòng Nha khoa tư tại Phú Thọ, Sài gòn.
Kiên nhẫn với trẻ em, dù là trẻ em khó tính

ĐẶC BIỆT : NHA KHOA THẨM MỸ

Orthodontics: (Chỉnh răng và chỉnh hàm) Hoàn chỉnh mọi trường hợp răng mọc lệch lạc, khấp khểnh, không đều, hô, móm..., bằng phương pháp mang niềng răng(braces), hay mang bộ chỉnh hàm (functional orthodontic appliances).
Cosmetic Bonding :Thay men răng bị đổi màu, đắp, vá các răng sứt mẻ, dị dạng, làm khít kẽ răng thưa...
Nha khoa tổng quát : Khám định kỳ, làm sạch , chữa, trám và nhổ răng.

Giải phẫu răng khôn mọc lệch, răng ngầm.
Điều trị và giải phẫu bệnh nướu răng.
Răng giả các loại.

BÁC SĨ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL
MEDECINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA
BỆNH PHỔI

* *Bệnh nội khoa : Tiểu đường- Máu cao.v.v..*
* *Bệnh phổi : Ho- Suyễn- Đau ngực- Lao- Khó thở*

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường: 9- 12 AM & 1- 6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM ***Tel : (714) 641. 0263***
2720 S. Bristol St Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn phòng Los Angeles
304 S. Broadway St # 534 Los Angeles CA. 90013
(Góc Broadway và đường số 3rd Downtown)
(213) 621. 7622

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA. 92 641 (Góc Chapman & Brookhurst)
(714) 537. 8771 (mở cửa cả ngày thứ Bảy)

Văn phòng San Jose
586 N. First St, Suite 222, San Jose CA.
(408) 292. 7993 & 1. 800. 445. 2930

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Án mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L. A County xin gọi Collect.*

Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.

Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.

Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.

TRUNG TÂM
TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC
BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.
California, 92683.
Phone : (714) 531. 8833.

Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng ..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng ..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 80 MK

Đính kèm số tiền : .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

VĂN PHÒNG KẾ TOÁN
THUẾ VỤ và AUDIT

LEE & LUU, CPAs

(Le Huu Em & Tony Luu)
CERTIFIED PUBLIC ACCOUNTANTS
Hội viên AICPA, DCICPA, MDICPA, VAICPA

Đảm nhận tất cả các dịch vụ kế toán và thuế vụ (Accounting and Tax Services)
Đảm nhận khai thuế lợi tức liên bang và các tiểu bang vùng D.C, VA, MD, CA. NY cho cá nhân, hợp tư và công ty (mẫu 1040, 1065, 1120).

ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG
3179 Wison Blvd Suite 1, Arington VA. 22201
***Điện thoại văn phòng** : (703) 528.5404*
***Điện thoại tư gia** : (703) 533.8617 & (301) 762.4557*

GIỜ LÀM VIỆC MỖI NGÀY :
Mỗi ngày từ 9.30 AM — 6.30 PM.

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X
in tại NVPRINTING (714) 897-3628

Giá tại Hoa Kỳ : 3 Mỹ kim

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

TÁC PHẨM IN NĂM 1987

ĐÃ IN

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ
tập truyện Mai Kim Ngọc

XUÔI DÒNG
tập truyện Nguyễn Mộng Giác

TRUYỆN NGẮN I
tập truyện Võ Phiến

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI
truyện dài Lê Tất Điều

THƠ CAO TẦN
thi tập Cao Tần

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA
tập truyện Bình Nguyên Lộc

TẠP LUẬN
Võ Phiến

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ
tiểu thuyết Nguyễn Hiến Lê

VÒNG ĐAI XANH
tiểu thuyết Ngô Thế Vinh

TUẦN TỦ
Giản Chi & Nguyễn Hiến Lê

TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT
KINH DỊCH
Nguyễn Hiến Lê

XỨ SẤM SÉT
tuyển tập Võ Đình

NỤ CƯỜI TRE TRÚC
tạp truyện Kiệt Tấn

CON SUỐI MÙA XUÂN
tập truyện Võ Hồng

VÒNG TRÒN TRONG VÒNG TRÒN
tập truyện Thế Giang

MÙA BIỂN ĐỘNG
(cuốn 3 tập hạ)
Nguyễn Mộng Giác

TẠP CHỦNG
tập truyện Hồ Trường An

BUỒN NHƯ ĐỜI TA
(Thi tập)
thi tập Định Nguyên

YÊU CON, DẠY CON
NÊN NGƯỜI VIỆT NAM
Đỗ Quý Toàn

CŨNG CẦN CHO HẠNH PHÚC
(Trường thi)
Nguyễn Tất Nhiên

SẼ IN

TÙY BÚT II
TIỂU THUYẾT I
VĂN HỌC MIỀN NAM 54-75
(Thi ca)
Võ Phiến

Bạn muốn có chữ ký của các tác giả có sách in ở Văn Nghệ xin liên lạc về nhà xuất bản. Thư về nhà xuất bản để nhận thư mục

Giá tại Hoa Kỳ : 3 Mỹ kim